

CUỘC ĐỜI CỦA MILAREPA

TTT-15-2544/12-2000

MILAREPA

Tiểu Sử của Đại Đạo Sư Milarepa
Thiền giả Một Đời Thành Phật
Chỉ Ra Con Đường Giải Thoát và Toàn Giác

**MỘT BẢN DỊCH MỚI TỪ TIẾNG TÂY TẠNG BỞI
LOBSANG P. LHALUNGPA**



THIỆN TRI THỨC

THE LIFE OF MILAREPA

A New Translation from the Tibetan by
LOBSANG P. LHALUNGPA
ARKANA, 1992

MILAREPA

**ĐẠI THIÊN GIẢ MỘT ĐỜI THÀNH PHẬT
CỦA TÂY TẠNG**

MỘT BẢN DỊCH MỚI TỪ TIẾNG TÂY TẠNG BỞI
LOBSANG P. LHALUNGPA

THIỆN TRI THỨC, 2000

MỤC LỤC

Giới Thiệu Mở Đầu	9
Lời Mở Đầu	51
PHẦN 1	
Chương Một	
Ra Đời	63
Chương Hai	
Thời Niên Thiếu	75
Chương Ba	
Ác Hạnh	83
PHẦN 2	
Chương Một	
Tìm Cầu Pháp	107
Chương Hai	
Những Thử Thách	117
Chương Ba	
Những Quán Đảnh và Giáo Huấn	153

MỤC LỤC

Chương Bốn	
Thiền Định	159
Chương Năm	
Thiền Định	179
Chương Sáu	
Thiền Định	199
Chương Bảy	
Thiền Định	209
Chương Tám	
Những Chốn Ẩn Tu	269
Chương Chín	
Niết Bàn	279
Phụ Chú	349
Kết Từ.....	353
Chú Thích của Dịch Giả	357



GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

Lobsang P. Lhalungpa

Tôi còn nhớ kinh nghiệm thời nhỏ khi nghe cuộc đời của Milarepa trong hình thức những chuyện dân gian ở miền nam Tây Tạng, tỉnh quê nhà của Marpa. Sự ngưỡng vọng sâu xa khởi lên trong tôi về ý muốn của ngài hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình để giúp đỡ mẹ ngài và quyết tâm bắt tử về sau để cứu vớt con tàu sắp đắm của số phận riêng ngài, con tàu mà sau đó đã mang vô số người an toàn vượt qua biển cả sanh tử.

Với người Tây Tạng và những Phật tử những vùng cao nguyên Á Châu và Hy Mã Lạp Sơn, thì Mila, mặc dầu ngài sống vào thế kỷ thứ mười hai, không phải là một huyền thoại mà là một hình dáng sống động – hiện thân của sự tuyệt vời tối thượng cũng như là người cha của những vị thầy giác ngộ. Trong mười ba thế kỷ lịch sử Phật giáo Tây Tạng, chưa bao giờ có một con người như vậy, người không những gây cảm hứng cho lớp thượng lưu trí thức và những người có uy tín về tâm linh, mà còn làm say mê trí tưởng tượng của dân chúng bình thường.

Đối với những người trong chúng ta đọc cuộc đời và những bài ca của ngài như sự mô tả chân thật của giải thoát, và những người cũng đã nhận sự trao truyền bí mật những giáo lý cao

cấp mà ngài đã đóng góp rất nhiều, Milarepa có ý nghĩa lớn lao trong đời sống chúng ta. Kinh nghiệm giác ngộ được thâm lắng lại trong một dòng hầu như không đứt đoạn trong truyền thống cho đến ngày nay, dù có trải rộng ra nhiều phần khác của thế giới hiện đại.

Khắp cả Tây Tạng Milarepa được tôn kính rộng rãi. Những hình tượng của Milarepa, bằng tượng hay hình vẽ, được thờ trong các chùa và trong nhà. Những người kể chuyện lang thang hát lên cuộc đời của Milarepa, minh họa câu chuyện của họ bằng những cuộn giấy vẽ tranh. Cả sự kể chuyện và những bài ca đều giản dị, đầy những đặc ngữ dân gian, những ẩn dụ đời thường, và những thành ngữ khôi hài. Những repa – những người mặc áo vải – hát những bài ca của Milarepa khi họ lang thang qua những làng khắp đất nước. Những vở nhạc kịch dân gian mô tả những biến cố chính của cuộc đời ngài. Những đặc trưng mảnh khảnh, hiền lành và màu da xanh nhợt trong những bức thanka và tranh vẽ ngược lại một cách lạ lùng với sự bền bỉ rắn chắc phi thường về thể xác và sự trung thành kiên cố với Chân Lý của ngài.

Trong một số phương diện quan trọng, tiểu sử của Milarepa giống cuộc đời của đức Phật, mười hai biến cố chính của đời đức Phật tương đương với mười hai chương của cuộc đời Milarepa. Cả hai vị Thầy đã viện đến những hành động từ bỏ và khổ hạnh cùng cực có tính bi kịch như những nâng đỡ, hỗ trợ cho sự tìm cầu của các ngài, dù vì những lý do khác nhau và dưới những hoàn cảnh trái ngược nhau. Mục tiêu của đức Phật là tìm kiếm một đường lối mới mẻ, thực tiễn để loại bỏ những khổ khổ của nhân loại và những nguyên nhân tạo nghiệp của họ. Còn mục tiêu của Milarepa, ít ra là lúc ban đầu, là

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

cứu thoát chính mình khỏi sự sợ hãi những hậu quả tự nhiên của những tội lỗi của ngài.

Ngoài sự việc “bậc vĩ đại nhất của các vị thánh (Phật giáo)”, Milarepa giữ một vị trí trung tâm trong lịch sử Phật giáo ở Tây Tạng. Cho đến thế kỷ thứ chín, ảnh hưởng của Phật giáo đối với pháp phù thủy của những tôn giáo cổ thời trước đó là không ổn định. Với Milarepa sự du đưa đó bắt đầu hướng hẳn về sự chứng ngộ năng lực bên trong qua thiền định. Kagyupa, Dòng Khẩu Truyền đã duy trì một cách trung thành truyền thống thiền định này cho đến ngày hôm nay. Nyingmapa, Dòng Bí Truyền Cổ, cũng nhấn mạnh sự thực hành thiền định.

Mặt khác, có những vị thầy xem một nền tảng trí thức trong sự tu hành Phật giáo là cần thiết. Một vị như vậy là đại Sakya Pandita, một trong những nhà sáng lập phái Sakya, Dòng Đất Trắng. Và ba trăm năm sau Milarepa, ngài Tsongkhapa không gì sánh đũa cho Phật giáo Tây Tạng một chiều sâu và sức năng động trí thức mới khi ngài nâng những nghiên cứu Phật giáo đến một chiều sâu chưa từng có trước đó qua sự làm hồi sinh kỷ luật tu viện và sự thanh tịnh của giới luật. Phong trào này, được biết với tên là Gelukpa, Dòng của sự Tuyệt Hảo, là dòng của đức Dalai Lama thuộc vào.

Cuộc Đời của Milarepa, trên tổng thể, là một tiểu sử chân thật, một vở kịch trình tự nghi lễ kể lại những biến cố ý nghĩa trong việc học tập của Mila hơn là những bình giải của ngài về chúng. Câu chuyện không che dấu biểu lộ sự hiểu biết sâu sắc về tâm lý học con người nhưng không có sự phân tích những cảm nhận của Mila, không có giải thích những nghịch lý trong đó, chẳng hạn như thái độ đối xử của Marpa với học trò của mình, nó chỉ được nói ra cho đến khi chính Marpa làm một

tổng kết ngắn, giống như thường xuất hiện một cách quy ước trong những trang cuối của một truyện trinh thám.

Sự chỉ dạy trong *Cuộc Đời* rất cô đọng. Những bài thuyết pháp thì ít và hầu hết được giảng trong thể kệ thơ bình dân, không tinh vi phức tạp. Những đệ tử của Milarepa được đề cập lần đầu tiên trong một chương ngắn gần cuối sách, sau khi Đạo sư cho một danh mục những hang động nơi ngài đã thiền định, người kể tiểu sử ngài nêu một câu hứa hẹn “Bây giờ tôi sẽ mở rộng một chút về cuộc đời của Đạo sư.” Nhưng sau đó chỉ là một danh sách tên những đệ tử chánh, với những chi tiết về nơi Đạo sư đã gặp gỡ họ. Như thế tính cách và lối văn như kịch của *Cuộc Đời*, như một tán thán nỗ lực tâm linh hơn là một diễn tả về nó, đã được giữ gìn.

Trong ba chương đầu, câu chuyện nói đến những sự việc xấu xa nhất của cuộc đời, bày cho thấy con người dễ dàng làm nạn nhân cho sự ích kỷ, tham lam và khoe khoang và thậm chí phải lừa đảo và làm những hành động độc ác xấu xa nhất như thế nào. Sau khi cha mất, Milarepa và gia đình bị chú thím tước đoạt tất cả tài sản, hành hạ như tòi tó, sau đó là việc bỏ nhà ra đi của Mila theo mong muốn của mẹ, học pháp phù thủy và tiêu diệt những kẻ thù và mùa màng của dân làng. “Đây là cách thầy đã tích tập những nghiệp xấu từ sự trả thù những kẻ thù của thầy.” – Phần Một của *Cuộc Đời* chấm dứt như vậy.

Những hậu quả luân lý của những tội lỗi dần dần trở nên rõ ràng trong Milarepa với sự hấp hối nhúc lòng và một sợ hãi thiêu đốt về những hậu quả ngài phải đối mặt trong những đời tới – quay tròn lòng vòng hơn nữa trong những hành động hủy

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

hoại, chấm dứt một cách không tránh khỏi trong sự hoại diệt những cơ hội trốn thoát của ngài. Sự thiếu thốn một định chế luật pháp của công lý xã hội càng có vẻ tỏ rõ sự chắc chắn rằng Milarepa sẽ không và sẽ không thể trốn thoát những hậu quả của nghiệp từ những hành động chống lại đạo lý. Với cùng một quyết tâm không lay chuyển như khi ngài tìm kiếm những bí mật của huyền thuật hắc đạo, bây giờ ngài bắt đầu cuộc tìm kiếm con đường giác ngộ và giải thoát.

Suốt trong *Cuộc Đời*, lời dạy về luật nhân quả nghiệp báo được Milarepa trình bày cho những học trò của mình theo đúng cách này, như một ý tưởng mà hành giả phải bắt đầu với nó, và nó có ý nghĩa ở nhiều cấp độ khác nhau của đường đạo. Với Milarepa nó biểu trưng sự thức tỉnh lần đầu tiên của ngài đối với cảm thức về một trật tự sâu hơn của đời sống, một sự kêu gọi từ cấp độ khác. Sự kêu gọi này đến với cái mà bản văn gọi là “tôn giáo”, “Đạo” xuất hiện cùng với một chấn động khủng khiếp của nhận thức. Suốt một thời gian người ta đã tuân theo tiếng nói sai lầm, và điều này được thấy và cảm nhận. Giai đoạn hai của cuộc đời Milarepa bắt đầu :

Thầy ngập đầy hối hận cắn rứt vì cái ác thầy đã làm bằng huyền thuật và những trận mưa đá. Sự mong mỏi của thầy đối với giáo lý quá ám ảnh đến nỗi thầy quên ăn. Nếu thầy đi ra, thầy muốn ở lại. Nếu thầy ở nhà, thầy muốn đi ra. Ban đêm giấc ngủ trốn đâu mất. Thầy tự hỏi không ngừng và tha thiết bằng phương tiện nào thầy có thể thực hành giáo pháp chân thật.

Sự từ bỏ quyết liệt của Milarepa thì trái ngược sâu sắc với sự từ bỏ bên trong mà Lama Marpa đã lựa chọn. Với cả hai Marpa và Milarepa cũng như với mọi Phật tử, những lạc thú

giác quan và những quan tâm của sanh tử chắc chắn không có lợi lạc chân thật. Trong trường hợp những người quy ngã một cách mạnh mẽ, sự từ bỏ một đời sống bên ngoài bình thường có thể là một sự chữa trị chấn động, một phương tiện quyết liệt để tháo bỏ sự bóp chặt của chấp ngã và nhờ đó đưa lên trí huệ cao hơn, những nhìn thấy thấu suốt mới mẻ và rất ráo đưa vào thực tại đằng sau những hình tướng. Cuộc đời và sự tìm kiếm Pháp, dù qua từ bỏ những tiện nghi hay qua phương tiện nào khác, là không tương hợp với nhau, bao giờ một giải thoát cá nhân còn được nhắm đến. Ngay cả khổ hạnh rất cùng cũng vô dụng và phải chịu xem như một phương tiện cho mục tiêu cá nhân. Sự từ bỏ của Milarepa nhắm đến đạt được giải thoát cá nhân và không đến được tinh thần chân thật của Pháp cho đến khi động cơ bẩm sinh ban đầu được thay đổi hoàn toàn thành những nguyện vọng cao nhất về sự cứu thoát trên một mức độ vũ trụ theo con đường của Bồ tát.

Cuối cùng chàng trai trẻ Mila gặp Marpa ở quê nhà của ngài. Những biến cố tạo nên mối tương quan của Mila với Marpa được mỗi người học trò của truyền thống Phật giáo biết rất rõ. Trong tất cả văn học thế giới không có sự mô tả có tính bi kịch nào hơn loại học tập mà một Đạo sư cung cấp cho học trò của mình như vậy. Không kể cái gì khác độc giả có thể hay không có thể nhận từ cuốn sách này, sự miêu tả về “thử thách bằng những cái tháp” sẽ ở lại với người đọc trọn đời.

Một tiên tri về điều sẽ xảy ra cho Milarepa, không chỉ trong sự thành tựu vô song mà còn trong phương diện thực hành là những chướng ngại đang chờ sẵn, đã đến với Marpa khi ngài đọc ra những điềm triệu. Sự hiểu biết này quyết định thái độ ban đầu và nhiều hành động không được giải thích

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

khác của ngài. Để phát động những biến cố hứa hẹn tràn đầy những tư tưởng trong sạch và những hành động nhân từ, dứt khoát cần thiết tạo ra một lực lượng trợ duyên có ý thức để lái bánh xe của Nghiệp đang giống như một con thuyền trôi nổi. Cả hai truyền thống thế tục và thiêng liêng của người Tây Tạng đều nhấn mạnh sự lia bỏ những ngọn sóng của sanh tử. Marpa đã hướng dẫn hành trình định mệnh của Mila theo lối đi được nghiệp của Mila chỉ ra. Từ đầu cho tới cuối liên hệ trực tiếp của họ, mỗi khi một biến cố bắt đầu xảy ra, Marpa sẽ ứng ra một “pha” phụ thêm, mà ý nghĩa của nó chỉ có một mình ngài biết và không được giải thích cho đến lúc chót. Ví dụ, Marpa để cái nồi trống không của người đệ tử mới của ngài đã cúng dường cho ngài vào trong chỗ thờ và sau khi làm nó rung vang khắp nhà đã nhanh chóng đổ đầy bơ lỏng vào đó để làm thành một ngọn đèn cúng dường. Cái nồi trống không nghĩa là thực phẩm ít oi của Mila trong những lần ẩn cư trong núi ; sự rung thành tiếng là sự nổi tiếng trong tương lai trải rộng khắp nơi của Mila ; rót đầy bơ là sự thỏa mãn những nguyện vọng của Mila.

Marpa đã tuyệt đối rõ ràng trong tâm ngài rằng người thanh niên độ lượng này mà tâm hồn hoàn toàn hối hận và tan nát không thể có được sự chuyển hóa mong muốn bằng sự tu hành bình thường. Như thế, như điều kiện để nhận được Pháp, Mila được yêu cầu một loạt công việc khắt khe và chán chường đến cay đắng. Để làm mạnh thêm những thử thách lớn lao, Marpa đã dùng những chiến thuật mưu mô và những cách thức có vẻ lừa đảo.

Milarepa chiến đấu trong những thử thách từ một nhu cầu cho chính mình. Đứa con mà người mẹ đã tuyên bố là “nó không có ý chí” đã tự chứng tỏ mình là một đệ tử nhẫn nhục và

bên bĩ phi thường. Chỉ đến khi bị đưa đến mép bờ của sự tự sát mà những thử thách mới nhanh chóng chấm dứt và Marpa chấp nhận cho Milarepa giáo pháp. Khi những thử thách chấm dứt, “những đại tội của ngài được xóa sạch” và nhu cầu cá nhân đã được chuyển hóa một cách huyền bí và bây giờ là “cho tất cả chúng sanh”.

Marpa được tả cho chúng ta (và chúng ta không có lý do gì để nghi ngờ sự chính xác lịch sử của điều này) như một nhân vật thể lực, người to lớn, mập mạp, trông có vẻ hung dữ – về hình thể đúng là sự trái ngược với Milarepa. Được ca tụng như Vua của những Dịch giả, Marpa đã dùng tài sản của mình cho những mục tiêu như đi đến Ấn Độ, nơi ngài nhận lãnh những giáo lý Phật giáo bí truyền từ Bốn sư của ngài là Naropa, và đem về Tây Tạng nhiều kinh điển mật thừa quan trọng nhất. Ở Tây Tạng, Marpa làm sống lại một cách thành công hình thức tu hành không ở trong tu viện đã khởi đầu ở thế kỷ thứ bảy bởi vua Tây Tạng Songtsen Gampo và tể tướng học thức của ông là Thonmi Sambhota, và được đẩy xa hơn vào thế kỷ thứ tám bởi một số cư sĩ Tây Tạng là đệ tử của đại Guru Padmasambhava.

Marpa không chỉ là một người học rộng mà còn là một vị thầy giác ngộ và một nhà tâm lý học thượng hạng, người đã hòa hợp vai trò của một người hướng dẫn tâm linh dạy riêng với kiểu sống gia đình. Milarepa xem Marpa như một người cha thông thái và một người che chở, cũng như người hướng đạo tối thượng. Về phần vợ của Marpa, Dakmema, sự tận tụy của bà cho Mila là cao quý mang tính nhân loại và cần thiết trong từng trường hợp và bà quả thật là người bạn của Mila, người mẹ và người hướng dẫn tâm linh. Tiểu sử của bà, nếu tìm thấy,

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

có thể chiếu thêm ánh sáng vào những phương diện chưa được biết của cuộc đời Marpa và thậm chí của Milarepa.

Sau khi từ giã Marpa, cuộc đời khổ hạnh và ẩn cư của Milarepa trái ngược sâu sắc với cuộc đời xét theo bề ngoài của Marpa. Khi Milarepa được hỏi tại sao ngài không theo gương mẫu bề ngoài của Marpa, ngài trả lời rằng đối với ngài làm như vậy thì cũng giống như một con thỏ cố gắng theo dấu chân của một con sư tử. Và đoạn cuối của bản văn, khi một đệ tử hỏi “Chúng con có thể dẫn thân vào một đời sống hoạt động không nếu nó tỏ ra có lợi lạc cho những người khác ?” Milarepa trả lời, “Nếu không có bám luyến vào những mục tiêu ích kỷ, con có thể. Nhưng điều ấy khó khăn.”

Milarepa biết ngài không phải là Marpa. Cũng tương tự, độc giả của câu chuyện này, theo cách riêng của họ, sẽ biết mình không phải là Milarepa. Tuy nhiên Milarepa trở thành, như có nói, “còn vĩ đại hơn cả thầy mình.”

Để hiểu Milarepa đã sáng tạo ra cái gì như một môi trường công việc tâm linh cho những người đi sau ngài, cần phải xem xét một số mặt căn bản của hai truyền thống Kim Cương thừa và Đại thừa.

Sự đáp ứng những nguyện vọng cao hơn của một người cầu đạo không dựa nhiều vào sự tích tập hiểu biết cho bằng vào việc vượt qua những chướng ngại tâm thức và đạt được cái nhìn thấu rõ vào bản thân chân lý. Để cho điều này, sự hướng dẫn của một vị thầy kinh nghiệm là một cần thiết thực tiễn. Vai trò của vị thầy trong một con đường bí truyền của sự tự chuyển hóa qua thiền định và hành động như Kim Cương thừa còn quan trọng hơn nữa, bởi vì chỉ sau lễ quán đánh truyền pháp nhập

môn và những giáo huấn và hướng dẫn soi sáng mà đệ tử mới có thể đặt mình vào công việc.

Sự “thành công” của thực hành Pháp khác biệt đáng kể từ cá nhân này đến cá nhân khác. Mỗi người đáp ứng một cách khác nhau. Ngay cả tính hiệu quả của lễ nhập môn cũng tùy thuộc vào sự có mặt hay không những điều kiện thích đáng. Đôi khi mọi cái nhìn bên trong và thần lực của vị đạo sư cho nhập môn cũng chưa đủ, bởi vì như chúng ta nói dù một cái móc mạnh mẽ sẽ không bắt được một vật nếu không có vòng khuyên trống ở nơi vật ấy. Trường hợp ngược lại cũng có thể, như đoạn cuối của câu chuyện Milarepa minh họa. Khi ngài có một thời gian dài và lao động khá mạo hiểm để đạt đến trạng thái của tâm thức dẫn đến giác ngộ, nhiều đệ tử của ngài thành tựu sự thoáng thấy về giác ngộ (sáng tỏ) một cách tức thời khi nghe những lời nói về trí huệ từ ngài !

Một đạo sư tâm linh là gì ? Chọn lựa một lama cho riêng cá nhân chắc chắn là một vấn đề trọng yếu. Trong truyền thống Tây Tạng, những luận văn đặt ra những diễn tả và hướng dẫn về những phẩm tính của một vị thầy tâm linh cần có. Cách thức hiện đại để phán đoán một vị thầy tâm linh từ những ấn tượng cá nhân ngẫu nhiên không thể là một cách đáng tin cậy để nghiệm xét những phẩm tính của vị ấy. Thế hệ lama hiện thời nhanh chóng tiến gần sự tuyệt chủng bởi vì sự chiếm đóng Tây Tạng. Không chỉ những học trò và những người cầu Pháp ở Tây phương, mà ngay cả những người Tây Tạng tỵ nạn cũng không có nhiều chọn lựa nữa.

Chúng ta có thể nói rằng một đạo sư có hiểu biết toàn hảo về Phật pháp và những phương pháp thực hành, và hiện thân những lý tưởng của giáo lý qua sự chứng đắc cá nhân và

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

sự phụng sự cho nhân loại. Vị ấy phải là một người bi mẫn phối hợp hiểu biết về Pháp với kinh nghiệm chứng ngộ. Vai trò của một vị đạo sư hay vị thầy tâm linh trong đời sống của người cầu đạo phải là một người bạn chân thật. Chỉ khi một đạo sư tự thoát khỏi những vọng tưởng bên trong và là nguồn của trí tuệ siêu việt thì ông hay bà ấy mới có thể thấy biết những hàng rào và những tiềm năng dấu kín bên trong của những cá nhân và đáp ứng theo nhu cầu đặc biệt của từng cá nhân. Một khi những ngăn chướng tâm lý trong người cầu đạo được triệt hạ qua những phương tiện thiện xảo của lama, sự chứng ngộ, sáng tỏ sẽ tự hiển bày mà không cần nỗ lực kiên cường.

Tuy nhiên sự nhấn mạnh vào vai trò của vị thầy và sự sùng mộ hiến dâng của học trò cho vị ấy không nên cho phép giảm lược người học trò thành một trạng thái thụ động của sự trông chờ và phụ thuộc tuyệt đối. Giống như chính giáo pháp, vị thầy là một phương tiện chứ không phải là một cứu cánh. Nghĩa của chữ “yong-dzin”, một chữ đồng nghĩa với vị thầy, gợi ý rằng vị ấy là người giữ cho những người khác khỏi rơi vào vực thẳm của vọng tưởng bên trong và nghiệp phá hoại.

Chúng ta phải nhớ rằng, trước khi chứng ngộ dưới Marpa, ba vị thầy đã thất bại trong việc hướng dẫn Milarepa trên con đường. Vị thầy đầu tiên, Rongton Lhaga, thất bại khi trao cho học trò của mình những giáo lý quá cao cấp với y. Vị thầy thứ hai là Dakmema, vợ của Marpa, đã trao cho Milarepa những giáo lý cao của Đại Ấn (Mahamudra), cũng không có sự đòi hỏi một chuẩn bị đầy đủ. Vị thứ ba là Lama Ngokpa, một trong những đệ tử chính của Marpa, người mà Dakmema đã gửi Mila đến khi những thử thách của Mila lên đến cực điểm mà không có sự chấp thuận của Marpa.

Từ “thầy” không luôn luôn nghĩa là một con người. Milarepa nói đến ba loại lama – thứ nhất, một “lama bên ngoài”, người chỉ con đường qua những biểu tượng ngôn ngữ ; thứ hai “lama bên trong”, năng lực hiểu rõ giáo lý của chính mình ; và thứ ba “lama tận trong sâu”, tánh giác tận trong sâu của chính mình. Trong từ “lama”, chữ “la” nghĩa là trí huệ siêu việt ; “ma” ám chỉ từ và bi thuộc về người mẹ. Hai phương diện này hợp nhất trong Tánh Giác Tối Hậu. Milarepa nhìn thấy Marpa như hiện thân chân thật của Giác Ngộ và như phương tiện không thể thay thế được cho sự phát triển của sự thấu hiểu tối thượng của mình qua đó Milarepa chứng ngộ “lama tận trong sâu” trong chính ngài.

Nói chung, sự tu hành Phật giáo Kim Cương thừa mà Milarepa trải qua tìm cách đáp ứng những yếu tố tâm lý khác nhau trong những cá nhân khác biệt và dẫn những người mong cầu đến một tâm thức cao hơn, sự thực hiện trọn vẹn cái tuyệt diệu nơi con người và cuối cùng là sự sáng tỏ tối hậu. Đây là một tiến trình chuyển hóa tâm lý. Trong ngôn ngữ thực hành, mục tiêu là trau dồi, nuôi dưỡng cái tốt đẹp một cách có ý thức trong những tư tưởng, lời nói và hành vi và trở thành một “viên ngọc ở giữa loài người.”

Từ lúc bắt đầu, người ta làm việc để giải thoát mình khỏi tất cả những mặc cảm mê tín tự tôn hay tự ti đặt nền trên giới tính, loài giống, màu da hay tín ngưỡng. Một cảm thức sâu hơn về một toàn thể gia đình nhân loại và tình bạn phổ quát phải được khai triển như là nền tảng cho một thái độ đúng đắn với những tương quan nhân loại. Chỉ lúc bấy giờ người cầu đạo mới được dẫn dắt đến một tiến trình tâm linh hóa. Để khám phá ra

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

bản tính không lừa dối hay dích thật của mình, mỗi cá nhân được khuyến khích giải phóng mình khỏi ảnh hưởng nặng nề và cứng chắc của sự bị điều kiện hóa. Sự tái định hướng tâm lý này, nó là mục tiêu căn bản của mọi nền văn hóa chân chính, bao trùm toàn bộ những yếu tố và lực lượng chúng khiến tạo thành một dòng hiện sinh toàn thể của cá nhân và thái độ của nó đối với đời sống. Những vọng tưởng bên trong rất vi tế đến nỗi chúng thường không thể thấy biết được. Không có sự phát triển chuẩn bị này về một thái độ lành mạnh đối với những mục tiêu đời sống, toàn bộ sự tinh tấn tâm linh dễ bị mắc vào tự ái ích kỷ, và như thế là đã lìa khỏi một sự quan tâm thực tiễn cho sự tự do thường trực của chính mình. Với một cấp độ nhỏ nào tâm thức đạt được, nó cần phải phát triển hơn nữa thành một dụng cụ hiệu quả cho tiến trình giải phóng phổ quát của tất cả chúng sanh.

Tinh túy của Đại thừa Phật giáo có thể được thấy trong chỉ một từ, “Bồ đề tâm”, mà chúng ta thường dịch là “Tâm Giác Ngộ”. Cái ấy đồng thời là một thái độ làm cho giác ngộ và là một trạng thái của tỉnh giác, của trí huệ, mỗi cái vừa là một phương tiện đi đến mục đích và vừa là chính mục đích. Ở đây thái độ bao hàm hành động, một cái thấy vô ngã mà một người mang lấy trong cả sự thực hành bên trong lẫn đời sống bên ngoài. Qua thái độ này kỷ luật thiền định phối hợp không tách lìa với sự thực hành hào hiệp cao thượng bên ngoài, và như thế đưa đến sự thành tựu của tỉnh giác giác ngộ. Chính qua một tỉnh giác như vậy mà người ta có thể thấy biết những sự vật như chúng thực sự là và như chúng xuất hiện trong sai biệt không xung đột, trong khi vẫn liên tục mở rộng để biểu lộ sự nồng ấm của lòng bi. Tuy nhiên sự thanh tịnh bẩm sinh như

thể không thể đơn giản thấy biết được hay chúng ngộ được mà không có trước hết là sự tìm ra những nguyên nhân của những vọng tưởng và nhiễm ô trong tâm thức con người. Như vậy tiến trình chuyển hóa tâm thức có hình thức của sự tịnh hóa truyền thống như là sự loại trừ những vọng tưởng và tích tập đức hạnh.

Sự tu hành của Milarepa có thể dùng như một minh họa đáng giá về vài mặt của sự giáo dục Phật giáo này, tập trung chung quanh đường lối khám phá cho chính mình bí mật chưa được biết đến của chân lý. Như trong bất kỳ nỗ lực vĩ đại nào của con người, không có sự thành tựu đích thực nào có thể có cho đến khi người ta gặp những thử thách mà sự huấn luyện ném ra trước mặt và người ta phải vượt qua với sự rộng mở, khiêm hạ và quyết tâm. Một trí huệ tỉnh giác sắc bén phải không ngừng chịu đựng sự đánh giá lại trên cái thực sự là nền tảng của hạnh phúc trường cửu cho chính mình cũng như cho tất cả những người khác. Để làm việc cho một mục tiêu như vậy, người ta bắt buộc phải thức tỉnh với những bất lực, khiếm khuyết của chính mình, và nhờ đó đem những thách thức của đời sống vào tiêu điểm.

Chính sự thấu hiểu khắc nghiệt về những bất lực của mình đã đem Milarepa đến với Lama Marpa. Sau khi hoàn thành những thử thách nát lòng mà Marpa đã đặt ra cho mình, Milarepa sớm gặp phải những loạt thử thách khác, có thể nói là những khắc khe của sự tu hành. Ngài bắt đầu sự tu hành bằng cách chấp nhận Tam Bảo là nền tảng con đường giải thoát : Phật, Pháp và Tăng. Phật, bậc Giác Ngộ, là vị hướng dẫn tối thượng ; Pháp, Giáo Pháp thiêng liêng, là phương tiện để đạt được giác ngộ cho chính mình ; và Tăng, chúng hội

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

những Đệ tử đã Thức Tỉnh, duy trì truyền thống và nâng đỡ sự tìm kiếm của tất cả những ai đến với con đường.

Đối với người sùng đạo bình thường, đạo sư của Pháp được trông đợi giữ vai trò của Tam Bảo. Nhưng trong truyền thống Kim Cương thừa, nói một cách thực tiễn, nó có hình thức khác : vị lama bổn sư đại diện cho nguồn ảnh hưởng tâm linh, yidam (bổn tôn) là nguồn hiểu biết và những dakini là nguồn của sự nâng đỡ bao giờ cũng mở bày để trợ giúp người cầu đạo.

Ý nghĩa chân thật của sự quy y Tam Bảo chỉ có thể được thấu hiểu nếu người cầu đạo cam kết với đầy đủ ý nghĩa, không phải với những hành động hình thức của sự tôn thờ mà đúng hơn là với một sự cố gắng không mệt mỏi đối với việc thể hiện trong bản tánh của mình những phẩm tính được tượng trưng bởi Tam Bảo. Đức Phật đã nói, “Hỡi những vị tăng hành khát, chỉ các ông là sự Quy Y cho chính các ông. Có ai khác có thể là một sự Quy Y như thế ?”

Thật vậy, con người là chỗ quy y của chính nó khi nào nó thức tỉnh dậy khỏi những vọng tưởng của đời sống và tìm thấy một đường lối để khám phá ra cái được gọi là Phật tánh trong chính nó. Đây là bản tánh nguyên sơ nhất của sự tỉnh giác hay của tâm thức con người, nó không tách biệt với tinh túy của giác ngộ. Một người cầu đạo không cần đợi để chứng ngộ nó trong một thời gian tương lai nào đó. Y chỉ được yêu cầu giải quyết và hành động ngay tại đây và bây giờ, vì y có thể và sẽ chứng ngộ nó trong nội đời này ! Nhưng cảm giác về cái ngã, cái tôi, không phải cùng một thứ như tâm thức ; nó là một hình tướng mà tâm thức mang lấy dưới một số điều kiện, nhân duyên mà trong con người những điều kiện đó nối kết với

những giác quan và cơ cấu phức tạp của những sức mạnh và nguyên tố tạo thành thân thể con người.

Trong thiên định con người tìm cách thiết lập một tương quan giữa cảm thức về cái ngã và tâm thức, tâm thức này là gốc rễ và nền tảng của cái ngã. Khám phá Phật tánh là sự bắt đầu và chấm dứt của công việc thiên định. Tuy nhiên giữa sự bắt đầu và chấm dứt có nhiều cấp độ. Sự tương quan giữa tâm thức, tư tưởng, tình cảm và sự phức tạp kỳ diệu và tiềm năng của thân thể con người trong mọi chức năng của nó là một chủ đề cần phải thấu hiểu nhiều trước khi một người có thể được hướng dẫn đúng đắn trên con đường của sự tự chuyển hóa. Những người hiện đại chúng ta có những khó khăn đặc biệt ở đây bởi vì chúng ta đã từ bỏ ngôn ngữ huyền thoại của những truyền thống cổ thời, một ngôn ngữ âm vang với những cơ cấu sâu xa của tâm thức con người theo sự điều kiện hóa di truyền của nó. Ngôn ngữ chúng ta thì khoa học, điều đó muốn nói rằng, nó đặt nền trên kinh nghiệm giác quan và những tổng quát hóa trừu tượng, mà những tổng quát hóa này là một chức năng của tâm thức, tương đối như nhau ở tất cả con người, không bị điều kiện hóa bởi những sức mạnh bẩm sinh của cảm nhận và bản năng và do đó không đáp ứng tương thông được với chân lý và năng lực mà những sức mạnh bẩm sinh này là những biểu hiện bên ngoài của chúng. Như thế, những từ như “tỉnh giác” và “tâm thức”, chúng liên kết với một tổng thể phức tạp những giáo huấn trong truyền thống Phật giáo cũng như một dải rộng những yếu tố trong cơ cấu con người, không dễ dàng thấu hiểu với chúng ta trên nền tảng kinh nghiệm và suy tính hàng ngày. Sự đơn giản phi thường của con đường thiên định và thái độ giác ngộ (Bồ đề tâm) của Milarepa là cái trái

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

ngược hoàn toàn với sự phức tạp của cái mà truyền thống Phật giáo gọi là “thực tại tương đối” – nghĩa là thế giới của những hình tướng trong những hình tướng, dù cái bề ngoài biểu lộ nhất của nó cũng đòi hỏi một tâm thức cực kỳ sáng suốt để nhìn cho đúng.

Độc giả của *Cuộc Đòi* bởi thế phải cưỡng chống lại khuynh hướng đồng hóa danh từ “thiền định” với một loại tư thế thân thể hay thái độ tâm thức nào đó mà y biết. Nghĩ đến thiền định như là sự chiến đấu để thức giác về chính mình thì đúng hơn, nhưng ngay cả điều ấy cũng chỉ có thể đem người ta đi quá xa trong việc nắm được bản chất của sự rèn luyện mà Milarepa đã tạo ra. Người ta có thể ghi nhận một sự rộng mở mà chính bản văn này tạo ra khi nó được đọc với sự chú ý cần thiết. Có phải sự nhạy cảm này liên hệ với tỉnh giác? Câu hỏi là, cái gì thực sự xảy ra để dẫn đến thiền định? Đối diện với một sự không chắc chắn hoàn toàn và cưỡng lại sự thúc đẩy phải suy đoán hay đi đến những phối hợp ý nghĩ cho một câu trả lời, độc giả hẳn thấy ra rằng cái mà Milarepa gọi là thiền định là một chuyển động trong chính mình, nó vừa có thể thâm nhập được vừa rất tinh tế và dễ hiểu hơn tưởng tượng bình thường rất nhiều. Thật vậy, nó không thể tưởng tượng.

“Người bình thường nào cũng có thể kiên trì như ta đã làm”, Milarepa nói với những đệ tử như vậy. Những đệ tử này là đệ tử – họ không phải là độc giả hay ngay cả những tín đồ trung thành cùng thời với Milarepa. Không thể có đối với bất kỳ cuốn sách nào, dù là vĩ đại, truyền thông được toàn bộ không khí của một truyền thống, bao gồm đủ một ngàn lẻ một sự thúc đẩy mà vị thầy vận dụng bằng cách tương tác với những cá nhân mà về phần họ có thể thành công hay thất bại trong việc biểu lộ,

diễn tả ra bên ngoài sự thấu hiểu của họ. Dễ chấp nhận một cách trí thức rằng một truyền thống là một thế giới, nhưng không dễ chấp nhận nó có nghĩa là gì, đặc biệt ở nơi cốt lõi và tâm của một truyền thống, mà trong trường hợp này là sự thực hành thiền định, được trình bày với một sức mạnh trực giác như vậy.

Một truyền thống là một thế giới. Trong thế giới đó, tinh túy của truyền thống, chuyển động đơn nhất tạo ra nó từ ban đầu và tiếp tục duy trì nó trong những cuộc đời của những người theo nó, thấm nhuần và tràn ngập tất cả mọi hình thức và chi tiết của đời sống và có lẽ không bao giờ được nói ra một cách công khai. Nhưng một khi nó được nói ra một cách công khai, và trong một ngôn ngữ có vẻ quen thuộc (như ngôn ngữ của tâm lý học), thì chính là một sai lầm khi làm cho một phần nào của nó thích hợp như là của riêng mình mà không tự hỏi tại sao mọi hình thức khác kia cũng là thành phần của truyền thống.

Trong *Cuộc Đời của Milarepa* chúng ta thực sự làm chứng nhân cho sự sáng tạo một thế giới tâm linh, một tiếp cận với toàn thể đời sống. Mọi sự trong *Cuộc Đời* có một ý nghĩa từ quan điểm này. Nhưng điều có ý nghĩa thường nằm giữa những dòng chữ. Thí dụ, khi Milarepa tự nhắc nhở không xuống làng để có lương thực duy trì sự sống và khi những toán thợ săn ruồng xét hang động của ngài, chúng ta không được cho một minh họa về một thái độ mới đối với những vấn đề của cuộc sống – với tiền bạc, thành công, tội ác, quyền lực sao? Đó chẳng phải là một tái định hướng không thỏa hiệp của tâm thức đem đến cùng với nó một niềm vui không do ép bức mà niềm vui ấy là mục tiêu tự nhiên và vĩ đại nhất luôn luôn hấp dẫn con người? Những trả lời của những người trộm cướp và thợ săn

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

họ cảm thấy sự thánh thiện của “cái bị xương” ốm yếu, lạ lùng mà họ gặp trong hang phản ánh sự tiếp xúc có thể có được của mọi thức dục và tham muốn trong bản tánh con người với Tâm. Và cái gì là lời chỉ dạy căn bản trong những đối thoại của Milarepa với người em gái Peta về tình dục, hôn nhân và hổ thẹn ? Đó là hạnh phúc và lòng tự trọng thật sự duy nhất có thể có cho con người nằm trong sự tịnh hóa đến từ thức giác. Dù giản dị và khó hiểu như thiên định, nó cũng là cái thấy biết bao trùm nhờ đó người ta có thể đi vào mọi mặt của cuộc sống như một người tìm kiếm để phát hiện. Chắc chắn, sự ám áp của cảm nhận mà bản văn gây ra trong lòng độc giả sẽ đủ để phản công lại bất kỳ gợi ý nào rằng khổ hạnh và tự phủ nhận là những lý tưởng khô khan và khắc nghiệt. Một loại kỷ luật khác được thông tin, trong đó năng lực thuần túy của mọi hoàn cảnh đời sống có thể được gom tụ mà không có bạo động, niềm tin mù quáng hay nhiệt tình không cần thiết.

Thiên định, được xem như hành vi nền tảng của nỗ lực tâm linh trong truyền thống Kim Cương thừa như được truyền lại bởi Milarepa, cũng có thể được xem như sự phát triển có thể có trong con người một mối liên kết giữa Phật tánh và tâm thức mê vọng bình thường. Ý tưởng vĩ đại sau quan niệm này về một liên hệ giữa cái cao nhất và cái thấp nhất trong bản tánh con người, cái mà chỉ những đạo sư vĩ đại nhất chúng ngộ được, thì được diễn tả trong Kim Cương thừa như sự đồng nhất căn bản của niết bàn và sanh tử : niết bàn là sự thấu hiểu sanh tử !

Về vai trò thân thể của con người trong sự thiết lập mối liên hệ này, có đủ những gợi ý trong bản văn để cho độc giả biết rằng y phải bỏ lại đằng sau mọi quan niệm quy ước về

“những ma quỷ xấu xa của xác thịt” cũng như những tưởng tượng hiện đại về sự linh thiêng của sự phóng túng dục lạc. Ra khỏi thời kỳ thiền định mãnh liệt đầu tiên trong đơn độc, Milarepa kể lại với Marpa, “Con đã hiểu rằng thân thể vật chất này, làm bằng thịt và máu cùng với tâm ý thức, được tụ hội lại với nhau bằng mười hai mắt xích nhân quả – trong đó có ý muốn (hành) – phát sinh từ vô minh. Thân thể này là bình chứa được ban phước cho những ai may mắn mong muốn tự do, nhưng nó cũng dẫn những người tội lỗi đến những cõi thấp. Con đã hiểu rằng trong thân thể này có sự lựa chọn sống chết giữa được và mất khổng lồ, liên hệ tới hạnh phúc hay thống khổ vĩnh viễn trên bờ biên giữa tốt và xấu...”

Rõ ràng rằng khi Milarepa theo đuổi sự tìm kiếm tâm linh của ngài, một sự chuyển hóa nào đó xảy ra trong thân thể ngài có bản chất vừa là thần diệu vừa hợp với quy luật cao hơn. Tuy nhiên độc giả không có điểm nào để nghĩ sự chuyển hóa vật chất này là một cái gì ngoài một kết quả của công việc thiền định. Nó không hề được trình bày như một cái gì phải cố gắng để đạt được một cách trực tiếp, dù cho có vẻ rằng cái chúng ta đang nói đến ở đây là một tiến trình sáng tạo trong một cơ thể con người được tâm linh hóa, nó cung cấp năng lực và sự hỗ trợ phi thường cho công việc cơ bản của thiền định. Nói cách khác, sự liên kết giữa những bản chất thiêng liêng và phàm tục của con người được thiết lập trong chính thân thể, bấy giờ thân thể ấy với một Đại Bồ tát trở thành hòn đá dẫm chân đến những cấp độ cao hơn của tâm thức và lòng bi.

Người ta có thể nói về Milarepa rằng ngài chia tách không khoan nhượng tánh tỉnh giác khỏi nhiều thứ kết quả có thể có của tánh tỉnh giác và không bao giờ để cho những

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

người khác thấy ngài lẫn lộn giữa hai thứ. Trong mối quan hệ này, người ta có thể nhớ đến câu nói của Jesus, “Người hãy tìm trước hết vương quốc của Thiên Đàng.”

Sanh tử, bánh xe quay của sanh ra và chết đi, vòng quay tái hồi vĩnh cửu của khổ đau và tham muốn, mọc rễ trong mê lầm và vô minh. Con người tri giác cái hiện tượng bề ngoài như là thật, cho những nói dối và tưởng tượng kỳ quái là chân lý. Từ đây hai hiệu quả tạo thành. Một mặt, sự hiển nhiên tự nhiên của tính tương đối bị điều kiện hóa bị chối bỏ ; con người không thấy hay không tham dự một cách sinh động vào đời sống và thế giới chung quanh nó, đời sống và thế giới đó trong khi không tuyệt đối có thật, nhưng cũng không phải chỉ là một sáng tạo ra của sự chủ quan của riêng nó. Thêm nữa, bằng cách gán tính chất “có thực thể” vào cho thế giới mà nó “thấy” và cho chính nó, “người thấy” – bằng cách xem cả hai hiện thể của nó và “đối tượng” của kinh nghiệm chủ quan của nó là những thực tại cố định, nó gán cho chúng tính cách “vĩnh cửu”, cái này loại trừ mọi khả tính của sự tự chuyển hóa. Nhưng chính những mê lầm vọng tưởng này là điều nó cần nghiên cứu. Hiểu những mê vọng đó có nghĩa là có được một quán chiếu vào thấu nền tảng của niết bàn, tức là tính cách của tánh giác bốn nguyên của mình.

Sự nghiên cứu học hỏi của vị tăng bắt đầu từ cố gắng nghe với một chú ý rộng mở những lời giảng về giáo lý, theo dõi bằng cách đọc những kinh điển thích hợp theo một cách cho phép người ấy ít nhất đem vào một cái gì trong những cấp độ khác nhau của ý nghĩa chứa đựng trong những kinh điển đó. Tuy nhiên, dù hiểu biết như vậy sở đắc được theo một cách

ngghiêm túc hơn xa thói tục thông thường, nó cũng sẽ rơi rụng như một căn nhà bằng những cỗ bài khi cơn gió nhẹ đầu tiên của sự phê bình hay của khó khăn đời sống thổi tới. Nhiều hơn thế nữa là cần thiết, dù chỉ mới bắt đầu. Một sự phân biệt thấu nhập cần thiết được phát triển qua sự vững chắc của tập trung và qua một nghiên tầm lý trí tinh tế hơn. Trang bị bằng sự hiểu biết cần thiết và một tâm thức phê phán sắc bén, người ta tiến hành với một sự khảo sát thấu đáo toàn thể giáo lý – không chừa cái gì, dù ngay cả những lời của Phật – cho đến khi người ta cảm giác và bắt đầu cảm nhận một sự cố kết và hòa điệu sâu xa bên dưới trong những điều từ trước có vẻ là những niềm tin mâu thuẫn nhau trong giáo pháp, những chiến lược thuộc tâm lý, và những áp dụng thực hành khác nhau.

Truyền thống Phật giáo nhấn mạnh rằng chỉ nghiên cứu và tra vấn mà không có sự thực hành và kinh nghiệm tương ứng thì không tránh khỏi làm lớn thêm mê lầm và tự phụ, dẫn đến sự hủy hoại tâm linh cho mình và thậm chí góp phần vào sự suy đồi xã hội. Thảm cảnh của lama pháp thuật và nhà biện chứng Geshe Tsakpuhwa trong *Cuộc Đời* rõ ràng chứng tỏ điều này. Điều tương tự cũng đúng cho những người buông thả công khai hay âm thầm trong những hình thức khác của sự tự mãn với mục tiêu chạp chờn khi tiến hành một đời sống tâm linh.

Sự quan sát trực tiếp trong một trạng thái sẵn sàng chấp thuận làm bày lộ sự tưởng tượng hoang đường của những đặt tên gán ghép ý niệm vào thực tại. Bởi thế, bất cứ những kết luận trí thức nào người học trò đạt được cần phải được xác định lại và chuyển hóa qua kinh nghiệm trực tiếp và sự tự quan sát. Điều này đòi hỏi sự chủ động đầu tiên đích thực mà một con người có thể thực tập, nếu không nó chỉ là một quân tốt đen

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

của mọi thế lực và mọi sự điều kiện hóa của thế giới bên ngoài và bên trong. Nhưng chính vì đó thực sự là hành vi đầu tiên của tự do trong một đời sống con người hoàn toàn bị điều kiện hóa, nên nó cực kỳ mong manh dễ vỡ. Tham hỏi với một đạo sư và với những bản văn thích hợp là ích lợi trong giai đoạn này. Học trò phải có thể trực tiếp dõi theo vừa cả ảo tưởng tâm lý và trí tưởng tượng thói quen vừa cả sự bao la vốn có của bản tánh chân thật của nó. Chỉ bấy giờ nó mới có thể trực tiếp chứng ngộ chân lý như là bất nhị, giản đơn, tĩnh lặng, thanh tịnh và sáng rõ, và vượt khỏi phạm vi của định nghĩa và tiến trình tư tưởng. Một sự làm vững chắc kiên cố và sâu hơn dai dẳng liên tục sự chứng ngộ này về sau sẽ hoàn thành tiến trình chuyển hóa toàn triệt được biết như là “năm giai đoạn”. Đây là điều Milarepa đã hoàn thành.

Trong Tiểu thừa Phật giáo, sự Giác Ngộ thông thường thì được đồng hóa với niết bàn, nó có nghĩa là “vượt lên khỏi khổ đau”. Niết bàn như thế là một trạng thái tự do thuộc về chủ thể được đạt đến qua sự tận diệt những nhiễm ô bám sinh như vô minh, tham muốn và giận ghét, chúng được nhận biết là nguyên nhân độc nhất của những khổ đau của con người. Theo Thừa Thanh Văn và Thừa Độc Giác, niết bàn là sự giải thoát khỏi sự trói buộc của tự mê lầm và chu kỳ của đời sống.

Tuy nhiên, trong hầu hết hình thức của truyền thống Đại thừa và nhất là trong Kim Cương thừa, không thể phát triển một tâm lý học tâm linh mà không có những giáo lý vũ trụ luận cần thiết. Sự đương đầu với mức độ và phạm vi khách quan vô cùng lớn lao hơn của thực tại và chân lý xảy ra dai dẳng ngay cả đối với những hành giả cao cấp nhất. Bởi thế truyền thống Đại thừa hoàn toàn rõ ràng trong sự phân biệt giữa trạng thái

niết bàn, như đã diễn tả, với trạng thái Abi-buddhi, hay Trí Huệ Tối Thượng. Chấp nhận rằng có nhiều sự chung cùng giữa hai trạng thái được đề cao này, Con đường Bồ Tát nhìn nhận rằng ở một mức độ nào đó, sự nhấn mạnh chỉ vào việc hoàn thành giải thoát cá nhân sẽ thực sự gây cản trở cho sự khai triển đầy đủ những tiềm năng của con người và làm cho dừng lại chuyển động hướng đến cái mà chúng ta dịch trong bản văn này là Giác Ngộ Hoàn Toàn.

Giác Ngộ Hoàn Toàn hay Viên Mãn có thể được nói đến trong rất nhiều cách. Trong *Milarepa* nó được trình bày theo giáo pháp Ba Thân, Ba Mức Độ của Giác Ngộ : Pháp thân, Báo thân và Hóa thân.

Pháp thân, Dharmakaya, nghĩa đen là “Thân của Tất Cả Các Pháp”, ám chỉ trạng thái tối hậu của sanh tử và niết bàn. Rõ ràng là ít người có thể thức tỉnh đầy đủ với kho tàng kỳ diệu này của Chân Lý Tối Hậu. Nó được mô tả là mở khắp, sáng rõ, tự bộc lộ chính nó khắp mọi mức độ của thực tại vũ trụ, gồm cả thế giới vật chất và những lãnh vực thực tại vi tế. Trong sự biểu lộ về sau của nó, nó là Báo thân ; trong cái sau nữa, như một hiện thân trần thế của Thực Tại Tối Thượng, nó là Hóa thân – Phật hiện diện như một thân thể con người.

Trong ý niệm Pháp thân người ta tìm thấy một diễn tả phương trình bằng nhau của Đại thừa giữa tâm thức (trong nghĩa cao nhất) và thực tại. Nói một cách phân tích, Pháp thân gồm Tánh Giác Siêu Việt và bản tánh sâu xa nhất của nó là tánh Không. Tính cách bẩm sinh đơn giản và thanh tịnh toàn thể của tánh giác là cái thường được xem là niết bàn, trạng thái trong đó những vết nhơ của mê lầm vọng tưởng và méo mó

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

được rửa sạch. Ở đây nó không chỉ là một trạng thái “thuộc về chủ thể” (như trong Tiểu thừa Phật giáo) mà là một thực tại bản thể luận – cái thực tại bản thể luận. Không bị điều kiện hóa, nó được diễn tả là vô sanh, vô trụ và không thể hủy hoại. Tính cách của nó như vậy là siêu vượt khỏi tư tưởng diễn dịch và không thể chỉ định cũng không thể phân biệt.

Báo thân có thể hiểu như sự biểu lộ cao nhất và vi tế nhất của Pháp thân hay Giác Ngộ trong lãnh vực của thực tại tương đối, và như thế nó là Lòng Bi trên cấp độ siêu hình học và vũ trụ. Nó là tinh túy của Tánh Giác tự biểu lộ chính nó vì lợi lạc của tất cả chúng sanh – cả một cách chủ thể lẫn khách thể ; cả trong một con người cá nhân đã chứng ngộ lẫn trong bản tánh sâu thẳm nhất của thực tại. Trong ý niệm Pháp thân, chúng ta đã thấy Đại thừa Phật giáo hiểu Giác ngộ như tinh túy của cả tâm con người và của toàn thể vũ trụ như thế nào ; trong ý niệm Báo thân, Lòng Bi được thêm vào giác ngộ trên cấp độ vũ trụ và siêu vũ trụ – hay, để xác định nó trong một cách khác nhưng tương đương, trong những cấp độ vi tế nhất, sâu bên trong nhất của tâm.

Phật Báo thân, Phật siêu vũ trụ, thân vi tế của Phật – ba câu này có thể cho độc giả một gợi ý nào về điều được nói ở đây. Những làn sóng của lòng bi mãnh liệt của Báo thân không ngừng thấm khắp mọi thế giới chứa đựng mọi cấp độ của chúng sanh để giúp làm nhanh hơn tiến trình giải thoát của họ bằng cách hủy hoại gốc rễ của nghiệp gây hại. Sự sai biệt bao la của biểu lộ Báo thân được minh họa bởi những hình thức tượng trưng như những hóa thân bồ tôn (yidam) và Năm Đức Phật Chiến thắng. Những tâm thức đã thức tỉnh có thể tri giác Báo thân và nhận sự hướng dẫn trực tiếp từ đó. Và ngay

những người bình thường biết được thật tánh của Báo thân có thể nắm bắt được những thông điệp của nó.

Tuy nhiên vì Báo thân không thể tri giác được đối với chúng sanh bình thường ở cấp độ tâm thức bình thường của họ, Báo thân đáp ứng cho những nhu cầu của họ qua những biểu lộ trần thế gọi là những hiện thân Hóa thân. Hóa thân là Phật hiệu theo nghĩa đen – một người sinh ra trong một thời gian và nơi chốn đặc biệt, hay một đại thánh, một Bồ tát, một hiện thân của một thực tại cao nhất. (Quan niệm lama tái sanh hiện thân có những gốc rễ trong phương diện này của giáo lý Ba Thân.) Nhưng trong một ý nghĩa nền tảng hơn, Hóa thân là một biểu lộ nào bắt nguồn trên cấp độ của Tâm giác ngộ trọn vẹn được gửi đến và có thể tri giác cho những chúng sanh bị giam cầm trong những ảo tưởng và khổ đau của sanh tử.

Những giáo lý bí mật của Kim Cương thừa nói đến “ba cấp độ của Ba Thân” – đời sống hiện sinh làm người, tiến trình chuyển hóa, và sự chứng ngộ cuối cùng. Trong Kim Cương thừa mọi cấp độ của tánh giác cần được thực hiện và thống nhất trong đời sống con người bình thường, “trong một đời”, như có nói. Từ Sanskrit “vajra”, kim cương, ám chỉ cái toàn thể không thể phân chia của tánh giác ở tầm mức vũ trụ và thực tại (chày kim cương) ; yana, thừa, là đường lối hay chiếc xe, một từ thường để chỉ một chuyển dịch từ một cấp độ sang một cấp độ khác ; nhưng ở đây nó bao hàm sự chuyển hóa tức thời của tâm thức con người thành một trạng thái tâm thức của một cái nhìn thấy tối thượng và lòng bi vô hạn.

Trong những giáo lý mật truyền, Ba Thân không giới hạn chỉ vào chiều kích vũ trụ, mà nó cũng được hiểu là đang hiện

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

diện, ít nhất trong tiềm năng, ở trong chính cá nhân. Trong nghĩa này, Pháp thân là tánh tịnh giác sâu thẳm nhất, trong sâu nhất của con người, nó bị che dấu dưới những nơ bần của những méo mó và nhiễm ô ; Báo thân là “hạt nhân” của những năng lực vi tế tối thượng chúng lưu xuất từ tánh giác trong sâu nhất này và chúng bình thường ngủ trong phức cảm tâm sinh lý của tâm thức con người.

Như thế ngay tâm thức bình thường của con người ở cấp độ hàng ngày cũng biểu thị cơ cấu Ba Thân. Chẳng hạn, tánh Không bảm sinh hay vô tự tánh của tâm thức là Pháp thân ; tánh sáng tỏ và thanh tịnh bảm sinh là Báo thân, nó trở thành Hóa thân khi nó biểu lộ và phơi bày không ngần ngại trong những tư tưởng của cá nhân.

Giáo lý Ba Thân và vũ trụ luận Phật giáo này có thể giúp xua tan một số lầm lẫn về bản tánh của những yidam, daka, dakini, những thần hộ pháp, tám đạo quân chư thiên và quý thần (thiên long bát bộ) và những biểu tượng tâm linh-vũ trụ luận khác chúng khá nổi trội trong bản văn này.

Những đạo sư của truyền thống Kim Cương thừa tri giác vũ trụ hình tướng và siêu hình tướng như sau :

Vũ trụ vật chất bao la không cùng là sản phẩm của một sự thao diễn tương tác không ngừng và sự tương nhập của những năng lực và vật chất trong những lãnh vực vô cùng không thể tưởng tượng của hư không. Trong vũ trụ vật chất không có gì là tĩnh đọng. Mọi sự vật ở trong một trạng thái năng động thường trực của chuyển động và thay đổi. Rốt ráo không có những biên giới để thấy hay quan niệm được trong toàn bộ vũ trụ.

Tương tự, vũ trụ tâm thức gồm những sức mạnh tâm linh, tâm sinh lý hay sinh vật học được ám chỉ như sáu cõi của Bánh Xe của Đời Sống. Những đạo quân của chư thiên, quỷ thần, rồng v.v..., và niềm tin vào sự hiện hữu của một hệ thống thần linh tổng quát, phát triển từ tôn giáo Bön tiền Phật giáo của Tây Tạng, nó bao gồm một vũ trụ luận hệ thống cấp bậc tương đương trong nhiều mặt với quan niệm chung của Phật giáo về sáu cõi sanh tử.

Trong siêu hình học cao hơn của Phật giáo, những vũ trụ vật chất và tâm thức được xem là chỉ hiện hữu như những ý niệm thuần túy. Ý tưởng nền tảng là tất cả mọi hiện tượng, hoặc vật chất hoặc tâm thức, đều không thật, chỉ là những sản phẩm của những nguyên nhân và năng lực thay đổi, tác động lẫn nhau. Như Phật giáo dạy rằng không có cái “ngã” hay “linh hồn” như một thực thể xác định trong cá nhân, nó cũng dạy rằng toàn bộ cõi vật chất và tâm linh không có thực tại độc lập. Qua sự thực thành lời dạy, qua sự nghiên tâm lý trí, kinh nghiệm thiền định và sự quán chiếu trực giác có được từ đó sẽ hiển bày mọi ý niệm của nhị nguyên là hư vọng, thấy được rằng tất cả chúng sanh – bất kể họ hiện hữu ở đâu trong hệ thống cấp bậc tâm linh-vũ trụ – chỉ là nhất thời, những hợp chất bị điều kiện hóa đổi thay của những dòng năng lực trong vũ trụ. Những cái gọi là chúng sanh hay thần linh không có sắc tướng không phải là ngoại trừ, bởi vì chúng cũng có tâm thức và những năng lực.

Nhưng có một phạm trù của thực tại mà chúng ta có thể gọi là “siêu vũ trụ”, chứa đựng những bậc hiện hữu và tác động như những chuyển động nghịch lại với vũ trụ theo nghĩa hành động của họ chống lại với sự thu hút vào trong bánh xe

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

của sanh tử của tất cả chúng sanh trong sáu cõi của vũ trụ tâm thức. Những bậc này là những bậc Giác Ngộ ở nhiều cấp độ sáng suốt khác nhau – những Bồ tát, hóa thân bốn tôn (yidam), daka, dakini và những thần hộ pháp.

Những yidam là những biểu lộ và hiện thân biểu tượng của Báo thân. Dù là những năng lực năng động sáng tạo của tâm thức giác ngộ, họ cũng vẫn phải được hiểu như là những biểu tượng theo nghĩa họ hiện hữu như một phương tiện chuyển tải và tiếp thông ở những cấp độ cao nhất của tánh giác. Evans Wentz gọi họ là “những thần bốn mạng thủ hộ”. Sự tiếp thông với họ không được tự động ban cho con người, mà là kết quả hiếm hoi của sự thực hành mãnh liệt trong kỷ luật của con đường. Điều này xác nhận nguyên tắc chính yếu của Phật giáo là giải thoát và giác ngộ phải được tìm cầu mà không phải là được ban cho. Những hình thức khác nhau của hóa thân bốn tôn kết hợp với những thực hành quán tưởng và sự chuyển hóa những năng lực thực ra là những biểu hiện tâm lý trong công việc thiền định. Những hóa thân bốn tôn tượng trưng và thực sự đại diện cho tính cách, những phẩm tính, thuộc tính và thần lực của các bậc Giác Ngộ. Như thế, họ được tiếp cận bởi hành giả được nhập môn như là một tượng trưng đại diện của thực tại tối cao, thực tại đó nằm trong chính hành giả và hướng về đó mà hành giả nỗ lực. Họ được tri giác không phải như vị Thần Tối Thượng cũng không phải như những tác nhân siêu nhiên. Đối với hành giả được nhập môn, ý nghĩa của họ là như một nhắc nhở về những tiềm năng chưa được khai triển của chính hành giả đó.

Những thân hộ pháp được xem là những biểu lộ phụ của Báo thân. Họ thường được diễn tả như những lưu xuất của các Bồ tát.

Về những dakini, những vị giữ một vai trò nổi bật trong *Cuộc Đòi*, từ dakini có nghĩa đen là “người nữ di chuyển qua không gian”. Trong nhiều giải thích về từ này, một cái có lẽ là thích hợp với bản văn của chúng ta là “người nữ hưởng thọ cõi giới của tánh Không” – nghĩa là, người đã đạt đến sự sáng tỏ cao cấp. Trong một ý nghĩa, những dakini (và những daka, những đối cực nam phái của họ) thuộc về những yidam trong sự việc họ là những biểu lộ của trạng thái cao nhất của Giác ngộ trong cả con người lẫn vũ trụ. Nhưng ý nghĩa về đẹp hay sự hung nộ của họ mạnh mẽ gợi ý rằng một yếu tố tương quan cảm xúc là nền tảng. Như một nhà quan sát đã nêu ra, “Lama là Phật ở ngoài mình ; yidam là Phật ở trong mình ; những dakini là Phật được yêu mến.”

Trên mức độ siêu vũ trụ của sự chứng ngộ, những sinh thể này của phạm trù thứ ba được giao phó công việc bảo tồn kho tàng mênh mông của những giáo lý mật truyền. Trên mức độ khác, những dakini và daka giúp đỡ thiền giả trong việc đáp ứng những mục tiêu tâm linh cao cả nhất của thiền giả, và như thế tượng trưng cho chuyển động nghịch vũ trụ trong toàn thể vũ trụ. Ở đây, Kim Cương thừa vượt quan niệm sâu xa của Đại thừa về hợp nhất tối hậu của sanh tử và niết bàn bằng cách thiết lập như nội tại trong cơ cấu của vũ trụ những năng lực thực sự giúp đỡ cho con người trong công việc hòa hợp và thống nhất hai chuyển động nghịch chiều nhau này trong cõi giới tâm thức của con người.

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

Chìa khóa của thành tựu nằm trong một hành động đơn giản và lạ lùng của sự thức tỉnh tự nhiên. Đây vốn đã là một trạng thái tỉnh giác không tách biệt khỏi bản tánh tối hậu của Giác ngộ, tuy nhiên nó cũng là con đường nhanh chóng của sự chuyển hóa tức thời, và như thế cho một cái nhìn bao quát đối với những khả tính vô hạn của kinh nghiệm và những phương tiện thiện xảo vô tận. Sự chuyển hóa hướng vào trong ở những cấp độ khác nhau của tâm thức cuối cùng thể nhập vào mọi giác quan và công dụng chức năng của con người, gồm những phản ứng với những hoàn cảnh ưa thích hay không ưa thích cũng như mọi hoạt động khởi từ cơ cấu thân xác – “thân, ngữ, tâm”. Với bất cứ phương pháp thực hành tâm linh nào, người ta chủ yếu cố gắng khai triển mối quan tâm bẩm sinh đối với sự giải phóng ở tầm mức vũ trụ khỏi sự khổ, bao giờ cũng mở rộng phạm vi của từ và bi nhưng cũng đồng thời tỉnh biết bản tánh chân thật đằng sau mọi thực thể bề ngoài, thấy được cái nhất thể tiềm ẩn của mọi hình tướng và tánh không bỗng nhiên của chúng. Trong khi làm như thế, người ta thiết lập một nền tảng vững chắc của kinh nghiệm bên trong đến độ ngay cả những xúc tình thất vọng, sợ hãi, tham dục và giận dữ đều chuyển thành những kinh nghiệm ơn phước nhất và xuất thần nhất về Thực Tại.

Đối với một người được nhập môn mỗi một biểu tượng truyền thống gói gắm vô số cấp độ ý nghĩa, như có chỉ ra trong một chú thích của bản văn “sáu cách thức và bốn phương pháp” (Chú thích 11 ở Chương 4) về sự soi sáng giáo pháp Mật thừa Phật giáo. Những biểu tượng gồm tranh tượng, đồ hình, những chữ âm thiêng liêng, mạn đà la, lễ trượng (chày kim cương), chuông, trống, y phục, trang sức, âm nhạc, múa và những cử

động. Thêm vào đó có những biểu tượng tự nhiên cũng mật truyền theo ý nghĩa của chúng, như âm thanh, tiếng nói, thân thể con người, những màu sắc, những nguyên tố tự nhiên (các đại), mặt trời, mặt trăng, bầu trời, biển, những thú vật, cây cối, chim chóc, không gian và thật ra, toàn thể vũ trụ.

Chỉ bằng cách thấu hiểu ý nghĩa thật sự của những biểu tượng này người ta thành tựu quán chiếu thấu suốt vào thực tại nằm sau những hiện tượng, và như thế chuyển hóa những méo mó và những ảo tưởng tâm lý. Qua việc thấy những sự vật không gì hơn là những biểu tượng hay ý niệm, một người nhờ vậy thấy rõ giá trị tương đối và ý nghĩa thực tiễn của chúng trong đời sống và trong những mối quan hệ của y. Người ta phải thông hiểu rằng tánh Không và sự vô tự tánh rốt ráo của tất cả những thực thể tương đối là cái mở ra những khả tính năng động của chúng trong dòng chảy cách mạng, chống đối lại vũ trụ của sự giải phóng tâm linh.

Như trong vũ trụ, cũng thế là bên trong con người : tiến trình nghiệp là nội tại trong mọi sự. Bởi thế con người bị điều kiện hóa bởi nhiều sức mạnh – bên trong bởi những tác nhân tâm lý và bên ngoài bởi những ảnh hưởng vật lý, môi trường và hoàn cảnh. Trạng thái ban sơ của tánh giác bản nguyên bị chìm dưới đầm lầy bùn đen của mọi thứ điều kiện này, và sự phát triển của số phận con người vì vậy bị trói buộc vào trong vòng của hiện hữu sanh tử. Con đường mật truyền được xem là phương tiện hiệu quả nhất để bẻ gãy vòng lẩn quẩn của những chuyển động sanh tử này, và để thực hiện sự bộc phát của thức tỉnh tự nhiên.

Như thế những thực hành tâm linh là điều chúng ta đã nói đến trên một mức độ vũ trụ như là những chuyển động

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

ngịch lại để giúp đỡ con người kiểm soát được những khuynh hướng bên trong và bên ngoài đang cầm tù nó. Khi hoàn toàn được thẳng cương, chính những khuynh hướng này trở thành những dụng cụ vô giá để làm sống động lại những nguồn mạch ẩn dấu của năng lực cao hơn bên trong con người – “hạt nhân” của những nguyên tố vi tế và Lửa Bên Trong (Tummo). Tất cả những sức mạnh khác nhau này được hài hòa bằng những bước tiến bộ của cái thấy toàn hảo và hơi ấm không ngừng của lòng bi khiến sự tinh tấn kiên trì đem một người một lúc càng gần hơn với mục tiêu là sự sáng tỏ cuối cùng rất ráo.

Về sự thực hành Lửa Bên Trong (Tummo), độc giả xem Chú thích 5 của Chương 3. Ở đây chỉ cần nói rằng lý thuyết và thực hành liên quan đến Tummo bao gồm những quan niệm siêu hình học và tâm lý học sâu thẳm nhất, cũng như những thực hành khác của yoga cao cấp hơn.

Người Tây phương cần ý thức rằng nhiều giáo lý Kim Cương thừa được viết ra trong một ngôn ngữ mật mã. Chia khóa để cho sự hiểu thật sự không chỉ nằm trong những giáo huấn truyền miệng bí mật, mà còn trong việc thực hành với sự khiêm hạ và kiên trì như bản thân Milarepa làm gương mẫu.

Những thực hành yoga cao cấp được gom lại trong những chủ đề khác nhau, như là Sáu Trao Truyền Bí Mật của Naropa, Năm Bước đến Kết Thúc Trọn Vẹn theo sự Tuyệt Hảo Thống Nhất của cái Bất Tri, Sáu Chuyển Hóa theo Chiều Kích Siêu Việt của Thời Gian và v.v... Những nhận xét gay gắt của Milarepa về việc chỉ nghiên cứu theo lối học giả và đọc sách không phát xuất từ thành kiến chống đối lại sự nghiên cứu ý niệm cho bằng từ cái nhìn thấu suốt vào cách thức sự theo đuổi

thiên liêng của việc nghiên cứu có thể bị phạm tục hóa để thỏa mãn những tham muốn ích kỷ và những mục tiêu cá nhân. Dù Milarepa nhận ngài không bao giờ làm việc theo lối học giả, ngài đã chứng tỏ một hiểu biết thấu suốt trong chiều sâu siêu hình học và những học thuyết Phật giáo, đặc biệt là Trung Quán và Đại Ấn.

Khả năng trình bày những giáo lý phức tạp trong cách đơn giản và sáng sủa của ngài là đáng ngạc nhiên. Phương cách truyền thống của ngài – ca hát những bài thơ hay những bài tụng ca ứng khẩu tức thời – là của riêng ngài. Một cuộc cách mạng bên trong đã chuyển hóa công việc của tâm thức phê phán của ngài thành sự trào phúng tâm linh. Những bài ca của ngài trình bày những tiếp cận khác nhau bên trong truyền thống và thường phát hiện những mâu thuẫn sống động che giấu trong những thái độ và cách ứng xử của con người.

Qua những năm hiển mình cho thiền định và thực hành nơi hoang vắng núi non, sống như một tảng đá núi, theo đuổi hình thức khắc khe nhất của khổ hạnh, Milarepa đã hoàn thành sự sáng tỏ cao nhất có thể đạt được và năng lực tâm linh khiến ngài có thể hướng dẫn và tạo hình số phận của vô số đệ tử người và loài chằng-phải-người. Qua ngài, phong trào hiện thời để làm sống lại Phật giáo ở Tây Tạng đã nhận được một số thúc đẩy lớn lao. Như hàng triệu ngôi sao, những đệ tử đã thức tỉnh, những lama và thiền giả áo vải thấp sáng xú sở dù khi Milarepa đã đi vào cõi giới Pháp thân trùm khắp. Lịch sử của truyền thống Kagyü có từ đó với bốn dòng chính và tám dòng phụ là một thành tựu rực rỡ phi thường.

Những năng lực kỳ diệu mà Milarepa công khai biểu lộ là sản phẩm phụ của sự tận hiến tuyệt đối cho thiền định và

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

thực hành yoga và sự thông thạo về chúng, và đặc biệt là của sự thành tựu của ngài trong việc hội nhập sự trong suốt của tánh giác với tất cả những năng lực vi tế của cơ thể con người qua sự làm cho hoạt động Lửa Bên Trong. Dù cho với một lý do tốt đẹp, truyền thống thường cấm cả sự sở đắc và phô diễn những thần lực này, Milarepa đã dùng chúng như một phương tiện để gởi những thông điệp tâm linh thân thiết đến những tín đồ cũng như những kẻ thù của mình. Đó là thần lực vô tận của lòng bi được duy trì bởi sự phân biện không lầm lẫn và quán thấy tối thượng, chúng giữ một vai trò trọng yếu trong việc huấn luyện những tín đồ và phụng sự nhân loại. Sự hiểu biết siêu nhiên được thành tựu qua những phẩm tính này cho phép người sở hữu nó thấy biết không ngăn ngại cả sự lưỡng nan và những tiềm năng ẩn dấu của những người khác, trong một cách như Marpa và Milarepa chứng tỏ.

Như thế Milarepa là hiện thân thật sự của cái tối cao mà con người có thể ngưỡng vọng và đạt đến. Thái độ và sự tiếp cận của riêng ngài là giống với của đức Phật một cách gây sửng sốt trong việc gặp gỡ những nhu cầu khác nhau của những cá nhân. Ngài được tuyên xưng là vị đạo sư không thể chối cãi của siêu hình học Phật giáo và là “tối thượng giữa những thiên giả đã thức tỉnh”, một sự tôn vinh hiếm hoi của những đạo sư của mọi trường phái Phật giáo Tây Tạng.

Cuối cùng, bản thân tiểu sử là một hành vi sâu thẳm của lòng bi. Như đức Dudjom Rinpoche đã nói trong dịp thăm viếng Hiệp Chúng Quốc vào năm 1976, khi ngài bằng lòng một cách nhân từ đọc lời giới thiệu mở đầu này, *Cuộc Đời của Milarepa* không phải là một sự cố vũ cho sự thiếu thốn ở bên ngoài dưới

bất kỳ hình thức nào, mà là một thí dụ chứng tỏ rằng để đạt được giải thoát trong đời này thì sự nỗ lực dai dẳng là cần thiết.

Bản văn mà bản dịch hiện đây dựa vào là một bản in hiện đại ở Ấn Độ do Kalsang Lhundrup ở Varanasi in ấn. Khác với hầu hết bản in *Cuộc Đời*, nó được xuất bản mà không có lời cầu nguyện thường xuất hiện ở cuối bản văn. “Lời cầu nguyện đến Milarepa” này, bằng thể kệ do Nankha Gyaltzen viết, ngài là Đại Thiên Giả của Lachi, tóm kết những đặc trưng của cả *Cuộc đời* và những *Bài Ca*. Theo truyền thống có ba văn bản cùng xuất hiện như là một bộ nói về cuộc đời và những lời dạy của Milarepa.

Bản khắc gỗ nguyên thủy của tiểu sử và những bài ca sưu tập được do Tsang Nyon (1452-1507) kết tập, dưới tên bí truyền là Dürtö Nyulwai Gyenchen. Người kết tập là Tsang Nyon đã được xác nhận khỏi phải nghi ngờ. Người ta có thể đọc những đoạn trong tiểu sử của ngài, có tựa đề *Cuộc Đời của Vị Thánh xứ Tsang*, do Dr E. Gene Smith xuất bản trong đó chương thứ mười một đặc biệt đề cập đến những cố gắng của Tsang Nyon trong việc sưu tập những bản văn và đặt làm những mộc bản. Người viết tiểu sử của Tsang Nyon viết (tờ 68, trang 137) : “Tôn giả (Tsang Nyon) nghĩ rằng dù nhiều ấn bản của tiểu sử và những bài ca thu thập được đã có, tôi phải làm sống lại bản văn đặc biệt này căn cứ trên truyền thống truyền miệng...” Cũng hiển nhiên rằng những mộc bản chắc chắn được khắc giữa năm 1488 và 1495 ở Lato Shelpuhk. Tờ 73, trang 148 nói đến người kết tập là “thiên giả tối cao, Tsang Nyon, ngài là tái sanh của Milarepa.”

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

Về nhiều bản in và dịch khác của công trình vĩ đại này, độc giả có thể xem lời nói đầu của Dr Smith trong cuốn sách nói ở trên. Một phiên bản khác đáng chú ý được kết tập bởi mười hai Đại Đệ Tử và bởi Lhatsun Rinchen Namgyal (1473-1557), ngài là đệ tử của Tsang Nyon. Dù chính tôi chưa thấy bản in này, tôi được biết chắc rằng nó chứa đựng thông tin phụ thêm về những chi tiết cuộc đời của Milarepa. Tôi cũng hiểu rằng giữa những bản khá được biết đến là bản kết tập bởi Shijey Repa, một vị đồng thời với Bodong Panchen vĩ đại (1377-1451). Tiểu sử của Situ Chokyi Junnay nói đến bản này như là “bản chép tay được giữ gìn ở tu viện Chuwar ở Drin”. Lama Deshung Kunga Tenpai Nyima III thông báo cho tôi rằng ngài đã thấy bản thứ hai và có lẽ chỉ là bản in từ bản chép tay này khi nó thuộc quyền sở hữu của Lama Kaygupa Rinpoche ở Núi Răng Ngựa Trắng. Bản đặc biệt này nói về những viếng thăm của Milarepa đến Kham và Ü, vùng miền đông và trung Tây Tạng sau khi ngài thành một đạo sư giác ngộ.

Có một bản dịch ra tiếng Trung Hoa bởi Garma C. C. Chang và cũng có một bản tiếng Mã Lai, nhưng bản dịch đầu tiên được biết là ở Mông Cổ năm 1618 và xuất bản năm 1756 ; cũng có xuất hiện hai bản dịch Mông Cổ khác. Bản dịch tiếng Pháp, *Thi Sĩ Tây Tạng Milarepa* của Jacques Bacot, xuất bản tại Paris năm 1925 và tái bản dưới tên *Milarepa : những ác hạnh, những thử thách và sự Giác Ngộ* năm 1971. Bản dịch tiếng Anh đầu tiên từ Tây Tạng của Kazi Dawa-Samdub xứ Sikkim và W. Y. Evans Wentz, được xuất bản năm 1928 *Đại Thiển Giả Milarepa*, in lần thứ hai 1951. Một bản dịch mới của nhà sư Phật giáo người Anh, Lobsang Jivaka, được xuất bản năm 1965. Trọn vẹn cuộc đời của Milarepa được in thành

những Tanka (cuộn giấy vẽ tranh) với lời bình giảng Anh ngữ được Toni Schmid sản xuất và in ở Stockholm năm 1952.

Tôi rất vui mừng khi ban Dịch Thuật Viễn Tây ở San Francisco yêu cầu tôi làm một cố vấn trong việc dịch thuật bản dịch tiếng Pháp đáng chú ý của Bacot, nó trong những mặt quan trọng thì khác với bản tiếng Anh của W. Y. Evans Wentz. Nhưng chúng tôi sớm khám phá ra rằng cần đi xa hơn là chỉ dịch bản Bacot ra tiếng Anh. Một lý do là Bacot đã bỏ hoàn toàn chương cuối (Niết bàn), trong đó ý nghĩa cuộc đời và giáo lý của Milarepa được truyền đạt qua một số những sự việc thần diệu bao quanh cái chết của ngài. Nhưng ngoài điều này, và một số lỗi lầm nhỏ trong bản dịch của Bacot, chúng tôi thấy mình đứng trước sự thách thức vui vẻ và không thể tránh phải có một bản dịch mới hoàn toàn *Cuộc Đời* từ nguyên bản Tây Tạng. Cùng với những thành viên của ban, tôi cảm thấy sự ích lợi lớn lao của một bản dịch mới có thể đem lại cho mọi người cầu chân lý, nếu chúng tôi có thể thành công bằng sự giản dị và trực tiếp.

Evans Wentz thành công trong việc gói gắm tinh túy của câu chuyện Milarepa, như hàng ngàn người đã từng xúc động sâu xa bởi nó qua hơn nửa thế kỷ vừa qua đã chứng minh ; nhưng như giáo sư John Blofeld, người đã tử tế đọc qua bản dịch của chúng tôi và có vài gợi ý quan trọng, đã nói, “Là một lỗi lầm khi cho những bản dịch những cuốn sách trong những ngôn ngữ Viễn Đông một mùi vị kinh thánh... Trong khi những ngôn ngữ Cận Đông và Trung Đông là hoa mỹ hơn tiếng Anh giản dị và thẳng thắn, điều ngược lại là đúng với những ngôn ngữ loại Trung Hoa, như Thái, Miến Điện và Tây Tạng.”

GIỚI THIỆU MỞ ĐẦU

Trái với Evans Wentz, bản dịch Bacot là chính xác và trực tiếp, và mặc dù có vài mơ hồ và méo mó, chúng tôi đã nhờ vào nó đáng kể, đặc biệt là những chương đầu. Người bạn tốt Marco Pallis của tôi, anh hoàn toàn thông thạo ngôn ngữ Tây Tạng, đã xem bản dịch Bacot là một công trình gây cảm hứng. Trong cuốn sách của anh, *Những Đỉnh Núi và những Lama*, đã nêu lên tính cách bản văn Tây Tạng là “một kiểu mẫu của sự ngắn gọn ; một văn phong mạnh mẽ và thoát khỏi sự rườm rà và đối thoại thì sống động cùng cực.” Và về bản Bacot, anh viết rằng nó, “giữ được hầu hết những phẩm tính của nguyên bản.”

Dù ra sao, chúng tôi không dám so sánh bản dịch mới của chúng tôi với những lao động mở đường của Evans Wentz và Bacot. Để dịch một bản văn như *Cuộc Đồi* ra một ngôn ngữ Tây phương hiện đại là một công việc khó khăn hầu như nản lòng : nó không chỉ đòi hỏi sự thông thạo hai ngôn ngữ và một hiểu biết sâu xa về truyền thống Phật giáo, mà cũng còn khả năng hòa giải và đặt thành lời hai quan điểm về kinh nghiệm và tâm lý học con người rất khác biệt từ nền tảng đến độ trái ngược nhau. Đồng thời, sự nghiên cứu sát bản văn là một phần thưởng phong phú cho chúng tôi đối với cố gắng được bỏ ra, chúng tôi cũng hy vọng như vậy đối với những người khác.

Bởi vì bản dịch của chúng tôi nhằm cho độc giả phổ thông cũng như cho những người đã quen thuộc với những giáo lý phương Đông, chúng tôi đã tối thiểu hóa sự dùng từ Sanskrit và Tây Tạng, trừ những chữ như “karma” (nghiệp) đã trở nên phần của bộ tự vựng sống của Tây phương. Mặt khác, chúng tôi ý thức sự nguy hiểm khi mượn những từ Do Thái-Thiên Chúa

hay thuật ngữ triết học và khoa học Tây phương. Về cách đọc những tên Tây Tạng, chúng tôi nhớ đến độc giả phổ thông hơn là đưa vào hệ thống quy ước có tính học giả trong cách phát âm và chuyển tự.

Phù hợp với mục đích của bản dịch này, chúng tôi đồng ý không có nhiều chú thích, mà chỉ nhiều chỗ trong sách với những độc giả không quen với truyền thống cần được thông tin phụ thêm. Một số chú thích được lấy trực tiếp từ bản dịch của Bacot và được chỉ ra bằng chữ JB.

Tôi muốn được cảm ơn bạn tôi, Giáo sư David Seyfort Rugg, vì lòng tốt lớn lao của ông trong việc xem xét bản dịch lần chót và cho những gợi ý cực kỳ quý giá và sự khuyến khích.

Tôi biết ơn bạn tôi, James Eban, về bản sao Tây Tạng cuốn tiểu sử để tôi có thể so sánh nó với bản in khắc gỗ của tôi, đã quá cũ và sờn rách.

Cuối cùng, là sự cảm kích của tôi đối với John Pentland, Dierdre DeGay Fortman, Giáo sư Jacob Needleman, và tất cả ban dịch thuật Viên Tây đã quan tâm đến tôi với sự nồng nhiệt, thân thiện và chăm sóc trong suốt nhiều lần thăm viếng kéo dài của tôi đến thành phố San Francisco.



CUỘC ĐỜI CỦA MILAREPA

Tiểu Sử của Đại Đạo Sư Milarepa
Thiền giả Một Đời Thành Phật
Chỉ ra Con Đường Giải Thoát và Toàn Giác

LỜI MỞ ĐẦU

Kính lễ Lama của con.

Từ ban đầu, trong Pháp thân⁽¹⁾ tuyệt bóng vô minh của ngài,
Hai biểu lộ rực rỡ của ngài, mặt trời mặt trăng,
Thoát khỏi hành tinh Rahu⁽²⁾ ma quỷ,
Đã chiếu rọi những hoạt động của lòng bi và trí huệ vinh
quang vô tận.

Bao trùm toàn bộ cõi giới của tri thức,
Ngài đã trừ sạch mọi vô minh tối tăm về Pháp trong những
chúng sanh,
Không chỉ trong những ai ở trên đường Đạo, mà còn trong
những ai thuộc đủ mọi tính khí mọi dòng tâm thức,
Tất cả những ai qua mọi loại sanh rớt vào thời gian sanh tử.

Ngài đem đến an lạc cho tất cả chúng sanh, quá khứ và
hiện tại,
Cắt đứt con đường bám luyến giác quan do năm uẩn⁽³⁾ dẫn
đắt,
Tạo thành từ những hành động tai hại dưới ảnh hưởng của
năm độc,

Và ngài dẫn họ xa lìa khỏi con đường sanh tử ấy.

Hơn nữa, ngài dẫn dắt những chúng sanh ấy đến con đường
của Giác Ngộ Viên Mãn,

Đến tám thuộc tính hoàn thiện⁽⁴⁾ chỉ trong đời này.

Ngài, người chứng đắc mười năng lực siêu việt,⁽⁵⁾

Ngài, người nổi danh như là Mila,

Chỗ quy y vinh quang của chúng sanh khắp nơi trong vũ trụ.

Con xin đánh lễ trước ngài.

Đại dương bi mẫn của tâm thức ngài

Đã khởi lên hằng hằng cơn sóng của hành động trái bầy vì
lợi lạc của chúng sanh.

Và tràn ngập tâm thức con, một dấu chân thú trống rỗng,

bằng những suối lạch của tánh giác bốn nguyên,

Mang theo châu ngọc của đức tin và những đức hạnh khác,

Nhờ đó giải trừ cho con khỏi sự nghèo nàn tâm linh,

Và sức nóng cháy xém của nhiễm ô bên trong.

Con đầy tràn niềm vui,

Như niềm vui của một người đàn ông mê đắm gặp một người

đàn bà trang điểm đẹp để uy nghi ở một nơi hoang vắng.

Dẫu y tôn thờ những giới điều của sự trinh bạch,

Trước mặt sự rục rĩ của nàng thậm chí y không thể muốn

rời nàng một bước.

Như một vẻ đẹp tuyệt vời được trang hoàng bằng châu ngọc
của lòng bi mẫn,

Khi câu chuyện về sự giải thoát của Đạo sư đến tai của kẻ

cầu đạo may mắn này,

Con tràn đầy niềm vui.

LỜI MÔU NĀAU

Giờ đây con chia sẻ buổi tiệc của câu chuyện kỳ diệu và vinh quang này để đem đến niềm vui và nụ cười cho tất cả.

Trong nước thơm của sùng mộ và tinh tấn
Con rửa sạch vết bẩn che đậy viên ngọc cuộc đời của Đạo sư
;
Và đặt viên ngọc này trên ngọn cờ của Phật pháp,
Con dâng cúng sự tôn thờ của mình.
Nguyện lama của con và những dakini⁽⁶⁾ ban phước cho con.

Và như thế, vào thời kỳ đầu, trong xứ sở Tây Tạng đầy tuyết trắng, Đạo sư đã ghê sợ bản chất khổ đau của sanh tử thiêu đốt thế gian như một ngọn lửa hùng.

Không tham muốn gì trong đó, ngay cả hạnh phúc cõi trời của Phạm Thiên và Đế Thích, ngài xúc động sâu xa bởi lý tưởng và những phẩm tính như hoa sen của giải thoát và của Giác Ngộ viên mãn.

Ngài có trí huệ và đại bi, niềm tin và kiên trì bền chí đến độ ngài sẵn sàng hy sinh cả đời sống mình vì Pháp không chút sợ hãi hay ngập ngừng.

Vào thời kỳ giữa, ngài được lama linh thánh dẫn dắt.

Đã ném cam lồ của Pháp tuôn ra từ miệng lama của mình, trong núi non cô quạnh ngài đã tự giải thoát khỏi sự nô lệ của nhiễm ô, và những mầm chồi của sự thức tỉnh mọc lên trong ngài.

Bằng quyết tâm mãnh liệt buông bỏ những mục đích thế gian và bằng cách giương cao ngọn cờ thiền định qua gương mẫu tối thượng là những nỗ lực không ngừng của mình, ngài khơi

dậy trong tâm thức của những đệ tử sự khao khát con đường giải thoát, vượt khỏi bám luyến thế gian hay giải đãi hôn trầm.

Được hướng dẫn bởi yidam⁽⁷⁾ của mình và những dakini, ngài đạt được sự tự toàn thiện của Pháp bằng cách chiến thắng mọi chướng ngại đối với thực hành, và bằng cách nâng cao sự tiến bộ tâm linh và mở rộng những kinh nghiệm của thức tỉnh.

Sự tôn thờ của ngài đối với những đạo sư của dòng hoàn hảo đến độ ngài được giao phó những giáo lý bí mật khẩu truyền của những bậc Đạo Sư Bi Mẫn, kế thừa vô số dòng truyền và có những dấu hiệu của sự ban phước gia hộ không gì sánh.

Ngài đã phát sanh nơi mình Bồ đề tâm mãnh liệt và sâu rộng đến nỗi khi nghe đến ngài hay chỉ nghe đến tên ngài thì những chúng sanh không hướng về Pháp đều xúc động rơi nước mắt vì lòng tin, khiến lông tóc trên thân họ đều rung động và đem đến một chuyển hóa cho toàn bộ tri giác của họ đến nỗi hạt giống Giác Ngộ được gieo vào lòng họ ; như thế họ được che chở khỏi những sợ hãi của sanh tử và của những cõi thấp.

Đã đạt đến một giai đoạn quyết định khi những người hỗ trợ đã thức tỉnh⁽⁸⁾ trên con đường Kim Cương thừa,⁽⁹⁾ những dakini phối ngẫu đã giác ngộ giúp đỡ ngài chúng ngộ tánh Giác tối thượng bằng cách làm khởi lên niềm vui đại lạc trong thân thể ngài.

Cuối cùng, đã làm tan biến hoàn toàn hai thứ nhiễm ô vào pháp giới tánh Không và đã thoát khỏi mọi cái cần phải trừ diệt, Đạo sư đạt đến tánh Giác chân thật vượt khỏi nhị nguyên, và hoàn thiện mọi đức hạnh như trí huệ và đại bi, để thành một vị Phật nhờ những nỗ lực của chính mình.

Như viên ngọc chót đỉnh của ngọn cờ chiến thắng, ngài đã trở thành Đạo sư tối thượng, được mọi hệ thống tôn giáo,

Phật giáo và không phải Phật giáo, công nhận là kiểu mẫu không thể bàn cãi của Giác Ngộ.

Ngài đã thành tựu nhanh chóng kinh nghiệm tối cao của Giác Ngộ qua sự làm chủ con đường Kim Cương thừa.

Ngọn cờ công hạnh của ngài phát phới khắp mười phương cõi, để cho chư daka và dakini tán thán sự vĩ đại của ngài ở khắp mọi nơi.

Lạc đi xuống chảy qua thân ngài cho đến đầu những ngón chân, và lạc đi lên đạt đến đỉnh đầu, đem ngài đến cái Lạc tối hậu của quả.

Qua tiến trình này những nút thắt thô và tế được cởi thoát, mở thông ba kinh mạch và bốn trung tâm năng lực. Như thế ngài đã làm linh hoạt trọn vẹn kinh mạch trung ương.

Nhờ sự thành tựu này, những bài ca của chân lý bất hoại chảy tràn tự nhiên từ miệng ngài một dòng không dứt, làm hiển lộ thực nghĩa của mười hai bộ Kinh và của bốn loại Tantra.⁽¹⁰⁾

Ngài thấy biết tất cả mọi sự là Pháp thân, vượt khỏi nhị nguyên mê vọng của tâm thức.

Ngài tinh thông khoa học bên trong về những hiện tượng của tâm thức đến nỗi ngài thấy vũ trụ bên ngoài như là một cuốn sách thiêng liêng.

Năng lực trí huệ và đại bi của ngài lớn lao không thể nghĩ bàn đến nỗi ngài có thể thức tỉnh cho loài thú và nhờ đó dẫn chúng đến giải thoát.

Đã siêu vượt sự lấy hay bỏ của Tám Phản Ứng Thế Gian⁽¹¹⁾ và thoát khỏi nhu cầu làm vừa lòng những người khác, ngài an

trụ trong quang minh thanh tịnh, là đối tượng cho sự thờ phụng của tất cả trời người.

Qua nỗ lực tối thượng trong thiền định về con đường thậm thâm, ngài đã trở thành một Đạo sư không gì sánh mà ngay cả những Bồ tát⁽¹²⁾ được ân sủng tương tự cũng tôn thờ.

Với tiếng gầm của sư tử về tính vô ngã mà ngài đã chứng ngộ, ngài, con sư tử màu trắng tuyết, phóng không ngăn ngại trên những núi tuyết giữa không gian của pháp giới vô cùng, đè bẹp con hươu của những giả định sai lầm.

Bên trong, ngài đã thành tựu năng lực thiền định để chuyển hóa mọi năng lực tâm sinh lý đến độ bên ngoài ngài kiểm soát được những sức mạnh đối nghịch của bốn đại, thắng cương chúng cho sự lợi lạc tâm linh.

Vì quyền lực siêu việt tối thượng trên tâm thức và năng lực vi tế, ngài có thể bay qua bầu trời như một con chim ưng, di chuyển, đi đứng, nghỉ ngơi khi ở trong không khí.

Qua sự biến hình kỳ diệu của thân thể mình, đảm đương vô số hình thể theo ý muốn, và từ thân phát sinh lửa cháy hực và những thác nước, ngài trừ tuyệt tà kiến của những người tà đạo và đưa họ đến chứng đắc nhờ cái thấy hoàn hảo, thiền định và hành động chánh hạnh.

Đặt nền trên bốn quán đảnh, sự thực hành chuyển hóa Kim Cương thừa của ngài đạt đến hoàn thiện rốt ráo, khiến những daka và dakini vân tập trong hai mươi bốn trung tâm năng lực của thân kim cương của ngài.⁽¹³⁾

Ngài là Heruka,⁽¹⁴⁾ chủ trì chúng hội của những daka và dakini ấy.

Với tâm vô úy và tự tin không lay chuyển, ngài thống trị Thiên Long Bát Bộ,⁽¹⁵⁾ khiến họ phụng sự ngài trong việc hoàn thành Từ Bi Hỷ Xả.

Ngài là một người thợ thủ công bậc thầy thấy biết tánh Không và quang minh nền tảng của mọi sự vật.

Ngài là người thầy thuốc chữa lành căn bệnh kinh niên của năm độc bằng phương dược của năm phương diện của tánh Giác.

Ngài là bậc thầy của âm thanh, người hiểu tánh bất nhị nền tảng của âm thanh và tánh Không, và là người diễn dịch ý nghĩa của những dấu hiệu tiên tri, tốt và xấu, được phát hiện bởi những âm thanh bên trong và bên ngoài của thiên nhiên.

Ngài thấy biết rõ ràng mọi sự ẩn kín, cả ở trong tâm thức con người lẫn bên ngoài nó.

Ngài là nhà siêu hình học bậc thầy, người biết bằng tri giác trực tiếp rằng mọi hiện tượng đều vô tự tánh.

Ngài là Đạo sư thực học, người hiểu tất cả mọi hiện tượng bên ngoài chính là những hiện tượng bên trong của thế giới tâm thức, khám phá bản thân tự tâm là tánh Giác sáng rõ, không sanh và trống không.

Qua thần lực nội tại trong sự thấy biết không chướng ngại tánh Không và quang minh này của mọi sự, ngài đã đạt được tự do trong Ba Thân⁽¹⁶⁾ không thể phân chia.

Ngài đã thành tựu khả năng thăm viếng trong một khoảnh khắc tất cả vô số không thể nghĩ bàn cõi Phật bằng thần lực diệu kỳ của mình.

Đó là những hành động kỳ diệu từ sự giác ngộ của ngài đã được chư Phật và chư Bồ tát nói trong khi hoằng pháp, và như thế Đạo sư hoàn thành nhiệm vụ của mình trong những cõi Phật.

Xuất hiện trong những hình thức thích hợp trước chúng sanh sáu cõi, ngài gieo những hạt giống giác ngộ bằng cách chỉ ra cho họ Con Đường với những thí dụ và bài pháp tương ứng với ý định của Phật, nhờ đó hướng dẫn họ đến sự trưởng thành trong giải thoát.

Trong chỉ một đời và một thân ngài đã đạt đến trạng thái giác ngộ của Phật Kim Cương Trì (Vajradhara)⁽¹⁷⁾ trong Bốn Phương Diện Giác Ngộ⁽¹⁸⁾ và Năm Trí Như Lai.⁽¹⁹⁾

Ngài là bậc thánh trí nhất trong các bậc thánh trí, người đã giải thoát cho vô số chúng sanh khỏi những khổ đau của sanh tử và giúp đỡ họ đạt đến Thành Phố của Tự Do Vô Thượng với bốn đức Thường Lạc Ngã Tĩnh.

Khắp nơi danh hiệu của Mila Zhepa Dorje vinh quang chói lọi như mặt trời mặt trăng.

Những công hạnh kỳ diệu lạ lùng ngài đã thực hiện vì lợi lạc cho những đệ tử chính của ngài thì thật không thể nghĩ bàn.

Tất cả đây là một tóm lược về sự vĩ đại của cuộc đời giải thoát của Milarepa.

Dù những hành động ngài đã thực hiện cho lợi lạc của chúng sanh thì không thể diễn tả và vượt khỏi tưởng tượng của chúng ta.

LỜI MÔU NÀU

Như vậy, câu chuyện của Đạo sư gồm có hai phần, minh họa cuộc sống thế gian của ngài và sự hoàn thành nhanh chóng Giác Ngộ Tối Thượng của ngài.

PHẦN MỘT

Kể về tên bên họ nội, Mila, nguồn gốc của tổ tiên ngài, và lúc sinh ra đời.

Như thế nào trong thời nhỏ tuổi, sau cái chết của cha, những bà con gần nhất khởi lên thù địch với ngài ; và như thế nào, khi bị tước lột tất cả mọi sở hữu cả ngoài lẫn trong, ngài hiểu biết những bề sâu thăm thẳm của toàn bộ khổ đau. Cuối cùng, như thế nào, trước sự khẩn khoản của mẹ, ngài đã hủy diệt những kẻ thù bằng hành vi pháp thuật.

Đó là ba chương đầu của câu chuyện kỳ diệu này.

CHƯƠNG MỘT

RA ĐỜI

Câu chuyện được bắt đầu bằng lời mở đầu sau đây :

Ôi kỳ diệu ! Một lần khi ở trong động Dopapuhk (Động Như Cái Bao Tử) vùng Nyanang, Đạo sư danh tiếng Mila Zhepa Dorje (Kim Cương Cười), một Heruka tối thượng giữa mọi thiên giả,⁽¹⁾ được các đại đệ tử và tín đồ, những thiên giả chúng ngộ và những Đại Bồ tát vây quanh : Retchung Dorje Drakpa (Kim Cương Danh Tiếng), Shiwa Ö Repa (Ánh Sáng Bình Yên), Ngandzong Repa, Seban Repa, Khira Repa (Người Thợ Săn), Digom Repa, Len Repa, Sangye Kyab Repa (Người Che Chở Giác Ngộ), Shengom Repa (Ấn Sĩ họ Shen), Dampa Gyalpuhwa (vị Thánh họ Gyakpuh), Đạo sư Shakyaguna và những vị khác. Cũng có những nữ tín đồ : Legse Bum (Trăm Ngàn Công Đức) và Shen Dormo (Kim Cương họ Shen) cùng với những đệ tử cư sĩ khác. Trong chúng hội cũng có Tshering Chenga (Năm Sư Tỷ Bất Tử) và những dakini khác đã thành tựu thân vi tế. Vẫn còn những vị khác – chư thiên, đàn ông và đàn bà – tụ hội ở đây. Đạo sư đang chuyển Bánh Xe Thánh Pháp phù hợp với giáo lý Đại thừa.

Vào thời gian đó Retchung đang thiền định trong cốc của mình. Một đêm nọ, ông có giấc mộng thế này : Trong một xứ

sở thú vị gọi là Ugyen (Nơi Chốn của những Dakini), ông đi vào một đô thành lớn, nhà cửa xây dựng và lợp bằng chất liệu quý giá. Cư dân của đô thành ấy đẹp đẽ lạ lùng, mặc áo tơ lụa và trang sức bằng xương và đá quý. Họ không nói gì, mà chỉ mỉm cười vui vẻ và trao đổi những cái nhìn.

Trong số đó có một nữ đệ tử của Lama Tepuhwa, tên là Bharima, người mà Retchung đã quen biết trước kia ở Nepal. Bà mặc y phục màu đỏ và có vẻ là người cầm đầu của họ. Bà nói với Retchung, “Này con, con đã đến ! Xin chúc mừng !” Nói rồi, bà dẫn ông đến một cung điện làm bằng đá quý và đầy những kho tàng châu báu làm giác quan thích thú. Bà đối xử với ông như một vị khách danh dự và cho dọn trước mặt ông một đại tiệc.

Rồi bà nói, “Vào lúc này, đức Phật Bất Động đang thuyết pháp ở Ugyen. Này con, nếu con muốn đến nghe pháp ta sẽ xin phép Ngài.”

Tha thiết muốn được nghe Ngài, Retchung trả lời, “Vâng, vâng !” Và họ cùng đi.

Ở trung tâm đô thành, Retchung thấy một cái ngai vĩ đại cao lớn bằng các châu báu. Trên ngai đức Phật Bất Động đang ngự rục rỡ và cao hơn ông đã quán tưởng trong thiền định. Ngài đang dạy pháp giữa một đại dương mệnh mệnh những đệ tử. Trước cảnh tượng này, uống say với niềm vui, Retchung ngỡ là đã bị ngất đi. Bấy giờ, Bharima nói với ông, “Con hãy ở đây một lát, ta sẽ xin phép đức Phật.”

Bà tiến lên và ý nguyện được chấp thuận. Do bà dẫn dắt, Retchung lễ lạy dưới chân Phật. Ông xin được ban phước và ở trước Ngài lắng nghe giáo pháp.

Phật nhìn vào ông một lúc miệng mỉm cười, và Retchung trầm nghĩ, “Ngài nghĩ đến con với lòng bi mẫn.” Khi nghe về lịch sử dẫn sanh và đời sống của chư Phật và chư Bồ tát, lông tóc trên thân Retchung rung động, và lòng tin hừng khởi sâu xa.

Cuối cùng, Phật kể câu chuyện của Tilopa, Naropa và Marpa,⁽²⁾ còn lạ lùng hơn cả những vị trước. Và mọi người đều cảm thấy lòng tin tràn ngập.

Khi chấm dứt, Phật nói, “Ngày mai Ta sẽ kể câu chuyện của Milarepa, một tiểu sử còn kỳ diệu hơn những vị Ta đã vừa kể. Mọi người hãy đến nghe.”

Bây giờ một số đệ tử nói rằng, “Nếu có những công hạnh còn kỳ diệu hơn những vị chúng ta đã được nghe, thì sự kỳ diệu ấy phải vượt mọi giới hạn.” Những người khác nói, “Những đức hạnh vừa được hiển lộ là kết quả của những công đức tích tập qua vô số kiếp và sự diệt trừ mê vọng và tham luyến. Còn Milarepa, trong một đời và trong một thân, lại đạt đến một sự hoàn thiện tương đương.” Những người trước lại nói, “Quả thật, nếu chúng ta không thỉnh cầu một lời dạy kỳ diệu như vậy để cho sự tốt đẹp của chúng sanh, chúng ta sẽ là những đệ tử không xứng đáng. Chúng ta phải cố gắng toàn tâm và toàn lực để có được tiểu sử ấy.”

Người khác hỏi, “Hiện giờ Milarepa ở đâu ?” Có người trả lời, “Ngài đang ở trong cõi Phật Ngonga hay Ogmin.”⁽³⁾ Bây giờ Retchung nghĩ, “Hiện thời, Đạo sư đang sống ở Tây Tạng. Tất cả những nhận xét này chắc không có mục đích nào ngoài việc đánh thức sự sốt sắng của mình, bởi thế chắc chắn ta phải hỏi chính thầy về cuộc đời của Đạo sư để cho lợi lạc của tất cả

chúng sanh.” Khi Retchung nghĩ như vậy, Bharima nắm tay ông lắc nhẹ và nói, “Này con, con đã hiểu !”

Retchung thức dậy khi bình minh ló dạng. Ông cảm thấy chưa bao giờ tri giác bên trong rõ ràng hơn và sự tham thiền vững chắc hơn. Hồi tưởng lại giấc mộng, ông tiếp tục suy nghĩ, “Tôi đã được nghe Phật Bất Động thuyết pháp giữa hội chúng dakini ở Ugyen. Điều đó quả là kỳ diệu. Nhưng còn kỳ diệu hơn là gặp Đạo sư tôn quý của tôi, ngài Mila. Đã được nghe Phật Bất Động là một ban phước từ Đạo sư tôn quý. Có nói rằng Đạo sư đang sống ở Ngonga hay Ogmin.” Và Retchung tự trách mình, “Ngu ngốc làm sao khi nghĩ rằng Đạo sư đang sống ở Tây Tạng ! Đó là chính người tự đặt mình vào mức độ của ngài và như vậy là đã tỏ ra thiếu tôn kính. Trước hết, bởi vì Đạo sư là Phật trong thân, ngữ, tâm, thì những hành động của ngài rộng lớn và sâu xa không thể nghĩ bàn. Và người một kẻ ngốc nghếch vô minh, đã quên rằng Đạo sư ở bất cứ nơi nào thì nơi ấy luôn luôn là cõi thanh tịnh Ngonga và Ogmin. Ngài đã dạy pháp trong giấc mộng của tôi và những người đã nghe ngài, Bharima và những người khác, đã chỉ cho biết rằng tôi cần hỏi Đạo sư về câu chuyện đời ngài. Và tôi sẽ đi hỏi.”

Tràn ngập lòng tôn kính phi thường đối với Đạo sư, ông cầu nguyện ngài từ sâu thẳm của lòng mình và từ tinh tủy của xương cốt. Trong khi đắm chìm trong tham thiền ít phút, trong một trộn lẫn giữa giấc ngủ và sự minh bạch, ông thấy năm thiên nữ xinh đẹp đội vương miện và mặc y phục của cõi Ugyen với năm màu trắng, xanh, vàng, đỏ và lục đứng trước ông. Một cô bảo, “Câu chuyện của Milarepa sẽ được kể vào ngày mai, chúng ta hãy đến nghe.”

Cô thứ hai nói, “Ai sẽ thỉnh cầu việc ấy ?” Một cô khác trả lời, “Những đứa con tâm linh vĩ đại sẽ thỉnh cầu việc ấy.” Cùng một lúc, mắt các cô mỉm cười với Retchung.

Cô gái trẻ nói thêm, “Ai cũng sẽ hạnh phúc khi được nghe một giáo lý kỳ diệu như vậy, thế nên mỗi chúng ta nên thỉnh cầu với những lời cầu nguyện.” Và một cô khác tiếp lời, “Những đệ tử thỉnh cầu tiểu sử của ngài thì hợp hơn. Công việc của chúng ta là phổ biến và bảo vệ giáo lý.” Nói xong những cô gái biến mất như một cầu vồng.

Bấy giờ Retchung thức dậy. Mặt trời đã lên rực rỡ trong bầu trời. Ông nghĩ trong lòng, “Tôi hiểu giấc mơ là một mệnh lệnh của Năm Sư Tử Bất Tử đưa ra.”

Trong một trạng thái tỉnh giác sinh động, Retchung sửa soạn bữa ăn. Khi đã no, ông phấn khởi đi tìm Đạo sư và thấy ngài đang bao quanh bởi những tầng, đệ tử và cư sĩ làm thành một đám đông đầy màu sắc. Retchung đánh lễ và vấn an Đạo sư. Rồi vẫn quỳ trên hai đầu gối và chắp hai tay, ông bạch với Đạo sư rằng :

“Bạch Đạo sư tôn quý, ngày xưa vì lợi lạc cho chúng sanh chư Phật đời quá khứ đã kể lại câu chuyện mười hai công hạnh của đời các ngài và những việc không thể nghĩ bàn khác của sự giải thoát. Theo cách đó, giáo lý của Phật đã phổ rộng khắp thế gian. Ngày nay, những người cầu đạo may mắn có khả năng được hướng dẫn trên con đường giải thoát bởi vì chư Tổ Tilopa, Naropa, Marpa và những vị thánh khác đã kể lại câu chuyện của chính các ngài.

“Ôi Đạo sư quý báu, vì sự vui sướng của hàng đệ tử, vì những người có phước đức sẽ làm đệ tử của Thầy trong tương

lai, và cuối cùng vì sự dẫn dắt những chúng sanh khác trên đường giải thoát, xin ngài nói cho chúng con, ôi Đạo sư Bị mẫn, nguồn gốc của gia đình Thầy, xin nói cho chúng con câu chuyện cuộc đời và những việc làm của ngài.” Ông đã cầu xin như thế.

Bấy giờ, với khuôn mặt tươi cười, Đạo sư trả lời, “Bởi vì con hỏi, hỏi Retchung, ta sẽ chấp thuận lời thỉnh cầu của con.”

“Tên họ của thầy là Khyungpo, tên gia đình của thầy là Josay, và tên thầy là Milarepa. Vào thời trẻ tuổi thầy đã phạm vào những hành vi đen tối. Lúc trưởng thành thầy đã thực hành sự trong trắng. Giờ đây, thoát khỏi cái thiện và ác, thầy đã hủy diệt gốc rễ của hành động gây nghiệp và không còn nguyên nhân cho hành động nghiệp trong tương lai. Nói nhiều hơn thế thì chỉ làm chảy nước mắt và bật lên tiếng cười. Có lợi lạc nào khi nói điều đó với các con ? Ta đã là một lão già. Hãy để cho ta yên ổn.”

Retchung lại lể lạy và nói lời cầu xin này :

“Ôi Đạo sư Quý báu, ban đầu qua khổ hạnh kinh khủng và quyết tâm tràn trề, Thầy đã thâm nhập những chân lý ẩn kín. Bằng cách đem toàn bộ thân tâm trọn vẹn vào thiền định, Thầy đã đạt được tỉnh biết về thật tánh của mọi sự và về trạng thái tánh Không. Giải thoát khỏi những ràng buộc của nghiệp, Thầy vượt khỏi khổ đau tương lai. Đây là điều hiểu biết chung cho tất cả chúng con. Nhưng chúng con đều rất quan tâm đến dòng dõi của Thầy từ họ Khyungpo, đến gia đình Josay của Thầy, đến lý do Thầy được gọi là Mila, và tại sao những hành vi hắc đạo Thầy đã phạm lúc ban đầu và những hành vi thiện lành khi Thầy trưởng thành lại tạo ra nước mắt và nụ cười. Nghĩ đến tất cả chúng sanh với lòng đại bi và không ở trong

những chiều sâu của định, xin hãy nói cho chúng con toàn bộ câu chuyện cuộc đời Thầy. Tất cả các bạn, những người anh người chị trên đường đạo và những đệ tử cư sĩ đến đây vì lòng tin vào Ngài, xin hãy cùng tôi thỉnh nguyện.”

Nói thế rồi Retchung lễ lạy. Và khi những đệ tử cao nhất, những đứa con tâm linh, và những tín đồ đã lễ lạy, tất cả đều cất lên lời thỉnh nguyện như Retchung, cầu xin Đạo sư chuyển Bánh Xe Pháp.

Bấy giờ Đạo sư Tôn quý nói rằng :

Vì các con khẩn khoản hỏi ta, ta sẽ không che dấu gì trong cuộc đời của ta, mà sẽ phát lộ nó bây giờ. Bộ tộc thầy từ một dòng dõi lớn làm nghề chăn nuôi gia súc trong miền trung tâm phía Bắc có họ là Khyungpo. Tổ tiên của thầy là một thiên giả có tên là Josay, con của một lama Nyingma.⁽⁴⁾ Được hóa thân bốn tôn của ông cảm ứng, ông đắc những thần lực lớn lao nhờ thần chú (mantra).⁽⁵⁾ Ông cũng đã viếng thăm những thánh địa và danh lam của đất nước.

Ở miền Bắc, trong vùng thượng Tsang, ông được chào đón ở làng Chungpachi. Trong vùng này ông đã hàng phục ma quỷ. Ông rất hay giúp ích bằng những thần lực của mình, đến nỗi ảnh hưởng và sự quan trọng trong những công việc của ông lớn dần. Ông có tên là Khyungpo Josay và sống ở vùng ấy nhiều năm. Người nào có bệnh đều kêu cầu ông.

Một lần nọ, có một con quỷ hung dữ nó không thể đến gần Josay, nhưng không ai chống lại nó nổi. Con quỷ hành hạ một gia đình ít tin tưởng vào Josay. Gia đình đã mời nhiều vị lama đến để thực hiện việc trừ tà. Nhưng con quỷ chỉ cười và chế nhạo, tiếp tục quấy phá họ.

Vào lúc này một người bà con tin Josay âm thầm khuyên nhủ gia đình nên mời ông. Người ấy dẫn câu tục ngữ “Để chữa lành vết thương thì dù mỡ chó cũng dùng.” Và họ đi mời Khyungpo Josay.

Khi ông đến gần con quỷ, Josay giữ cung cách nghiêm nghị và kêu lớn : “Ta, Khyungpo Josay đã đến. Ta sẽ ăn thịt và uống máu của tất cả ma quỷ. Đứng lại !” Vừa nói ông vừa lao tới. Con quỷ quá kinh hoàng và khủng khiếp la lên, “Cha ơi, người ! Cha ơi, người !” (Apa Mila ! Apa Mila !)⁽⁶⁾ Khi Josay đến gần, con quỷ nói, “Tôi luôn luôn tránh đường ngài đi, thế nên xin tha mạng cho tôi.” Josay bắt nó thế sẽ không bao giờ làm hại ai rồi tha cho nó đi.

Từ lúc đó, mọi người gọi ông là Mila (người !) để tán dương những đức hạnh của thần lực ông, và Josay giữ cái tên Mila làm tên gia đình. Từ đó con quỷ không làm hại ai nữa, người ta cho rằng nó đã sinh vào một cõi khác.

Sau chuyện đó, Khyungpo Josay lấy vợ và có một đứa con trai. Người con này có hai con trai và đứa con đầu được gọi là Mila Dhoton Senge (Đạo Sư như Sư Tử của Kinh Điển). Người này có một con trai tên là Mila Dorje Senge (Sư Tử Kim Cương). Từ đời này trở đi, mỗi đời chỉ có một người con trai.

Mila Sư Tử Kim Cương là một người chơi xúc xắc rất giỏi và có thể thắng nhiều. Bấy giờ trong vùng có một người xuất thân từ một gia đình quyền thế, một người đánh bạc bịp cũng rất giỏi đánh xúc xắc. Một hôm, để thử tài của Mila Sư Tử Kim Cương, anh ta bắt đầu chơi một ván nhỏ để đo lường đối thủ. Trong ngày đó, anh ta dùng cách để thắng. Không bằng lòng, Mila Sư Tử Kim Cương nói với y, “Ngày mai ta sẽ thắng anh.”

“Tốt lắm”, người kia trả lời.

Kẻ lừa bịp đặt tiền cược, tự để thua ba lần, rồi nói, “Nào, bây giờ tôi phải thắng ông.” Cả hai đồng ý đặt cược toàn bộ ruộng vườn, nhà cửa và tài sản. Họ viết với nhau một giao kèo và chơi bài. Người lừa bịp kia thắng và sở hữu tất cả ruộng vườn, nhà cửa và tài sản.

Thế rồi hai ông Mila, cha và con, bỏ đi khỏi vùng. Đến làng Kya Ngatsa, trong vùng Gungthang gần Mangyul, họ định cư ở đó. Người cha, Mila Đạo Sư như Sư Tử của Kinh Điển, được mời đến nhà dân trong vùng để tụng những sách kinh, tạo hình thờ,⁽⁷⁾ che chở họ khỏi mưa đá và cứu trẻ em khỏi những vong hồn xấu. Được mời thỉnh nhiều, ông có được nhiều tặng vật. Vào mùa đông, Sư Tử Kim Cương đi buôn ở nam Nepal ; vào mùa hè, ông theo những người chăn gia súc của miền bắc. Những chuyến buôn nhỏ, ông đi lại giữa Mangyul và Gungthang. Bằng cách ấy hai cha con thu thập nhiều của cải.

Vào thời gian đó, Mila Sư tử Kim Cương yêu một cô gái và lấy nàng. Họ có một đứa con trai mà họ đặt tên là Mila Ngọn Cờ Trí Huệ. Khi đứa con trai này sắp lớn, ông nội của nó là Mila Đạo Sư như Sư Tử của Kinh Điển, chết. Sau khi xong tang lễ, Mila Sư Tử Kim Cương tăng thêm buôn bán và giàu hơn trước.

Vùng lân cận Tsa,⁽⁸⁾ có một người tên là Worma có một miếng đất phì nhiêu, hình tam giác. Sau khi cung cấp vàng và hàng hóa từ miền nam và miền bắc, Mila Sư Tử Kim Cương mua miếng đất đó và đặt tên cho nó là Tam Giác Phì Nhiều.

Kế miếng đất này, có một nền nhà cũ, Mila Sư Tử Kim Cương mua luôn và xây một ngôi nhà lớn. Trong thời gian xây dựng ngôi nhà, Mila Ngạn Cờ Trí Huệ được hai mươi tuổi.

Ở Tsa, trong một gia đình sang quý họ Nyang, có một thiếu nữ rất đẹp tên là Bạch Ngọc. Cô giỏi việc nội trợ và cực đoan trong việc thương bạn bè cô cũng như ghét những kẻ thù của cô. Mila Ngạn Cờ Trí Huệ cưới cô và gọi là Nyangtsha Kargyen (Bạch Ngọc họ Nyang).

Sau đó sự xây dựng ngôi nhà tiếp tục. Trên tầng thứ ba họ xây một cái sân trong với một vựa thóc và một cái bếp dọc một bên. Ngôi nhà này khang trang nhất vùng Kya Ngatsa. Bởi vì nó có bốn cột và tám xà, nó được gọi là Bốn Cột và Tám Xà. Người cha và con sống ở đó, hạnh phúc và danh tiếng.

Không lâu sau đó, nghe danh tiếng của cha và con, một người cháu trai của Mila Đạo Sư như Sư Tử của Kinh Điển tên là Yungdung Gyaltshe (Ngạn Cờ Chiến Thắng Vĩnh Cửu) với vợ, các con và em là Khyung Tsha Peydon (Đấu Thủ Vinh Quang họ Khyung) ở Chungpachi bỏ quê để đến Kya Ngatsa.

Mila Ngạn Cờ Trí Huệ đã mua nhiều thú từ phương nam đi lên phía bắc gần Điểm Cọp để bán và xa nhà một thời gian lâu. Bạch Ngọc bấy giờ mang thai. Giữa mùa thu năm Con Rồng Thủy⁽⁹⁾ dưới sao Chiến Thắng của chòm sao thú tám, ngày hai mươi lăm âm lịch, mẹ thầy sinh thầy ra. Bà gửi một bức thư cho cha thầy. Bức thư nói : “Ở đây đang mùa gặt, tôi đã sinh một đứa con trai. Hãy về nhanh để đặt tên cho nó và làm lễ ngày đặt tên.” Khi đưa lá thư, người mang thư nói với ông tất cả câu chuyện.

Cha thầy ngập đầy niềm vui. Ông kêu lên, “Kỳ diệu thay ! Con ta đã có tên rồi. Trong gia đình ta không bao giờ có hơn

một đứa con trai trong mỗi thế hệ. Đứa con trai này được sinh ra cho ta, ta sẽ gọi nó là Tin Lành, vì những tin tức này mang đến niềm vui. Bây giờ ta đã xong công việc, ta sẽ rời đây.” Và ông về nhà. Đây là như thế nào thầy được đặt cho cái tên Tin Lành. Lễ đặt tên được tổ chức vào một ngày vui vẻ hân hoan.

Thầy được nuôi dưỡng lớn lên với tình thương, và khi chỉ nghe những tiếng nói êm dịu, thầy cũng vui vẻ. Bởi thế mọi người nói, “Thằng bé Tin Lành này quả là khéo được đặt tên.”

Khi lên bốn tuổi, mẹ thầy cho ra đời một bé gái có tên là Gonkyi (Người Che Chở Vui Vẻ). Vì tên trong nhà của nó là Peta, nó được gọi là Peta Gonkyi (Peta Người Che Chở Vui Vẻ). Thầy vẫn còn nhớ mái tóc mượt của hai đứa nhỏ anh em thầy, tóc nó kẹp với đồ bằng vàng, còn tóc thầy với ngọc bích, rũ xuống trên vai.

Trong vùng ấy gia đình thầy được nghe lời với sự kính trọng và có nhiều quyền thế. Bởi thế những nhà quyền quý là những người kết thân và những nông dân là những người phục vụ. Dù gia đình thầy có những ưu thế như vậy, những người dân làm vẫn thường nói nhỏ với nhau, “Những người khác xứ này là những người nhập cư đến vùng này và bây giờ họ bề thế và giàu có hơn bất kỳ ai trong chúng ta. Nhà cửa trang trại và nông cụ và châu báu của đàn ông đàn bà trong đó xem thật sững mắt.”

Mọi ước muốn của mình đã trọn vẹn, Mila Sư Tử Kim Cương chết. Lễ an táng của ông được cử hành hậu hỹ.

Milarepa nói như thế, và đây là chương thứ nhất, nói về sự sanh ra đời của ngài.

CHƯƠNG HAI

THỜI NIÊN THIẾU

Bấy giờ ngài Retchung hỏi rằng, “Bạch Đạo sư, Thầy đã nói Thầy từng chịu đựng nhiều bất hạnh sau cái chết của cha. Những điều xấu ấy xảy đến cho Thầy như thế nào ?” Ngài cầu xin như thế, và Đạo sư kể tiếp :

Khi ta khoảng bảy tuổi, cha ta, Mila Ngọn Cờ Chiến Thắng đã ra đi bởi một cơn bạo bệnh. Những y sĩ và thầy pháp tiên đoán rằng ông không thể lành được và bỏ cuộc.

Những người thân thuộc và bạn bè của ông cũng biết ông không thể sống. Chính ông cũng chắc chắn mình sắp chết. Chú của thầy (Ngọn Cờ Chiến Thắng Vĩnh Cửu) và thím (Đấu Thủ Vinh Quang họ Khyung) và mọi người thân thuộc, bạn bè gần xa của ông và láng giềng đều tụ hội.

Cha thầy đồng ý đặt gia đình và những công việc của ông dưới sự chăm sóc của một người được ủy thác. Rồi ông lập một bản chi tiết bảo đảm rằng con trai ông sau này sẽ sở hữu di sản của ông. Và ông đọc to bản chúc thư cho mọi người nghe :

“Trong núi : những gia súc của ta – trâu yak, ngựa và cừu ; trong thung lũng, trước hết thửa đất Tam Giác Phi Nhiều

và vài mảnh đất nhỏ khác ; dưới nhà : bò, dê và lừa ; trong nhà : đồ dùng, vàng, bạc, đồng và sắt, ngọc bích, vải dệt, lụa và kho thóc. Tất cả những cái đó tạo thành sự giàu có của ta. Tóm tắt, ta có nhiều đến độ không cần tham muốn của ai. Hãy lấy một phần tài sản này cho những chi phí sau khi chết của ta. Phần còn lại ta giao phó tất cả cho mọi người có mặt ở đây cho đến khi con trai ta đủ lớn để chăm sóc tài sản của nó. Ta giao phó nó hoàn toàn cho chú thím nó chăm sóc.

“Khi đứa nhỏ này tới tuổi đảm đương được những trách nhiệm gia đình, hãy cưới Zessay cho nó, cô là người nó đã hứa hôn từ nhỏ. Rồi hãy để chúng nhận tất cả tài sản của ta, không trừ thứ gì, và để cho con trai ta thừa kế.

“Trong thời gian đó, hãy để cho chú, thím và những bà con gần biết đến những vui buồn của hai đứa con ta và mẹ của chúng. Chớ dẫn dắt chúng vào sự khốn khổ. Sau khi ta chết ta sẽ trông chừng các người ở dưới suối vàng.” Nói xong, ông chết.

Rồi những nghi lễ đám tang được cử hành. Mọi người thân thuộc đi đến chỗ đồng ý về những gì còn lại của gia sản, và mọi người, đặc biệt là những người được nghe di chúc, nói, “Bạch Ngọc, hãy đảm nhận tài sản của chính bà. Hãy làm cái gì bà nghĩ là tốt.” Nhưng người chú và thím nói, “Tất cả mọi người ở đây là bạn bè của chị, nhưng chúng tôi, những người ruột thịt nhất, thì sẽ tốt hơn bạn bè. Chúng tôi sẽ không làm điều gì sai lầm cho chị và những đứa cháu. Theo ước nguyện, chúng tôi sẽ đảm đương việc giữ gia tài.”

Không nghe gì những tranh luận của người anh của mẹ thầy và của gia đình Zessay, ông chú thầy nắm giữ những tài

sản thuộc đàn ông và thím thấy những tài sản thuộc đàn bà. Phần còn lại được chia hai. Rồi thím và chú nói : “Đến phiên chị và các cháu phục vụ cho chúng tôi.” Mẹ và anh em thấy không còn sự kiểm soát nào đối với những tài sản của mình. Vào mùa hè, thời kỳ làm việc trên đồng, gia đình thầy là những người làm công cho ông chú. Vào mùa đông, khi dệt vải, mẹ con thầy là những người tôi tớ cho bà thím. Thúc ăn của mẹ con thầy là thứ để cho những con chó, công việc là để dành cho những con lừa. Áo quần là một mớ giẻ rách choàng qua vai và cột bằng dây cỏ. Làm việc không nghỉ ngơi, chân tay mẹ con thầy trầy trụa và nhức nhối. Vì thúc ăn tẻ tẽ và đồ mặc nghèo nàn, mẹ con thầy trở nên xanh xao và gầy gò. Tóc mẹ con thầy một thời thả xuống từng lọn với ngọc bích và vàng, bây giờ thưa thớt xám, đầy chí rận. Những người từng biết mẹ con thầy, khi thấy hay nghe nói, đều rơi nước mắt. Họ nói lén với nhau sau lưng chú thím. Khi mẹ con thầy bị đè bẹp dưới khốn khổ, mẹ thầy nói với bà thím, “Bà không phải là Đẩu Thủ Vinh Quang của họ Khyung, mà đúng hơn là Dumo Takdren, Con Quỷ Như Cọp.” Cái tên này, Con Quỷ Như Cọp, còn giữ lại với thím.

Những ngày đó có câu nói thông dụng : “Khi ông chủ giả mà làm ông chủ, thì ông chủ thật bị đuổi khỏi nhà như một con chó.” Câu tục ngữ ấy để diễn tả mẹ con thầy thì rất thích hợp.

Ngày cha anh em thầy còn sống, mọi người, sang hay hèn, đều nhìn vào gương mặt mẹ con thầy tươi vui hay buồn rầu. Về sau, khi chú thím đã giàu có như vua chúa, thì chính gương mặt họ mỉm cười hay buồn rầu mới là cái để người ta nhìn. Người ta nói về mẹ thầy, “Câu tục ngữ : “Chồng giàu thì vợ giỏi : len tốt thì áo đẹp”, quả thật là đúng. Bây giờ chồng

không còn, đúng như tục ngữ nói. Lúc trước, khi chồng bà là ông chủ, đầu ngẩng cao, Bạch Ngọc lúc ấy can đảm và khôn ngoan, như một nội trợ giỏi. Còn bây giờ, bà yếu đuối và mặc cảm.” Ngay cả những người đã từng phục vụ gia đình thầy bây giờ lại chế nhạo ba mẹ con thầy. Quả là họ đã làm theo câu tục ngữ “Sự khốn khổ của một người là sự đùa vui cho người khác.”

Cha mẹ của Zessay thỉnh thoảng cho thầy một đôi giầy hay bộ quần áo mới, và họ an ủi thầy, “Chớ nghĩ rằng con nghèo khi sự giàu có đã ra đi, bởi vì tài sản cũng phù du như sương trên đồng cỏ. Trong quá khứ tổ tiên con giàu muợn. Với con thời thịnh vượng rồi cũng sẽ trở lại thôi.”

Rồi thầy bước vào năm mười lăm tuổi. Đó là lúc có một miếng ruộng được giao cho mẹ thầy như là của hồi môn của cha mẹ bà. Miếng ruộng ấy có cái tên chẳng đẹp để gì lắm Trede Tenchung (Thảm Lòng Thú Nhỏ), tuy nhiên nó dễ trúng mùa. Anh của mẹ thầy lo canh tác thửa ruộng này, và làm mọi việc có thể làm để thu huê lợi.

Như thế ông đã âm thầm tích lũy một số lúa dư để mua một lượng thịt lớn. Lúa mạch trắng làm ra bột. Lúa mạch đen làm ra bia cho một bữa tiệc mà ông nói là để đòi lại quyền thừa kế của Bạch Ngọc và hai con bà. Bây giờ mẹ thầy muợn những tấm thảm và trải trong nhà Bốn Cột và Tám Xà của cha thầy để lại.

Trước tiên bà mời chú thím thầy, rồi bà còn gần, những bạn bè thân thiết và hàng xóm láng giềng, cuối cùng là những người có biết đến di chúc của cha thầy là Mila Ngọn Cờ Trí Huệ. Với chú thím bà dọn nguyên một con cừu ; với những người

khác, tùy theo thứ hạng, một phần tư hay ít hơn. Và bà mời họ dùng bia trong những ly bằng sứ.

Kể đó, mẹ thầy đứng lên giữa đám tiệc và nói, “Khi một đứa con trai được sanh ra, nó được đặt cho một cái tên. Khi một người được mời đến tiệc bia, đó là lúc để nói chuyện. Tôi có điều muốn nói với mọi người tụ hội ở đây, cả hai chú thím và những người lớn tuổi còn nhớ những lời cuối cùng của Mila Ngọn Cờ Trí Huệ vào lúc ông sắp mất.” Bà nói như vậy. Và anh của mẹ thầy đọc bản di chúc. Rồi mẹ thầy tiếp tục, “Tôi không cần phải giải thích cho những vị lớn tuổi ở đây di chúc này muốn nói gì. Cho đến nay, chú và thím đã mất công chịu khó hướng dẫn chúng tôi, tôi và hai con trong mọi việc. Bây giờ con tôi và Zessay đã lớn, đủ sức để có gia đình riêng của chúng. Thế nên tôi yêu cầu các bạn, phục hồi cho chúng tôi những tài sản đã được giao phó cho các bạn, để cho con trai tôi cưới Zessay và giữ quyền sở hữu di sản của nó đúng theo di chúc.”

Bà nói như vậy. Người chú và thím thầy, họ hầu như không bao giờ đồng ý với nhau điều gì, nay kết hợp nhau trong lòng tham lam của họ. Về phần mẹ con thầy, thầy chỉ là một đứa con trai. Về phía họ, họ có nhiều con.

Và chú và thím thầy trả đũa theo cùng một giọng, “Bà có tài sản ư ? Chúng ở đâu thế ? Trước kia khi ông Mila Ngọn Cờ Trí Huệ còn sinh tiền, chúng tôi đã cho ông mượn mọi thứ, nhà cửa, ruộng đất, vàng, ngọc, trâu bò,⁽¹⁾ ngựa cừu. Vào lúc chết ông đã hoàn lại những tài sản ấy cho sở hữu chủ của chúng. Bà có mảnh mún vàng nào đâu ? Một gam bơ nào đâu ? Một bộ quần áo nào đâu ? Một mẫu lụa nào đâu ? Chúng tôi chưa

từng thấy một móng chân gia súc. Ai đã viết tờ di chúc đó ? Chúng tôi đã có lòng tốt nuôi nấng các người khi các người mồ côi và cơ cực, bằng không các người đã chết đói. Câu tục ngữ, “Nếu vừa có quyền, người tham lam còn đong luôn cả nước sông” quả là đúng với bà !”

Nói xong, ông chú sứt sịt, hỷ mũi, đứng nhanh dậy, búng ngón tay, giũ áo, dậm chân và nói, “Đủ quá rồi, dầu gì thì cái nhà này cũng là của tôi. Cút đi, thứ mẹ góa con côi bạc nghĩa !” Nói xong ông bạt tai mẹ thầy và đánh anh em thầy bằng ống tay áo.⁽²⁾

Bấy giờ mẹ tôi kêu lên, “Bố Mila Ngọn Cờ Trí Huệ ơi, hãy xem số phận gia đình ông. Ông đã nói ông sẽ trông chừng cho chúng tôi ở dưới tuổi vàng. Hãy xem chúng tôi bây giờ đây này.” Rồi bà khóc, ngã xuống đất và lăn lộn trên đất. Những đứa nhỏ chẳng biết làm gì hơn là cũng khóc theo. Người anh của mẹ thầy không dám đánh trả vì chú thầy có nhiều con trai. Người trong làng vốn yêu quý mẹ con thầy họ thương xót và không ai không chảy nước mắt. Những người khác có mặt đều thở dài.

Chú và thím nói với thầy, “Mày đòi tài sản của mày nhưng mày đã có nhiều rồi. Tiệc đãi đằng cho mọi người mà không thèm ngó ngang đến bia và thịt đã phung phí. Chúng tao không giàu đến vậy đâu. Mà dù chúng tao có, chúng tao cũng không cho tụi bây đâu, thứ mồ côi ! Nếu tụi bây đông, hãy đánh nhau với chúng tao. Còn nếu ít, hãy chơi bùa chú đi !” Nói xong họ bỏ đi. Sau đó bạn bè họ cũng về hết.

Mẹ thầy khóc không ngớt trong khi anh của bà, cha mẹ Zessay và bạn bè của gia đình thầy ở lại an ủi bà, “Chớ có than khóc nữa ; nước mắt không làm được gì cả. Hãy yêu cầu mỗi

người đến dự tiệc đóng góp một cái gì, mỗi người ở đây sẽ cho những cái bà cần, ngay cả chú thím cũng phải đóng góp vào.”

Anh của mẹ thầy nói, “Hãy làm như họ nói và gửi thằng bé đi học một nghề gì đó. Rồi em và Peta có thể sống với anh và làm việc nơi đồng lúa của anh. Luôn luôn là tốt khi mình bận rộn với một công việc có ích. Dầu sao em phải làm một cái gì để không tỏ ra bất lực trước mặt chú và thím.” Mẹ thầy trả lời, “Mất hết tài sản, tôi không bao giờ đi xin một cái gì để nuôi các con tôi. Tôi sẽ không chấp nhận một miếng nhỏ tài sản của tôi từ tay chú thím. Bị chú thím bạc đãi, chúng tôi sẽ không chạy đến như những người đói khát ập đến những chỗ chần tế cô hồn.⁽³⁾ Chúng tôi sẽ làm cho họ nhục nhã. Sau đó chính tôi sẽ trồng trọt trên ruộng đất của tôi.”

Trong vùng Tsa, làng Mithogekka, có một thầy huyền thuật nổi tiếng thuộc phái Nyingma, ông biết sự Thờ Cúng Tám Con Rồng.⁽⁴⁾ Mẹ thầy gửi thầy đến đó để học đọc chữ. Lúc đó những bà con cho gia đình thầy mỗi người một vài thú. Cha mẹ Zessay gửi cho thầy dẫu và củi, và để an ủi thầy, thỉnh thoảng cho Zessay đến chỗ thầy đang học đọc. Cậu thầy nuôi mẹ và em thầy và như vậy họ khỏi phải đi xin ăn hay làm việc ở chỗ khác.

Bởi vì anh bà không chịu để cho mẹ thầy cực khổ, bà làm việc ở nhà, ngày này quay chỉ, ngày sau dệt vải. Bằng cách đó bà có một ít tiền và những nhu cầu tối thiểu cho ba mẹ con. Em thầy đi làm cho những người khác nhiều đến mức có thể để kiếm thức ăn và áo mặc. Nó cũng đến những cuộc chần tế để kiếm ăn thêm.

Chịu đựng nghèo đói, áo quần ba mẹ con tồi tả và tinh thần xuống thấp, chẳng biết gì là hạnh phúc.

Đạo sư nói như thế. Khi ngài nói những lời này tất cả thính chúng đều xúc động sâu xa, và với tấm lòng sâu nã, họ thần thờ một lúc và chảy nước mắt. Đây là chương thứ hai, bộc lộ mức độ cao nhất của buồn đau của cuộc đời.

CHƯƠNG BA

ÁC HẠNH

Bấy giờ Retchung nói, “Bạch Đạo sư, Ngài nói với chúng con rằng trước hết Ngài đã làm những hành vi xấu ác. Con xin hỏi, Thầy đã phạm vào chúng như thế nào ?”

“Thầy đã tích tập tội lỗi bằng cách đọc chú và gây ra những trận mưa đá.”

“Bạch Đạo sư, những trường hợp nào đã đưa Thầy đến việc đọc chú và gây ra mưa đá ?”

Rồi Đạo sư tiếp tục :

Khi học ở Mithogekha, một hôm thầy đi cùng thầy dạy đến dự tiệc cưới ở một thung lũng thấp vùng Tsa. Uống nhiều bia, không chỉ phần thầy rót cho ông mà mọi người khác đều rót cho ông, thầy dạy của thầy bị say. Ông bảo thầy về trước với những quà tặng ông đã nhận được. Thầy cũng say. Nghe những người hát, thầy cũng muốn hát và có một giọng tốt, thầy hát ca suốt dọc đường. Con đường đi ngang qua nhà thầy và thầy vẫn hát khi đi qua ngoài cửa. Trong nhà mẹ thầy đang nướng bánh và nghe tiếng thầy. “Cái gì thế ?” Bà tự nói với mình, “Giọng này nghe như tiếng con ta. Nhưng làm sao nó có thể vui vẻ đến thế khi chúng ta quá bi đát như vậy ?” Và không

tin vào tai mình, bà nhìn ra ngoài. Vừa nhận ra thầy, bà kêu lên ngạc nhiên. Tay phải bà buông cái kẹp xuống ; tay trái buông cái đánh bột xuống ; và để mặc bột cháy, bà cầm một cây gậy và tay kia bốc một nắm tro. Bà chạy xuống cầu thang bằng những bước dài ra ngoài, và ném tro vào mặt thầy, quất vài gậy trên đầu thầy và la lớn, “Bố Mila Ngọn Cờ Trí Huệ ơi ! Ông đã quên đứa con trai này của ông chưa ? Nó chẳng xứng đáng gì với ông. Hãy nhìn số phận của mẹ con chúng tôi !” Rồi bà ngã xỉu.

Vào lúc đó đứa em thầy chạy đến và nói, “Anh ơi, anh đang làm gì thế ? Điều gì xảy ra cho mẹ ?” Và tiếng khóc của nó làm thầy sực tỉnh. Rồi thầy cũng rơi nhiều nước mắt. Anh em thầy xoa tay bà và kêu tên bà. Sau một chốc bà tỉnh lại và đứng dậy. Rồi nhìn chăm chú vào thầy bằng cặp mắt đăm đũa nước mắt, bà nói, “Từ khi chúng ta là những người bất hạnh nhất trên trái đất, có còn gì đáng để hát ca ? Khi mẹ nghĩ đến chuyện đó, người mẹ già nua của con tan tành trong tuyệt vọng và chỉ biết than khóc mà thôi.” Khi ấy ba mẹ con thầy bắt đầu khóc lớn. Thầy nói với bà, “Mẹ ơi, mẹ nói đúng. Chớ đau buồn quá lắm. Con sẽ làm bất cứ điều gì mẹ muốn.”

“Mẹ muốn con mặc chiếc áo choàng người lớn, cỡi trên một con ngựa, để cho bàn đạp ngựa xé toạc cổ những kẻ thù đáng ghét của chúng ta. Nhưng điều đó không thể được đâu. Nhưng con có thể làm hại chúng bằng những cách âm thầm. Mẹ muốn rằng, con đi học huyền thuật cùng với loại chú thuật hủy diệt, trước hết con hủy diệt chú thím kia, rồi những người làng và những hàng xóm đã đối xử độc ác với chúng ta. Mẹ muốn con nguyện rửa chúng và con cháu chúng cho tới đời thứ chín. Bây giờ, hãy xem con có thể làm điều đó không.”

Thầy trả lời, “Mẹ ơi, con sẽ cố gắng. Mẹ hãy sửa soạn lương thực và một món quà cho thầy lama.”

Để cho thầy học huyền thuật, mẹ thầy bán nửa miếng ruộng Thảm Lòng Thú Nhỏ. Với tiền ấy bà mua một viên ngọc bích có tên là Sao Lớn Lập Lánh, một con ngựa trắng được yêu chuộng trong vùng có tên là Senge Submay (Sư Tử Không Cường), hai kiện thuốc nhuộm và hai lối đường thô. Như vậy bà hoàn thành sự chuẩn bị cho chuyến đi của thầy.

Trước hết thầy đến Gungthang ở vài ngày trong một nhà trọ tên là Lhundup. Có năm thành viên để mướn đến, nói rằng họ từ Ngari Döl và sắp đi đến vùng Û và Tsang để học tôn giáo và huyền thuật. Thầy đề nghị họ cho thầy đi theo vì thầy cũng muốn học huyền thuật. Họ chấp thuận. Thầy đưa họ về nhà mẹ thầy ở Gungthang và đối xử với họ như khách trong vài ngày.

Mẹ thầy âm thầm dặn với họ rằng, “Đứa con này của bác ý chí không mạnh mẽ, các cậu là những người đồng hành của nó, hãy khuyến khích và thúc dục nó trở thành thông thạo trong huyền thuật. Khi đó bác sẽ đền đáp thân tình và rộng rãi, chứ không quên ơn các cậu đâu.” Rồi chất hai bao thuốc nhuộm lên ngựa và đeo ngọc bích vào người thầy, bọn thầy lên đường.

Khi những người bạn đồng hành của thầy đang uống ly rượu tiễn biệt, mẹ thầy lại dặn dò thêm. Khó lìa bỏ thầy, đứa con trai độc nhất của bà, bà nắm chặt tay thầy và kéo riêng thầy ra. Mặt đầm đìa nước mắt và giọng nức nở, bà nói với thầy, “Trên tất cả mọi sự, hãy ghi tâm khắc cốt sự bất hạnh của mẹ con mình và hãy để cho những dấu hiệu huyền thuật của con biểu lộ ra trong làng chúng ta. Rồi hãy trở về. Pháp

thuật của những anh kia không giống chúng ta đâu. Pháp thuật của họ là của những đứa con nít được nuông chiều, họ muốn có nó chỉ vì thích thú. Pháp thuật của chúng ta là của người đã chịu thảm kịch. Bởi thế một ý chí không chịu thua là cần thiết. Nếu con trở về mà không thi triển được những dấu hiệu pháp thuật của con trên làng này thì bà mẹ già của con sẽ tự tử ngay trước mặt con.”

Thầy hứa điều này và thầy ra đi. Thầy làm mẹ vững lòng bằng tình thương với mẹ. Thầy cứ nhìn trở lại hoài, và rơi nhiều nước mắt. Và mẹ của thầy, người thương thầy đứt ruột, cứ trông theo bọn thầy bằng đôi mắt đầy nước mắt cho đến khi bọn thầy khuất dạng. Thầy tự hỏi có nên trở lại với mẹ thầy trong chốc lát. Thầy có cảm giác rằng thầy sẽ không bao giờ gặp lại bà. Cuối cùng khi hai bên không thấy nhau nữa, bà trở về làng, khóc suốt suốt.

Vài ngày sau, có tin đồn con trai bà Bạch Ngọc đã ra đi để học huyền thuật.

Theo con đường đến Ü và Tsang, bọn thầy đến Yakde trong thung lũng Tsangrong. Tại đó thầy bán con ngựa và thuốc nhuộm cho một người rất giàu để lấy vàng cất trong người.

Sau khi qua sông Tsang Po, bọn thầy hướng đến Ü. Trong một nơi tên là Tühnlok Rakha (Chỗ nhốt cừu của Tühn) bọn thầy gặp nhiều vị sư. Thầy hỏi họ có biết một vị thầy ở vùng Ü thông thạo huyền thuật, bùa chú và mưa đá. Một nhà sư trả lời, “Ở Kyorpo, trong vùng Yarlung, có một lama tên là Yungton Trögyel (Người Chinh Phục Làm Khiếp Sợ) họ Nyag. Ông có thần lực lớn lao về bùa, chú và pháp thuật.” Nhà sư này là đệ

tử của ông. Thế là bọn thầy đi tìm Lama Yungton và đến Kyorpo vùng Yarlung.

Khi bọn thầy trình diện với lama, những bạn đồng hành với thầy chỉ dâng cúng những quà tặng tầm thường, còn thầy thì dâng cúng đủ thứ, vàng và ngọc bích. Và thầy nói, “Con còn dâng cúng thầy thân, ngũ, tâm của con nữa. Họ hàng, hàng xóm và một số người trong làng con không thể chịu nổi hạnh phúc của những người khác. Xin hãy thương xót và ban cho con loại huyền thuật mạnh mẽ nhất có thể trút lên làng con. Trong khi học, xin thầy thương mà cho con thức ăn và đồ mặc.” Vị lama mỉm cười và trả lời, “Ta sẽ nghĩ đến những điều con nói với ta.” Nhưng ông không dạy bọn thầy những bí mật thực sự của huyền thuật.

Khoảng một năm trôi qua, và tất cả những gì ông cho bọn thầy chỉ là một vài bùa chú để làm trời đất xung khắc và một hiểu biết hời hợt về những bùa chú và thực hành cụ thể. Những bạn đồng hành của thầy sửa soạn ra đi. Vị lama cho mỗi người một bộ quần áo vải mịn may khéo của Lhasa. Nhưng thầy không thỏa mãn. Những thực hành này không đủ sức làm phát sinh một hiệu quả nào đối với làng thầy. Nghĩ rằng mẹ mình sẽ tự tử nếu thầy về mà không có những chú thuật có hiệu quả, thầy không chịu đi. Thấy thầy không sửa soạn về nhà, những người bạn đồng hành hỏi thầy, “Tin Lành, anh không đi về sao?” Thầy trả lời, “Tôi chưa học đủ huyền thuật.” Họ đáp lại, “Những chú thuật này quyền năng cao tột nếu chúng ta cố gắng thành thạo chúng. Chính ngài lama nói rằng ngài không có cái nào khác nữa. Chúng tôi không còn nghi ngờ gì về điều ấy. Bạn cứ chờ đi xem thử ngài lama có cho bạn thêm cái gì nữa không!” Sau khi cảm ơn vị lama và làm lễ từ giã, họ

bỏ đi. Thầy cũng mặc cái áo vị lama cho và theo họ một nửa ngày. Sau đó bọn thầy chúc nhau sức khỏe, họ đi về quê hương.

Trên đường trở lại vị lama, thầy chất đầy phần trước áo với phân ngựa và lừa, phân bò và phân chó cho miếng ruộng của vị lama. Đào một cái hố trong miếng ruộng tốt của vị lama, thầy chôn số phân ấy vào đó. Vị lama đứng trên sân thượng thấy thầy làm như vậy, nói với vài đệ tử của ông, “Trong nhiều đệ tử đã đến với ta, không có ai đáng yêu hơn Tin Lành, và cũng sẽ không có ai giống như nó. Bằng chứng là sáng nay nó không nói lời từ giã với ta và bây giờ nó trở lại. Khi nó đến đây lần đầu, nó nói với ta rằng bà con, hàng xóm và người trong làng nó không thể chịu nổi hạnh phúc của những người khác. Nó cầu xin ta cho học huyền thuật và dâng cúng thân, ngũ, tâm của nó cho ta. Thật là kiên trì ! Nếu câu chuyện nó kể là thật, thì quả là một điều đáng tiếc nếu không cho nó những bí mật của huyền thuật.”

Một trong những vị sư lặp lại những lời này cho thầy. Thầy vui vẻ nghĩ thầm, “Rốt rồi cũng ổn thỏa, mình sẽ được những bí mật của huyền thuật.” Và thầy đến vị lama. Ngài nói với thầy, “Tin Lành, tại sao không về nhà ?” Rồi thầy trao lại bộ áo quần vị lama đã cho thầy. Thầy đặt đầu mình dưới chân ngài và nói, “Lama quý báu, chúng con có ba người, mẹ con, em con và con. Chú và thím của con, một vài người hàng xóm và một số người làng đã trở thành là kẻ thù của gia đình con. Qua sự bực đãi chúng con không đáng để có, họ dẫn chúng con vào thảm cảnh. Con không có sức mạnh để tự bảo vệ mình. Bởi thế tại sao mẹ của con gởi con đi học huyền thuật. Nếu con trở về nhà mà không có một dấu hiệu nào xuất xứ từ những nỗ lực

của con, mẹ con sẽ tự tử trước mắt con. Chính là để bà khỏi tự hủy hoại mà con đã không bỏ đi. Đó là lý do tại sao con cầu xin thầy những bí mật của huyền thuật.”

Nói xong, thầy khóc. Vị lama hỏi, “Những người làng hại bọn con như thế nào ?” Nức nở, thầy kể cha thầy, Mila Ngọn Cờ Trí Huệ đã chết như thế nào, và sau cái chết của ông, chú và thím đã làm ba mẹ con thầy tan nát trong thảm cảnh như thế nào. Rồi nước mắt rơi từng giọt, vị lama nói, “Nếu điều con nói là đúng, đây là một hoàn cảnh thương tâm. Huyền thuật mà ta thực hành sẽ có tác dụng. Nhưng chúng ta không phải hấp tấp. Để có được huyền thuật ấy, ta đã dâng cúng những của cải vàng và ngọc bích từ Ngari Korsum phía tây ; số lượng lớn trà, lụa, áo quần từ ba vùng núi xứ Kham phía đông ; hàng trăm và hàng ngàn ngựa, trâu yak và cừu từ Jyayal, Dakpo và Kongpo phía nam. Nhưng chỉ có con là dâng cúng cho ta thân, ngữ, tâm của mình. Ta sẽ kiểm chứng điều con đã nói ngay bây giờ.”

Sống với vị lama lúc ấy là một nhà sư nhanh như ngựa và khỏe như voi. Vị lama gửi ông đến làng tôi để kiểm chứng câu chuyện của tôi. Nhà sư nhanh chóng trở về và nói, “Lama quý báu, Tin Lành đã nói sự thật. Anh ta cần được dạy cho huyền thuật.”

Vị lama nói với thầy, “Nếu ta đã dạy liền cho con những huyền thuật như vậy, ta sợ rằng con với tính bướng bỉnh của mình sẽ làm ta hối tiếc. Nhưng bây giờ, vì con đã thành thật, con phải đi đến một vị thầy khác để học thêm. Ta có một chú thuật từ sự thờ cúng Dza Mặt Màu Hạt Dẻ⁽¹⁾ mà thân chú Hum⁽²⁾

của ngài gây nên cái chết trong khi thần chú Paht⁽³⁾ gây nên bất tỉnh.

“Trong vùng Nub Khulung ở Tsangrong có một lama tên là Yönten Gyatso (Biển Đức Hạnh) họ Khulung, ông vừa là một đại y sĩ vừa là một nhà đại huyền thuật. Ta đã cho ông chú thuật bí mật của ta. Và để đổi lại ông dạy ta làm thế nào để gọi mưa đá rơi xuống bằng đầu một ngón tay. Sau khi chỉ ta điều đó, chúng ta trở thành bạn thân và người hợp tác. Bây giờ, người nào đến ta để học huyền thuật, ta phải gọi đến cho ông. Người nào đến ông để học gây ra mưa đá, ông phải gọi đến cho ta. Hãy đi với con của ta và kiếm ông ấy.”

Con trai trưởng của vị lama là Darma Ouangchuk (Tuổi Trẻ Thần Lực). Ngoài lương thực, vị lama cho bọn thầy một vốc vải mịn và vải len từ Lhasa, một vài quà tặng nhỏ và một lá thư. Đến Nub Khulung, bọn thầy gặp vị lama trẻ. Mỗi người dâng cúng vị ấy những quà tặng đã mang theo và lá thư từ vị lama. Thầy cẩn thận kể cho ông nghe mọi biến cố của câu chuyện và khẩn khoản xin ông dạy cho thầy huyền thuật. Vị lama trả lời, “Bạn tôi là một người bạn trung thành và lời nói chân thật. Ta sẽ dạy cho con mọi loại huyền thuật. Để làm việc này hãy dựng một cái cốc bên gờ núi này, con sẽ không có ai hẻo lánh đến.”

Bọn thầy xây một cái cốc trên nền đất, làm bằng những xà chắc đặt cạnh nhau. Bọn thầy bao quanh nó bằng một hàng rào bằng đá to như con trâu yak, không có lối mở ra để không có ai có thể nhìn vào cốc hay có cách tấn công nó. Rồi vị lama cho bọn thầy chú thuật.

Sau khi thầy luyện chú thuật trong bảy ngày, vị lama đến và bảo, “Thường thì bảy ngày là đủ, trường hợp này như

vậy là đủ rồi.” Thầy trả lời, “Vi huyền thuật của con phải tác động trong một khoảng cách xa, con xin thầy cho tiếp tục thêm bảy ngày nữa.” Vị lama trả lời, “Tốt lắm, tiếp tục đi.”

Vào chiều ngày thứ mười bốn, vị lama trở lại và nói, “Đêm nay sẽ có một dấu hiệu quanh mạn đà la báo hiệu huyền thuật xảy ra.” Và cũng đêm đó những thần hiện ra, mang cho thầy cái mà thầy yêu cầu : Những đầu lâu và trái tim đẫm máu của ba mươi lăm người. Họ nói, “Trong mấy ngày nay người đã không ngừng kêu gọi chúng ta. Đây là cái mà người muốn.” Và họ chắt những cái đầu quanh mạn đà la. Sáng hôm sau vị lama trở lại và nói, “Trong những người phải hủy diệt, có hai người còn sót. Họ có cần hủy diệt hay tha ?” Đây vui mừng thầy nói, “Con xin thầy để cho họ sống để họ biết được sự trả thù và luật pháp của con.”

Như thế còn chú và thím không bị hại.

Bọn thầy dâng cúng các thần một lễ tạ ơn và bọn thầy bỏ khỏi cốc. Ngày nay cái cốc của bọn thầy vẫn còn ở Khulung.

Khi ấy thầy lấy làm lạ bùa chú đã ứng nghiệm như thế nào nơi làng Kya-Nyatsa của thầy.

Có một buổi tiệc cưới của con trai trưởng của ông chú của thầy. Những đứa con trai và con dâu của chú đến trước tiên cùng với những người ghét mẹ con chú, tất cả là ba mươi lăm người.

Những khách mời khác thân với gia đình thầy đang vừa đi vừa nói chuyện trên đường, “Khi ông chủ giả trở thành ông chủ, thì ông chủ thật bị quẳng cho chó, đúng như tục ngữ nói và như những người ác tâm này chúng tỏ. Nếu huyền thuật của

Tin Lành không hiệu nghiệm đối với họ, thì thần lực của các thần hộ pháp cũng phải được cảm nghiệm thôi.” Họ cùng nhau đi về phía ngôi nhà.

Chú và thím đã đi ra ngoài để thảo luận sắp xếp bữa ăn và những lời sắp nói với khách. Vào lúc ấy một người từng là tớ gái của gia đình thầy hiện đang ở với chú thím đi ra xách nước. Chị ta không thấy con ngựa nào cả trong chuồng mà lại thấy đủ thú bò cạp, nhện, rắn, cóc... Chị thấy một con bò cạp to bằng con trâu yak đang dùng càng kẹp những cột nhà giật sập xuống. Thấy thế chị khùng khiếp bỏ chạy, khó khăn lắm mới ra khỏi sân. Những con ngựa chồm lên những con lừa và lừa đá lại ngựa, chúng tông loạn xạ vào những cây cột nhà rồi nhà sập. Dưới đống gạch ngói đổ nát, những người con trai, con dâu của ông chú và những người khách mời khác, tất cả ba mươi lăm người, đã chết. Trong nhà đầy cả xác người chôn lấp trong bụi khói.

Nghe tiếng kêu khóc của mọi người, Peta em thầy, chạy nhanh đến mẹ, “Mẹ ! Mẹ ! Nhà ông chú sập rồi và nhiều người chết. Đến mà coi.”

Mẹ thầy kêu lên vui sướng, đứng dậy chạy ra xem. Bà thấy ngôi nhà của chú tòi chỉ còn là một đám mây bụi và nghe tiếng la hét của dân làng. Bà ngạc nhiên sung sướng, cột một mảnh vải vào một cây gậy dài, hươ lên trong không khí và kêu lớn, “Vinh quang cho các ngài, các thần, các lama và Tam Bảo ! Hỡi dân làng và hàng xóm, có phải Mila Ngọn Cờ Trí Huệ có một đứa con trai không ? Ta, Bạch Ngọc, ăn mặc rách rưới và tội tệ, các người có thấy là để nuôi con ta như thế nào không ? Xưa kia, chú thím đã nói với mẹ con ta, “Mấy đứa bây, nếu có

nhieu người thì hã đánh nhau với chúng ta ; còn nếu ít, hã ném ra chú thuật.” Chúng ta ít người mà chiến thắng nhờ huyền thuật thì vẫn hơn chúng ta đông người mà thắng trong đánh nhau. Hã nghĩ đến những người nằm trên sàn nhà, hã nghĩ đến những kho tàng chôn vùi dưới đó và gia súc trong chuồng. Ta đã sống đủ để thấy và say sưa trước cảnh tượng này do con trai ta đem lại. Hã tưởng tượng hạnh phúc của ta như thế nào từ nay trở đi !”

Mọi người trong nhà họ đều nghe tiếng la báo thù của mẹ thầy. Một số người trong bọn họ nói, “Bà ta có lý.” Những người khác lại nói, “Bà ta có thể có lý, nhưng sự trả thù của bà quá độc ác.”

Nghe được những người ấy bị giết bằng thần lực nào, những người có thân nhân bị chết họp nhau lại và nói, “Không chỉ thỏa mãn khi gây ra thảm họa này, bây giờ bà ta còn vui sướng với nó. Thế là quá lắm rồi. Hã hành hình bà ta và moi tim bà ta ra.” Những người già cả thì nói, “Giết bà có ích gì ? Cái điều xảy ra cho chúng ta là việc làm của thằng con bà. Các người phải trước hết tìm ra thằng con bà và giết nó. Sau đó sẽ dễ dàng hơn để giết bà mẹ.” Nói thế, họ đi đến một đồng ý với nhau.

Ông chú khi nghe nhận xét này nói rằng, “Giờ đây những đứa con trai và con dâu của tôi đã chết, tôi cũng chẳng còn sợ chết nữa.” Và ông ta chạy đi tìm giết mẹ thầy. Nhưng dân làng giữ ông lại, nói rằng, “Chính vì ông đã không giữ gìn lời nói mà thảm họa này đổ lên đầu chúng tôi. Nếu ông giết bà mẹ trước khi giết đứa con, chúng tôi sẽ chống lại ông.” Họ không cho

chú thầy cơ hội để hành động. Rồi người làng bàn tính âm mưu giết thầy.

Cậu thầy đến mẹ thầy và nói, “Sau những lời nói và hành động của em ngày hôm qua, những người làng sẵn sàng giết em và con trai của em. Tại sao em lại la lớn việc báo thù của em vậy ? Chú thuật tác hại như thế chưa đủ sao ?” Và ông khiển trách bà nặng nề. Mẹ thầy trả lời, “Bất hạnh không trút lên anh. Em hiểu anh muốn nói gì, nhưng cái cách họ ăn cướp tài sản của gia đình em thì khó mà giữ im lặng được.” Và không nói thêm gì nữa, bà khóc. Anh bà nói tiếp, “Đúng vậy. Em có lý. Nhưng những kẻ sát nhân có thể tới, hãy khóa cửa lại, ở trong nhà.” Nói xong, ông bỏ đi. Và mẹ thầy, khóa cửa ở trong nhà, bắt đầu trù tính phải làm gì.

Trong khi đó, người tớ gái của chú thầy, trước kia giúp việc trong gia đình thầy, nghe họ bàn tính với nhau. Vì sự quyến luyến với gia đình thầy, chị không nỡ để cho việc ấy xảy ra và bí mật nói với mẹ thầy cuộc họp của người làng đã quyết định như thế nào, khuyên bà hãy chăm lo cho mạng sống của con bà. Mẹ thầy trầm nghĩ, “Quyết định này làm u ám niềm vui của ta vào lúc này.” Bà bán nửa miếng đất Thảm Long Thú Nhỏ còn lại, được bảy lượng vàng. Vì không có người lân cận nào bà có thể nhờ đem đến cho thầy, và không có người đưa thư từ nơi khác đến, mẹ thầy nghĩ bà sẽ tự mình ra đi để mang cho thầy đồ dự trữ và khuyên bảo thầy.

Lúc đó có một thiền giả từ tỉnh Ủ trở về từ một cuộc hành hương Nepal, đến trước cửa nhà để khát thực, và mẹ thầy hỏi về ông. Thấy ông có thể làm một người đưa tin, bà nói với ông, “Hãy ở đây vài ngày, tôi có một đứa con trai đang ở Ủ và Tsang

và tôi cần gửi cho nó vài tin tức. Xin hãy rộng lượng đem đến cho nó.”

Trong mấy ngày đó, mẹ thầy tiếp đãi vị ấy trọng hậu. Rồi thấp lên một ngọn đèn bơ, bà cầu nguyện, “Nếu ý muốn của con được chấp nhận, nguyện lama của con tôi và những vị thần che chở khiến cho ngọn đèn cháy lâu không tắt. Nếu không được chấp nhận, nó sẽ chóng tắt.” Ngọn đèn cháy suốt một ngày một đêm. Mẹ thầy tin rằng ước nguyện của bà sẽ được đáp ứng, nói với vị hành hương, “Thưa thiền giả, để du hành khắp nước, áo quần và giày là rất quan trọng.” Và bà biểu ông da và chỉ để vá lại những đôi giày. Tự bà vá lại áo choàng đã sờn rách của ông. Âm thầm, bà may bảy lượng vàng vào trong áo choàng, trên đó may một miếng vải đen. Bà thêu trên miếng vải đó những ngôi sao tượng trưng chòm sao Thất Tinh bằng chỉ trắng thô để cho bên ngoài không thể thấy. Rồi bà biểu tặng ông đầy đủ, gửi gắm cho ông lá thư niêm kín bằng chữ bí mật và để ông ra đi.

Sau đó mẹ thầy nghĩ, “Vì ta không biết những hàng xóm định làm gì, ta phải có dáng vẻ đe dọa.” Bà nói với Peta, “Con hãy nói với mọi người là vị thiền giả đó đã mang một lá thư của anh con đến.”

Đây là lá thư mà mẹ thầy viết như thế nó là của thầy :

“Chắc chắn mẹ và em con đều mạnh khỏe và đã thấy những dấu hiệu huyền thuật đã xảy ra. Nếu còn những người xóm giềng nào còn thù hận mẹ, hãy gửi cho con tên của họ và tên của gia đình họ. Bằng chú thuật, con dễ dàng giết họ như ném một nắm muối gạo vào khoảng không. Như thế con sẽ hủy diệt họ cho đến thế hệ thứ chín. Mẹ và em thân mến, nếu người

làng còn xung đột với mẹ và em, hãy đến đây với con. Con sẽ hủy hoại mọi dấu vết trong cái làng này. Dù con đang ở trong thất, con dư dả và có đồ dự trữ dư dúng. Chớ có lo cho con.”

Viết xong, mẹ thầy xếp lá thư. Bà đưa nó trước tiên cho anh bà và bạn bè của ông, ông đưa nó cho mọi người xem. Kết quả là họ đều thay đổi thái độ và bỏ ý định giết ba mẹ con thầy. Họ trả lại miếng rượu Tam Giác Phì Nhiêu từ ông chú thầy về cho mẹ thầy.

Khi ấy vị thiền giả đi tìm kiếm thầy. Biết rằng thầy đang ở Nub Khulung, ông kiếm ra thầy. Ông đưa cho thầy lá thư và đứng qua một bên để đọc.

“Mẹ mong rằng Tin Lành con được khỏe mạnh. Ước mong của bà mẹ già của con muốn có một đứa con trai thật sự đã được thành và dòng dõi cha con, Mila Ngọn Cờ Trí Huệ đã được bảo đảm. Những dấu hiệu huyền thuật của con đã xuất hiện trong làng và ba mươi lăm người đã bị giết trong ngôi nhà sụp đổ. Vì điều đó, người dân địa phương có ác ý với hai mẹ con ở đây, nên con cần phải làm cho họ một trận mưa đá lớn. Lúc đó thì những ước nguyện cuối cùng của mẹ già của con sẽ thành hiện thực. Xóm giềng họ nói rằng họ sẽ tìm ra con và sau khi giết con thì sẽ giết mẹ. Để mẹ con chúng ta được an toàn, hãy bảo vệ cuộc đời chúng ta với sự chăm sóc thận trọng nhất. Nếu đồ dự trữ của con hết, hãy nhìn vào vùng hướng về phía bắc, trong đám mây đen, có chòm sao Thất Tinh sẽ xuất hiện. Dưới đó là bẫy căn nhà của những người anh em cô cậu của con. Nơi đó con sẽ tìm thấy mọi đồ dúng con muốn. Hãy lấy

mấy cái đó. Nếu con không hiểu, hãy hỏi không ai khác ngoài vị thiên giả này sống trong vùng đó.”

Thầy không hiểu ý nghĩa trong lá thơ. Thầy nhớ quê hương và mẹ. Vì thầy đang rất cần lương thực, mà không biết bà con nói trong thơ ở vùng nào, thầy rơi nước mắt. Thầy hỏi vị thiên giả, “Vì ông biết vùng này, các em con cô cậu của tôi ở đâu ?” Thiên giả trả lời, “Trong đồng bằng Ngari.”

“Ông không biết những vùng khác sao ? Vùng của ông là ở đâu ?”

“Ta biết nhiều vùng khác, nhưng ta không biết những vùng nào đưa em cô cậu của chú ở. Ta đến từ tỉnh Ủ.”

“Vậy hãy ở đây một lát, tôi sẽ về ngay.”

Thầy đến trình cho vị lama xem lá thơ và nhờ ông giải thích. Vị lama xem kỹ và nói với thầy, “Này Tin Lành, mẹ của con đầy thù hận. Dù sao cái chết của bấy nhiêu con người bà vẫn còn muốn con làm mưa đá. Ai là những anh em cô cậu của con ở phía bắc ?” Thầy trả lời, “Con chưa hề nghe về họ. Chỉ có lá thơ này nói về họ. Con đã hỏi vị thiên giả nhưng ông không biết gì.”

Vợ vị lama, bà có dấu hiệu của những dakini vĩ đại, đọc lớn lá thơ và nói với thầy, “Hãy mời vị thiên giả.”

Khi thiên giả đến, người vợ của vị lama đốt một ngọn lửa lớn và đưa cho ông bia tuyệt ngon. Rồi lấy cái áo choàng khỏi lưng thiên giả, bà khoác nó vào và nói, “Đây là một cái áo choàng tốt để chu du chỗ này chỗ khác.” Bà đi tới đi lui một lát, rồi lên sân thượng của ngôi nhà. Ở đó bà lấy vàng ra khỏi áo

choàng, may lại miếng vải như trước và trở lại, khoác cái áo choàng lên lưng thiền giả.

Sau khi mời thiền giả bữa ăn tối, bà dẫn ông đến phòng của ông và nói, “Hãy đi và nói với Tin Lành đến trình diện ngài lama.” Thầy đến và bà trao cho bảy lượng vàng. Thầy hỏi, “Số vàng này từ đâu đến ?” Vợ ngài lama trả lời, “Nó nằm trong áo choàng của thiền giả. Tin Lành ạ, con có một bà mẹ kỹ lưỡng. Vùng hướng về phía bắc nơi mặt trời không chiếu sáng nghĩa là cái áo choàng của thiền giả mà mặt trời không thể xuyên qua. Đám mây đen nghĩa miếng vải đen vá trên áo. Chòm sao Thất Tinh sẽ xuất hiện là những ngôi sao thêu bằng chỉ trắng. Và bên dưới, bảy căn nhà của những người anh em cô cậu của con là bảy lượng vàng. Nếu con không hiểu, hãy hỏi không ai khác ngoài vị thiền giả này sống trong vùng đó nghĩa là nếu con không hiểu, bởi vì vàng nằm trong áo choàng của thiền giả, hãy chú có tìm ở đâu khác.”

Vợ vị lama nói như vậy. Và vị lama nói, “Này mình ! Họ nói rằng bà rất lấu lỉnh. Và quả là rất đúng.” Rồi ông cười.

Sau đó thầy đưa cho thiền giả một chỉ vàng, ông ta hài lòng. Dâng tặng sư mẫu bảy chỉ. Rồi dâng cúng vị lama ba lượng và nói với ngài, “Thầy thấy bà mẹ già của con còn xin làm mưa đá. Xin thầy dạy cho con.”

Vị lama trả lời, “Nếu con muốn làm mưa đá, hãy đi tìm Yungton Trögyel (Người Chinh Phục Làm Khiếp Sợ) họ Nyag.” Và ông cho thầy một lá thơ và vài đồ biếu tặng.

Thầy rời làng Kyorpo miền Yarlung. Khi đến trình diện vị lama, thầy để dưới chân ngài ba lượng vàng, bức thơ và những

quà tặng. Thầy nói với ngài tại sao thầy muốn làm mưa đá. Ông hỏi thầy, “Con đã thành công trong việc làm được huyền thuật chưa ?”

Thầy trả lời, “Con hoàn toàn thành công, và với huyền thuật ba mươi lăm người đã bị giết. Bây giờ có thêm lá thơ này yêu cầu làm mưa đá. Xin thầy dạy cho con.”

Ông đáp, “Tốt lắm, được thôi.” Và vị lama cho thầy mật chú. Thầy đến trong cái cốc cũ của thầy để thực hiện những nghi lễ.

Bắt đầu ngày thứ bảy, một đám mây bao phủ cái cốc. Sấm chớp nổ vang, và có tiếng nói của Dza Mật Màu Hạt Dẻ. Điều này làm thầy tin rằng mình có thể cầu mưa đá bằng đầu ngón tay của mình.

Từ đó trở đi, vị lama thường hỏi thầy, “Để làm mưa đá, hiện giờ lúa cao bao nhiêu trong làng của con ?”

Và thầy trả lời, “Nó đã mọc mầm lên kha khá.”

Và thời gian sau, “Nó đã đủ cao để che kín con chim câu xanh.”

Rồi, “Và bây giờ lúa thế nào rồi ?”

Thầy trả lời, “Lúa mạch bắt đầu cong xuống.”

“Đúng lúc để làm mưa đá rồi đó.”

Ông cho một người đưa tin đi với thầy, người này đã từng ở làng thầy. Giả trang thành những nhà sư du phương, bọn thầy lên đường.

Năm ấy lúa ngoài đồng được mùa chưa từng có. Có một luật lệ trong làng, cấm gặt lúa riêng rẽ tùy thích. Khi bọn thầy đến, lúa đã chín vàng hôm sau thì gặt. Thầy ở trên vùng đất cao.

Sau khi thầy tụng đọc những thần chú, một đám mây nhỏ chỉ lớn bằng con chim sẻ bay đến. Thầy thất vọng. Thầy kêu gọi tên những vị thần. Lời cầu xin của thầy căn cứ trên những đối xử tàn bạo mà người làng đã bắt gia đình thầy chịu đựng. Thầy ném cái áo choàng và bắt đầu kêu khóc. Bấy giờ, những đám mây đen khổng lồ thỉnh thoảng lại trong bầu trời. Trong phút chốc trận mưa đá rơi xuống mùa màng và phủ trùm toàn bộ thung lũng, ngập đến ba viên gạch. Những khe suối mới tạo thành trên núi. Thấy mùa màng mất sạch, dân làng khóc.

Thình lình có một trận gió lớn kèm với mưa. Thầy và người bạn đồng hành lạnh quá, bèn vào trong một cái hang cửa hướng về phía bắc. Ở đó bọn thầy đốt lửa lên.

Vài người làng đang đi săn để lấy thịt làm lễ tạ cho vụ mùa. Họ nói, “Cái thằng Tin Lành này đã gửi cho chúng ta bất hạnh chứ chẳng có ai khác làm được. Nó đã tàn sát bao nhiêu người ! Bấy giờ với tài nghệ của nó, chúng ta không còn thấy một chút gì cái mùa màng đẹp tốt của chúng ta nữa. Nếu nó rơi vào tay chúng ta, chúng ta sẽ dút trái tim còn đập của nó ra. Và mỗi người chúng ta sẽ ăn một miếng thịt, uống một giọt máu của nó.”

Họ nói thế bởi vì vết thương trong lòng họ thì không thể chữa lành. Khi nói chuyện với nhau như vậy, vừa đi xuống núi,

họ đi ngang cái hang. Một người già nói, “Im nào ! Im nào ! Nói nhỏ thôi ! Khói từ hang ra. Ai thế ?”

“Chắc là thằng Tin Lành. Nó không thấy chúng ta. Nếu bọn đàn ông trong làng chúng ta không giết nó sớm, chắc chắn nó sẽ tàn phá cả vùng.” Nói thế họ trở lui.

Bạn đồng hành của thầy nói với thầy, “Hãy rời đây trước tôi. Tôi sẽ giả bộ tôi là bạn. Tôi sẽ nói với họ khi rời khỏi đây rằng việc này là sự trả thù của tôi. Chúng ta sẽ gặp lại bốn ngày sau ở quán Dingri về hướng tây.

Tự biết sức mạnh của mình, anh ta ở lại một mình không sợ hãi. Lúc đó, thầy mong được thấy mẹ một lần nữa, nhưng vì sợ những kẻ thù, thầy thoát nhanh và chạy đến Nyanang. Bị chó cắn vào chân, thầy không thể đến đúng hẹn.

Bạn đồng hành của thầy, dù bị những người làng vây quanh, cũng phá được vòng vây và chạy thoát. Họ càng rượt đến gần anh, anh càng chạy nhanh hơn nhưng khi họ tụt lại anh lại buông lỏng bước chân. Họ bắn tên về phía anh, và anh ta ném lại những viên đá lớn.

Anh la lên cho họ nghe, “Ta sẽ đặt một lời nguyện trên bất kỳ ai dám chống lại ta. Ta đã giết chết bao nhiêu người để báo thù. Và bây giờ cả vụ mùa đẹp đẽ đã biến mất. Đây chẳng phải là việc báo thù của ta sao ? Thế đấy, nếu các người không tử tế với mẹ và em của ta, ta sẽ đặt một lời nguyện lên toàn bộ vùng này từ chỗ cao nhất đến chỗ thấp nhất của thung lũng. Những người chưa bị giết sẽ thấy dòng họ của họ bị hủy diệt cho đến đời thứ chín. Nếu sự chết chóc tiêu điều không đánh vào vùng này, thì đó sẽ là lỗi của tao. Hãy đợi mà xem ! Hãy đợi mà xem !

Nói thế, anh bỏ đi. Và kinh hãi, họ bắt đầu đổ lỗi cho nhau, “Đây hoàn toàn do lỗi của anh, đây hoàn toàn là do anh.”

Họ cãi nhau trong khi trở về làng.

Bạn đồng hành của thầy đến Dingri trước thầy. Anh hỏi chủ quán có ai giống một thiền giả đến đây chưa. Chủ quán trả lời, “Ông chưa tới. Nhưng tất cả những người tự nhận là thiền giả các anh đều rất thích uống. Trong làng bên có một quán bia. Hãy đến đó. Nếu anh không có chén, tôi có thể cho anh mượn.” Và anh mượn của ông ta một chén gỗ sâu và xám như mặt của Thần Chết Yama.

Đem cái chén theo, anh vào quán và thầy ngồi ở sau chót đám khách, anh đến ngồi bên cạnh thầy. Anh nói, “Tại sao không đến chỗ hẹn vào hôm qua ?”

“Hôm qua tôi đi khất thực. Một con chó cắn vào chân tôi và tôi không thể đi nhanh. Nhưng chẳng có gì phải lo cả.”

Ra khỏi quán bia, bọn thầy đến Kyorpo vùng Yarlung.

Vị lama nói với bọn thầy, “Tốt, cả hai người đã thành công !”

“Không có ai đến đây trước chúng con. Ai đã nói cho thầy chuyện ấy ?”

Vị lama trả lời, “Các thần đã đến, mặt họ sáng như trăng rằm. Ta đã cảm tạ họ.”

Nói xong, vị lama tỏ ra hài lòng.

Đây là cách thầy đã tích tập những ác hạnh từ sự trả thù những kẻ thù của thầy.

AÙC HAĨNH

Đạo sư nói như thế. Đây là chương thứ ba, sự tiêu diệt những kẻ thù. Đó là công việc của Milarepa trong thế gian.



PHẦN HAI

Phần hai gồm chín chương, chỉ ra như thế nào Milarepa đã đi trên con đường của mình đến sự an lạc tối thượng của niết bàn.

Chương thứ nhất : Sự ghê tởm và hối hận làm cho ngài đi tìm một lama thực sự toàn hảo.

Chương thứ hai : Khi đã tìm được vị ấy và phục tùng kỷ luật của vị ấy, ngài chịu đựng những thử thách khó tưởng tượng đến độ ngài hoàn toàn tẩy sạch những dơ bẩn của các ác hạnh và những nhiễm ô của tâm thức.

Chương thứ ba : Rồi, có được tình thương mến của lama, ngài nhận được từ lama giáo lý và những phương pháp dẫn đến Giác Ngộ.

Chương thứ tư : Thiền định trong sự có mặt trực tiếp của lama, ngài kinh nghiệm bình minh của sự Thức Tỉnh.

Chương thứ năm : Sau khi hoàn thành sự thực hành những giáo lý ấy, ngài tìm kiếm

những giáo huấn bí mật như đã được chỉ bảo trong một giấc mộng. Rồi ngài từ giã lama.

Chương thứ sáu : Gặp gỡ sự hiển nhiên mới về tính phù phiếm hư vọng của thế gian, ngài phát nguyện hiến mình cho thiền định.

Chương thứ bảy : Để thực hiện những giáo huấn của lama, ngài từ bỏ tất cả những bám luyến vào cuộc đời thế gian và trọn vẹn hiến mình cho thiền định và sự khổ hạnh kịch liệt trong hoang vắng núi non.

Chương thứ tám : Do thiền định như thế, kinh nghiệm về Thức Tỉnh đến chỗ viên mãn. Như một kết quả của sự thành tựu, ngài đem lợi lạc đến cho giáo pháp và cho tất cả chúng sanh.

Chương thứ chín : Đã hoàn thành mọi hoạt động của một bậc Giác Ngộ, ngài tiêu dung thân thể vào Không Gian Trùm Khấp để làm khởi lên một thúc đẩy tâm linh trong tất cả chúng sanh.

CHƯƠNG MỘT

TÌM CẦU PHÁP

Bấy giờ Retchung hỏi, “Thưa lama, ngài nói đã làm những thiện hạnh, và không có những việc làm nào xứng đáng hơn hiến mình cho Pháp. Thưa Đạo sư, trước tiên thầy gặp giáo lý như thế nào ?” Và Bạc Tôn Quý tiếp tục như thế này :

Thầy ngập đầy hối hận cắn rứt vì cái ác thầy đã làm bằng huyền thuật. Sự mong mỏi giáo pháp của thầy ám ảnh thầy đến độ thầy quên cả ăn. Nếu thầy đi ra, thầy muốn ở nhà. Nếu thầy ở nhà, thầy muốn đi ra. Ban đêm giấc ngủ trốn đâu mất. Thầy không dám thổ lộ sự buồn rầu và mong cầu giải thoát của thầy với vị lama. Khi thầy hầu hạ vị lama, thầy tự hỏi không ngừng và tha thiết làm cách nào thầy có thể thực hành chánh pháp.

Vào thời gian đó, vị lama vẫn tiếp tục nhận những lương thực và những thứ cần thiết từ một chủ đất giàu có. Ông chủ đất này bị một bệnh rất nặng. Vị lama là người đầu tiên được mời đến chữa bệnh, và ba ngày sau ông trở về, im lặng và thiếu não. Thầy hỏi ông, “Thưa đạo sư, tại sao thầy có khuôn mặt im lặng và buồn rầu ?”

Vị lama trả lời, “Mọi sự đều vô thường. Hôm qua người thí chủ rất tốt của ta đã chết. Bởi thế vòng sanh tử làm lòng ta

nặng trĩu. Nhưng trên hết là ta đã già rồi. Và thế mà từ thời trai trẻ răng trắng tinh cho đến tuổi già tóc bạc, ta đã chỉ làm hại nhiều chúng sanh bằng tà chú, huyền thuật và mưa đá. Con cũng vậy, dù còn nhỏ, mà đã tích tập những tội ác của huyền thuật và mưa đá. Những tội lỗi đó cũng đổ lên đầu ta nữa.”

Thầy hỏi, “Thầy không có cách nào giúp đỡ những nạn nhân ấy đạt đến những cõi cao hơn và đạt được giải thoát sao ?”

Vị lama trả lời, “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Ta biết một cách lý thuyết làm sao để dẫn dắt họ đến những cõi cao hơn và đến giải thoát, nhưng khi những duyên khởi lên khảo hạch sự tu chứng thực sự của ta, ta chỉ còn nhớ những chữ và ý niệm. Ta không tự tin vào khả năng của ta có thể giúp đỡ được chúng sanh. Nhưng bây giờ ta sắp đi thực hành Pháp để có thể gặp gỡ bất kỳ hoàn cảnh nào sanh khởi. Hoặc là con ở đây hướng dẫn cho các đệ tử của ta để ta chuyên cần vào việc thực hành đưa đến những cõi cao hơn và giải thoát, hay con phải tự mình thực hành Pháp và giúp đỡ chúng ta, tất cả đều thành tựu những cõi cao hơn và giải thoát. Trong thời gian ấy ta sẽ cung cấp cho con một lương thực con cần.”

Như thế là ý nguyện của thầy đã được đáp ứng và thầy trả lời rằng thầy muốn tự mình thực hành Pháp.

“Tốt lắm, vậy thì bởi vì con còn trẻ, vì sự nhiệt thành và niềm tin của con rất lớn lao, con hãy thực hành cái thanh tịnh nhất của tất cả giáo pháp.”

Và ông cho thầy một con trâu yak với vải len từ Yarlung.

Rồi ông nói với thầy, “Trong làng Nar miền Tsangrong, có một lama tên là Rongton Lhaga (Niềm Vui của chư Thiên). Hiểu biết của ngài về Đại Toàn Thiện (Dzogchen) đã đưa ngài

đến mục đích. Hãy đi đến đó và có giáo lý ấy được giải thích cho con và hãy tịnh hóa chính con.”

Theo lời dạy của vị lama, thầy đến Nar miền Tsangrong và hỏi thăm.

Người vợ của lama và vài nhà sư ở đó nói với thầy, “Đây là tu viện chính, nhưng Lama Rongton Lhaga không có ở đây lúc này. Ngài đang ở tu viện con trên núi Nyang Thượng.”

“Tốt lắm, thầy nói, tôi là một sứ giả do Lama Yungton Trögyel gửi đến. Hãy giúp tôi tìm ra lama của các ông.”

Thầy kể cho họ tất cả câu chuyện của thầy. Vợ vị lama nhờ một nhà sư dẫn thầy đến vị lama, và thầy gặp ngài ở Rinang vùng Nyang Thượng. Thầy biếu ngài con trâu yak và vải len.

Sau khi đánh lễ, thầy nói, “Người đến với ngài là một kẻ đại tội lỗi. Xin ban cho con giáo pháp sẽ giải thoát con khỏi vòng sanh tử luân hồi ngay trong đời này.”

Vị lama trả lời, “Giáo Pháp Đại Toàn Thiện này,⁽¹⁾ dẫn người ta toàn thiện ở gốc, toàn thiện ở ngọn và toàn thiện nơi quả của sự thành tựu. Thiện định về nó ban ngày bèn là Phật trong một ngày. Thiện định về nó ban đêm bèn là Phật trong một đêm. Đối với người nào phước đức với nghiệp tốt, họ chỉ may mắn nghe được nó, không thiện định về nó, giáo pháp hoan hỷ này chắc chắn là phương tiện của giải thoát cho họ. Đây là tại sao ta muốn truyền nó cho người.”

Và vị lama ban cho thầy sự nhập môn và giáo huấn.

Bấy giờ thầy nghĩ, “Trong quá khứ, ta đã đạt được những kết quả lớn lao về chú thuật trong mười bốn ngày. Bảy ngày nữa là đủ thành tựu mưa đá. Nhưng đây là một pháp môn đạt đến giác ngộ còn dễ hơn cả làm mưa đá hay huyền thuật gây chết chóc. Nếu ta thiền định nó vào ban đêm ta sẽ được tịnh hóa trong một đêm, nếu ta thiền định nó vào ban ngày ta sẽ được tịnh hóa trong một ngày. Nhờ sự gặt gõ giáo pháp này, ta cũng đã trở thành một trong những Bồ tát phước đức mà chỉ nghe giáo pháp là đủ giải thoát, thậm chí không cần thiền định về nó.” Hoan hỷ vì thắng lợi và suy nghĩ theo cách đó, không cần thiền định, thầy dùng thì giờ để ngủ. Thế là thầy để đạo Phật một bên và thân phận con người một bên, và sau vài ngày, vị lama nói với thầy, “Ban đầu khi lễ ta, con nói là con đến như một người đại tội lỗi. Điều đó hoàn toàn đúng. Tự hào về giáo pháp của ta, ta đã nói cho con quá sớm. Ta không thể dẫn dắt con đến giải thoát. Hãy đến tu viện Drowo Lung (Thung Lũng Gõ Bu Lô) trong tỉnh Lhobrak miền nam. Ở đó có Marpa nổi tiếng, đệ tử trực tiếp của Đại Đạo Sư Naropa Ấn Độ, vị thánh của dòng Mật thừa tân phái và là vua của các nhà dịch giả, người không ai sánh nổi trong ba cõi. Con và ngài đã có những mối liên kết nghiệp trong quá khứ. Đó là tại sao con phải đi đến ngài.”

Vừa mới nghe tên Marpa Dịch Giả thầy đã tràn ngập một hạnh phúc không thể diễn tả. Trong niềm vui, mỗi một sợi lông tóc trên thân thể thầy đều rung động. Thầy nức nở với sự tôn thờ nồng nhiệt. Khóa kín toàn bộ tâm thức thầy trong chỉ một tư tưởng, thầy ra đi với lương thực và một cuốn sách. Không xao lãng bằng tư tưởng nào khác, thầy không ngừng tự hỏi, “Bao giờ ? Bao giờ tôi sẽ diện đối diện với vị lama ?”

Đêm trước khi thầy đến Drowo Lung, Marpa thấy Đại Đạo Sư Naropa trong một giấc mộng. Đức Naropa ban phước cho ngài, đưa cho ngài một chày kim cương năm ngạnh bằng đá da trời hơi hoen ố. Cùng lúc Naropa đưa cho ngài một bình bằng vàng chứa đầy cam lồ và nói với ngài, “Với nước trong bình này hãy rửa sạch cái dơ bẩn của chày kim cương, rồi treo nó lên đỉnh ngọn cờ chiến thắng.⁽²⁾ Điều này sẽ làm hài lòng chư Phật quá khứ và làm cho tất cả chúng sanh hạnh phúc, như thế là làm tròn mục đích của con và của những người khác.”

Rồi Naropa biến mất. Theo những giáo huấn của Đạo sư mình, Marpa rửa chày kim cương với nước trong bình, và treo nó lên đỉnh ngọn cờ chiến thắng. Bấy giờ sự rục rĩ của chày kim cương này làm ngời sáng toàn thể vũ trụ. Tức thì chúng sanh trong sáu nẻo, ngạc nhiên vì ánh sáng chiếu tới, được giải thoát khỏi đau buồn và ngập đầy hạnh phúc. Họ sẽ lạy và quy hướng về Marpa Tôn Quý và ngọn cờ chiến thắng của ngài, ngọn cờ này được chư Phật quá khứ thụ phong.

Ngạc nhiên về giấc mơ này, Marpa thức dậy. Ngài tràn đầy niềm vui và thương yêu. Vào lúc đó, vợ ngài đến để dọn cho ngài thức uống nóng buổi sáng và bà nói, “Ôi, Lama, hồi hôm tôi có một giấc mơ. Hai người đàn bà nói là họ đến từ Ugyen phía bắc, mang theo cái tháp dựng xá lợi bằng pha lê. Tháp này có một số dơ bẩn trên mặt. Và hai người đàn bà nói, “Naropa bảo lama cử hành lễ chú nguyện thụ phong cho cái tháp và đặt nó trên đỉnh một ngọn núi.” Rồi chính ông kêu lên, “Dù Đạo sư Naropa đã ban phước thụ phong cho cái tháp này, ta phải vâng lời chỉ bảo của ngài.” Và ông rửa cái tháp bằng nước tẩy tịnh trong cái bình và thực hiện lễ thụ phong. Sau đó ông đặt nó lên đỉnh núi, nó phát ra vô số tia sáng chói như mặt trời và mặt

trắng và phóng chiếu ra nhiều phiên bản của chính nó trên những đỉnh núi. Và hai người đàn bà trông giữ cho những cái tháp ấy. Đó là giấc mộng của tôi. Nó có nghĩa gì ?”

Marpa thâm nghĩ, “Hai giấc mơ này rất tương hợp”, và lòng ngài tràn đầy niềm vui cực kỳ, nhưng với vợ ngài chỉ nói, “Tôi không biết ý nghĩa bởi vì những giấc mơ ấy không có nguồn gốc. Bây giờ tôi sắp đi cày miếng ruộng gần đường. Hãy sửa soạn giùm.”

Vợ ngài trả lời, “Nhưng đó là công việc của những người làm nông. Nếu ông, một đại lama, mà làm việc ấy thì mọi người sẽ cười chúng ta. Bởi thế, tôi xin ông đừng đi.”

Vị lama chẳng chú ý đến bà. “Đem cho tôi nhiều bia”, ngài nói. Và ngài lấy ra một vại đầy, nói thêm, “Tôi sẽ uống bia này. Hãy đem thêm nữa cho một người khách.”

Ngài cầm một vại đầy khác, và ra đi. Khi đến cánh đồng, ngài chôn nó xuống đất và phủ nón lên. Rồi khi đang cày miếng đất, ngài trông ra đường. Và uống phần bia, ngài chờ đợi.

Trong thời gian đó thầy đang trên đường. Khởi hành từ phần thấp xứ Lhobrak (Vách Đá Phía Nam), thầy bắt đầu hỏi mọi người qua đường Marpa Đại Dịch Giả sống ở đâu. Nhưng không có ai biết ngài. Khi thầy đến khoảng đèo từ đó người ta có thể thấy tu viện Drowo Lung, thầy đặt cùng câu hỏi với một người đang đi qua.

Ông trả lời, “Chắc chắn có một người tên là Marpa. Nhưng không có ai là Marpa Đại Dịch Giả.”

Thế thì Drowo Lung ở đâu ?”

Ông chỉ nó và tôi hỏi lại, “Ai sống trong Drowo Lung ?”

“Người tên Marpa sống ở đó.”

“Và ông ta có tên gì khác không ?”

Có người gọi ông là Lama Marpa.”

“Vậy thì đó đúng là chỗ vị lama ấy sống. Và cái đèo này gọi là gì ?”

“Nó có tên là Chola Gang (Sống Đất của Đạo).”

Thầy tiếp tục con đường, và vẫn hỏi tiếp. Có nhiều người chặn cừu và thầy hỏi họ. Người già nhất trả lời họ không biết. Trong bọn họ có một đứa nhỏ vẻ mặt đáng yêu, tóc chải dầu, quần áo tươm tất, nói rằng, “Chắc anh muốn nói đến cha tôi ? Nếu thế thì cha tôi dùng tất cả tài sản để mua vàng và đi Ấn Độ. Ông đem về nhiều sách trang hoàng với đá quý. Thường thường ông không làm việc, nhưng hôm nay ông đang cày trên đồng.”

Thầy trầm nghĩ, “Đứa bé này nói có vẻ như là vị lama, nhưng một đại lama đi cày ruộng ư ?” Và thầy tiếp tục con đường.

Ở bên đường, một nhà sư cao lớn, mập mạp, với đôi mắt lớn và trông có vẻ uy nghiêm, đang cày ruộng. Vừa mới thấy ông, thầy tràn đầy niềm vui không thể thốt nên lời và an lạc không thể tưởng. Sững sốt một chốc lát vì sự nhìn thấy này, thầy như bất động. Rồi thầy nói, “Thưa Đạo sư, con có nghe rằng Marpa Dịch Giả, đệ tử nối pháp của Naropa vinh quang, ở trong vùng này. Nhà vị ấy ở đâu ?” Ông nhìn thầy từ đầu đến chân một hồi lâu. Rồi ông nói, “Người là ai ?”

Thầy trả lời, “Con là một người đại tội lỗi và con đến từ Tsang Thượng. Nghe đại danh của Marpa, con đến cầu xin giáo pháp của ngài.”

“Tốt lắm, ta sẽ sắp xếp cho anh gặp Marpa. Trong khi đó, hãy cày ruộng đi.”

Ông lấy vại bia từ dưới đất có phủ nón và đưa cho thầy. Bia này tươi mát và rất ngon.

“Làm mạnh mẽ lên”, ông nói thêm rồi bỏ đi.

Uống xong phần bia còn lại, thầy làm việc hăng hái. Sau một lúc đĩa tré hồi nãy đã chỉ dẫn cho thầy đến tìm thầy.

Thầy rất vui mừng khi nó nói, “Anh hãy về nhà và hầu hạ lama.”

Vì nó nôn nóng giới thiệu thầy với lama, thầy nói, “Anh còn làm cho xong công việc này đã.” Rồi thầy cày hết phần còn lại. Vì miếng ruộng ấy là cơ hội cho sự gặp gỡ của thầy với lama, thầy gọi nó là Tühngken (Thửa Ruộng Cơ Hội). Vào mùa hè con đường mòn chạy dọc bờ ruộng, nhưng về mùa đông nó đi xuyên qua.

Thầy theo cậu bé về nhà. Cũng nhà sư hồi nãy thầy đã gặp đang ngồi trên hai tấm đệm phủ thảm với một cái gối sau lưng. Ngài đã lau mặt nhưng lông mày, mũi, và râu còn dính bụi và ngài đang dùng bữa ăn.

Thầy nghĩ, “Đây là nhà sư hồi nãy. Vậy thì vị lama ở đâu?” Bấy giờ nhà sư nói, “Hẳn nhiên là con không biết ta. Ta là Marpa. Hãy lạ đi!”

Thầy vội đánh lễ dưới chân ngài. “Lama Rinpoche,⁽³⁾ con là một kẻ đại tội lỗi từ miền tây Tây Tạng. Con dâng cúng ngài thân, khẩu, tâm của con. Xin thầy ban cho con thực phẩm, quần áo và giáo pháp. Xin thầy dạy cho con con đường đưa đến Giác Ngộ trong hiện đời này.”

Lama trả lời, “Ta không muốn nghe ba cái chuyện mê sảng của người về việc người là một kẻ đại tội lỗi. Ta chưa hề khiến người phạm vào một tội lỗi nào. Vậy thì người đã phạm tội gì ?”

Bây giờ thầy phát lộ đầy đủ những tội ác của thầy trong đời. Lama nói với thầy, “Thế đấy, người đã làm tất cả các thứ đó. Dù sao, người dâng cúng thân, khẩu, tâm của người là tốt. Nhưng ta sẽ không cho người thức ăn, quần áo và cả giáo pháp. Ta sẽ cho người thức ăn, quần áo nhưng giáo pháp thì người phải cầu ở nơi khác. Hay, nếu ta cho người giáo pháp, thì hãy tìm ở chỗ khác thực phẩm và áo quần. Hãy chọn giữa hai cái đó. Nhưng nếu người chọn Pháp, thì việc người có đạt đến Giác Ngộ trong đời này hay không, tất cả sẽ chỉ tùy thuộc vào nỗ lực riêng của người.”

Thầy trả lời, “Bạch Thầy, con đến với thầy là vì Pháp, cho nên con sẽ kiếm thức ăn và quần áo ở nơi khác.”

Khi thầy đặt cuốn sách trong phòng thờ của ngài, ngài nói, “Hãy đem cuốn sách bản thủ đó đi ; nó làm ô uế những đồ thờ cúng và bàn thờ của ta.”

Thầy nghĩ, “Ngài làm như vậy vì cuốn sách của mình có nhuốm mùi hắc thuật.”

Cẩn thận, thầy đem nó đi. Thầy ở lại với Marpa thêm vài ngày nữa. Vợ ngài lama cho thầy những bữa ăn ngon.

Milarepa nói như thế. Đó là cách ngài gặp Đạo sư của mình. Đây là chương thứ nhất diễn tả những thiện hạnh của ngài.

CHƯƠNG HAI

NHỮNG THỬ THÁCH

Thầy đi khắp cả thung lũng để khát thực. Nhờ cách đó thầy gom góp được hai mươi mốt giỏ lúa mạch. Với mười bốn giỏ thầy mua một cái nồi nấu bốn tay cầm, không bị rỉ sét, ngoài trong đều phẳng phiu. Với một giỏ thầy mua thịt và bia, số còn lại thầy đổ vào cái bao lớn. Rồi để cái nồi lên trên hết, thầy về chỗ ở của lama.

Run rẩy vì mệt, thầy đặt cái bao nặng xuống làm sàn phòng hơi rung rinh. Lama đang ăn bữa, giật mình ngừng ăn.

“Anh thanh niên này, anh nhiều sinh lực lắm ! Bộ anh muốn chôn vùi chúng tôi dưới đồng cỏ nát với thứ huyền thuật của anh chắc ? Đồ ghê tởm ! Đem cái bao ra !”

Và ngài đá bay cái bao ra ngoài. Khi kéo lê cái bao, thầy chỉ thầm nghĩ mà không có ý nghĩ xấu nào, “Ngài Lama này thật nóng nảy. Ta phải canh chừng thái độ và cách phục vụ của ta.” Trở lại và lễ lạy, thầy dâng cúng ngài cái nồi nấu trống không. Ngài cầm nó trong hai tay, giữ nó một lúc, đôi mắt suy tư. Nước mắt chảy từ mắt ngài, và ngài nói, “Món cúng dường của người là điềm lành. Ta dâng cúng nó cho Đại Đạo sư Naropa.”

Marpa dựng đứng nó lên trong tư thế dâng cúng. Ngài lắc những tay cầm để xem âm thanh, nó kêu leng keng và đem nó vào trong phòng thờ của ngài. Ngài rút bơ từ những cây đèn thờ vào nó cho đầy. Vào lúc đó thầy chìm ngập xúc động và cháy rục mong muốn cầu đạo. Rồi thầy lại khẩn khoản xin lama chỉ dạy cho thầy.

Ngài trả lời, “Nhiều đệ tử thuần thành đến với ta từ miền Ü và Tsang. Nhưng những người dân ở Yadrok Taklung và ở Ling thường tấn công cướp bóc họ, lấy lương thực và đồ cúng dường của họ. Hãy chôn vùi hai vùng đó trong mưa đá. Đây là việc đạo. Sau đó ta sẽ chỉ dạy cho người.”

Thầy gởi cho hai vùng đó một trận mưa đá dữ dội. Rồi thầy xin lama dạy cho thầy. Lama trả lời, “Sao ? Với mấy cục mưa đá mà người đã làm, ta phải cho người một giáo pháp ta đã đem về từ Ấn Độ với bao nhiêu khó khăn lớn lao à ? Người muốn sự chỉ dạy của ta... Thế thì tốt lắm, những người vùng núi ở Đèo Lhodrak thường tấn công các đệ tử của ta từ Nyal Loro đến. Bọn họ cười vào mặt ta. Người, người tự gọi mình là một đại phù thủy, hãy ném những chú thuật trên đám dân núi ấy, và nếu người chứng tỏ pháp thuật của người, ta sẽ cho người giáo pháp của Naropa để đạt Giác Ngộ trong một đời này và trong một thân này.”

Sau đó, thầy tung ra những chú thuật, khiến đám dân sơn cước đánh lẫn nhau và nhiều người hung hăng trong bọn họ bị chết vì kiếm. Thấy thế, lama bảo, “Quả thật người là một đại phù thủy.” Từ đó, ngài gọi thầy là Đại Phù Thủy.

Thầy hỏi về giáo pháp Giác Ngộ. Nhưng ngài trả lời, “Ha ! Chẳng lẽ ta phải đi Ấn Độ suýt mất mạng để đánh đổi lấy

nhieu tội ác của người ư ? Người nói người muốn những giáo pháp ấy. Người có biết rằng những giáo pháp ấy là hơi thở sống của những dakini và vì chúng mà ta đã từ bỏ của cải, dâng cúng cơ man vàng bạc. Ta hy vọng là người chỉ đùa ! Nếu là ai khác thì họ đã giết người vì đòi hỏi đó rồi ! Bây giờ người hãy phục hồi mùa màng trong vùng Yadrok và cứu sống lại những người dân sơn cước ; sau đó ta sẽ dạy cho người. Nhưng nếu không thể làm điều đó thì chớ bao giờ trở lại.”

Lama la mắng thầy khắc nghiệt như vậy. Chìm đắm trong đau buồn, thầy khóc và sư mẫu an ủi thầy.

Ngày hôm sau đích thân lama đến và nói với thầy, “Đêm qua ta rất nặng nề với con, nhưng chớ tuyệt vọng. Hãy kiên nhẫn. Giáo pháp là công việc rất chậm chạp. Con có nghị lực để làm việc, thế thì hãy xây dựng một cái tháp mà ta sẽ cho con trai ta là Darma Doday (Thanh Niên của Kinh Điển). Khi con làm xong ta sẽ dạy cho con và ta sẽ cung cấp cơm áo cho con tu học.”

“Nếu lỡ trong thời gian đó, con chết mà không có đạo, thì con sẽ ra sao ?”

“Ta bảo đảm con không chết trong thời gian đó. Giáo pháp của ta có thể nói ra trong vài lời. Nếu con có thể thiền định kiên trì theo những giáo huấn của ta, con sẽ chứng tỏ con có thể đạt Giác Ngộ trong hiện đời hay không. Trong dòng tu của ta, một năng lực giác ngộ được nối truyền, nó không giống với những tông phái khác.”

Sau những lời an ủi ấy, thầy tràn ngập niềm vui.

Rồi thầy nói, “Thầy có muốn nói cho con sơ đồ cái tháp không ?”

Tất cả anh em chú bác bên phía ngài Marpa có một lời thề là không xây dựng bất cứ công trình kiên cố nào. Nhưng Marpa không thề. Bây giờ khi nghĩ đến việc xây tháp, ngài đồng thời tìm ra một cách để đánh lừa những bà con của ngài và một cách để cho thầy sám hối những ác hạnh của thầy.

Và ngài nói với thầy, “Con hãy xây một cái tháp như thế này trên đỉnh phía đông của ngọn núi.”

Và thầy bắt đầu xây một cái tháp tròn.

Khi đã hoàn thành phân nửa, lama đến và nói, “Hôm trước, thầy chưa xem xét kỹ vấn đề. Hãy giật sập nó xuống và đem đất đá về chỗ cũ.”

Thầy làm y vậy. Lần sau đó, một hôm lama giả bộ uống nhiều và đưa thầy đến đỉnh núi phía tây rồi nói với thầy, “Hãy làm một cái tháp tương tự cái này.”

Và thầy làm một cái tháp hình bán nguyệt. Vừa mới được một nửa, lama trở lại và nói, “Cũng còn chưa đúng. Hãy giật sập nó xuống và mang đất đá về lại chỗ con đã lấy chúng.”

Lần này thầy và bốn sư đến đỉnh núi phía bắc và ngài nói với thầy, “Đại Phù Thủy, hôm trước ta đã uống và không đưa cho ông mệnh lệnh đúng. Hãy xây một cái tháp thật chắc ở đây.”

Thầy trả lời, “Giật sập cái tháp đã xây nửa chừng làm cho con khốn khổ và cũng tốn kém cho Thầy. Xin ngài suy nghĩ cẩn thận trước đã.”

Lama trả lời, “Hôm nay ta không uống đâu. Ta đã nghĩ về nó rất cẩn thận. Cái tháp này sẽ gọi là Tháp của Thiên giả

Mật thừa. Nó phải là hình tam giác. Hãy xây dựng nó. Nó sẽ không bị phá sập.”

Thầy bắt đầu xây cái tháp tam giác. Khoảng một phần ba tháp được hoàn thành thì lama đến và nói, “Đại Phù Thủy, ông làm cái tháp này cho ai ? Ai chỉ bảo cho ông làm ?”

“Chính lama ra lệnh làm tháp này cho con trai của ngài.”

“Ta không nhớ đã ra lệnh cho ông như thế. Nếu ông đúng, ta phải là điên. Chẳng lẽ ta đã mất trí ?”

“Thưa thầy, con nhớ rõ ràng đã nghi ngại sẽ xảy ra như thế này và đã kính cẩn xin thầy suy nghĩ cẩn thận. Thầy trả lời đã suy nghĩ đầy đủ và tháp này sẽ không bị phá hủy.”

“Vậy thì ai làm chứng cho ông ? Có lẽ ông định nhốt chúng tôi vào cái tháp tam giác của ông, y như một tam giác huyền thuật, và trút chú thuật lên chúng tôi ; chúng tôi có cướp đoạt gia sản của ông đâu, chúng tôi có ăn tài sản của cha ông đâu. Nếu không phải thế và nếu ông muốn cầu đạo, thì chỉ nội cái hình dáng của tháp này đã mất lòng những vị thần của vùng đất. Hãy đi và đem đất này và những hòn đá này trở lại chỗ cũ. Sau đó, nếu còn muốn giáo pháp, ta sẽ cho ông, còn ông không muốn làm việc đó, hãy rời bỏ nơi đây.”

Khi nói ngài rất giận dữ.

Rất đau khổ và vẫn khát khao cầu đạo, thầy vâng lời. Thầy mang trở lại đất, rồi những tảng đá của cái tháp tam giác về chỗ cũ. Bấy giờ thầy có một vết thương trên vai, thầy nghĩ, “Nếu mình bày lộ nó cho lama thấy, ngài chỉ sỉ vả mình. Nếu mình bày lộ nó cho sư mẫu, mình lại tỏ ra cho bà biết công việc quá nặng nhọc. Và không bày lộ nó cho sư mẫu, thầy khóc

năn nỉ sư mẫu giúp thầy có được giáo pháp. Sư mẫu đến trước lama và nói với ngài, “Công việc vô ích xây dựng những cái tháp ấy chỉ đem lại khổ đau cho Đại Phù Thủy. Xin hãy bi悯 với nó mà ban cho nó giáo pháp.”

Lama trả lời, “Hãy chuẩn bị cho nó một bữa ăn ngon và đem nó vào với tôi.”

Sư mẫu dọn bữa ăn và đem thầy đến trước lama. Ngài nói, “Đại Phù Thủy, chớ nói láo về chuyện mà ta không làm. Bởi vì con muốn giáo pháp, ta sẽ cho con.”

Ngài ban cho thầy một giải thích về Ba Quy Y và giới luật căn bản. Và ngài tiếp, “Đây là giới luật tổng quát cho bất kỳ ai. Nhưng nếu con muốn giáo pháp bí mật, đây là điều phải làm.”

Và ngài kể cho tôi câu chuyện giải thoát của Naropa và cách thức Tổ đã chịu đựng những thử thách kinh khủng.

“Đối với con, cách ấy chắc là khó khăn.”

Khi ngài nói những lời này, niềm tin của thầy tăng lên mãnh liệt đến độ thầy chảy nước mắt. Thầy thệ nguyện sẽ làm bất cứ điều gì lama đòi hỏi nơi thầy.

Sau đó vài ngày, lama bảo thầy đi dạo chơi với ngài. Hai người đến khu đất mà những anh em chú bác đã bảo vệ.

Lama nói với thầy, “Hãy xây dựng ở chỗ này một tháp vuông màu trắng cao chín tầng với một sân thượng và một tháp nhọn, thành ra mười tầng. Nó sẽ không bao giờ bị phá hủy. Khi con làm xong, ta sẽ ban cho con giáo pháp bí mật. Bây giờ con có thể rút vào thiền định và trong lúc ẩn cư ta sẽ cung cấp thực phẩm cho con.”

Thầy nói, “Thế thì có nên để sư mẫu làm chúng cho những lời hứa này không ?”

“Rất tốt.”

Rồi ngài vạch trên đất vị trí những bức tường. Thầy mời sư mẫu đến, và trước sự hiện diện của hai người, thầy nói, “Con đã xây ba cái tháp và đã phá hủy chúng. Lần thứ nhất lama nói là chưa suy nghĩ kỹ. Lần thứ hai ngài nói là ngài đã uống bia. Lần thứ ba ngài tự hỏi ngài có điên hay mất trí và không nhớ gì cả. Khi con nhắc ngài về những giáo huấn để trao cho con, ngài hỏi con ai là người làm chúng cho con và ngài còn la mắng con thậm tệ. Bây giờ con mời sư mẫu đến nghe những lời hứa mới này, xin sư mẫu làm chúng cho con.”

Sư mẫu trả lời, “Ta vui mừng làm một người chúng. Nhưng sẽ khó khăn giữ cho lời chúng của ta vì lama rất độc đoán. Trước hết, lama xây lên mà không có lý do và phá đi mà không có lý do. Hơn nữa, khu đất này không chỉ thuộc về riêng chúng ta ; nó cũng thuộc về những anh em chú bác. Đó sẽ là một nguyên nhân để tranh cãi. Dầu ta nói gì, cha sẽ không nghe.”

Lama nói với vợ mình, “Bà chỉ làm chúng thôi. Về phần tôi, tôi sẽ làm theo lời hứa. Đại Phù Thủy, nếu người không có niềm tin và nếu người không dám cam kết, thì hãy đi đi.”

Thế rồi thầy đặt nền móng cho một cái tháp vuông. Khi thầy xây tường, những đệ tử Ngokton họ Shung, Tshurtön họ Döl và Mertön họ Tsangrong đang chơi, họ lăn một hòn đá lớn đến chỗ thầy và đặt nó làm viên đá góc.

Khi thầy đã xây cả hai mặt tường tầng hai trên cửa lớn, lama đến và cẩn thận xem xét mọi thứ. Chỉ ngón tay vào tảng

đá lớn do ba đệ tử lần đến, ngài bảo, “Đại Phù Thủy, tảng đá này đến từ đâu ?”

Thầy trả lời, “Bạch thầy, do ba đại đệ tử vui chơi mang lại ạ.”

“Tốt, ông phải không được lấy đá của họ để xây. Thế nên hãy lấy nó ra và mang nó về chỗ cũ.”

“Thầy đã hứa là cái tháp này không bị hủy hoại cơ mà ?”

“Rất đúng. Nhưng ông không được dùng những đệ tử đang thực hành hai giai đoạn cao cấp của ta như người phục vụ cho ông. Chớ có hủy hoại cái gì cả, mà chỉ đem hòn đá đi và đặt nó vào chỗ cũ.”

Rồi thầy phá đi công trình từ đỉnh và mang hòn đá về lại chỗ của nó.

Thầy vừa làm xong, lama tới và nói, “Bây giờ, ông hãy tự mình lấy lại đem tảng đá về và đặt nó làm tảng đá góc.”

Thầy lần nó trở lại. Một mình, thầy phải ráng hết sức cho bằng ba người đệ tử. Bởi vì thầy đã tự mình mang nó đi và đem trở lại, thầy đặt tên cho tảng đá là Hòn Đá Khổng Lồ của Tôi.

Khi thầy đang đặt nền móng cho tháp trên đỉnh núi, những anh em chú bác nói với nhau, “Marpa đang xây một cái tháp trên Núi Lờ Thẻ Long Trọng. Chúng ta phải giữ gìn đất của chúng ta.”

Vài người nói, “Marpa điên rồi. Ông ta có một gã mới vào tu từ Latö đến, rất mạnh mẽ, hẳn xây những cái tháp mà không có kế hoạch rõ ràng trên mỗi đỉnh đồi. Khi xây nửa

chùng, hấn phá hủy rồi đem đất đá trở lại chỗ cũ. Hấn sẽ phá hủy cái tháp này như những cái trước thôi. Nếu hấn không giệt sập nó, bấy giờ chúng ta sẽ ngăn cản không cho hấn tiếp tục. Chúng ta hãy chờ xem hấn sắp làm gì.”

Không phá hủy nó, thầy vẫn tiếp tục xây tháp. Khi thầy làm đến tầng thứ bảy, thầy có một vết thương trên lưng. Những anh em chú bác nói, “Lần này hấn không giệt sập nó. Việc phá hủy những cái tháp trước chỉ là một mưu mô che dấu ý định xây dựng cái tháp này. Chúng ta phải hủy hoại nó thôi.”

Họ chuẩn bị gây chiến. Bấy giờ lama triệu tập những hồn ma làm quân sĩ, mặc áo giáp, dàn họ ra khắp nơi trong lẫn ngoài tháp. Những người kia nói, “Marpa lấy đâu ra những người lính này ?”

Sợ hãi, họ không dám tấn công, mà mỗi người thâm đánh lễ và tôn kính ngài, và họ trở thành những thí chủ và đệ tử của Marpa.

Vào thời gian đó, sư huynh Đại Metòn vùng Tsangrong đến thỉnh cầu lễ quán đảnh Bốn tôn Chakrasamvara.⁽¹⁾

Sư mẫu nói với thầy, “Bây giờ hãy cố gắng mọi cách để được nhận giáo pháp.”

Trong lòng, thầy nghĩ, “Đến bây giờ mình đã xây xong tháp này mà không có một người nào khác đem giúp một viên đá – dù chỉ bằng cái đầu dê – một rổ đất, một xô nước hay một máng hồ, vậy mình cũng đi dự quán đảnh.”

Rồi sau khi chào lama, thầy ngồi xuống với những người khác. Lama gọi thầy, “Đại Phù Thủy, ông có lễ vật gì dâng ta ?”

Thầy trả lời, “Con đã tôn kính Thầy bằng cách xây cái tháp cho con Thầy. Thầy có hứa là ban cho con quán đảnh và giáo huấn. Bởi thế con đến đây.”

“Ông đã làm một cái tháp nhỏ thậm chí không dày bằng cánh tay ta. Nó không đáng gì với Pháp mà ta đã khó nhọc lớn lao mang suốt con đường từ Ấn Độ về. Nếu ông có cái gì giá trị đối với giáo pháp của ta, hãy đem nó cho ta. Còn nếu không thì chớ có ở đây, giữa những người thọ pháp bí mật.”

Nói thế, lama tát tai thầy, nắm tóc thầy quẳng ra ngoài. Thầy muốn chết và khóc suốt đêm. Sư mẫu đến an ủi thầy.

“Lama luôn luôn nói rằng những giáo pháp ngài mang từ Ấn Độ về là để cho sự tốt đẹp của tất cả chúng sanh. Dù một con chó tự trình diện với ngài, ngài sẽ dạy Pháp cho nó, và hồi hướng những công đức chỉ dạy cho lợi lạc cho tất cả. Tại sao ngài từ chối con, ta không biết được. Dù mọi sự có ra sao, con chớ có những tư tưởng xấu về sự việc ấy.”

Khích lệ thầy xong, bà đi. Sáng hôm sau đích thân lama đến. “Đại Phù Thủy, chớ tiếp tục làm tháp nữa. Hãy xây một phòng thờ ở nền tháp có lối đi có mái với mười hai cột trụ. Làm xong ta sẽ ban cho người giáo pháp bí mật.”

Thầy đặt nền móng và xây lối đi có mái. Sư mẫu luôn luôn đem cho thầy những thức ăn đúng mùa và nhiều bia đến nỗi thầy cũng thành người uống hơi nhiều. Bà đầy lòng tốt và luôn luôn khích lệ thầy.

Khi thầy gần hoàn thành, Tshurtön Ouangnye xứ Döl đến xin quán đảnh Guhyasamaja.⁽²⁾

Sư mẫu nói với thầy, “Bây giờ, con của ta, con cần nhận lễ quán đảnh.”

Và sư mẫu cho thầy một thau bơ, một xấp vải, và một nồi đồng nhỏ để dâng cúng cho lama.

Có những lễ vật, thầy nhập với những người khác. Lama hỏi thầy, “Đại Phù Thủy, người đem đến lễ vật gì mà tự xếp vào hàng này?”

“Bạch Thầy, thau bơ này, xấp vải này và nồi đồng này.”

“Những thứ này đã được người khác cho ta. Chớ có cho ta những đồ của ta ! Nếu người có cái gì của riêng người để dâng, thì hãy đi lấy về. Còn nếu không, thì chớ có ở đây.”

Và đứng dậy, ngài chửi mắng, đá thầy và quăng thầy ra ngoài.

Thầy muốn chìm mất trong đất cho rồi.

Có phải sự trừng phạt này là vì những tội sát nhân mình đã phạm và vì sự phá hủy nhiều mùa màng bởi mưa đá không ? Hay lama đã biết rằng mình không bao giờ có thể thực hành Pháp ? Hay vì thiếu từ bi mà ngài không chỉ dạy cho mình ? Có thể là gì đi nữa, thì ích gì cái thân thể con người này mà không có đạo, nó chỉ tích tập thêm nhiễm ô ? Hay ta nên tự tử cho rồi !

Vào lúc ấy sư mẫu đem đến cho thầy một phần bánh cúng. Bà an ủi thầy rất nhiều và bỏ đi. Nhưng thầy không muốn ăn, và khóc suốt cả đêm.

Sáng hôm sau, lama đến và nói, “Bây giờ hãy hoàn thành lối đi có mái và cái tháp. Sau đó ta sẽ cho người quán đảnh nhập môn và giáo huấn.

Rồi thầy hoàn thành cái tháp và gần hoàn tất hành lang có mái. Lúc đó thầy có những vết thương trên lưng. Mủ và máu chảy từ ba vết thương đó. Thầy đưa lưng đầy vết thương máu mủ cho sư mẫu xem. Thầy van xin bà cứu thầy, thỉnh cầu lama chỉ dạy cho thầy và nhắc ngài những lời ngài hứa vào lúc đặt nền móng cho cái tháp. Sư mẫu lo lắng nhìn vào những vết thương của thầy, và nước mắt chảy trên mặt bà.

“Ta đi nói với lama đây.”

Và đến trước lama, bà nói, “Lama Rinpoche, công việc Đại Phù Thủy làm đã lột da nó và tay chân đứt nát. Trên lưng nó ba vết thương chảy máu và mủ. Tôi đã từng nghe và thậm chí cả thấy những con ngựa và lừa với những vết thương trên lưng, nhưng tôi chưa bao giờ thấy cũng chưa bao giờ nghe những vết thương như vậy trên lưng con người. Tôi thấy xấu hổ nếu có người khác thấy hay nghe một chuyện như vậy. Tôi càng xấu hổ hơn khi biết rằng việc đó lại do một đại lama như ngài gây ra. Vì nó thật sự xứng đáng để bị mẫn, hãy ban cho nó giáo huấn. Ngài đã nói lúc đầu rằng ngài sẽ cho nó giáo pháp khi nó xây tháp xong.”

Lama trả lời, “Đó đúng là điều tôi đã nói. Tôi nói rằng tôi sẽ cho nó giáo pháp của tôi khi nó xây xong tháp mười tầng. Mười tầng chỗ nào?”

“Nó đã xây còn hơn mười tầng. Nó đã tạo ra một lối đi thấp hơn có mái.”

“Chớ nói nhiều. Nếu nó xây xong mười tầng tôi sẽ dạy nó. Nó thực có những vết thương ư?”

“Không chỉ những vết thương mà hầu như không còn lưng nữa mà chỉ là những vết thương. Nhưng ngài có quá nhiều quyền lực để làm bất cứ điều gì ngài thích.”

Nói thế xong, với sự buồn rầu lớn lao, bà vội vã đến chỗ thầy. “Tốt rồi, con nên đến cùng với ta.”

Trên đường đi, thầy nghĩ, “Phải chăng thầy sắp dạy mình ?”

Lama nói với thầy, “Đại Phù Thủy, đưa ta xem lưng người.”

Thầy đưa cho ngài xem và sau khi xem xét nó cẩn thận, ngài nói, “Đạo sư Naropa của ta đã chịu hai mươi bốn sự khổ hạnh, mười hai thử thách lớn và mười hai thử thách nhỏ, tất cả đều vượt quá những thử thách của người. Về phần ta, không hề có một ý nghĩ cho đời sống hay tài sản của mình, ta dâng cúng cả hai cho Đạo sư Naropa. Thế nên nếu người tìm cầu giáo pháp, hãy khiêm tốn và tiếp tục việc làm trên cái tháp.”

Thầy thầm nghĩ rằng ngài quả có lý.

Từ cái áo của thầy, ngài làm một tấm đệm để che cho những vết thương của thầy. Ngài nói, “Vì người làm việc chuyên chở như ngựa và lừa, hãy dùng tấm đệm này để đắp những vết thương của người và tiếp tục khiêng vác đất và đá.”

Thầy trả lời, “Làm sao tấm đệm chữa lành những vết thương trên lưng con được ?”

“Tấm đệm là để giữ cho bụi đất khỏi dính vào những vết thương của người.”

Nghĩ đó là một mệnh lệnh, thầy mang đất cũng như hồ trong một thùng chứa ở trước thân, lama thấy thầy và nghĩ, “Sự tuân thủ mọi sự ra lệnh này là phi thường.” Và ngài âm thầm chảy nước mắt.

Những vết thương của thầy trở nên bị nhiễm độc và thầy bị bệnh. Thầy nói điều này với sư mẫu. Bà hỏi giùm thầy có

được nhập môn không hay ít ra được cho phép nghỉ để chữa lành những vết thương.

Lama trả lời, “Chùng nào tháp còn chưa xong, nó không thể có cái gì cả. Nếu nó có thể làm việc, hãy để nó làm cái gì có thể làm ; còn nếu không thể, hãy để nó nghỉ ngơi.”

Sư mẫu nói với thầy, “Chùng nào những vết thương chưa lành, con hãy nghỉ ngơi.”

Bà bồi bổ cho thầy bằng thức ăn và đồ uống tốt trong thời gian ấy. Trong vài ngày thầy cảm thấy sung sướng ngoại trừ nỗi buồn không có được sự chỉ dạy. Khi những vết thương của thầy đã lành, lama đến và không nhắc gì về Pháp, ngài nói, “Đại Phù Thủy, lúc này ông trở lại công việc xây tháp được rồi đó.”

Thầy sắp sửa đi làm thì sư mẫu nói với thầy, “Giữa hai chúng ta, chúng ta hãy có một kế hoạch để cho con có được giáo pháp.”

Sau khi thỏa thuận với sư mẫu, thầy gói cuốn sách và vài vật dụng trên một bao bột nhỏ, như thể thầy sắp bỏ đi. Để được lama thấy việc này, thầy xin sư mẫu giúp thầy.

Bà nói lớn, “Nếu con thỉnh cầu lama, ngài sẽ ban cho con giáo pháp. Hãy ở lại đây bất chấp mọi sự.” Và bà giả bộ ngăn cản thầy.

Thấy thế, lama hỏi, “Này bà, hai người đang làm gì thế ?”

Sư mẫu trả lời, “Đại Phù Thủy nói rằng trước kia nó từ làng xa đến để học giáo pháp. Thay vì có được giáo pháp, nó chỉ nhận được những lời lăng mạ và đấm đá. Vì sợ chết đi mà chưa được chánh pháp, nó đi tìm kiếm một vị lama khác và

mang những đồ dùng theo. Nhờ những lời lẽ khẩn thiết và hứa hẹn của tôi mà tôi có thể trì hoãn việc ra đi của nó.”

Lama nói, “Ta hiểu.” Và ngài rời chỗ ngồi, tát thầy tới tấp.

“Khi người đến đây, người đã tức khắc dâng cúng cho ta thân, ngũ, tâm của người. Vậy mà bây giờ người định đi đâu ? Chắc chắn không thể bỏ đi, bởi vì người thuộc về ta. Ta có thể cắt người, thân, ngũ, tâm của người, thành ra trăm mảnh. Mà người có đi thì tại sao người lại lấy bột của ta hả ?”

Nói rồi, ngài tiếp tục đánh thầy. Ngài giệt bao bột và đem nó vào trong nhà. Sự thất vọng đau đớn của thầy không khác gì một bà mẹ đã mất đứa con trai độc nhất. Theo lời khuyên của sư mẫu, và bởi vì lama quá dữ tợn, thầy trở vào nhà, run rẩy và bắt đầu khóc.

Sư mẫu nói với thầy, “Dù chúng ta có cố gắng gì đi nữa, lama cũng không dạy cho con giáo pháp vào lúc này, nhưng chắc chắn cuối cùng ngài cũng ban cho con thôi. Còn bây giờ, ta sẽ chỉ cho con một cái gì đó.”

Bà ban cho thầy phương pháp thiền định về Dorje Pahgmo (Vajravarahi).⁽³⁾ Nó không đem lại cho thầy kinh nghiệm nội tâm nhưng rất lợi lạc và nó nâng cấp cho tâm thức thầy. Thầy bày tỏ lòng biết ơn với sư mẫu vì lòng tốt của bà.

Thầy nghĩ rằng sư mẫu là vợ của lama, chắc bà có thể tịnh hóa tội lỗi. Vào mùa hè khi bà vắt sữa bò, thầy cầm xô cho bà. Khi bà rang hạt, thầy cầm chảo giúp bà. Như thế ở bất cứ chỗ nào thầy cũng phục vụ sư mẫu.

Vào lúc đó thầy mơ đến việc tìm ra một vị lama khác. Thầy thầm nghĩ, “Nếu ngài Marpa không có giáo pháp để

thành Phật trong chỉ một đời và trong chỉ một thân, chắc chắn không vị lama nào khác có thể có được. Cho dù mình không thành Phật ngay, thì ít nhất mình cũng ngưng được sự tích tập nghiệp dẫn đến tái sinh vào các cõi thấp. Khi mình đã chịu đựng vì đạo những thử thách như Naropa, bây giờ lama sẽ rất vui vẻ tuyên bố rằng mình xứng đáng với giáo pháp. Rồi mình sẽ thiền định về nó và hy vọng như vậy sẽ đạt được Giác Ngộ ngay trong đời này.” Nghĩ thế rồi thầy bắt đầu khiêng đá và đất.

Khi thầy đang trộn hồ làm lối đi cho mái và phòng thờ, Ngorkton Chodor xứ Chung và các đệ tử đem nhiều lễ vật đến xin lễ đại quán đánh Hevajra.⁽⁴⁾

Sư mẫu nói với thầy, “Nếu lama không bằng lòng với cái tháp đã hoàn thành và nếu ngài muốn tài sản, hãy dâng cúng ngài một lễ vật và ngài chắc chắn sẽ ban cho con lễ quán đánh nhập môn.”

Bà đưa cho thầy một viên ngọc xanh đậm lớn mà bà đã giữ kín và nói, “Con khấn cầu ngài trước, và dâng ngài viên ngọc. Nếu ngài từ chối, mẹ sẽ xin cho con.”

Thầy dâng cúng nó cho lama, nói rằng, “Con xin thầy cho con giáo huấn trong dịp này.”

Và thầy đứng giữa những đệ tử. Lama xem xét viên ngọc bích, xoay qua xoay lại.

“Đại Phù Thủy có cái này từ đâu ?”

Thầy trả lời, “Bạch Thầy, sư mẫu cho con.”

Lama mỉm cười và nói, “Đi gọi sư mẫu lại đây.”

Khi sư mẫu đến, lama nói với bà, “Này bà, chúng ta có viên ngọc bích này từ đâu ?”

Cúi lạy sát đất, sư mẫu trả lời, “Viên ngọc bích này không liên quan đến ngài. Khi cha mẹ gả tôi cho ngài, vì thấy ngài nóng nảy dữ tợn, bấy giờ cha mẹ tôi bí mật cho tôi viên ngọc này và nói với tôi, “Hãy giữ cái này mà đừng cho ai biết. Nếu sau này con và chồng con có ly dị, con có thể cần nó mà sống.” Tôi đã lấy cho đứa con này, tôi rất thương xót nó. Xin hãy chấp nhận và ban quán đánh cho Đại Phù Thủy. Lama Ngokpa (Ngorkton Chodor xứ Shung), ông và những tín đồ của ông, các người hiểu sự đau buồn của nó khi bị đuổi khỏi lễ quán đánh, hãy giúp tôi cầu xin.”

Nói xong, bà quỳ lạy nhiều lần. Lama trông vẻ đáng sợ đến độ Ngokpa và các đệ tử của ông không dám thốt lên lời cầu xin nào. Họ chỉ tỏ bày những cử chỉ tán đồng và quỳ lạy theo với sư mẫu.

Lama nói, “Với sự giúp đỡ ân cần của vợ ta, viên ngọc bích đẹp đẽ này suýt rơi vào tay một người xa lạ.”

Và đeo vào cổ, ngài tiếp tục, “Này bà, bà không suy nghĩ gì cả. Nếu ta hoàn toàn là đạo sư của bà, thì ta cũng là đạo sư của viên ngọc của bà. Đại Phù Thủy, nếu người có tài vật gì, hãy đưa ra và được truyền pháp nhập môn. Còn viên ngọc bích này là của ta.”

Nghĩ rằng sư mẫu với lòng nhiệt thành sẽ thỉnh cầu thêm khi đã dâng cúng viên ngọc, thầy ở nguyên chỗ. Nhưng lama nổi giận và bật dậy ! “Ta đã cho người đi rồi, vậy mà người vẫn đứng đây. Thực vô lễ láo xược !”

Ngài quăng thầy té úp mặt xuống đất, thầy tối tăm mặt mũi. Ngài vật thầy ngã ngửa và thầy nổ đom đóm. Rồi ngài nắm lấy một cây gậy, nhưng Ngokpa giữ ngài lại. Kinh hãi, thầy nhảy xuống sân. Dù điều này làm ngài lo âu, ông vẫn tỏ ra còn giận dữ.

Thầy không bị gãy tay chân, nhưng tràn ngập đau buồn và muốn được chết. Bấy giờ sư mẫu đến, đầy nước mắt, nói với thầy, “Đại Phù Thủy, chớ tuyệt vọng. Không có đệ tử nào nhiều đức tin hơn hay đáng yêu hơn con. Nếu con muốn đi đến một lama khác để học Pháp, ta sẽ sửa soạn mọi thứ cần thiết cho con. Ta sẽ cho con lương thực và vật để tặng.” Bà an ủi thầy như vậy.

Trước đó sư mẫu luôn luôn tham dự vào mọi cuộc họp chúng của lama. Nhưng đêm đó bà đến và khóc với thầy suốt cả đêm.

Sáng hôm sau, lama gọi thầy lên. Thầy đến với ngài, tự hỏi hay ngài sẽ dạy thầy. Ngài hỏi, “Người không bất mãn với việc ta từ chối dạy cho người chú ? Người có những ý nghĩ xấu hay không ?”

“Con tin vào lama, thầy trả lời, và không hề thốt lên một lời bất bình. Trái lại, con tin rằng con đang tối tăm vì những tội lỗi của con. Con là tác giả của sự khốn khổ của chính con.” Thầy khóc. Và ngài nói tiếp, “Người mong đạt được điều gì nơi ta bằng những giọt nước mắt này ư ? Đi ra ngay !”

Rồi thầy trầm nghĩ trong một trạng thái khốn khổ đau lòng, “Ta đã có nhiều đồ dự trữ khi ta phạm vào nhiều tội lỗi. Nhưng bây giờ thực hành đạo pháp, mình lại chẳng có gì cả. Nếu mình có một nửa số vàng mà mình đã cho đi để làm những

ác hạnh, thì mình đã có thể nhận lãnh lễ quán đảnh và giáo pháp bí mật. Giờ đây không có lễ vật, lama không dạy cho mình. Dù mình có đi lama khác, ngài cũng đòi hỏi lễ vật. Đạo bị cấm đối với người nghèo. Không có đạo, một người chỉ là một kẻ tích tập tội lỗi, như thế thì ta tự tử là tốt hơn. Làm gì bây giờ ? Làm gì bây giờ ? Ta sẽ đi và làm công cho một người giàu chăng ? Ta sẽ kiếm tiền lương và có lễ vật cho sự học pháp chăng ? Bởi vì ta đã phóng ra những chú thuật, bây giờ ta có nên trở về làng ? Mẹ mình chắc vui mừng gặp lại mình, và mình sẽ có thể kiếm được một số tiền. Hoặc ta phải kiếm một nơi khác hay tìm ra tiền của.”

Thầy tự nghĩ, “Nếu mình lấy bột của lama làm lương thực thì chỉ làm ngài giận thêm nữa.” Thầy lấy mấy cuốn sách và bỏ đi không nói gì, dù với sư mẫu. Trên đường đi, thầy nhớ đến lòng tốt của bà, thầy quý chuộng lòng tốt ấy bao nhiêu.

Khởi hành từ Drowo Lung được nửa ngày, thầy dừng lại để làm bữa ăn. Thầy khát thực một ít bột và mượn một cái nôi. Gôm ít củi khô, thầy nấu bữa ăn và dùng hết. Bây giờ đã quá giữa trưa và thầy nghĩ, “Nửa phần công việc của mình là để phục vụ lama ; nửa kia là để trả cho thực phẩm của mình. Sửa soạn chỉ một bữa ăn mà đã khó khăn đối với mình. Thế mà sư mẫu nấu nướng và phục vụ thức ăn cho mình mỗi ngày, vậy mà mình chẳng nói với bà một lời từ giã, quả mình là người xấu ! Mình có nên trở lại không ?”

Nhưng thầy không có can đảm trở lại. Khi thầy trả cái nôi, một ông già nói với thầy, “Anh thanh niên, anh làm việc được. Hơn là đi khát thực, hãy đi đến nhà người ta tụng kinh nếu anh biết đọc. Nếu anh không biết đọc, hãy làm việc như người làm công để có cơm áo. Anh có thể đọc không ?”

Thầy trả lời, “Tôi không phải là một người đi xin, và tôi biết đọc.”

“Tốt, hãy đi và tụng kinh ở nhà tôi. Tôi sẽ trả công xứng đáng cho anh.”

Thầy sung sướng. Và khi ở đó, thầy tụng Tám Ngàn Bài Kệ.⁽⁵⁾ Rồi thầy đọc tiểu sử của Taktugnu (Người Thường Khóc).⁽⁶⁾ Thầy nghĩ, “Taktugnu, ngài cũng không có tiền, đã bán thân và mạng sống của mình vì đạo. Ngài đã dứt trái tim mình ra và bán nó, ngài cắt nó thành nhiều mảnh. So với ngài, ta chẳng cho cái gì cả vì đạo pháp. Có thể Lama Marpa sẽ ban cho ta giáo pháp. Nếu ngài không ban nó cho ta, sư mẫu đã hứa giúp ta gặp một đạo sư khác.” Ý nghĩ này cho thầy can đảm để trở lại, và thầy bắt đầu đi về lại.

Khi thầy đã bỏ đi, sư mẫu nói với lama, “Kẻ thù không thể khuất phục được của ngài đã đi rồi. Bây giờ ngài có sung sướng chưa ?”

“Ai đi ?”

“Vâng, có ai khác ngoài Đại Phù Thủy bị ngài trút lên đủ thứ thống khổ và có ai khác được ngài đối xử như một kẻ thù ?”

Nghe những lời này, khuôn mặt lama trở nên u ám và đầm ướt nước mắt. “Hỡi chư vị lama của dòng Kagyü, những dakini và những hộ pháp, hãy mang trở lại đứa con tiền định của tôi về đây.”

Câu nguyện xong, ngài lấy áo choàng trùm đầu lại và ngồi bất động.

Vào lúc ấy thầy đến trước mặt sư mẫu và chào bà. Sung sướng bà kêu lên, “Con đến đây thật đúng lúc. Có vẻ bây giờ

lama sẽ dạy cho con. Khi ta nói con đã ra đi, ngài kêu lên, ‘Hãy cho tôi lại đứa con tiền định của tôi.’ Rồi ngài bật khóc. Hình như con đã làm ngài mềm lòng.”

Thầy trầm nghĩ, “Sư mẫu chỉ làm vui nhẹ lòng mình. Nếu quả thật ngài chảy nước mắt, ngài đã nói “Đứa con định mệnh của ta”, thì mình hoàn toàn hạnh phúc. Còn nếu ngược lại, ngài chỉ nói, “Hãy đem nó lại cho tôi” theo kiểu trước kia ngài đã từ chối cho ta quán đảnh và giáo huấn, thì quả thực mình rất bất hạnh. Mình không có nơi nào khác để đi. Mình phải khốn khổ ở đây, mà không bao giờ có được giáo pháp chăng ?”

Sư mẫu nói với lama, “Đại Phù Thủy đã không bỏ chúng ta. Nó đã trở về. Nó có thể đến trước mặt ngài không ?”

Lama trả lời, “Nó đã bỏ rơi chúng ta, nhưng nó không bỏ rơi chính nó. Nếu bà muốn, hãy để nó đến.”

Thầy đến trước ngài, và ngài nói, “Đại Phù Thủy, nếu từ đáy lòng người, người mong muốn đạo pháp với một sự nôn nóng và không ngừng nghỉ như vậy, người phải dâng hiến cuộc đời người cho nó. Hãy hoàn thành ba tầng còn lại của cái tháp và ta sẽ cho người giáo pháp. Nếu không, bởi vì nuôi người ở không thì hao tổn và nếu mà người có chỗ nào khác để đi, thì hãy đi ngay bây giờ.”

Thầy không thể nói được một lời nào, nên thầy đi ra. Thầy nói với sư mẫu, “Lama vẫn từ chối chưa dạy con. Nếu chắc chắn rằng ngài ban cho con giáo pháp khi con hoàn tất cái tháp, con sẽ ở lại. Nhưng nếu khi cái tháp đã xong mà ngài còn quyết định không dạy cho con, thì con không phải biết làm gì. Con mong mỗi được gặp lại mẹ của con. Bởi thế con xin phép về làng. Cầu chúc lama và sư mẫu luôn luôn mạnh khỏe.”

Thầy lạy và cầm lấy những cuốn sách, chuẩn bị ra đi.

Sư mẫu nói, “Con ta, con có lý. Như ta đã hứa với con, ta sẽ tìm một cách để con được Ngokton dạy cho. Vị ấy là đại đệ tử của lama và đã được quán đảnh. Hãy nán lại ít lâu, trong thời gian đó hãy làm việc.

Thầy vui vẻ ở lại và tiếp tục làm việc.

Bởi vì đức Naropa có tục lệ lấy ngày mùng mười mỗi tháng làm đại lễ dâng cúng. Ngài Marpa cũng cử hành vào ngày mùng mười. Từ một thùng lớn đã để dành, sư mẫu rót ra ba bình rượu lễ. Một bình rượu mạnh, một bình vừa và một bình nhẹ. Bà đem loại bia nhẹ làm rượu lễ để cúng. Để dâng cúng cho lama, bà đưa thứ bia rất mạnh. Sư mẫu và thầy rót cho ngài. Những nhà sư uống loại bia vừa. Sư mẫu nhấm chút bia nhẹ trên môi, nhấm nháp rất ít. Thầy cũng làm như vậy và vì thế rất tỉnh táo. Những nhà sư uống nhiều. Ngài lama dùng khá nhiều bia và còn được người mời thêm, ngài ngủ rất say. Khi ấy, sư mẫu lấy những lễ vật – những hạt ngọc của Naropa và khâu chuỗi bằng hồng ngọc – ra khỏi phòng ngài. Rồi bà viết một lá thư giả của ngài. Đóng dấu triện của ngài trên bức thư, bà gói tất cả vào trong một tấm vải quý, niêm lại với sáp và đưa nó cho thầy, bảo rằng, “Hãy làm như những cái này do lama gợi. Hãy đi và dâng cúng cho Lama Ngokpa và thỉnh cầu ngài dạy cho con.”

Bà bảo thầy tới Shung, thầy ra đi, đặt mọi hy vọng vào Lama Ngokpa.

Hai ngày sau, Lama Marpa nói với sư mẫu, “Bây giờ Đại Phù Thủy đang làm gì?”

“Nó đã lên đường. Tôi không biết gì hơn.”

“Nó đi đâu ?”

“Nó nói với tôi rằng dù nó đã làm xong việc trên cái tháp, ngài vẫn không cho nó giáo huấn mà còn xối xả vào nó những đánh đập và la mắng. Nó nói nó đi tìm một vị lama khác. Tôi nghĩ rằng có báo trước cho ngài cũng bằng thừa, vì ngài không lưu tâm. Rồi ngài sẽ lại đánh nó. Để tránh việc ấy, tôi không nói gì với ngài. Tôi đã làm mọi sự để trì hoãn sự ra đi của nó. Nhưng nó không nghe và đã đi.”

Với vẻ mặt giận dữ, lama hỏi, “Nó bỏ đi khi nào ?”

“Nó đi hôm kia.”

Lama yên lặng suy nghĩ một lát. “Con ta chưa thể đi xa đâu.”

Vào lúc đó thầy đến núi Kyungding vùng Shung. Lama Ngokpa đang giảng một bản văn mật truyền có tên là “Hai Phần”⁽⁷⁾ cho các đệ tử của ngài. Bài thuyết pháp của ngài dừng lại khi đang giảng đến đoạn kinh :

Ta là Đạo sư của Pháp

Ta là Thính Chúng.

Ta là Đạo sư của Pháp giới và là Đối Tượng của
Chúng Ngộ.

Ta là cái Tùy Duyên và cái Vô Duyên.

Ta là Bản Tánh Bản Nhiên của Phúc Lạc Tự Nhiên.

Khi ngài đang đọc những lời ấy, thầy đánh lễ từ xa. Ngài đáp lại bằng cách dõ mĩ, và nói, “Đây là cách chào mà những

đệ tử của tôn sư Marpa thường làm. Và những lời kinh khi ông tới là một điểm triệu tốt lành. Vì người này sẽ là Đạo sư của mọi Giáo Lý. Hãy đi ra hỏi ông ta là ai.”

Một nhà sư đến gặp thầy và do đã biết thầy, nói rằng, “Tại sao ông đến đây ?”

“Bởi vì Lama Marpa quá bận, tôi chỉ một mình nên ngài không có thời giờ dạy cho. Tôi đến đây để thỉnh cầu giáo pháp. Tôi đem theo những viên ngọc và xâu chuỗi hồng ngọc của Tổ Naropa như là lễ vật.”

Nhà sư trở lại nói với thầy của ông và nói, “Đó là Đại Phù Thủy.” Và ông lặp lại lời thầy nói.

Lama ngập tràn niềm vui. Ngài thốt lên, “Những viên ngọc và xâu chuỗi của Đại Đạo sư Naropa ở chỗ của ta ! Điều này hy hữu và kỳ diệu như hoa Ưu Đàm (Udumbara). Chúng ta phải đi ra đón nhận. Hôm nay chúng ta hãy dừng ở chỗ tốt lành này trong bài học kinh của chúng ta. Các nhà sư hãy đem lọng, cờ phướn và não bạt ra nhanh lên và mời Đại Phù Thủy vào chỗ của ông trong đám rước.”

Vì thầy vẫn ở chỗ ban đầu khi thầy đánh lễ vái chào, một nhà sư đến nói với thầy lời phán truyền ấy. Thầy gọi chỗ đứng đó là Chaktsal Gang (Bờ Vái Chào).

Thầy bước lui và rời nối vào đoàn các nhà sư, tạo thành đám rước với lọng, cờ phướn và não bạt. Tất cả đi vào nhà lama. Thầy lạy và đưa ngài bức thơ và những lễ vật. Chảy nước mắt, lama đưa lễ vật lên trán và nhận sự ban phước của những lễ vật. Ngài đặt những vật thiêng liêng này trên bàn thờ ở chỗ cao nhất và đặt những đồ cúng ở trước chúng.

Rồi ngài đọc bức thư :

“Gởi Choku Dorje (Kim Cương của Thực Tại Tối Hậu) :
Bởi vì thầy đã nhập thất và Đại Phù Thủy nơn nóng nên thầy gởi
nó đến con để cầu xin giáo pháp. Hãy ban cho nó quán đảnh và
giáo huấn. Để làm chứng tín cho sự cho phép của ta, ta gởi
cho con những viên ngọc của Naropa.”

Lama Ngokpa nói, “Vĩ đây là lệnh của ngài Marpa, ta sẽ
dạy cho ông. Ta đã nghĩ đến việc tìm ông nhưng may thay nhờ
hồng ân của ngài Marpa mà ông đã đến. Nhiều đệ tử đến với
ta từ Kham, Tagpo, Kongpo và từ Yarlung. Nhiều người xấu
trong những làng Yehpo và Yemo xứ DŌi thường cướp bóc đồ
dự trữ của họ. Hãy đi và đánh bọn họ bằng mưa đá. Sau đó
người sẽ nhận quán đảnh và giáo huấn.”

Bấy giờ thầy nghĩ, “Số phận của ta là thực hiện những
ác nghiệp. Mình chỉ có giáo huấn thiêng liêng nếu làm mưa
đá, và vì vậy mà lại lao vào những hành vi tổn hại. Nếu mình
không làm mưa đá, mình sẽ không vâng lời của lama và mình
sẽ không nghe được giáo pháp. Mình không thể tránh việc tạo
ra mưa đá.”

Thu thập một số vật dụng nghi lễ, thầy truyền năng lực
huyền thuật vào mè và đem chúng theo. Đến tỉnh DŌi, thầy
sửa soạn công việc và chuẩn bị kéo mưa đá đến.

Ở Yehpo thầy ngụ trong một căn nhà của một cụ bà và
làm cho thầy một cái cốc bên cạnh. Cơn bão tụ lại rất nhanh.
Sấm sét vang rền. Mây đen chổng chất, từng lớp từng lớp và
mưa đá bắt đầu rơi xuống.

Cụ bà kêu lên, “Trời ơi, mưa đá phá sạch lúa màu, ta lấy
gì để ăn ?” Và bà cụ khóc.

Thầy nghĩ, “Điều mình làm là phạm tội.” Và thầy nói với bà cụ, “Hãy vẽ hình dáng miếng ruộng của cụ nhanh lên.”

“Nó như thế này.”

Bà cụ vẽ một tam giác dài. Thầy bắt ấn⁽⁸⁾ trông nom và phủ một cái chảo lớn lên hình tam giác. Đỉnh của tam giác hơi dư ra một tí, đã bị tàn phá bởi cơn gió.

Thầy ra xem xét tận mắt những kết quả. Những ngọn núi lẩn ra sau hai ngôi làng tạo thành những dòng thác. Chỉ có miếng ruộng của bà cụ còn nguyên vẹn và tươi tốt. Tất cả những đám khác không còn gì cả. Chóp xa của miếng ruộng tam giác đã bị lũ cuốn trôi. Thầy bảo đảm với bà cụ rằng từ nay trở đi miếng ruộng của bà luôn luôn được che chở và bà khỏi tốn tài sản để bảo vệ nó khỏi mưa đá. Bà cụ chỉ phải lo cho phần bị lũ cuốn trôi.

Thầy bỏ đi. Trên đường thầy gặp hai người chần cừu, một người già và một đứa nhỏ, đàn cừu của họ đã bị lũ cuốn trôi.

Thầy nói với họ, “Tôi là người đã làm ra chuyện này. Từ nay trở đi chớ có cướp bóc những nhà sư của Lama Ngokpa nữa. Nếu các người lại cướp bóc họ, các người sẽ bị mưa đá giáng xuống mỗi lần như vậy.”

Họ nói lại những lời đe dọa này và hai địa phận ấy đều tôn kính vị lama. Muốn trở thành những tín đồ thuận thành của ngài, họ dâng cúng ngài những sự phục vụ của họ.

Ở một bụi cây, thầy tìm thấy nhiều con chim nhỏ chết. Dọc đường về, thầy gom những xác chim và chuột. Thầy bỏ đầy mũ trùm đầu và túi của áo mưa và khi trở về vị lama thầy chất đống dưới chân ngài.

“Lama Rinpoche, con tới đây vì thánh pháp nhưng thật ra con chỉ làm thêm nghiệp tội. Xin hãy từ bi với con, một kẻ đại tội lỗi.” Nói xong thầy khóc.

Lama trả lời, “Hồi đệ Đại Phù Thủy, chớ có sợ. Chúng ta, những đệ tử của Naropa và Maitrepa,⁽⁹⁾ biết mật chú gọi là “Bắn một phát ná đuổi cả trăm con chim”, nó cho phép những người đại tội lỗi thành tựu Giác Ngộ tức thời. Trong tương lai tất cả những chúng sanh hiện giờ bị mưa đá giết sẽ tái sinh quanh ông và sẽ làm thành một đám rước khi ông đạt Giác Ngộ viên mãn. Hãy vui mừng là từ nay chúng không còn sinh vào những cõi thấp nhờ ở ta. Nếu ông không tin ta, ta sẽ cho ông thấy.”

Sau khi tập trung giây lát, ngài búng ngón tay và tức thì những xác chết sống lại. Trong khoảnh khắc một số bay thẳng lên trời và một số khác bay là về tổ của chúng. Thầy nghĩ, “Ta đã thấy một vị Phật thật sự. Như thế thì tốt biết bao nhiêu, tốt biết bao nhiêu nếu nhiều sinh vật chết theo kiểu này.”

Rồi lama ban cho thầy nhập môn vào mạn đà la Hevajra. Sau khi ngài đã cho thầy giáo pháp này, thầy đi vào một cái hang bỏ không trên một vách đá, hướng về phía nam, từ nơi đây có thể thấy được nhà của lama. Thầy nhốt mình trong đó, chỉ để một lỗ nhỏ qua đó lama có thể dạy cho thầy. Thầy thiền định không ngơi nghỉ. Nhưng vì thầy đã bỏ đi không được Marpa cho phép, thầy không có kinh nghiệm bên trong nào cả.”

Một hôm lama nói với thầy, “Sư đệ Đại Phù Thủy, ông đã kinh nghiệm dấu hiệu bên trong nào ?”

“Không, không có gì cả.”

“Ông nói gì thế ? Trừ phi dòng dõi tâm linh của ta trở nên hư thối vì bất hòa, chứ nó có thần lực để đem lại một thức tỉnh chúng ngộ nhanh chóng. Ông đã đến với ta trong niềm tin thuần thành. Nhưng nếu ông không được phép của Lama Marpa cho đi, thì tại sao ngài gửi lễ vật cho ta ? Có cái gì ở đây nhỉ ? Dầu sao, hãy kiên trì trong việc thiền định của ông.”

Thầy nín lặng, đầy sợ hãi. Thầy tự hỏi hay nói hết sự thật ra. Nhưng không có can đảm để nói, thầy nghĩ, “Dù sao thì Marpa chắc chắn đã nghe chuyện này.” Và thầy trầm mình trong thiền định.

Khi ấy Marpa đã hoàn thành cái tháp của con ngài và ngài gửi một lá thư cho Ngokpa : “ Bây giờ cái tháp của con thầy đã đến lúc cần một vòm trang hoàng bằng gỗ, vậy hãy gửi cho thầy thật nhiều cây gỗ. Khi thầy đặt xong vòm trang hoàng và tháp nhọn, con hãy đến an vị cho tháp, và cũng làm lễ đến tuổi của Doday Büm (con của Marpa). Hãy đem theo với con một gã ác hạnh nó vốn thuộc về thầy.”

Lama Ngokpa đến lỗ nhỏ nơi thất của thầy và đưa cho thầy bức thư, nói, “Đúng như bức thư nói. Kẻ ác hạnh mà bức thư đề cập không phải được Marpa gửi đến.”

Thầy trả lời, “Đúng là lệnh không đến từ bản thân lama. Chính sư mẫu đưa cho con lá thư và những lễ vật rồi gửi con đến đây.”

“A ha ! Nếu sự việc như vậy, thì chúng ta không có lý do gì để làm việc với nhau. Không có sự cho phép của lama, ông sẽ không thành tựu kết quả nào. Chẳng có gì xảy ra cả. Ngài nói đem ông trở về. Ông muốn đi hay không ?”

“Con đi với ngài như một người hầu được không ?”

“Tốt. Khi ta gọi gõ để làm vòm trang trí, ta sẽ gọi người theo để biết ngày làm lễ. Từ đây đến đó, hãy ở trong thất.”

Người được gọi đi hỏi ngày làm lễ trở về và đến thất thầy nói qua lỗ nhỏ, “Lễ an vị cái tháp và đúng tuổi của con trai Marpa đã được bàn thảo chi tiết.”

“Họ có nói về tôi không ?”

“Sư mẫu hỏi ông đang làm gì. Tôi bảo với bà ông đang biệt cư nhập thất. Bà hỏi tôi ông đang làm gì khác ngoài việc đó. Tôi trả lời rằng ông đang sống trong một chỗ hoang vắng. Rồi bà nói, ‘Có lẽ nó quên cái này nên bỏ lại đây. Khi ở với chúng ta nó thường rất thích cái ấy. Hãy đem cho nó.’ Đây là cái bà đưa cho tôi.

Mở lỏng dây buộc bụng, anh ta rút ra một cái xúc xắc bằng đất sét và trao cho thầy. Nghĩ rằng vật này từ tay sư mẫu, thầy chạm nó vào trán với lòng tôn kính.

Khi người ấy đi rồi, thầy cảm thấy thích chơi xúc xắc và thầy chơi. Nhưng thầy nghĩ, “Khi còn ở với sư mẫu, mình có bao giờ chơi xúc xắc đâu. Có lẽ bây giờ bà không còn thương mình nhiều. Chính vì cái xúc xắc mà ngày xưa làm cho tổ tiên mình phải bỏ xứ ra đi.” Và quay vòng nó trên đầu thầy, thầy ném nó xuống đất. Nó vỡ ra và lộ ra một cuộn giấy tròn, “Bây giờ lama sẽ nhập môn cho con và ban giáo pháp. Hãy trở về với Lama Ngokpa.”

Thầy sung sướng quá đổi đến độ nhảy nhót, phóng từ vách này sang vách kia. Rồi Lama Ngokpa đến và nói với thầy, “Đại Phù Thủy tính tốt, hãy đi ra và sửa soạn đi.”

Thầy vâng theo. Lama Ngokpa mang theo mọi thứ sừ tầm của ngài, từ hình tượng, kinh điển, tháp đến vàng ngọc, lụa là quần áo và mọi vật dụng gia đình, chỉ để lại những quà tặng của Marpa cho. Ngài ra lệnh cho thầy để lại một con dê già bị gãy chân không thể theo bầy. Ngài đem đi tất cả những con vật khác trong chuồng và ngoài đồng cỏ.

Khi mọi người sửa soạn ra đi, ngài nói với thầy, “Bởi vì ông đã giúp ta nhiều, hãy lấy tám lụa và viên ngọc bích này làm quà dâng cúng cho Lama Marpa. Vợ ngài cũng cho thầy một bao phó mát để cúng dường cho sư mẫu Dakmema.

Rồi Lama Ngokpa với vợ, đoàn tùy tùng và thầy đến đày Thung Lũng Cây Bu Lô. Ngài Ngokpa nói, “Sư đệ Đại Phù Thủy, hãy đi trước và nói với sư mẫu rằng chúng ta đang đến. Hãy xem thử bà có gởi cho chúng ta ít bia được không.”

Thầy tiến lên trước. Trước tiên thầy gặp sư mẫu. Thầy chào bà và dâng cúng bà bao phó mát.

“Lama Ngokpa đang đến”, thầy nói. “Xin hãy đem cho ngài ít bia để chào đón ngài.”

Sư mẫu vui vẻ trả lời, “Lama ở trong phòng ngài. Hãy đi và tự mình thỉnh cầu ngài.”

Thầy vào nhà. Lama đang ở trên sân thượng thực hiện những sùng mộ của ngài, mặt ngài quay về hướng đông. Thầy lễ lạy và dâng ngài tám vải lụa và ngọc bích. Ngài quay mặt đi và nhìn về hướng tây. Thầy qua phía đó và lại lễ lạy. Ngài lại quay về hướng nam.

Thầy kêu lên, “Ôi Đạo sư, quả là đúng khi Thầy từ chối những lễ vật của con như một sự trừng phạt. Nhưng Lama

Ngokpa đang đến với bộ hình tượng, kinh điển, tháp, vàng và ngọc bích, với đàn gia súc và tất cả tài sản của ngài. Ngài chỉ mong có ai đến đón ngài với một ít bia. Thế nên con đến để xin Thầy.”

Giận dữ nổ bùng, lama búng ngón tay và quát lên với một giọng khủng khiếp, “Từ ba tạng kinh điển ở Ấn Độ ta đã rút ra được tinh túy của bốn Tantra. Khi ta đem giáo pháp về, không có người nào đón chào ta, dù chỉ một con chim nhỏ. Và bởi vì Ngokpa đang đến, đẩy theo một mớ súc vật suy nhược đằng trước ông ta, ông ta lại muốn rằng ta, Đại Dịch Giả, phải đi đón ông ta à. Ta sẽ không đi – và bây giờ hãy cút đi !”

Thầy đi ra và nói tất cả cho sư mẫu. Bà nói, “Lama trả lời trong giận dữ. Ngokpa là một con người vĩ đại và cần được đón tiếp. Chúng ta hãy đi, mẹ và con.”

Thầy trả lời, “Lama Ngokpa và vợ ngài không chờ đợi ai ra đón họ. Họ chỉ xin một cái gì để uống, thế nên con sẽ đi một mình mang ra cho họ.”

Nhưng sư mẫu đi đón cùng với những vài nhà sư mang theo khá nhiều bia.

Trong khi đi, nhiều người vùng Vách Đá Phía Nam đã tụ tập, được mời vào đại tiệc đến tuổi thành nhân của con trai ngài lama và an vị cho ngôi nhà. Và Marpa ở giữa đại chúng cất cao bài tán thán và tạ ơn :

Con kêu cầu Đạo sư của con, bậc Bi Mẫn ;
Tuyệt Hảo tràn đầy trong dòng phái quý báu của con, vô
nhiễm với yếu kém và khuyết tật.
Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Tuyệt Hảo tràn đầy trong con đường nhanh chóng của bí
truyền,

Không lỗi lầm hay mê dối.

Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Tuyệt Hảo tràn đầy trong Marpa Lotsava,

Giữ gìn tinh túy của những bí mật này.

Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Tuyệt Hảo tràn đầy trong những lama, những yidam và
những dakini,

Sở hữu nguồn ban phước và giúp đỡ cho thực chúng.

Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Tuyệt Hảo tràn đầy trong những đứa con tâm linh và đệ
tử tỳ hội,

Trong niềm tin và trong những thệ nguyện của các con.

Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Tuyệt Hảo tràn đầy trong những thí chủ xa gần,

Tích tập phước đức bởi sự rộng lượng bố thí,

Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Tuyệt Hảo tràn đầy trong mọi hoạt động và mọi nỗ lực
của tất cả chúng ta.

Thành tựu giác ngộ vì lợi lạc của những người khác.

Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Tuyệt Hảo tràn đầy trong chư thiên và bán thiên trong
thế giới hữu hình.

Bền bỉ tin vào những lời nguyện thiêng liêng của họ.

Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Tuyệt Hảo tràn đầy trong chư tăng và cư sĩ tụ hội ở đây.
Trong nguyện vọng cho an lạc của họ.
Nguyện tất cả được ban phước qua cái Tuyệt Hảo này.

Marpa tán ca như thế. Tức thời sau đó, Lama Ngokpa dâng cúng ngài những lễ vật và nói, “Lama Rinpoche, bởi vì thầy đã là Đạo sư của toàn bộ thân, ngữ, tâm của con, bây giờ con xin cúng dường mọi tài sản thế gian của con, chỉ trừ một con dê lông dài, già yếu và gãy chân bị bỏ lại không thể đi theo. Xin thương xót ban cho chúng con quán đảnh và giáo huấn thâm sâu và giáo pháp bí mật trong những cuộn kinh.” Và ngài lễ lạy.

Marpa, biểu lộ vui mừng, trả lời, “Dù như vậy, sự quán đảnh nhập môn và những giáo huấn sâu xa của ta là con đường ngắn nhất của Kim Cương thừa, nó không phải chờ vô số kiếp, mà trực tiếp đưa đến Giác Ngộ trong đời này. Những giáo lý được viết trong những cuộn giấy được thầy giữ gìn canh chừng kỹ lưỡng theo những mệnh lệnh nghiêm mật của bốn sư của thầy và những dakini. Đó là tại sao sẽ khó mà đưa cho con những giáo lý này trừ phi con dâng cúng cho thầy con dê già què quặt ấy, dù nó có tẹ đến đâu đi nữa. Còn những giáo pháp khác, thầy đã dạy hết cho con rồi.”

Mọi người có mặt đều bật cười, và Ngokpa trả lời, “Nếu con dê được đem đến đây và con cúng dường cho Thầy, thì Thầy sẽ phát lộ giáo pháp bí mật cho con ?”

“Nếu tự con đem nó đến và cúng dường ta, con sẽ có giáo pháp.”

Sáng hôm sau, khách đã rút lui, Ngokpa lên đường một mình.

Sư huynh trở lại với con dê trên lưng và cúng dường nó cho Marpa, ngài kêu lên vui vẻ, “Ông là một đệ tử đã nhập môn đúng nghĩa, xứng đáng được gọi là tin vào sự nối kết thiêng liêng của mình. Thầy có cần gì con dê này. Thầy chỉ muốn nhấn mạnh sự quan trọng của giáo pháp thầy sắp cho con.”

Ngài ban cho sư huynh quán đảnh và giáo huấn như đã hứa.

Những nhà sư đến từ nơi xa, cùng với một ít người thân sửa soạn một lễ tiệc cúng. Marpa để một cây gậy dài bên cạnh chỗ ngồi. Nhìn thẳng vào Ngokpa với đôi mắt dài hẹp và chỉ ngón tay vào ông, ngài hỏi, “Ngokton Chodor, tại sao ông ban quán đảnh và giáo huấn cho cái tên tội lỗi xấu xa là Tin Lành này?”

Vừa nói, ngài liếc nhìn cây gậy. Ngokpa sợ hãi và quỳ lạy, trả lời, “Lama Rinpoche, Thầy đã đích thân viết thư cho con bảo làm lễ quán đảnh và chỉ dạy cho Đại Phù Thủy, và Thầy ban cho con những viên ngọc của Naropa và chuỗi hạt hồng ngọc của Tổ. Như thế con đã làm theo lệnh của Thầy. Con không có gì đáng trách và con cảm thấy không hổ thẹn hay hối hận.”

Nói thế, Ngokpa sợ hãi ngược mắt lên. Giận dữ, Marpa chỉ ngón tay vào thầy và hỏi, “Người lấy những cái ấy ở đâu?”

Trái tim thầy hấp hối như vọt ra ngoài, thầy kinh hoàng nín lặng. Rồi với giọng run rẩy thầy thú tội rằng sư mẫu đã đưa chúng cho thầy.

Lama nhảy tới và khua cây gậy rõ ràng là để đánh sư mẫu. Đã chăm chú nghe từ nãy đến giờ, bà đứng lên và chạy mất.

Trú ẩn trong điện thờ, bà đóng cửa lại. Lama lay cửa, rồi trở về ngồi xuống. Ngài nói với Ngokpa, “Ngokton Chodor, con đã làm không có sự cho phép của thầy. Hãy đi ngay lúc này và đem về đây những viên ngọc và chuỗi hạt hồng ngọc của Tổ Naropa.”

Rồi Marpa phủ đầu mình bằng cái áo choàng và ngồi bất động.

Lạy xong, Ngokpa lập tức đi lấy về những hạt ngọc và chuỗi của Tổ Naropa. Thầy tiếc là không thoát đi với sư mẫu.

Thầy thấy muốn khóc, và cố gắng cầm giữ nước mắt, khi Ngokpa thấy thầy, thầy xin ngài cho đi theo làm người hầu. Ông trả lời, “Nếu tôi đem ông đi theo không có sự cho phép của lama, rồi cũng sẽ bị như hôm nay. Vì ngài giận cả hai chúng ta, hãy ở lại đây cái đã. Nếu sau này ngài đuổi ông đi, không chấp nhận làm đệ tử nữa, thì lúc ấy ta sẽ có đủ quyền hạn để giúp cho ông.”

“Vì những tội lỗi của tôi khiến sư mẫu và sư huynh phải bị phiền nhiễu, và bởi vì với thân thể hiện tại này tôi sẽ không nhận được Pháp mà chỉ tích tập thêm tội lỗi, tôi sẽ tự tử cho rồi. Nguyên tôi được tái sinh với một thân thể xứng đáng để học đạo !”

Thầy sắp tự tử thì Ngokpa can ngăn thầy. Và sư huynh khóc và nói, “Đại Phù Thủy xứng đáng, chớ có làm vậy ! Theo những giáo lý thâm mật nhất của đức Phật, những khả năng và giác quan của mỗi người chúng ta đều vốn thiêng liêng. Nếu chết trước kỳ hạn, ông sẽ phạm tội giết một thần linh. Bởi thế mà tự tử như vậy là một đại tội. Ngay cả trong truyền thống

hiển giáo của Kinh điển, thì không có tội lỗi nào lớn hơn việc đoạn dứt đời sống của mình. Vì ông biết điều ấy, hãy bỏ đi ý tưởng tự sát. Lama vẫn có thể ban giáo pháp cho ông. Nhưng nếu ngài không cho, vị lama khác chắc chắn sẽ cho.”

Khi ông đang nói, một số những nhà sư khác không cảm lòng trước nỗi bất hạnh của thầy, vào chỗ lama xem đã can thiệp cho thầy được chưa ; những người khác thì đến an ủi thầy. Dù vậy, ngập đầy đau buồn, thầy nghĩ, “Trái tim ta có phải bằng sắt đâu ? Nếu nó không phải như vậy, nó sẽ bể ra và ta sẽ chết.”

Chính bởi vì những tội lỗi đã phạm trong thời tuổi trẻ mà thầy chịu đựng khổ đau khi tìm đạo. Lúc ấy, không có ai không khóc. Vài người trong đại chúng chịu không nổi và ngắt đi.

Milarepa nói như thế. Đây là chương thứ hai, nói về Mila được tịnh hóa những nhiễm ô của tội lỗi và khổ đau trên cả thân tâm.



CHƯƠNG BA

**NHỮNG QUÁN ĐẢNH
VÀ GIÁO HUẤN**

Bấy giờ Retchung nói, “Bạch Đạo sư, ngài đã được Tổ Marpa chấp nhận làm một đệ tử như thế nào ?”

Mila kể tiếp :

Sau khi những sư huynh chạy tới chạy lui nhiều lần giữa thầy và lama, ngài phá tan sự im lặng. Bấy giờ ngài có vẻ bình thản, cho gọi sư mẫu Dakmema vào.

Lama hỏi bà, “Ngok Choku Dorje và những sư khác đi đâu rồi ?”

“Theo lệnh của ngài, Lama Ngokpa lập tức đi đem về những viên ngọc và chuỗi hồng ngọc của Tổ sư Naropa, và bây giờ đã về tới.”

Bà thuật lại chi tiết Đại Phù Thủy van xin Ngokpa cứu giúp và Ngokpa đã an ủi anh ta như thế nào. Lama chảy nước mắt và nói, “Những đệ tử của con đường bí mật phải là như vậy ; và quả thật họ đang như vậy. Thầy bi悯 với họ. Hãy tập hợp tất cả những đệ tử của ta.”

Một nhà sư được gọi đi mời Ngokpa nói, “Bây giờ Lama đã bình lặng. Ngài nói tôi mời ngài đến.”

Thầy kêu lên, “Hạnh phúc thay những người có nghiệp tốt ! Còn phần tôi, một kẻ tội lỗi đầy nghiệp, dù cho lama có bình thân, tôi cũng sẽ không có phước đức được thấy ngài. Nếu tôi đến, ngài chỉ chửi mắng và đánh đập tôi.”

Khóc lóc, thầy ở lại. Ngokpa nán lại với thầy, nói với nhà sư, “Hãy đi và nói với Lama tình trạng của Đại Phù Thủy. Hỏi xem anh ta có thể diện kiến ngài hay không. Nếu tôi không ở lại bên anh ta lúc này, tôi e rằng con người này sẽ làm cái gì đó thật kinh khủng.”

Nhà sư thuật tất cả những biến cố này cho Marpa. Marpa trả lời, “Trước đây thì Ngokpa nghĩ như vậy là đúng. Nhưng hôm nay, ta sẽ không làm như xưa nữa đâu. Đại Phù Thủy là khách mời chính. Hãy để cho sư mẫu đi đem nó vào đây !”

Sư mẫu vừa mỉm cười vừa lo sợ, nói với thầy, “Này sư đệ Đại Phù Thủy, bây giờ lama có vẻ xem con như là đệ tử. Ngài hình như đã thay đổi sâu xa vì lòng đại bi. Ngài nói rằng con là vị khách chính, và bảo ta đến mời con. Ngài đã không nói lời nặng nề với ta. Chúng ta hãy vui sướng mà đi vào.”

Thầy tự hỏi điều này có thật hay không và đầy lo ngại, thầy đi vào.

Bấy giờ lama nói :

“Nếu xem xét mọi sự cẩn thận, thì không ai trong chúng ta đáng trách cả. Ta chỉ thử thách Đại Phù Thủy để làm sạch sẽ tội lỗi của nó. Nếu công việc xây tháp là có ý định cho ích lợi riêng của ta, chắc ta hẳn nhẹ nhàng dịu ngọt khi ra lệnh mới

phải. Ta luôn luôn chân thành. Là một phụ nữ, sư mẫu cũng đúng khi không thể chịu đựng nổi sự việc ấy cho dù lòng bi mẫn thái quá của bà trong việc lừa dối với những vật thiêng liêng và bức thư giả mạo là một hành động nghiêm trọng. Ngokpa, con là đúng trong cách làm của con. Tuy nhiên hãy đi bây giờ và đem về những đồ vật thiêng liêng ấy cho thầy và sau đó thầy sẽ cho con những cái ấy. Đại Phù Thủy thì chấy rục tham muốn đạo pháp, và nó đã đúng khi dùng bất cứ phương tiện nào để có được pháp. Ngokpa không biết rằng sư mẫu đã gửi người đi với tư cách giả mạo. Bởi thế, ông ta đã ban cho Đại Phù Thủy quán đánh và giáo huấn. Như vậy thầy làm sao trừng phạt ông ta được.

Dù sự tức giận của thầy có khởi lên như thác lũ, nó cũng không giống như sân giận thế gian. Cho dù chúng có xuất hiện, những hành động của thầy bao giờ cũng đến từ những cân nhắc thuộc về đạo pháp, chúng trong bản chất tương ứng với Con Đường Giác Ngộ. Khi phần lớn các con còn chưa ngập mình trong Đạo, chớ có để niềm tin của các con bị lay chuyển.

Nếu đứa con này của thầy hoàn thành được chín đại thử thách, thì sự Giác Ngộ hoàn toàn của nó được thành tựu, không còn tái sinh tương lai, không để lại tàn dư của thân xác. Nhưng vì sự yếu đuối của Dakmema mà điều đó đã không xảy ra, vẫn còn một phần nhiễm ô do bản yếu ớt trong nó. Tuy nhiên những đại tội ác nghiệp của nó đã được xóa sạch bởi tám đại khổ đau của tâm thức và bởi nhiều cơn hấp hối nhỏ của tâm thức. Giờ đây, thầy nhận con và sẽ cho con giáo pháp của thầy, nó thân thiết với thầy như chính trái tim thầy. Thầy sẽ giúp những lương thực, con hãy thiền định và được hạnh phúc.”

Khi ngài nói những lời này, thầy tự hỏi, “Đây là mơ hay tỉnh ? Nếu nó là một giấc mộng, tôi muốn không bao giờ thức dậy nữa.” Nghĩ như vậy, hạnh phúc của thầy thật vô biên. Chảy nước mắt vì sung sướng, thầy đánh lễ ngài. Sư mẫu, Ngokpa và những người khác nghĩ, “Lama quả là có phương tiện thiện xảo và thần lực biết bao khi ngài muốn nhận một đệ tử ! Bản thân Lama là một Phật Sống.” Và tín tâm của họ càng kiên cố. Từ tình thương cho thầy, tất cả đều hân hoan lễ lạy trước lama.

Sau đó mọi người tụ hội vui vẻ tham dự cử hành một tiệc lễ. Chiều tối hôm đó, ngay ở chỗ đại chúng tụ hội, các đệ tử đặt những lễ vật trước bàn thờ. Marpa nói với thầy, “Ta làm lễ xuất gia, truyền thọ giới giải thoát cho con.” Và ngài cạo tóc cho thầy.

Khi thầy đã mặc y áo của một ông tăng, lama nói, “Pháp danh của con là Mila Vajra Ngọn Cờ Chiến Thắng, đã được đức Naropa phát lộ cho thầy ngay cả trước khi con đến đây.”

Ngài truyền thọ giới Sa di và giới Bồ tát cho thầy. Qua thiền định ngài chú nguyện rượu với sự cúng dường bên trong trong một cái chén sọ người của sự giải thoát.⁽¹⁾ Mọi người đều thấy rượu sủi bọt với ánh sáng năm màu. Marpa cúng dường cho lama của ngài và cho yidam, rồi ngài uống. Ngài trao cho thầy cái chén và thầy uống cạn.

Lama nói, “Đây là một điềm tốt. Chỉ nếm rượu cúng dường bên trong của thầy tự nó đã cao hơn nhận lãnh quán đảnh trọn bộ của dòng phái khác. Sáng sớm mai, thầy sẽ ban cho con Quán Đảnh Chuyển Hóa theo con đường Mật thừa.

Rồi một mạn đà la tí mủ, mạn đà la Chakrasamvara,⁽²⁾ với sáu mươi hai vị thần, được tạo thành cho lễ quán đảnh. Khi ban lễ

quán đánh, ngài chỉ vào mạn đà la bằng bột màu. Ngài nói, “Cái này chỉ là một biểu tượng của mạn đà la. Mạn đà la thật sự ở trên kia.” Ngài chỉ tay lên bầu trời và chúng ta thấy rõ ràng Bồ Tát Chakrasamvara bao quanh bởi những daka và dakini của hai mươi bốn cõi thiên liêng, ba mươi hai thánh địa, và tám địa điểm chính để trà tỳ.⁽³⁾ Cùng lúc và với một giọng, lama và những thần của mạn đà la ở trên ban cho thầy pháp danh quán đánh là Pal Zhepa Dorje (Kim Cương Vinh Quang Cười).

Đưa cho thầy bản văn Tantra đầy đủ, lama chỉ cho thầy chi tiết những cách thức thực hành phù hợp với giáo huấn sâu xa. Rồi đặt hai tay lên đầu thầy, ngài nói :

“Con của ta, ngay từ phút giây đầu tiên ta đã biết con là một đệ tử có khả năng nhận lãnh giáo pháp. Đêm hôm trước khi con đến đây, thầy đã biết từ một giấc mộng rằng con được tiền định để phụng sự Phật pháp. Sư mẫu, trong một giấc mộng tương tự nhưng còn đáng chú ý hơn, đã thấy hai nữ hộ pháp giữ gìn một cái tháp, chỉ ra rằng những dakini sẽ bảo vệ cho giáo pháp của dòng chúng ta. Như thế, lama của thầy và bồ tát tôn thủ hộ đã gọi con đến làm một đệ tử của thầy. Thầy giả trang làm người cày ruộng để gặp gỡ con.⁽⁴⁾ Con đã uống hết số bia thầy đưa cho con. Bia này và công việc hoàn tất chỉ ra rằng trong việc thâm nhập vào lòng Phật pháp, con sẽ nắm được toàn bộ giáo lý. Cái nồi đồng có bốn tay cầm con dâng cho thầy chỉ cho thấy bốn đại đệ tử của thầy lần lượt đến. Mặt nồi không tỉ vết nghĩa là tâm thức con sẽ thoát khỏi tỉ vết và trong thân thể con, con sẽ có quyền lực đối với cái lạc của lửa Tummo.⁽⁵⁾ Cái nồi trống không tượng trưng cho sự thiếu thốn lương thực trong thời gian con thiền định lâu dài ở chốn hoang vu. Nhưng để gieo trồng những hạt giống cho tuổi thọ của con,

cho sự tốt đẹp của nhiều đệ tử của con, và cho việc con sẽ làm tràn đầy những đệ tử của con với vị ngọt ngào của Pháp, thầy đã ban phước đổ đầy cái nồi với bơ từ những ngọn đèn thờ. Thầy lắng nó nghĩa là sự danh tiếng trong tương lai của con. Để tịnh hóa con khỏi bóng tối của ác hạnh, thầy đã chồng chất lên con công việc kinh khủng và không ngừng là xây dựng những cái tháp. Bốn cái tháp tượng trưng cho bốn hoạt động : làm bình an, làm tăng trưởng, thân lực và hàng phục.

“Mỗi khi thầy thô bạo đuổi con khỏi hàng ngũ những đệ tử và làm con chìm đắm trong đau buồn, con đã không có những tư tưởng xấu về thầy. Điều này nghĩa là những đệ tử của con sẽ trước hết có tất cả sự nhiệt tâm, kiên trì, trí huệ và đại bi cần thiết cho mỗi người đệ tử. Tiếp theo, họ sẽ bền bỉ thiền định trong núi non qua kỷ luật khổ hạnh và nghị lực mà không tham muốn sự sung túc của thế gian. Sau rốt, qua kinh nghiệm bên trong, nghị lực tâm linh, trí huệ và đại bi, tất cả họ sẽ thành những lama hoàn thiện. Sự truyền thừa của giáo pháp này sẽ càng ngày càng sáng tỏ như mặt trăng càng đến ngày rằm. Thế nên hãy vui mừng !”

Đó là tất cả những điều ngài nói trước. Khuyến khích chúng đệ tử, ngài gây cảm hứng cho bọn thầy và cho bọn thầy niềm hoan hỷ. Đây là sự bắt đầu của hạnh phúc của thầy.

Milarepa nói như thế. Đây là chương thứ ba, nói về ngài có được quán đảnh và giáo huấn trong con đường Mật thừa.

CHƯƠNG BỐN

THIÊN ĐỊNH

Bấy giờ Retchung nói, “Bạch Đạo sư, sau khi nghe Pháp, Thầy có tức khắc đi vào nơi hoang vắng hay thầy còn ở lại với Lama ?”

Và Mila tiếp tục :

Lama nói thầy phải thiên định kiên trì. Ngài cung cấp cho thầy vật thực dư dả và ra lệnh cho thầy thiên định trong một hang động gọi là Cọp Nak ở Vách Đá Phía Nam. Rồi thầy rót đầy một ngọn đèn thờ với bơ, thắp nó lên, và để trên đầu thầy. Thầy thiên định ngày và đêm theo cách đó, không cử động, cho đến khi bơ trong đèn cạn sạch.

Mười một tháng trôi qua. Rồi lama và sư mẫu đến, đem cho thầy thực phẩm cho một tiệc cúng.

Lama thốt lên, “Tốt, con ạ, thiên định trong mười một tháng mà không để cho đệm thiên của con bị lạnh là rất tốt. Hãy mở cửa thất và ra đây nghỉ ngơi đôi chút để con có thể nói chuyện với thầy, ông cha già này, về kinh nghiệm bên trong của con.”

Thầy trầm nghĩ, “Thật bình an ở đây, nhưng mình phải ra ngoài bởi vì đó là một mệnh lệnh của lama.”

Thầy bắt đầu dỡ phá lối vào. Thầy cảm thấy ngần ngại và thầy dừng lại một chốc, không dám tiếp tục nữa. Nhưng sư mẫu trở lại và hỏi, “Con đang đến đây à, hỡi con ?” Thầy trả lời thầy không dám phá bức tường. Sư mẫu nói, “Không có gì sai cả đâu. Gặp gỡ với lama là một sự việc tốt lành, nó chỉ có thể có một kết quả tốt đẹp. Đó là một định luật của con đường bí mật. Từ chối sẽ làm thầy tức giận và làm hư hỏng sự việc tốt lành ấy, thế nên hãy phá mở và đi ra.”

Biết lời sư mẫu nói là sự thật, thầy giật sập bức tường và bước ra.

Lama nói, “Hai chúng ta, cha và con, sẽ thiên định chung. Sư mẫu hãy sửa soạn một bữa tiệc.”

Khi hai người đang dâng cúng thì lama nói với thầy, “Con của ta, con đã gạt hái được sự hiểu biết xác thực nào từ những giáo huấn đặc biệt của thầy ? Hãy để cho tâm thức con thư giãn và kể cho thầy nghe những kinh nghiệm tri giác và trực giác và sự thấu hiểu con đã đạt được.”

Trong một cử chỉ tin tưởng và sùng mộ nồng nhiệt với lama thầy quỳ gối xuống và chấp tay. Mắt thầy mờ nước mắt, thầy đánh lễ ngài vì tất cả điều gì thầy đã hiểu, và thầy hát tụng Bài Ca Những Sùng Mộ Bảy Phần này :

Ôi Đạo sư, trong con mắt những người bất tịnh,
Ngài xuất hiện trong những hình thức khác nhau,
Và với chúng hội những Bồ tát trong sạch,
Ngài biểu lộ như là Phật Báo Thân, con xin lễ chào Ngài.

Vang âm sáu mươi giọng⁽¹⁾ Phạm Thiên, ngài tuyên thuyết
Thánh pháp trong tám mươi bốn ngàn⁽²⁾ phương diện.

THIÊN NÒNH

Cho mỗi chúng sanh hiểu trong ngôn ngữ riêng của họ.
Con lễ lạy trước Ngã của ngài
Nó không tách lìa khỏi tánh Không bốn nhiên tịch diệt.

Trong không gian trong trẻo sáng ngời của Pháp thân
Không chút bóng dáng ô nhiễm của phân biệt,
Mà trùm khắp muôn pháp được thấu biết.
Con đánh lễ Pháp Thân ngời ngời bất động.

An trụ trong cung điện của tánh Không thanh tịnh,
Dakmema bất động, với thân huyền giữa huyền
Ngài là Mẹ của chư Phật ba đời
Sư mẫu Dakmema, dưới chân ngài con xin đánh lễ.

Bạch Đạo sư, với lòng tôn kính thuần khiết, con xin lễ lạy
Những đóa con tâm linh của ngài mà ngài đã hợp nhất,
Những đệ tử thực hiện những chỉ dạy của ngài,
Và vô số những người tin theo ngài.

Con cúng dường Ngài thân thể của con
Và bất cứ cái gì khác xứng đáng cúng dường
Trong tất cả cõi của khắp cả vũ trụ.

Con sám hối mọi tội lỗi của con, từng cái một.
Và tùy hỷ mọi công đức của hết thảy chúng sanh.
Con cầu xin Ngài chuyển Pháp luân xa rộng.

Con cầu nguyện rằng lama tuyệt đối toàn thiện sống mãi
Cho đến ngày nào còn có những chúng sanh mắc trong
lưới sanh tử
Nguyện những công đức này làm lợi lạc tất cả chúng sanh.

“Sau khi ngâm Bài Ca Những Sùng Mộ Bảy Phần, con, một kẻ tầm thường đi theo thầy, muốn được tỏ bày cái hiểu yếu ớt của con. Sự hiểu biết đó có được là do hoạt động toàn thiện và thần lực của ảnh hưởng tâm linh khởi từ lòng bi vô biên của lama – ngài không cách hở với Phật Vajradhara Kim Cương Trì – cùng với sư mẫu và chú huynh đệ, với lòng biết ơn sâu xa, con mang nợ các vị.

“Từ bản tâm bất biến, xin hãy nghe con. Con đã hiểu rằng thân xác này, làm bằng thịt và máu cùng với ý thức, được nhóm họp với nhau bởi mười hai mắt xích của nhân và quả – mà một cái là hành tức ý muốn – đều phát sanh từ vô minh. Thân thể này là một thuyền bè được ban phước đối với những ai phước đức, mong muốn giải thoát, nhưng nó cũng dẫn những người tạo nghiệp vào ba cõi thấp.

“Con hiểu rằng trong thân thể này có sự chọn lựa sống chết giữa lợi ích và mất mát khổng lồ, liên hệ đến hạnh phúc hay thống khổ vĩnh cửu, trên bờ ranh của tốt và xấu. Nương nhờ vào bi lực của Thầy như người hướng dẫn tôn quý của chúng sanh, con hy vọng nỗ lực thành đạt giải thoát khỏi đại dương khổ đau ràng buộc mà sự trốn thoát nó rất là khó khăn.

“Trước hết tìm sự quy y nơi Tam Bảo và cẩn thận tuân thủ những giới luật, con hiểu rằng nguồn của mọi hạnh phúc là Lama, và bởi thế nguyên lý đầu tiên là làm tròn mọi giáo huấn của ngài và duy trì một ràng buộc tâm linh không tì vết với ngài.

“Hơn nữa, một đời sống làm người là một điều khó được. Bằng cách khởi lên tâm thức rất mãnh liệt soi xét về vô thường và cái chết, những hậu quả của hành động và sự khổ đau của

sanh tử, người ta khai triển một lòng mong mỗi giải thoát và phải theo đuổi nó qua sự tuân thủ nhân quả. Đó là nền tảng mà người ta phải lập.

“Từ điểm này, dần dần bước lên Con Đường, cần thiết phải tuân thủ những lời thệ nguyện của mình như giữ gìn con mắt. Dù trong thất bại, những phương thuốc đối trị phải được dùng. Không tìm kiếm sự giải thoát cho riêng mình trên con đường của Tiểu thừa, người ta khai triển Bồ đề tâm,⁽³⁾ tâm tìm cách làm việc cho sự giải thoát của tất cả chúng sanh. Cái hiểu của con là sự khai triển một tâm thái giác ngộ đưa người ta đến việc hồi hướng từ lòng từ bi kết quả của hành động của mình cho lợi lạc của tất cả.

“Để ôm trọn con đường Đại thừa, người ta từ bỏ con đường Tiểu thừa. Đặt nền trên nền tảng của cái thấy toàn hảo, người ta đi vào con đường tối thượng của Kim Cương thừa.

“Để thành tựu cái thấy toàn hảo về thật tánh, người ta cần có một vị thầy toàn hảo biết làm sao để trao truyền trọn vẹn và không lầm lẫn bốn phương diện của Quán đánh,⁽⁴⁾ ngài thiện xảo làm cho đệ tử thấy Thật Tánh do lòng đại bi của ngài. Quán đánh đánh thức tỉnh người ta trước thực tại tối hậu và từ đó trở đi người ta thiền định qua mọi giai đoạn khác nhau của Con Đường. Đã nỗ lực khám phá tánh vô ngã của cá nhân, đó là điều chung cho mọi truyền thống hiển giáo, người ta khảo sát cái ngã bằng lý luận, giáo lý và những tỷ dụ, và không tìm kiếm cái ngã nữa, người ta thấu hiểu vô ngã. Bây giờ người ta phải đem tâm thức vào trạng thái tĩnh lặng. Khi tâm thức được an tĩnh nhờ phân tích lý luận, tư tưởng phân biệt dùng dứt và tâm thức đạt đến trạng thái vô niệm. Nếu người ta tiếp tục ở trong trạng thái này nhiều ngày, tháng và năm, quên

mất thời gian trôi qua nên cần có người nhắc nhở, bấy giờ người ta đạt được sự an định của tâm thức.

“Trạng thái an định này được duy trì nhờ chú ý và tỉnh giác liên tục, không cho phóng dật hay hôn trầm. Tăng cường sức mạnh của tỉnh giác, người ta kinh nghiệm thức thanh tịnh không có sự phân biệt – trần trụi, sống động và tươi mát. Đây là những tính chất của sự an định tâm thức.

“Thức thanh tịnh có thể được xem là một tia chớp của quán chiếu hoàn hảo ; người ta không thực sự kinh nghiệm nó cho đến khi nào họ đạt tới giai đoạn thứ nhất của giác ngộ Phật tánh (sơ địa). Ở giai đoạn này, người ta thiền định, quán tưởng những hình tướng của hóa thân bốn tôn. Làm như thế, người ta có thể kinh nghiệm những cái nhìn thấy và những hình tướng, nhưng những cái ấy đều vô tự tánh và chỉ là những sản phẩm của tâm thức thiền định.

“Tóm lại : Thứ nhất, một trạng thái sống động linh hoạt của an định tâm thức và năng lực duy trì cùng với một trí năng phân biệt là những đòi hỏi cần thiết để đạt đến quán chiếu toàn hảo. Chúng giống như những nấc đầu của một cầu thang.

“Thứ hai, mọi thiền định, với hình tướng hay không có hình tướng, phải bắt đầu từ lòng từ bi sâu thẳm. Bất cứ điều gì người ta làm đều phải khởi từ thái độ thương yêu cho lợi lạc của những người khác.

“Thứ ba, qua cái thấy toàn hảo, mọi phân biệt tan biến vào trạng thái vô niệm.

“Cuối cùng, với tỉnh giác về tánh Không, người ta chân thành hồi hướng những kết quả cho lợi lạc của những người khác. Con nghĩ đây là con đường tốt nhất trong mọi con đường.

“Như một người đói không thể no được bằng sự hiểu biết về thức ăn, cũng thế người ta cần kinh nghiệm trong thiền định thật nghĩa của tánh Không. Con càng hiểu rằng để đi đến quán chiếu hoàn hảo, cần thiết thực hành những việc làm công đức và tự tịnh hóa, không ngừng nghỉ, giữa những thời thiền định.

“Tóm lại, con thấy rằng cái hiểu của thiền giả về tánh Không của các pháp, về sự không khác nhau của các pháp và tánh Không, về sự bất khả tư nghì của chúng và về sự bất nhị tuyệt đối của chúng tương ứng với bốn cấp độ nhập môn quán đánh theo Kim Cương thừa.

“Để làm cho sự hiểu biết này biểu lộ trong thân tâm con, con phải điều phục thân thể, lấy bớt thực phẩm của nó, cầm cương tâm thức và thân nhiên trước mọi hoàn cảnh kể cả hiểm nguy và cái chết.

“Con đã không đến trước lama và sư mẫu, người cha và người mẹ tốt lòng không gì hơn của con, để đền đáp công ơn bằng sự phục vụ và của cải. Nhưng con dâng cúng cái tốt nhất con sẽ có thể đạt được trong thực hành thiền định của con ngày nào con còn sống, và con xin các ngài chấp nhận cái thấu hiểu tối hậu mà con sẽ đạt được trong cung điện Ogmin :

“Đại Lama, ngài là Phật Vajradhara,
Mẹ Dakmema, người cư mang chú Phật,
Và các anh, những đứa con của những bậc Chiến Thắng,
Xin mời các vị nghe ít lời này
Phát sanh từ thấu hiểu và tri giác chân thật trong tâm
thức con,

Con xin chừa vị tử bi nhĩn nhũc chũ đũng nhũng lỗi lầm
cũ con,

Vũ minh, tà kiến và nhũng sai lầm cũ con.

Xin sửa sai chũng hợp theo với Pháp.

Dũoi sự ban phũớc cũ nhũng tia sáng chói chang

Trút xũng từ mặt trời cũ lòng đại bi cũ ngài,

Đóa hoa sen cũ tâm thức con đĩ nở.

Vũĩ hương thơm này tỏa ra từ kinh nghiệm,

Con khũng cũ gì ngoài sự biết ơn,

Con quy lòng tôn kính thường trực về cũ Ngài.

Ngũyện nhũng quả cũ sự thiên đĩnh cũ con lợi lạc cho
tất cũ chũng sanh,

Trong cố gắng đạt tới hoàn thiện.

Con xin cũ ngài, nghe và thứ lỗi cho sự nhiều lời cũ con.”

Thầy nói như vậy. Rồi lama nói, “Con ơi, thầy đặ hy
vũng lớn lao nơi con và hy vũng cũ thầy đĩ đũợc thực hiện.”
Và ngài đũy hĩn hoan.

Sũ mẫu nói, “Đũa con này cũ ta cũ sức mạnh tâm thức
để thành tựu lớn.”

Sau nhiều chuyện trò về đạo, cha và mẹ trở về nhà. Phần
thầy, thầy xây tường lại và thiên đĩnh.

Khoảng thời gian này, lama thăm viếng vùng bắc xứ Ũ.
Một đẽm, sau khi cử hành một lễ cúng ở nhà Marpa Golak,
một dakini giải thích cho Lama Marpa một thông điệp tượng
trũng do Tổ Naropa truyền cho mà ngài khũng hiểu. Khi lama
đang chiêm nghiệm về một chuyến đi thăm đũc Naropa như
nhũng dakini yêu cầu, thì một cũ gái trẻ xuất hiện với thầy

trong một giấc mộng. Cô màu xanh như bầu trời và đẹp đẽ trong áo thêu và trang sức bằng xương, lông mày và lông mi lấp lánh ánh sáng. Cô nói với thầy, “Con của ta, con đã có giáo Pháp Đại Ấn (Mahamudra)⁽⁵⁾ và giáo huấn về Sáu Pháp Mật Truyền.⁽⁶⁾ Những cái ấy dẫn đến Giác Ngộ Tối Thượng qua thiền định liên tục. Nhưng con không có giáo pháp đặc biệt về Chuyển Di Tâm Thức vào Xác Chết,⁽⁷⁾ nó dẫn đến Phật tánh trong một phút chốc thiền định. Hãy cầu xin pháp này.” Nói xong cô biến mất.

Thầy trầm nghĩ, “Cô gái trẻ này mặc y phục dakini. Đó là một mách bảo của chư thiên hay là một luồng gạt của ma quỷ ? Ta không biết. Dầu là gì thì Đạo sư của ta, ngài là một vị Phật của ba đời, chắc chắn ngài biết. Ngài không chỉ biết một sự việc mà tất cả sự việc, từ những phương tiện để trở thành một vị Phật xuống đến chú thuật kết hợp lại một cái lu bị vỡ. Nếu đây là một chỉ bảo từ chư Thiên, ta phải hỏi xin Pháp Chuyển Di Tâm Thức vào Xác Chết.”

Thầy phá đổ bức tường thất và đến trước lama, ngài kêu lên, “Tại sao con đi ra đàng khi ẩn cư nhập thất ? Điều này có thể ngăn chặn sự tiến bộ của con. Tại sao con làm thế ?”

Thầy diễn tả lại về cô thiếu nữ và điều cô đã nói với thầy trong giấc mộng, và thầy hỏi, “Đó là một tiên tri kêu gọi hay là dấu hiệu của một sự chướng ngại ? Con không biết. Nếu là một tín hiệu, con phải đi xin Pháp Chuyển Di Tâm Thức.”

Lama suy nghĩ một chốc rồi nói, “Đó chắc chắn là một điềm báo từ những dakini. Trước khi thầy bắt đầu trở về từ Ấn Độ, Đạo sư Naropa có nói về giáo pháp Chuyển Di Tâm Thức

vào Xác Chết. Bởi vì thầy sắp đi, thầy không hỏi pháp đó. Thế nên chúng ta phải kiếm nó trong tất cả mọi kinh sách từ Ấn Độ.”

Hai người, Đạo sư và đệ tử, cần cù tìm kiếm ngày đêm bản văn ấy. Hai thầy trò tìm ra nhiều cuốn về chuyển di tâm thức, nhưng không tìm ra một chút nào đề cập đến Chuyển Di Tâm Thức vào Xác Chết. Lama nói với thầy, “Dấu hiệu thầy đã nhận ở vùng bắc của miền Trung Tây Tạng đòi hỏi thầy phải làm cùng một cầu xin như vậy. Bởi vì có những giáo pháp khác thầy chưa hiểu, thầy sẽ đi đến đức Naropa và cầu xin chúng.”

Thầy nhắc nhở ngài về tuổi tác của ngài, nhưng không thuyết phục nổi ngài từ bỏ ý định. Ngài chuyển đổi những lễ vật của các đệ tử thành vàng, đựng đầy một bình, và đi Ấn Độ.

Đức Naropa đã ra đi để dẫn thân vào thực tập những đại thần lực thiền định. Marpa mong muốn gặp được ngài dù phải hy sinh tánh mạng, tham vấn nhiều điểm triệu, và biết rằng ngài sẽ tìm thấy Tổ. Cầu nguyện nhiệt thành, ngài liên tục tìm kiếm Tổ. Ngài gặp đức Naropa trong một rừng nguyên sinh và mời Tổ đến chỗ ẩn cư Puhlla Hari. Ở đó ngài cầu xin giáo huấn về Chuyển Di Tâm Thức vào Xác Chết.

Đạo sư Naropa trả lời, “Con có nghĩ đến nó hay con nhận một dấu hiệu?”

“Chuyện này không vào tâm thức con, con cũng không có một dấu hiệu. Một đệ tử của con, tên là Tin Lành đã nhận một khuyến khích từ những dakini và đến hỏi xin con giáo huấn ấy.”

“Kỳ diệu thay!” Tổ Naropa kêu lên. “Trong xứ sở tối tăm Tây Tạng, người đệ tử này giống như mặt trời mọc trên những đỉnh tuyết.”

Tổ đưa hai tay chắp lên trên đầu tôn kính và nói :

“Hỡi đệ tử tên gọi Tin Lành,
Ta lễ lạy trước người,
Như mặt trời mọc lên trên tuyết
Trong những bóng đen của miền bắc âm u.”

Khi nói thế, Tổ nhắm mắt và cúi đầu ba lần. Và ở Ấn Độ những núi non và cây cối nghiêng mình ba lần về hướng Tây Tạng. Đến ngày nay, những đỉnh núi và ngọn cây của Puhlla Hari vẫn hướng về Tây Tạng. Đức Naropa ban cho ngài Marpa trọn vẹn giáo pháp bí mật được những dakini trao truyền. Rồi Tổ giải thích một số điềm triệu. Chẳng hạn, cung cách lễ lạy của Marpa nói trước rằng dòng dõi gia đình riêng của ngài sẽ ngắn ngủi, nhưng dòng phái tâm linh mà dòng chảy được tạo thành bởi hoạt động ban trải giáo pháp sẽ được miên trường như một dòng sông vĩ đại. Sau đó Marpa trở về Tây Tạng.

Một thời gian sau, những nhà sư và đệ tử tưởng niệm ngày mất của con ngài Marpa là Darma Doday, chuyện này đã xảy ra như đã được tiên báo trong điềm triệu. Khi tất cả tụ họp làm lễ giỗ, những đệ tử hỏi ngài Marpa, “Lama Rinpoche, con trai ngài giống như một vị Phật. Giờ đây niềm hy vọng nhất của anh em chúng con đã ra đi, và Thầy cũng không còn trẻ. Dòng Pháp Kagyü quý báu sẽ được truyền thừa như thế nào ? Xin hãy nói cho chúng con kỷ luật và công việc chúng con cần phải theo.”

Lama trả lời, “Thầy và tất cả những người dòng dõi của Đạo sư Naropa có khả năng tiên tri nhờ những giấc mộng. Đức Naropa đã cho một tiên tri tốt lành về Dòng Pháp Kagyü. Hỡi

các đệ tử chánh của thầy, bây giờ hãy đi và chờ đợi những giấc mộng của các con.”

Sau đó, những đệ tử trình lại những giấc mộng của họ. Dù tất cả đều có những giấc mộng thiện lành, nhưng không thể rút ra một dấu hiệu báo trước nào trong đó. Thầy có một giấc mộng về bốn cây trụ cột mà thầy trình lại với lama như sau :

“Vâng lời dạy của Lama Phật Vajradhara,
Đêm qua con đã thấy một giấc mộng.
Con xin kể giấc mộng đó cho lama,
Kính mong thầy nghe với lòng từ ái.

Con đã mộng rằng trong phía Bắc bao la của thế giới
Một ngọn núi tuyết hùng vĩ vươn cao,
Đỉnh trắng ngằn chạm đến bầu trời,
Xoay quanh nó là mặt trời mặt trăng,
Ánh sáng nó tỏa đầy khắp không gian,
Và chân núi trùm cả địa cầu.
Những dòng sông chảy xuống trong bốn hướng chánh,
Giải cơn khát cho hết thảy chúng sanh,
Và những dòng nước ấy đổ vào đại dương bát ngát.
Có vô số đóa hoa lấp lánh.
Đó là tổng quát giấc mơ con thấy.
Con xin nói ra cho Lama Phật của Ba Đồi.

Con đã mộng thấy nơi hướng Đông ngọn núi hùng vĩ kia
Một cột trụ khổng lồ dựng đứng.
Trên đỉnh trụ một con sư tử lớn đang co mình.
Bờm nó xanh lục phất bay muôn hướng,
Giương những móng vuốt dài trên tuyết,

THIỆN NÒNH

Đôi mắt nó chăm chăm nhìn trời cao,
Và hiên ngang dạo chơi trên mênh mông tuyết trắng.
Con xin nói ra cho Lama Phật của Ba Đồi.

Con đã mộng thấy phía Nam núi một cột trụ vĩ đại.
Trên đỉnh trụ một con hổ cái đang gằm
Lông vằn dày phủ đầy thân.
Nó mỉm cười ba lần.
Giương những móng vuốt trên rừng núi,
Đôi mắt nó chăm chăm nhìn trời cao,
Và kiêu hãnh lướt trên rừng dày đặc.
Những cây tuyết tùng trong rừng đan nhau rậm rạp.
Con xin nói ra cho Lama Phật của Ba Đồi.

Con đã mộng thấy phía Tây núi một cột trụ vĩ đại.
Trên đỉnh trụ một con chim garuda⁽⁸⁾ khổng lồ bay vút.
Đôi cánh chim garuda trải rộng,
Hai mào của nó hướng lên những tầng trời,
Đôi mắt nó chăm chăm nhìn trời cao
Và vỗ cánh bay qua không gian vô hạn.
Con xin nói ra cho Lama Phật của Ba Đồi.

Con đã mộng thấy phía Bắc núi một cột trụ vĩ đại,
Trên đỉnh trụ một con kên kên vụt bay,
Đôi cánh nhọn của nó dang rộng,
Tổ kên kên nằm trên vách đá.
Nó có một con chim non mới biết bay
Và trên trời đầy những con chim nhỏ.
Chim kên kên chăm chăm nhìn trời cao
Và tự mình vút qua không gian cao rộng.
Con xin nói ra cho Lama Phật của Ba Đồi.

Con cho rằng đây là một điềm lành
Và sung sướng với điều tốt lành ấy.
Bạch Thầy, con mong thầy giải nghĩa cho con.”

Thầy nói như thế, và lama vui vẻ trả lời, “Giấc mộng này là một giấc mộng phước đức ! Sư mẫu, hãy sửa soạn cho một tiệc lễ.”

Sư mẫu đem ra những vật cần thiết, và khi bà sửa soạn, những đệ tử và những đứa con tâm linh nhóm lại.

Lama nói với họ, “Mila Kim Cương Ngọn Cờ Chiến Thắng đã có một giấc mơ kỳ diệu !”

Những đại đệ tử hỏi, “Thầy biết cách giải những điềm báo của giấc mộng, xin thầy nói cho bọn con.”

Bấy giờ Đạo sư toàn thiện và Đại Dịch Giả, ca bài kệ này, vén màn giấc mộng cho những đệ tử :

“Đức Phật của Ba Đời, Đạo sư Naropa
Con xin lễ lạy dưới chân Ngài.
Tất cả đệ tử ngồi ở nơi đây,
Hãy nghe những điềm triệu kỳ lạ của tương lai
Do giấc mộng báo cho biết
Mà ta, người Cha già của các con, sắp nói cho nghe.

Vùng Bắc của thế giới là Tây Tạng
Nơi Phật pháp sẽ truyền rộng thịnh hưng.
Ngọn núi phủ tuyết kia
Là Đại Dịch Giả Marpa già nua
Và Giáo Pháp Kagyü.
Đỉnh núi tuyết chạm đến bầu trời

THIÊN NÒNH

Là cái quán chiếu vô song không gì sánh.
Mặt trời mặt trăng xoay quanh chót đỉnh
Là thiên định tỏa chiếu trí huệ và đại bi.
Ánh sáng đầy khắp không gian
Là lòng bi trừ diệt bóng tối của vô minh.
Chân núi trùm cả địa cầu
Là hoạt động tỏa khắp của giáo pháp mở bày.
Bốn dòng sông chảy trong bốn hướng chính
Là bốn phương diện của quán đảnh và giáo huấn.
Những sông này giải cơn khát của hết thảy chúng sanh
Là để cho sự tiến bộ và giải thoát của những hành giả.
Tất cả sông đổ vào biển cả
Là sự hợp nhất trở lại của bốn giác mẹ và thủy giác con.
Tất cả đóa hoa khác nhau lấp lánh
Là sự hưởng thụ quả thanh tịnh không tì vết.
Nói chung giác mộng rất tốt lành
Hỡi các sư và sư đệ hội tụ nơi đây.

Cột trụ vĩ đại dựng đứng ở phía Tây
Trên ngọn núi tuyết cao vời hùng vĩ
Là Tshurtön Ouangnge xứ Döl.
Con sư tử ngự trị trên đỉnh cột
Nghĩa là Tshurtön có bản tính sư tử.
Bờm xanh lục phát phơ của nó
Là sự chứng ngộ giáo huấn Mật thừa.
Bốn móng vuốt giương dài trên tuyết
Là sở hữu Bốn Vô Lượng Tâm.
Nó chăm chăm nhìn trời cao
Là sự lia khỏi thế giới của sanh và tử.
Dạo chơi hiên ngang trên mệnh môn tuyết trắng

Là sự vào trong cõi giới giải thoát
Giác mộng phía Tây rất tốt lành,
Hỡi các sư và đệ tử hội tụ nơi đây.

Cột trụ vĩ đại dựng đứng ở phía Nam
Là Ngokton Chodor xứ Shung.
Con hổ cái gầm trên đỉnh trụ
Nghĩa là Ngokton có bản tính hổ cái.
Lông vằn dày phủ khắp thân
Là sự chứng ngộ giáo huấn Mật thừa.
Ba lần nó mỉm cười
Là sự thấu suốt Ba Tạng kinh điển.
Bốn móng giương trên rặng núi
Là sự thành tựu bốn hoạt động.
Nó chăm chăm nhìn trời cao
Là sự lia khỏi thế giới của sanh và tử.
Đi kiêu hãnh trên rừng dày đặc
Là sự vào trong cõi giới giải thoát.
Những cây tuyết tùng trong rừng đan nhau rậm rạp
Nghĩa là một dòng con cháu kế thừa.
Giác mộng phía Nam rất tốt lành,
Hỡi các sư và đệ tử hội tụ nơi đây.

Cột trụ vĩ đại dựng đứng nơi mặt trời lặn
Là Đại Metön xứ Tsangrong
Chim garuda khổng lồ bay vút trên đỉnh trụ
Nghĩa là Metön có bản tính chim garuda.
Đôi cánh chim garuda trải rộng
Là sự chứng ngộ giáo huấn Mật thừa.
Hai mào của nó hướng lên những tầng trời

THIÊN NÒNH

Nghĩa là sự hoàn thiện trong thiên định và quán chiếu.
Nó chăm chăm nhìn trời cao
Là sự lia khỏi thế giới của sanh và tử.
Nó bay qua không gian vô hạn
Là sự vào trong cõi giới giải thoát
Giấc mộng phía Tây rất tốt lành,
Hỡi các sư và đệ tử hội tụ nơi đây.

Cột trụ vĩ đại dựng đứng ở phía Bắc
Là Milarepa xứ Gungthang
Con kên kên vút bay trên đỉnh trụ
Nghĩa là Mila giống như kên kên.
Đôi cánh nhọn của nó dang rộng
Là sự chứng ngộ giáo huấn Mật thừa.
Tổ chim của nó trên vách đá
Nghĩa là đời Mila sẽ còn cứng hơn đá.
Con chim non đủ lông cánh của kên kên này
Nghĩa là anh sẽ có một đệ tử lỗi lạc.
Những con chim nhỏ đầy không gian
Nghĩa là sự truyền rộng Giáo Pháp Kagyü.
Nó chăm chăm nhìn trời cao
Là sự lia khỏi thế giới của sanh và tử.
Đường bay qua không gian bao la
Là sự vào trong cõi giới giải thoát.
Giấc mộng phía Bắc rất tốt lành,
Hỡi các sư và đệ tử hội tụ nơi đây.

Công việc của lão già sắp hoàn tất.
Với các con, hỡi những đệ tử, giờ của các con đã tới.
Nếu lời tiên tri của lão già này hiện thực,

Thì giáo pháp toàn hảo được truyền thừa đến đây,
Sẽ mở rộng và kéo dài trong mai hậu.”

Ngài nói như thế. Bấy giờ tất cả mọi người có mặt ngập đầy vui mừng. Lama cho những đại đệ tử xem kho tàng giáo pháp và giáo huấn đặc biệt. Ngài dạy cho bọn thầy ban ngày và bọn thầy vui mừng thiền định về chúng vào ban đêm.

Một đêm, khi ngài đang ban Quán Đảnh Anamata⁽⁹⁾ lama bắt đầu suy nghĩ về giáo huấn đặc biệt nào cần phải cho mỗi đệ tử được tiền định để đảm trách công việc hoàng dương giáo pháp. Ngài quyết định tham khảo các điềm triệu vào lúc bình minh.

Ngày hôm sau, khi bình minh ló dạng, ngài thấy những đại đệ tử của mình. Ngokton Chodor xứ Shung đang bình giảng về bản văn của Yidam Hevajra. Tshurtön Ouangnge xứ Döl đang thiền định về Chuyển Di Tâm Thức, Đại Metön xứ Tsangrong đang thiền định về sự Thanh Tịnh của Tánh Giác.⁽¹⁰⁾ Về phần thầy, thầy đang thiền định về lửa Tummo. Như thế lama biết công việc đặc biệt nào cho mỗi người trong huynh đệ thầy.

Bấy giờ ngài truyền cho Ngokpa sáu cách và bốn phương pháp⁽¹¹⁾ để giải thích Giáo pháp Mật thừa, nó phơi bày giáo pháp như một chuỗi hạt trai đẹp đẽ. Và ban cho ông sáu viên ngọc của Naropa, sáu chuỗi hồng ngọc, một cái muống và một cái lọc là đồ để cúng, và một bình giải tiếng Phạn về Tantra Hevajra. Rồi ngài nói với ông, “Hãy làm việc cho lợi lạc của tất cả chúng sanh bằng thuyết giảng về giáo pháp.”

Tshurtön Ouangnge xứ Döl được truyền cho Chuyển Di Tâm Thức, như một con chim bay qua cửa sổ mở ; ngài ban cho ông một lọn tóc của Naropa, những móng tay của Naropa,

những viên thuốc⁽¹²⁾ cam lồ, và một vương miện gọi là Năm Bộ Phật⁽¹³⁾ Rồi ngài nói, “Hãy làm việc cho sự thông thạo Chuyển Di Tâm Thức.”

Đại Metôn xứ Tsangrong được truyền cho sự thông thạo về sự Thanh Tịnh của Tánh Giác, nó giống như một ngọn lửa được thắp lên trong bóng tối ; ngài ban cho ông chuông và chày kim cương của Naropa, trống và kapala⁽¹⁴⁾ nối với hạt trai lớn của ngài. Và ngài nói với ông, “Hãy tự giải thoát con khỏi trạng thái trung ấm của Bardo.”

Với thầy, ngài truyền cho giáo huấn truyền miệng bí mật Lửa Tummo, giống như một ngọn lửa củi tốt, và ban cho thầy cái mũ của Maitrepa và y phục của Naropa. Rồi ngài nói, “Hãy đi và lang thang trong những vùng núi cần cỗi và những miền tuyết trắng, và hãy thực hành cái thấy toàn hảo và thiền định.”

Cuối cùng, trước tất cả nhà sư tụ hội cho buổi tiệc lễ, ngài nói, “Ta đã cho các con những giáo huấn của ta như những điềm triệu đã báo trước. Ta đã truyền cho mỗi đệ tử cao cấp nhất của ta công việc của từng người cũng như lợi lạc lớn lao của giáo pháp. Bởi vì con ruột của ta, Darma Doday Büm, không còn ở đây nữa, ta đã trao cho các con Giáo Pháp Kagyü và sự truyền chuyển năng lực giác ngộ của ta như di sản thừa kế. Bởi thế, hãy đầy siêng năng và sự lợi lạc cho tất cả chúng sanh sẽ tăng trưởng.” Rồi những đại đệ tử ra đi, mỗi người về vùng riêng của mình.

Lama nói với thầy, “Về phần con, hãy ở gần thầy ít năm. Thầy sẽ cho con quán đảnh và giáo huấn đặc biệt. Con cần củng cố kinh nghiệm bên trong của con với sự có mặt của lama của con. Bởi thế, hãy ở lại trong nhập thất trọn vẹn.”

MILAREPA

Như đức Naropa đã tiên tri, thầy rút vào hang động tên là Dzangpühk Drok. Cha và mẹ cho thầy lương thực, gồm phần chia những lễ cúng. Và các vị làm điều này bằng lòng nhân hậu vĩ đại.

Milarepa nói như thế. Đến đây là hết chương thứ tư, nói về Milarepa qua thiền định với lama đã làm nẩy mầm hạt giống sự tỉnh thức của ngài.



CHƯƠNG NĂM

THIỆN ĐỊNH

Bấy giờ Retchung thưa hỏi, “Bạch Đạo sư, những trường hợp nào đưa ngài đến việc từ giã Tổ Marpa ? Lama Marpa yêu cầu ngài ở gần Tổ một vài năm. Ngài đã ở được bao lâu ?”

Đạo sư trả lời :

Thầy đã không ở đó nhiều năm. Vài hoàn cảnh đưa thầy về viếng thăm làng cũ. Trong khi ẩn tu bình thường thầy không ngủ, nhưng một buổi sáng sớm thầy chợp ngủ và có giấc mộng như vậy : Thầy đến làng Kya Ngatsa của thầy. Ngôi nhà Bốn Cột và Tám Xà của thầy xiêu nát như tai một con lừa già. Mưa xuyên qua khắp nhà và đã làm hư hại những cuốn kinh, bộ Lâu Đài những Châu Ngọc.⁽¹⁾ Miếng đất của thầy, Tam Giác Phì Nhiêu lấp đầy cỏ dại. Mẹ thầy và những bà con đã chết. Em thầy bỏ đi lang thang và xin ăn. Bởi vì những bà con của gia đình thầy đã như những kẻ thù chống lại mẹ con thầy, nên từ thuở nhỏ, thầy đã xa cách mẹ và đã không gặp lại mẹ. Ý nghĩ này gây cho thầy đau khổ bao la. Thầy gọi tên mẹ và em và khóc. Thầy thức dậy và gối thầy ướt đẫm nước mắt.

Thầy trở nên nghĩ ngợi và gợi nhớ kỷ niệm về mẹ thầy. Thầy khóc nhiều và quyết định làm điều gì cần thiết để thấy lại

bà. Sáng ra, thầy phá bức tường thất ẩn tu và đến gặp lama. Ngài đang ngủ. Thầy đến gần ngài, và khiêm hạ cúi mình nơi đầu giường ngài, thầy hát bài ca :

“Ôi đạo sư, đức Phật Bất Động,
Xin gửi kẻ ăn mày nghèo khó này trở về quê cũ
Trong thung lũng Kya Ngatsa
Mẹ và con, bà con thù ghét,
Chúng con đã xa cách nhau nhiều năm.
Tình thương của con không thể chịu đựng nữa chia ly.
Xin hãy để cho con thấy mẹ chỉ lần này nữa
Và con sẽ trở lại không chậm trễ.”

Thầy cầu xin như vậy. Lama tỉnh giấc. Vào lúc đó mặt trời mọc lên và qua cửa sổ những tia sáng của nó chiếu trên đầu ngài. Cùng lúc sư mẫu đi vào, mang đến bữa ăn sáng. Lama nói :

“Này con, tại sao con thành linh phá vỡ cuộc nhập thất nghiêm mật của con ? Nó có thể làm nảy sinh nhiều chướng ngại bên trong và mở cửa cho Ma.⁽²⁾ Hãy trở lại và ở lại trong đơn độc.”

Một lần nữa thầy nói với ngài về giấc mộng của thầy và nài nỉ ngài :

“Ôi Đạo sư Bi Mẫn, đức Phật Bất Động,
Xin gửi kẻ ăn mày nghèo khó này trở về quê cũ.

Trong làng Kya Ngatsa của con,
Những tài sản của con không có gì còn lại,
Tuy nhiên có nhiều điều làm con lo sợ.

THIÈN NÒNH

Con muốn nhìn thấy căn nhà của con, Bốn Cột và Tám Xà,
Đã sụp đổ hay còn đứng vững ;

Thấy có phải bây giờ mưa rơi từng giọt
Trên những kinh điển, Lâu Đài những Châu Ngọc ;

Thấy có phải miếng đất tốt tươi, Tam Giác Phì Nhiêu,
Cỏ dại mọc đầy như đồng hoang cỏ dại ;

Thấy có phải thân thể mẹ già
Bây giờ đang khỏe mạnh ;

Thấy có phải em con, Peta Che Chở Hạnh Phúc,
Bây giờ là một kẻ hành khất lang thang ;

Thấy có phải Zessay, dính dấp với con bằng mỗi dây
 nghiệp quả
Bây giờ có thể đã được gả cho ai ;

Thấy có phải ông chú của con và hàng xóm, Yung Chiến
 Thắng,
Còn sống và đã già nua ;

Thấy có phải thím con, Quý Cái Dũ Như Cọp
Vẫn còn sống hay đã chết rồi ;

Thấy có phải thầy tu của gia đình, Konchok Lhabüm,
Có còn sống ở nơi kia.

Nhưng trên tất cả là thấy mẹ của con
Người sinh ra con, thân thể và tâm thức,
Lòng mong nhớ đối với người không thể nào chịu nổi.

Xin để cho con đi về quê hương chỉ một lần thôi,
Và con sẽ nhanh chóng trở lại với Thầy.”

Thầy cầu khẩn như vậy và lama trả lời :

“Con nói gì thế, hỡi con ? Khi lần đầu tiên con đến với ta con đã nói rằng con không còn dính dáng với quê hương hay họ hàng. Bây giờ thì con muốn các thứ. Nếu con đi về làng không chắc con sẽ gặp mẹ con. Về phần những người khác, thầy e rằng họ không còn ở đó. Con đã sống vài năm trong vùng Ủ và Tsang, và nhiều năm ở đây với thầy. Nếu con muốn đi, thầy sẽ để cho con đi. Nhưng nếu con nghĩ đến việc trở lại, thì hãy biết rằng khi con đến đây xin thầy và thấy thầy đang ngủ, đó là điềm báo trước rằng chúng ta sẽ không gặp nhau lại trong đời này nữa.

“Tuy nhiên, mặt trời mọc lên trong không gian báo trước rằng con sẽ làm cho Phật pháp chiếu sáng rực rỡ như mặt trời. Quan trọng hơn hết, những tia sáng mặt trời chiếu vào đầu thầy nói cho biết rằng Giáo Pháp Kagyü sẽ truyền bá rộng xa. Sư mẫu mang bữa ăn đến nghĩa là con được nuôi dưỡng bằng thực phẩm tâm linh. Bây giờ, chỉ có thầy chịu trách nhiệm để cho con đi. Nay Dakmema, hãy dọn một lễ cúng đặc biệt.”

Lama sửa soạn mạn đà la và sư mẫu sắp xếp đồ cúng. Lama truyền cho thầy lễ Quán Đảnh Con Đường của sự Thúc Tỉnh theo khẩu truyền bí mật nhất của những dakini và cũng ban cho thầy toàn bộ giáo huấn về con đường Giác Ngộ. Những cái này chỉ được trao truyền từ một thầy đến một trò và bởi thế những người khác không thể biết. Rồi lama nói :

“Thật ra những giáo huấn này do Đạo sư Naropa ban cho thầy, ngài dặn phải trao truyền chúng lại cho con. Và đến

phiên con, con phải truyền giáo pháp khẩu truyền này cho một người trong những đệ tử thân cận nhất của con, do những dakini chỉ định, và đặt y dưới sự cam kết phải duy trì dòng truyền một thầy một trò liên tục trong mười ba thế hệ. Nếu con cho những giáo huấn này để đổi lấy thực phẩm, giàu có hay chỉ để làm vui lòng người khác thì con sẽ chịu sự trừng phạt của những dakini. Hãy giữ chúng trong lòng, và tự mình thực hành. Nếu bao giờ có một đệ tử tiền định đến với con, thì dù y không có lễ vật gì để cúng dường, cũng phải kết nối nó với con bằng quán đảnh và giáo huấn để bảo toàn giáo pháp. Thử thách, điều luyện một đệ tử, như Tổ Tilopa làm với Tổ Naropa, hay như thầy làm với con, sẽ không lợi lạc cho những tâm thức chưa phát triển. Hãy ban những giáo pháp với sự phân biệt khéo léo.

“Ở Ấn Độ hiện có chín loại khẩu truyền của chư dakini, chúng không quá chặt chẽ như sự trao truyền một người qua một người giữa thầy và trò. Những cái này thầy đã cho con bốn cái. Năm cái kia, một người nào trong dòng chúng ta sẽ đi và thỉnh cầu từ những đệ tử của Tổ Naropa. Chúng sẽ lợi lạc cho chúng sanh. Con hãy cố gắng học chúng.

“Nếu con nghĩ rằng con chưa nhận hết toàn bộ giáo pháp của thầy vì con có ít lễ vật để dâng thầy, thì hãy biết rằng thầy chẳng lưu ý gì đến lễ vật. Chính sự cúng dường lòng nhiệt thành tinh tấn đối với chúng ngộ và sự siêng năng của con mới đem lại cho thầy niềm vui. Hãy nhiệt tình và giương cao ngọn cờ của sự hoàn thiện.

“Trong những giáo huấn của bậc Tôn Kính Naropa, có sự khẩu truyền bí mật của chư dakini mà không có ai trong số

những đại đệ tử khác đã nhận được. Thầy đã trao tất cả nó cho con như rót từ một bình đầy.”

Đạo sư của thầy xin bốn tôn yidam chứng giám cho những giáo pháp của ngài không sai lầm và những giáo huấn của ngài không thiếu sót. Đã thế như vậy, ngài Marpa hát :

“Con lễ lạy và cầu nguyện trước mặt Ngài, bậc đại bi toàn mãn.

Chiêm nghiệm cuộc đời của những Đạo sư, người ta thấy rằng

Dẫu một tham muốn có thêm giáo huấn cũng là một phóng dật.

Hãy hộ trì tinh túy của giáo pháp toàn vẹn trong lòng con.

Nhiều giải thích luận bàn mà không có bản tánh tinh túy
Thì giống như nhiều cây mà không quả.

Dù chúng có tất cả hiểu biết, chúng không phải là chân lý tối hậu.

Biết tất cả chúng không phải là biết chân lý.

Nhiều minh giải chẳng đem lại lợi lạc tâm linh gì
Cái đem lại lợi lạc là kho tàng thiêng liêng trong tâm của chúng ta

Nếu con muốn giàu, hãy tập trung vào đó.

Pháp là phương tiện thiện xảo để hàng phục nhiễm ô.

Nếu con muốn được bảo đảm, hãy trụ trong đó.

Một tâm thức không bám luyến là Đạo Sư Mãn Nguyện.

Nếu con muốn có một đạo sư tuyệt vời, hãy tập trung vào đó.

Cuộc đời thế gian gây ra nước mắt ; hãy bỏ hết biếng lười.
Một động đá hoang vu là ngôi nhà của người cha tâm linh
của con.

Một nơi chốn vắng vẻ và đơn độc là chỗ ở thiêng liêng.

Tâm thức cõi trên tâm thức là một con ngựa không một
mỏi.

Thân của con là một chánh điện và là một lâu đài cõi trời.
Thiên định và hành động không phóng dật là phương
thuốc tốt nhất của ba cõi.

Với con, kẻ có mục tiêu thực sự là Giác Ngộ
Thầy đã ban cho giáo huấn không một chút dấu che.

Bản thân thầy, giáo huấn của thầy, và tự thân con,
Cả ba được đặt trong bàn tay con, hồi con thương quý.
Nguyện chúng phồn vinh như lá, cành và quả,
Không hư thối, không tản mát hay héo khô.”

Ngài hát như thế. Rồi đặt hai tay lên đầu thầy, ngài nói,
“Con ơi, sự ra đi của con làm trái tim thầy tan vỡ. Vô thường là
dấu ấn của mọi sự duyên sanh, chúng ta chẳng thể làm gì cho
chúng. Nhưng hãy ở đây ít ngày. Hãy nghiền ngẫm những giáo
huấn và nếu con có vài chỗ không chắc, hãy làm sáng tỏ
chúng.”

Và như vậy thầy ở lại vài ngày theo lệnh của lama và
làm sáng tỏ những phần chưa rõ và nghi ngờ về giáo huấn. Rồi
lama nói, “Sư mẫu, hãy sửa soạn một lễ cúng với những đồ cúng
tốt nhất. Bây giờ Mila sắp ra đi và tôi phải nói lời từ biệt.”

Sư mẫu dâng một lễ cúng cho lama và yidam, những đồ
cúng cho chư dakini và những thần hộ pháp, và sửa soạn một

bữa tiệc cho huynh đệ nhập môn. Giữa đại chúng, lama biểu lộ thành những hình tướng Yidam Hevajra, Chakrasamvara, Guhyasamaja và những pháp khí khác : chày kim cương và chuông, bánh xe quý báu, hoa sen, cây kiếm... ; ba chữ OM, AH, HUM⁽³⁾ màu trắng, đỏ và xanh, và mọi ánh sáng thấy được và không thấy được.

Rồi ngài nói, “Đây là những sự biến hóa tâm vật lý kỳ diệu. Phô diễn chúng mà không có mục đích chân thật là điều không tốt. Thầy đã biểu lộ chúng vì dịp ra đi của Milarepa.”

Đã thấy lama là một vị Phật Sống, thầy tràn đầy đại hỷ lạc. Thầy nghĩ thầy cũng phải cố gắng để thành tựu những năng lực thần diệu như thế qua thiền định của mình.

Lama hỏi thầy, “Con đã thấy và con có tin vào những biến hóa này không ?”

“Bạch thầy, con quá tràn ngập đến độ con không chỉ tin. Con nghĩ rằng con sẽ cố gắng để có thể làm như vậy qua thiền định.”

“Tốt, nếu như thế, con ơi, bây giờ con có thể ra đi. Bởi vì thầy đã thấy mọi sự là như huyễn, con hãy thực hành theo như vậy. Hãy nương náu trong đơn độc của núi cao, tuyết trắng hay những khu rừng. Trong các núi non hoang vu, có Gyalgyi Sri (Chiến Thắng Vinh Quang) vùng Latö, nó đã được những vị thánh vĩ đại nhất của Ấn Độ ban phước. Hãy đến đó thiền định. Có Núi Tisi (Kailas)⁽⁴⁾ đã được đức Phật nói đến với tên Ganchen (Núi Tuyết) và là cung điện của Yidam Chakrasamvara. Hãy đến đó thiền định. Có Lachi Gangra, nó là Gandavari, một trong hai mươi bốn thánh địa. Hãy đến đó thiền định. Có Riwo Palbar vùng Mangyul và Yolmo Gangra của Nepal, đó là

những chỗ thiêng liêng có tiên tri trong những kinh điển Đại thừa. Hãy đến đó thiên định. Có Drin Chuwar, chỗ ở của những dakini bảo vệ toàn miền. Hãy đến đó thiên định.

“Hãy thiên định bất cứ nơi hoang vắng nào khác thích hợp. Hãy giương cao ngọn cờ thiên định ở mỗi nơi.

“Kế cận nhau ở phía đông có hai đại thánh địa là Devikoti và Tsari. Nhưng chưa đến lúc khai mở chúng. Trong tương lai những con cháu tâm linh của con sẽ trụ ở đó. Nhưng chính con, trước hết hãy đi đến thiên định trong những nơi chốn thiêng liêng đã nói ở trên. Nếu con thiên định, tức là con phụng sự cho đạo sư của con, con sẽ biểu lộ lòng biết ơn của con cho cha và mẹ ; và con sẽ thành tựu những mục tiêu của tất cả chúng sanh. Nếu con không thể thiên định, thì đó sẽ chỉ là sự tăng thêm những hoạt động xấu trong suốt cuộc đời. Vì lý do ấy, hãy hiến mình cho thiên định, hoàn toàn từ khước những ràng buộc đam mê của cuộc đời này, và hãy từ bỏ những liên hệ với những người tìm kiếm lạc thú.”

Khi ngài nói những lời này, nước mắt chảy đầy trên má ngài. “Cha con chúng ta sẽ không còn gặp lại nhau trong kiếp sống này. Thầy sẽ không quên con. Con chớ bao giờ quên thầy. Và như thế, hãy vui mừng rằng nơi cõi Trên, chắc chắn chúng ta sẽ gặp nhau trong Cõi của chư Dakini.⁽⁵⁾ Một ngày kia, trong khi thực hành một pháp nào đó, con sẽ gặp một chú ong ngài. Khi đó, hãy xem cái thầy đang đưa cho con đây. Chớ có xem nó trước đó.” Và lama đưa cho thầy một cuộn giấy niêm bằng sáp.

Thầy in sâu trong lòng những lời sách tấn cuối cùng này của lama. Về sau, mỗi lời nói đó đã làm mạnh thêm lòng sùng mộ của thầy.

Cuối cùng, lama nói, “Sư mẫu, hãy sửa soạn cho Mila Kim Cương Ngọn Cờ Chiến Thắng khởi hành sáng mai. Dù là một dịp buồn, tôi cũng muốn đi với Mila một đoạn đường.” Và ngài nói với thầy, “Hãy đến đây và ngủ cạnh thầy đêm nay. Cha con ta còn được một lần trò chuyện nữa.” Và thầy ở lại với lama. Khi sư mẫu vào bà sụt sùi khóc.

Lama nói với sư mẫu, “Dakmema, tại sao bà khóc ? Chẳng lẽ vì Mila đã có những giáo huấn của truyền thống khẩu truyền từ lama và vì anh sắp thiến định trong vùng núi non trơ trọi ? Nguyên nhân thực sự để khóc là thấy rằng tất cả chúng sanh vốn có Phật tánh, vốn là những vị Phật tiềm ẩn thế mà vẫn không biết được điều đó để uống oan chết trong thống khổ, lầm than ; và một nguyên nhân đặc biệt để khóc là nghĩ rằng một khi chúng sanh đã đạt được điều kiện làm người, thế nhưng họ vẫn chết mà không có Pháp. Nếu bà khóc vì điều đó, thì bà sẽ khóc không bao giờ ngừng được.”

Sư mẫu trả lời, “Tất cả điều đó đều rất đúng. Nhưng thật khó cảm thấy lòng bi như thế một cách không ngừng nghỉ. Đứa con ruột của tôi, nó đã thành tựu trí huệ và hiểu biết về sanh tử và niết bàn và nó sẽ hoàn thành mục tiêu của chính nó và của những người khác, đã cách lìa chúng ta vì cái chết. Bây giờ đứa con này, đầy tín tâm, tha thiết, trí huệ và đại bi, tuân theo bất cứ thứ gì nó được đòi hỏi, tuyệt đối không lỗi lầm, lại sẽ bỏ chúng ta trong khi đang còn sống. Đó là tại sao tôi không có sức để mang nỗi buồn đau này.”

Nói xong, bà còn khóc lóc nhiều hơn. Về phần thầy, thầy nghẹn thở vì nước mắt. Chính lama cũng rơi nước mắt. Đạo sư và đệ tử buồn khổ như nhau trong sự quyến luyến lẫn nhau và những giọt nước mắt của hai thầy trò đã làm ngưng mọi lời nói.

Bình minh của ngày tiếp theo xuất hiện. Mang theo lương thực dư dả, Đạo sư cùng với khoảng mười ba đệ tử, đi với thầy nửa ngày đường. Trong suốt thời gian đó họ đi với nỗi buồn rầu của những trái tim thương mến nhau, nói những lời đầm thấm và bày tỏ những cử chỉ thương yêu.

Rồi đến một hẻm núi từ đó trông thấy Sông Đất của Đạo, mọi người ngồi xuống và tham dự một lễ cúng. Và lama cầm tay thầy trong tay ngài, nói rằng :

“Con sắp vào Û và Tsang. Ở đèo Silma vùng Tsang dễ gặp bọn cướp lăm. Thầy không muốn để con đi mà không có bạn đồng hành, nhưng đã đến lúc con phải đi một mình. Bây giờ thầy cầu nguyện với lama và yidam của thầy và bảo những dakini giữ gìn con của thầy khỏi bị hại trên đường đi. Về phần con, quan trọng là con phải cẩn thận trong cuộc hành trình. Từ đây hãy đến Lama Ngokpa. Hãy đối chiếu so sánh những giáo huấn của các con để xem có khác biệt nào không. Sau đó, hãy nhanh chóng lên đường. Chớ dừng lại quá bảy ngày ở quê nhà của con, và lập tức đi vào nơi hoang vắng. Sự việc này là cho lợi lạc của chính con và cho lợi lạc của tất cả chúng sanh.”

Khi từ giã, thầy cúng dường lama Bài Ca Lên Đường đến Tsang thế này :

“Bạch Đạo Sư Phật Vajradhara, bậc Bất Động.

Lần đầu tiên con đến Tsang như một người khát thực

Lần đầu tiên con đến quê hương như một hành giả đơn
thuần.

Nhờ ân sủng của cha con lama bi mẫn,
Trên đỉnh Đèo Silma vùng Tsang
Mười hai dakini của núi sẽ đến gặp con.

Con nguyện cầu Đạo sư, bậc Thế Tôn.
Con đặt sự tự tin của con nơi Tam Bảo.
Những người hộ tống con là những dakini của ba bậc của
Con Đường⁽⁶⁾

Con đi với Bồ đề tâm như một bạn đồng hành.
Bát Bộ Thiên Long sẽ đón tiếp con.
Con không sợ gì kẻ thù đối nghịch.

Dù thế con vẫn hướng đến Thầy,
Con xin Thầy gặp lại và hướng dẫn con trong đời này và
đời tới.

Xoay mọi hiểm nguy xa khỏi con.
Hộ trì cho thân, ngũ, tâm con.

Xin hãy làm cho những thệ nguyện của con thành hiện
thực.

Đưa con vào thần lực của đại bi,
Làm mạnh cho con trong hiểu biết Tantra và trong việc
trao truyền nó.

Ban cho con một đời sống thọ không bệnh tật.
Thầy biết rõ số phận kẻ ăn mày này,

THIỆN NÒNH

Xin ban phước có con có sức mạnh
Để sống trong hoang vắng núi non.”

Thầy cầu nguyện như thế và lama trả lời, “Con ơi, sự việc sẽ như thế. Hãy giữ trong trí nhớ của con những lời cuối cùng từ lòng người cha già của con. Chớ có quên chúng.”

Rồi đặt tay lên đầu thầy, ngài hát bài ca này :

“Kính lễ chư Lama Tôn Quý,
Nguyện cho đứa con phước đức của con, người cầu
Pháp, chúng đạt Pháp Thân.

Qua âm thanh im lặng bất hoại của thần chú với vị cam
lồ của nó,
Nguyện cho con chúng đạt Báo thân.

Nguyện cho cây Bồ đề tâm của con, với rễ cắm sâu trong
tỉnh giác giữa đời,
Được bao phủ bằng muôn ngàn lá của Hóa thân.

Mong rằng những lời kim cương của lama của con
Sống trong lòng con, không bao giờ quên mất.

Nguyện sự ban phước của chư Yidam và dakini
Thâm nhập tận những gốc rễ của đời con.

Nguyện những thần thủ hộ của đạo pháp
Không ngừng trông coi cho con.

Nguyện lời cầu nguyện sâu xa và phước lành này
Được nhanh chóng trở thành hiện thực

Nguyện lòng bi mẫn của tất cả hành giả
Nâng đỡ con trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Trên Đèo Silma vùng Tsang
Mười hai thiên nữ⁽⁷⁾ sẽ đến gặp gỡ con.

Ngày mai trên đường đi của con,
Chư daka và dakini sẽ thúc dục khuyến khích con.

Trong đất đai nhà của yêu dấu của quê hương con
Là guru của huyễn hóa vô thường.

Trong thím con, em con, và bà con
Con có một đạo sư làm tan biến huyễn mộng.

Trong hang động hoang vu
Con có một ngôi chợ rộng mở nơi con có thể đổi sanh tử
lấy niết bàn.

Trong tu viện của tâm thân con
Con có một ngôi chùa nơi tất cả chư Phật hợp nhất.

Từ những đồ cúng dường bằng thực phẩm tươi
Con sẽ làm thành cam lồ khiến chư dakini hài lòng.

Bằng cách cầm cương những trung tâm năng lực
Con sẽ gặt hái quả quý báu.

Trong thôn làng nơi người ta ít thương yêu con
Con sẽ thực hành đức hạnh không xao lãng.

Trong ẩn cư nghiêm nhặt, không có người hay chó,

THIÊN NÒNH

Con sẽ có ngọn đuốc để nhanh chóng thấy những dấu hiệu tu hành.

Trong tự do có được thực phẩm mà không phải khát thực
Là sự ban phước của chân tâm cho một tấm lòng bình an.

Trong cung điện pha lê của xứ sở không nhiễm ô
Con sẽ làm chúng cho chiến thắng của riêng mình.

Trong sự thực hành toàn tâm Pháp tối thượng
Con sẽ thành tựu mối ràng buộc tâm linh thanh tịnh.

Trong sự thực hiện những giáo huấn của thầy
Con sẽ có kho tàng của Giác Ngộ.

Trong những giáo lý thiêng liêng là trái tim sống của
những dakini
Con sẽ tìm ra biên giới giữa sanh tử và niết bàn.

Đối với những đệ tử của Marpa Dịch Giả,
Sẽ có nhiều đại lộ vinh quang.

Qua tấm lòng kiên trì của Milarepa
Trụ cột của Phật pháp sẽ sừng sững lâu dài.
Nguyện cho con bảo vệ được trụ cột của Pháp
Được gia hộ bởi dòng cao quý.
Nguyện cho con được những đạo sư Kagyü ban phước.
Nguyện cho con được những yidam tuyệt vời ban phước.
Nguyện cho con được ban phước bởi Havajra, Chakrasamvara
và Guhyasamaja.
Nguyện cho con được ban phước bởi Pháp thiêng liêng.

Nguyện cho con được chư dakini ban phước.
Nguyện cho con được chư dakini của ba giai đoạn của
Con Đường ban phước.
Nguyện cho con được chư thần bảo vệ ban phước.
Nguyện cho con được dakini Dusolma⁽⁸⁾ ban phước.
Nguyện cho con được ban phước bởi những môn đồ tốt lành.
Nguyện cho con hoàn thành những lời dạy của lama của
con.

Nguyện những đệ tử tương lai trong tất cả mọi đời được
ban phước.
Nguyện tất cả những ban phước này được thường hằng
không biến đổi.”

“Con hãy giữ những lời này trong trí nhớ của con và thực hành không quên mất.” Nói thế, lama rất vui vẻ. Sau đó sư mẫu cho thầy nhiều lương thực dồi dào, áo quần và những đôi giày mới. Rồi bà nói :

“Con ơi, như một sự từ giã của thế gian, những vật này mẹ cho con chỉ là những đồ vật chất. Bởi vì đây là lúc chấm dứt sự sum họp của chúng ta như mẹ và con trong đời này, mẹ mong sự ra đi của con được vui vẻ tốt đẹp. Mẹ cầu nguyện rằng nơi cõi Trên chúng ta sẽ tái ngộ với nhau trong cõi Urygen của chư dakini. Như một sự từ giã tâm linh, mẹ mong con chớ quên những lời này phát từ tấm lòng của người mẹ của con.”

Sư mẫu cho thầy một kapala và một bình đầy rượu cúng, và hát bài ca này :

“Tôi lễ lạy dưới chân Marpa vô cùng tử tế.

THIỆN ÑỒNH

Con tôi, có thần lực kiên trì và chịu đựng,
Người dịu dàng kiên định trong tình thương,
Hỡi đứa con phước đức nhất của ta,
Hãy uống trọn cam lồ của lama, một thứ rượu trí huệ
toàn hảo,
Cho sự thỏa mãn sâu thẳm nhất của con,
Và rồi ra đi.
Nguyện chúng ta gặp lại trong Tịnh Độ của Phật
Như những người bạn tái hội cùng nhau.

Không quên chúng ta, cha con và mẹ con,
Hãy kêu cầu chúng ta không dứt trong khi cùng kiệt.
Hãy ra đi sau khi hưởng thọ những giáo pháp nuôi
dưỡng tấm lòng.
Hãy ăn trọn phần con và dung hóa chúng.
Nguyện chúng ta gặp lại trong Tịnh Độ của Phật
Như những người bạn tái hội cùng nhau.

Không quên cha mẹ bi mẫn của con,
Nhớ lòng tốt của họ và hãy kiên trì trong thiên định.
Hãy mặc cái áo choàng hơi thở sâu kín của những
dakini,
Hãy để nó sưởi ấm con trong cuộc hành trình.
Nguyện chúng ta gặp lại trong Tịnh Độ của Phật
Như những người bạn tái hội cùng nhau

Không quên những chúng sanh vô vọng,
Hãy để tâm con an lập trong con đường của tánh Giác
viên minh.

Hãy phát sanh thôi thúc đưa đến sự giải phóng cho
tất cả

Và hãy vác mang gánh nặng của Pháp
Với một sức mạnh vĩ đại khi con lên đường.
Nguyện chúng ta gặp lại trong Tịnh Độ của Phật
Như những người bạn tái hội cùng nhau

Con ơi, mẹ Dakmema phước đức,
Đang nói với con từ trái tim của mẹ.
Hãy giữ những lời của mẹ trong tim con và chớ quên
chúng.

Mẹ của con sẽ nhớ đến con.
Mẹ và con, tâm và lòng hòa hợp,
Nguyện chúng ta gặp lại trong Tịnh Độ của Phật
Như những người bạn tái hội cùng nhau.

Mong lời cầu nguyện của mẹ được hoàn thành.
Mong con đền đáp lòng tốt của lama của con bằng
sự thực hành Phật pháp.”

Nói thế, sư mẫu rơi nhiều nước mắt. Và mọi người có mặt
đều khóc và buồn rầu. Về phần thầy, thầy lạy trước cha và
mẹ, chạm đầu thầy vào chân các ngài. Thầy cầu xin sự ban
phước của các ngài. Thầy đi thụt lùi mặt hướng về hai ngài cho
đến khi không còn thấy mặt bốn sư nữa. Mọi người có mặt đều
khóc trông theo thầy. Thầy miễn cưỡng bước. Cuối cùng, lama
và mẹ xa khỏi tầm mắt, thầy bắt đầu lên đường và sau khi qua
một thung lũng nhỏ, thầy quay nhìn lại. Lama và những người
đi theo vẫn còn nguyên chỗ cũ, chỉ còn là một khối màu nâu ở
xa xa. Thầy tự nhủ hay là trở lại. Rồi thầy nghĩ, “Ta đã có được

trọn bộ giáo huấn. Ta sẽ không bao giờ làm cái gì dính dáng đến công việc phàm thế nữa. Ta sẽ không bao giờ cách lia lama của ta, chùng nào ta có thể quán tưởng ngài trên đỉnh đầu của ta trong thiên định. Thậm chí ta có được lời hứa rằng chúng ta sẽ gặp lại trong Tịnh Độ của Phật. Một khi mình đã thấy bà mẹ sinh ra mình, trọn vẹn thân tâm, bấy giờ mình sẽ quay về với lama.”

Ý nghĩ này chấm dứt nỗi buồn của thầy và thầy cất bước lại. Thầy đến nhà Lama Ngokpa. Hai huynh đệ so sánh những giáo huấn của hai người. Trong sự giải thích Tantra, ông hơn thầy. Trong thực hành cụ thể, thầy không thua ông lắm, nhưng trong giáo huấn bí mật của dakini thì thầy vượt ông.

Sau khi làm lễ từ giã, thầy đi về làng. Thầy đến đó chỉ mất ba ngày.⁽⁹⁾ Thầy hân hoan khi biết rằng thầy đã phát động được những thần lực khiến cho điều đó có thể.

Milarepa nói như thế. Đây là chương thứ năm, trong đó ngài thông thạo mọi giáo pháp tổng quát và như những giấc mơ tiên tri yêu cầu, ngài có được những giáo huấn khẩu truyền bí mật truyền từ một thầy đến một trò và ngài từ giã lama để về làng mình.



CHƯƠNG SÁU

THIÊN ĐỊNH

Bấy giờ Retchung hỏi, “Đạo sư Tôn Quý, khi ngài đến nơi quê nhà, ngài có thấy mẹ ngài còn sống hay sự việc đúng như ngài nằm mộng ?”

Đạo sư trả lời, “Đúng như trong giấc mộng kia, thầy không may mắn gặp lại mẹ nữa.” Bấy giờ Retchung nói, “Bạch Đạo sư, xin ngài nói cho chúng con ngôi nhà của ngài ra sao và ai là người ngài gặp đầu tiên ?” Và Milarepa tiếp tục :

Người đầu tiên thầy gặp là những người chăn cừu. Đó là chỗ thung lũng trên cao từ đó thầy có thể thấy căn nhà của thầy. Làm như không biết, thầy hỏi tên vùng này và những ai là chủ đất ở đây. Họ thành thật trả lời. Rồi chỉ ngôi nhà của mình, thầy hỏi, “Và chỗ dưới kia, gọi là gì ? Tên người chủ là ai ?”

Một người chăn cừu trả lời, “Căn nhà đó gọi là Bốn Cột và Tám Xà. Nó không có chủ, chỉ có hồn ma.”

“Những người ở đó đã chết hay bỏ làng rồi ?” Thầy hỏi.

“Một thời chủ của ngôi nhà ấy là một người giàu có nhất vùng. Ông chết sớm, để lại chỉ có một đứa con trai còn nhỏ. Bởi vì người cha làm chúc thư không khôn ngoan, những anh

em họ lấy mất toàn bộ tài sản của đứa con trai. Khi đứa con lớn lên, để trừng phạt họ đã chiếm gia tài, nó đem lại bất hạnh cho làng bằng cách phóng ra những chú thuật và làm những trận mưa đá.”

“Có lẽ người ta sợ thần bảo vệ của anh ta và thậm chí không dám nhìn ngôi nhà và miếng đất, hãy để tôi một mình đến đó.” Thầy nói.

Người chần cừu nói tiếp, “Ngôi nhà chứa hài cốt của bà mẹ và có hồn ma của bà. Còn đứa em gái của anh ta bỏ hài cốt mẹ ở đó rồi ra đi đâu mất, không ai biết. Về phần anh con trai, anh ta đã chết hay mất tích. Có nghe nói có một cuốn sách thiêng ở trong nhà. Ấn sĩ, nếu ông dám, hãy đến xem tận mắt.”

“Những biến cố ấy xảy ra đã bao lâu ?”

“Người mẹ đã chết khoảng tám năm trước. Không ai nhớ gì ngoài những lời nguyện và mưa đá. Tôi cũng chỉ nghe nói về điều ấy từ những người khác.”

Quả là những người dân làng sợ thần bảo vệ của thầy như vậy.

Thầy nghĩ họ sẽ không dám làm hại thầy. Nhưng sự biết chắc rằng người mẹ già nua của thầy đã chết và em gái lang thang làm lòng thầy ngập đầy buồn đau. Thầy khóc, và tìm chỗ nấp cho đến khi chiều xuống. Đợi trời tối, thầy đi vào làng.

Thật đúng như trong giấc mộng của thầy. Thửa đất lấp đầy cỏ dại. Thầy vào nhà, trước kia nguy nga như một ngôi chùa. Mưa và bụi rơi trên những cuốn sách kinh, Lâu Đài Châu Ngọc. Chuột đã làm ổ ở đó, phân chim phân chuột phủ đầy

sách vở. Thấy cảnh đó, thầy chìm trong suy tưởng và lòng thầy trĩu nặng buồn rầu.

Thầy đi vào phòng chính. Những đồ nát của lò sưởi trộn với rác rưởi làm thành một đống đất cỏ dại um tùm. Ở đó có những ống xương trắng không còn nguyên vẹn. Thầy hiểu đó là bộ xương của mẹ mình. Nhớ lại mẹ, thầy chấn động vì xúc cảm và hầu như ngất đi.

Ngay sau đó, thầy nhớ lại những lời dạy của lama. Hợp nhất tâm thức thầy với tâm thức của mẹ và với tâm giác ngộ của chú lama dòng Kagyü, thầy ngồi trên bộ xương của mẹ và thiền định với một sự tỉnh giác thanh tịnh không một khoảnh khắc phóng dật trong thân, ngữ, tâm. Thầy thấy rõ khả năng giải thoát cho cha và mẹ khỏi sự khổ đau của sanh tử luân hồi.

Bảy ngày trôi qua và thầy ra khỏi thiền định. Thầy bắt đầu tư duy về sự phù phiếm của sanh tử. Thầy sẽ làm một di tích để thờ bằng xương cốt mẹ thầy, và thầy bán bộ sách Lâu Đài Châu Ngọc để làm việc ấy. Sau đó, thầy sẽ đến Núi Răng Ngựa Trắng và hiến mình cho thiền định ngày đêm trong suốt quãng đời còn lại của mình và sẽ tự tử nếu nghĩ đến Tám Mối Bận Tâm của Thế Gian. Nếu thầy thua quy luật của dục lạc, nguyện những hộ pháp hãy lấy đi mạng sống của thầy. Thầy lập đi lập lại lời thề này từ đáy sâu của lòng mình.

Thầy gom xương của mẹ thầy và những cuốn sách lại, và lễ bái chúng, sau khi đã phủi sạch bụi và phân chim. Sách không bị hư hại nhiều và còn đọc được. Trên lưng, thầy vác phần đầu của bộ sách không bị hư hại, xương mẹ thầy mang trước ngực. Lòng thầy tràn ngập sự phù du vô ích của sanh tử. Vượt khỏi sự đau buồn mênh mông, thầy hát lên Bài Ca Bình

Thản này, cam kết hiến trọn đời mình cho Phật tánh, mục tiêu cốt lõi của Pháp :

“Ôi bậc Tôn Quý, Bi Mẫn và Bất Động,
Đúng như lời tiên tri của Marpa Dịch Giả,
Ở đây trong ngục tù ma quỷ của quê hương con
Con tìm thấy một vị thầy của huyền ảo phù du.

Xin ban phước cho con, để con có thể hấp thụ những
sự thật

Do vị thầy này ban cho.

Mọi sự vật hiện hữu

Đều vô thường và chuyển động thường trực.

Và đặc biệt thế giới sanh tử này

Thì không tự tánh, không mục tiêu, không giá trị.

Hơn là dấn thân vào những hoạt động phù phiếm

Con phải hiến mình cho mục tiêu cốt lõi của Pháp.

Trước tiên, khi có một người cha,

Thì không có đứa con.

Khi đã có đứa con, thì cha không có nữa,

Sự gặp gỡ của chúng ta chỉ là hư huyền.

Tôi, đứa con ấy, sẽ thực hành Thật Pháp.

Tôi đi thiền định ở Núi Răng Ngựa Trắng xa kia.

Khi có một bà mẹ, đứa con không có.

Giờ con đến đây, mẹ đã mất rồi,

Sự gặp gỡ của chúng ta chỉ là hư huyền.

Tôi, đứa con ấy, sẽ thực hành Thật Pháp.

Tôi đi thiền định ở Núi Răng Ngựa Trắng xa kia.

THIỆN ÑỒNH

Khi có một em gái, thì người anh không có.
Nay anh đã đến, em gái lại lang thang
Sự gặp gỡ của chúng ta chỉ là hư huyền.
Tôi, người anh ấy, sẽ thực hành Thật Pháp.
Tôi đi thiền định ở Núi Răng Ngựa Trắng xa kia.

Khi có những cuốn kinh, thì không có sự tôn kính.
Giờ tôi tôn kính những cuốn kinh, chúng đã hư hại vì mưa,
Sự gặp gỡ của chúng ta chỉ là hư huyền
Tôi, người con ấy, sẽ thực hành Thật Pháp.
Tôi đi thiền định ở Núi Răng Ngựa Trắng xa kia.

Khi có ngôi nhà, thì không có chủ.
Nay chủ đã đến, nó lại sập nát rồi,
Sự gặp gỡ của chúng ta chỉ là hư huyền.
Tôi, người con ấy, sẽ thực hành Thật Pháp.
Tôi đi thiền định ở Núi Răng Ngựa Trắng xa kia.

Khi có miếng đất phì nhiêu, thì không người làm.
Nay người làm đến, nó đã thành rừng,
Sự gặp gỡ của chúng ta chỉ là hư huyền.
Tôi, người con ấy, sẽ thực hành Thật Pháp.
Tôi đi thiền định ở Núi Răng Ngựa Trắng xa kia.

Này đất, này nhà, này quê hương đất tổ
Đều thuộc về một thế giới không sanh,
Hãy để ai ngu mê nhận lấy chúng.
Là ẩn sĩ, Thật Tánh tôi tìm.

Hỡi Cha bi mẫn, Dịch Giả Marpa,
Xin ban phước cho kẻ ăn mày này để nó có thể thiền định
trong đơn độc.”

Sau khi hát bài ca này, thầy bỏ đi đến nhà thầy dạy ngày xưa chỉ cho thầy học đọc. Ông đã chết, thế nên thầy trao phần đầu Lôu Đài Châu Ngọc cho con của thầy giáo, nói, “Tôi sẽ đưa cho anh phần còn lại của bộ sách thiêng liêng này. Hãy làm những tượng nhỏ bằng xương của mẹ tôi.”

Anh ta trả lời, “Những vị thần bảo vệ của ông chắc chắn theo sách của ông, thế nên tôi không muốn sách đâu, nhưng tôi sẽ làm giúp ông những tượng nhỏ.”

“Những thần bảo vệ của tôi không giữ gìn những cái gì tôi đã tặng.”

“Thế thì được”, anh ta nói.

Với sự phụ giúp của thầy, anh làm những tượng nhỏ bằng xương của mẹ thầy.⁽¹⁾ Rồi hai người cử hành lễ cúng và an vị những tượng vào trong một cái tháp. Sau đó thầy sửa soạn rời bỏ.

Người con của thầy giáo nói, “Hãy ở lại đây vài ngày chuyện trò, và tôi sẽ đưa cho ông những đồ cần thiết.”

Thầy trả lời, “Tôi không có thời giờ để trò chuyện. Tôi khát khao chuyện thiền định.”

“Vậy thì hãy ở lại đêm nay. Ngày mai khi ra đi tôi sẽ cho ông lương thực.”

Thầy bằng lòng ở lại, và anh ta nói tiếp, “Khi ông còn trẻ, ông đã đánh bại những kẻ thù của ông bằng huyền thuật. Nay ông đang thời kỳ sung sức nhất của cuộc đời, ông thuyết giảng một giáo lý kỳ diệu. Một ngày nào ông sẽ trở thành một đại Bồ tát. Từ lama nào ông đã nhận những giáo huấn, các ngài ấy là ai?” Anh ta hỏi thầy nhiều câu hỏi rất chi tiết.

Thầy trả lời, “Tôi đã có được giáo huấn Đại Toàn Thiện. Nhưng trên tất cả, tôi đã gặp ngài Marpa.”

“Kỳ diệu thay ! Nếu là thế, quả tốt đẹp nếu ông sửa sang lại nhà cửa, cưới cô Zessay, và tiếp tục theo bước chân của lama của ông.”

Thầy trả lời, “Lama Marpa lập gia đình là vì lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Nhưng tôi không có ý định cũng như có khả năng làm như ngài. Làm như vậy mà không có công đức hạnh nguyện như ngài thì cũng giống như một con thỏ tưởng tượng mình có thể theo dấu chân một con sư tử. Nó sẽ rơi vào vực sâu và chắc chắn chết. Buồn chán vòng sanh tử luân hồi, tôi không muốn gì ngoài thiên định và tuân theo những lời dạy của lama. Nền tảng căn bản nhất của giáo pháp của ngài là sự thiên định thực hành trong hoang vắng. Chính trong cách thức ấy mà tôi sẽ tiếp tục con đường của ngài. Chỉ bằng thiên định tôi mới có thể đáp ứng được những hy vọng của ngài. Nó sẽ phụng sự mục tiêu của giáo lý và giúp đỡ tất cả chúng sanh. Thậm chí nó cứu độ cha và mẹ tôi, và sẽ đem lại sự thành tựu cho mục đích của tôi. Tôi chỉ biết làm thế nào để thiên định, và tôi không thể làm gì khác.

“Tôi không có ý nghĩ nào khác. Tôi trở về làng cũ chủ yếu bởi vì cha mẹ tôi có một ngôi nhà và tài sản ở đó. Sự biến mất tất cả tài sản thế gian của tôi đã làm mạnh thêm ước muốn thiên định của tôi đến độ bây giờ nó giống như một ngọn lửa cháy hùng hực trong lồng ngực.

“Những người khác không biết đến những bất hạnh như vậy. Với những ai không nghĩ đến những khổ đau của cái chết và những cõi thấp, những lạc thú cảm giác của cuộc đời có thể

là đủ. Về phần tôi, mọi thứ đó thúc đẩy tôi hiến mình cho thiên định với sự hoàn toàn chẳng màng đến thực phẩm, áo quần hay sự công nhận.”

Với giọng xúc động, thầy hát bài ca này :

“Con lạy dưới chân Thầy Marpa, bậc Toàn Thiện.
Xin ban phước cho kẻ ăn mày này để nó thoát khỏi
những bám luyến thế phàm.

Than ôi ! Than ôi ! Khổ thay, khổ thay !
Khi tôi nghĩ đến những người tin vào những sự vật thế
gian,
Lòng tôi ngập đầy đau buồn.

Vui thích với những sự vật thế gian làm khơi dậy khốn
khổ tận ngọn nguồn của nó.
Và người ta bị ném vào xoáy nước sanh tử cuộn cuộn
không ngừng.
Họ có thể làm gì, những người bị mắc lưới muện phiền
và thống khổ ?
Không có cách hành động nào khác ngoài sự sùng mộ Pháp.

Marpa Tôn Quý, Bất Động, bậc Năm Giữ Chân Lý Tối Hậu,
Xin ban phước cho kẻ ăn mày này để nó có thể sống trong
cô liêu.

Trong thành phố của huyện ảo phù du,
Người lữ khách từ phương xa đã đau lòng cảm xúc.

Trong miền Gungthang tuyết vời đẹp đẽ
Những đàn cừu, bãi cỏ xanh tươi

Bây giờ chỉ còn là nơi hoang vu ma quỷ.
Đấy, thêm nữa một thí dụ của huyền ảo phù du,
Một tấm gương đẩy dồn tôi vào thiên định.

Căn phòng chính của ngôi nhà Bốn Cột và Tám Xà
Bây giờ đổ nát xù xì như bờm một con thú.
Ngôi nhà tôi với bốn góc, bốn tường và tháp nhọn
Ngày hôm nay tả tơi như một cái tai lùa.
Đấy, thêm nữa một thí dụ của huyền ảo phù du,
Một tấm gương đẩy dồn tôi vào thiên định.

Miếng đất tốt tươi của tôi, Tam Giác Phì Nhiêu,
Bây giờ cỏ dại thôn tính.
Anh em họ và bà con thân thuộc
Ngày nay là những kẻ thù ghét tôi,
Mở cuộc chiến chống lại chúng tôi.
Đấy, thêm nữa một thí dụ của huyền ảo phù du,
Một tấm gương đẩy dồn tôi vào thiên định.

Bây giờ người cha tốt của tôi, Mila Ngọn Cờ Trí Huệ,
Không còn nữa, không còn dấu vết.
Mẹ của tôi, Bạch Ngọc, dòng dõi Nyang,
Không là gì ngoài một đồng xương tàn.
Đấy, thêm nữa một thí dụ của huyền ảo phù du,
Một tấm gương đẩy dồn tôi vào thiên định.

Thầy tu của gia đình, Những Viên Ngọc của Cõi Trời,
Bây giờ đi làm đầy tớ.
Những cuốn sách thiêng, Lâu Đài Châu Ngọc,
Ngày nay là tổ của đám chuột hoang.

Đấy, thêm nữa một thí dụ của huyền ảo phù du,
Một tấm gương đầy dòn tôi vào thiền định.

Người cậu bên ngoài của tôi, Yung Chiến Thắng,
Ngày nay sống giữa kẻ thù của tôi.
Em gái tôi, Peta Che Chở Hạnh Phúc
Lưu lạc nơi đâu không một dấu tích nào.
Đấy, thêm nữa một thí dụ của huyền ảo phù du,
Một tấm gương đầy dòn tôi vào một cuộc đời thiền định.

Marpa Tôn Quý, bậc Bất Động và Đại Bi,
Xin ban phước cho kẻ ăn mày này để nó thiền định trong
cô quạnh.”

Buồn sâu, thầy hát bài ca ấy.

Người con của thầy giáo kêu lên, “Lạ lùng thay, nhưng đó là sự thật!” Và anh ta thở dài. Vợ anh ta nức nở khóc ròng. Thầy đã thấy cảnh hoang tàn của làng mình, và thầy không thể làm gì khác ngoài việc lập đi lập lại quyết tâm tiếp tục thiền định. Thầy giữ sự mong muốn này sâu tận đáy lòng mình và thường trực thực hành thiền định, thầy không còn lý do nào để hối tiếc.

Milarepa nói như thế. Đây là chương thứ sáu, trong đó Milarepa được tính phù phiếm huyền ảo của sanh tử thuyết phục, quyết định hiến mình cho thiền định.

CHƯƠNG BẢY

THIÊN ĐỊNH

Retchung thưa hỏi, “Bạch Đạo sư, ngài đã thực hành khổ hạnh và thiên định ở những nơi nào ?”

Milarepa tiếp tục :

Sáng hôm sau, người con của thầy giáo nói với thầy, “Hãy lấy những lương thực này, và xin nhớ đến chúng tôi trong thiên định của ngài.”

Anh ta đưa thầy một bao bột mì và một số thịt khô loại tốt. Thầy rút vào một hang trên ngọn đồi sau nhà để thiên định. Thầy dùng tiết kiệm số lương thực đó, thân thể thầy bắt đầu yếu đi. Tuy nhiên, thầy có thể thiên định mãnh liệt trong vài tháng.

Khi thực phẩm hết và thầy không còn lại gì để ăn, thầy cảm thấy không nên kéo dài thêm nữa. Thầy nghĩ, “Ta sẽ đi khát thực thịt từ những người chăn cừu trong vùng đất cao và lúa mì từ những người làm nông trong thung lũng. Nếu cần thận dùng thực phẩm, ta sẽ có thể tiếp tục thiên định.” Và thầy đi đến những người chăn cừu để khát thực.

Vào một cửa lều, thầy kêu to, “Xin hãy cho một ẩn sĩ chút ít lương thực.”

Tình cờ, đây là căn lều của thím thầy. Vừa nhận ra thầy, thím giận điên lên và thả chó ra cắn thầy. Thầy lấy đá và gậy để xua chúng đi. Rồi thím nắm lấy một cây cọc lều xông ra la lớn, “Thằng con trời đánh của một ông cha tốt ! Sự ô nhục của gia đình nhà người ! Con quỷ phá hoại của thôn làng nhà người ! Tại sao mày đến đây ? Một thằng con như mày, lại sanh từ một ông cha tốt như thế !”

Vừa nói, bà vừa quát thầy túi bụi. Thầy chạy lui, nhưng vì đói và yếu, thầy vấp một hòn đá và ngã xuống một cái ao. Dầu thầy gần chết, thím vẫn tiếp tục chửi rửa thầy. Thầy lấy hết sức để chỗi dậy, và tựa người vào cây gậy, thầy hát cho bà nghe bài ca này :

“Con lễ lạy dưới chân ngài Marpa Bi Mẫn.
 Trong vùng đất Tsayi Koron⁽¹⁾ buồn thảm,
 Chúng tôi, mẹ và hai con, bị bà con ghét bỏ.
 Chúng tôi tan tác như những hạt đậu bị cây gậy đánh
 xuống.
 Chú và thím ơi, chính các người đã làm chúng tôi tan tác.
 Hãy nhớ cho điều ấy, hỡi các người !

Khi tôi lang thang cùng trời cuối đất để ăn xin,
 Mẹ tôi bị giết bởi lưỡi gươm của nghèo đói, đau buồn.
 Em tôi lưu lạc ăn xin xa xứ.
 Vì tôi không bao giờ ngừng thương tưởng mẹ và em,
 Tôi trở về ngục tù nơi chôn nhau cắt rún,
 Và thấy người mẹ yêu dấu đã chết
 Đứa em bất hạnh lang thang nơi cùng trời cuối đất.
 Buồn đau và cay đắng lấp đầy lồng ngực tôi.

Với những khổ đau của mẹ và con,
Hỡi chú thím, chẳng phải các người đã không xếp đặt để
đìm chúng tôi vào khổ não ?
Tuy nhiên chính cái khổ không thể chịu đựng này
Đã kêu gọi tôi trở lại cuộc đời cầu đạo.
Khi cắt bỏ tất cả trong ẩn cư trên núi,
Và thiên định về những giáo lý của Marpa Đại Bi,
Thân thể tôi, dù chỉ là một ảo tưởng, đã không còn lương
thực.

Lên đường đi khát thực,
Như một côn trùng chết trước tổ hang kiến,
Tôi thấy mình đứng trước cửa lều của thím tôi.
Bà xua chó dữ để tiếp đón tôi.
Thân thể mỗi mòn tôi rút chạy.
Lời chửi rủa, lời xấu ác của bà
Làm lòng tôi ngập tràn đau đớn.

Vỡ trang với một cốc lều,
Bà đánh như mưa lên thân tôi, càng thêm đau đớn,
Và suýt lấy đi của tôi mạng đời quý báu.
Dù cho tôi có đủ lý do để nổi giận,
Tôi cũng làm tròn lời dạy của lama.

Hỡi thím, hãy quên sự tức giận của thím đi,
Và cho tôi lương thực cho việc nhập thất của tôi.
Hỡi Marpa cao cả, bậc Từ Bi Thương Xót,
Xin ban phước cho đệ tử ngài, và làm bà dịu giận.”

Thầy hát những lời than du dương ấy khiến thím cũng phải hổ thẹn. Đi với một cô gái nhỏ, cô này bật khóc, thím đi vào lều.

Thím gọi cô gái nhỏ mang ra cho thầy một khoanh bơ và một phần bánh phở mát. Thầy đi khát thực tiếp ở các lều khác, thầy không biết ai cả, nhưng mọi người nhận ra thầy, nhìn thầy tò mò và cho thầy nhiều đồ bố thí. Mang những vật cúng dường này thầy vội vã bỏ đi.

Thầy biết ông chú thầy sẽ đối xử như thím, và thầy nghĩ, “Ta phải tránh đi về hướng ấy.” Nhưng khi xin thức ăn từ những người nông dân trong thung lũng Tsa, thầy đến cửa một ngôi nhà nơi ông chú sống.

Dù thầy trông giống như một xác chết chưa chôn, ông nhận ra thầy và hét lên, “A mày đúng là người mà ta muốn gặp.”

Và ông ném một hòn đá lớn suýt nữa trúng thầy.

Về phần mình, thầy nhận ra ông chú và tẩu thoát. Ông hết sức ném những hòn đá vào thầy, và thầy vẫn chạy. Rồi ông đi lấy cung tên.

“Thằng quái vật ! Một bất hạnh cho gia đình mày ! Mày đã phá hủy làng xóm tổ tiên của mày !” Và chú gọi những người làng, “Bà con ơi, ra mà bắt kẻ thù của chúng ta đây. Nhanh lên !”

Chú bắn tên vào thầy. Vài thanh niên trong làng cũng bắt đầu ném đá. Thầy đành phải dọa họ bằng huyền thuật vì e rằng họ sẽ giết thầy bởi vì những phép phù thủy của thầy hồi xưa. Thầy kêu lớn, “Ôi chư vị Tổ sư dòng Kagyü ! Hỡi chư thần bảo vệ, những vị uống máu ! Ân sĩ thực hành Pháp đang bị

những kẻ thù bao vây. Xin hãy tới cứu đệ tử.” Và với những dân làng, thầy nói, “Tôi có thể chết, nhưng những vị thần bảo vệ không chết đâu.”

Kinh hãi, những người làng giữ chú thầy lại và thôi quấy rối thầy. Những người ném đá xin thầy tha thứ. Mỗi người khác đem cho đồ cúng dường. Chỉ có chú thầy không chịu cho gì cả. Nhưng nếu ở lại trong vùng có thể làm cho họ tức giận, thầy quyết định ra đi.

Vào tối đó thầy có một giấc mộng báo trước một biến cố vui vẻ nếu thầy ở lại vài ngày. Bởi thế thầy nán lại và Zessay biết được tin thầy về làng. Cô đến gặp thầy, mang theo thực phẩm và bia. Cô ôm chầm thầy và bật khóc nức nở. Cô nói với thầy mẹ thầy đã chết như thế nào và em thầy đã trở nên một kẻ lang thang. Đau buồn lại tràn đến, thầy cũng rơi nước mắt.

Thầy nói với Zessay, “Tại sao sau thời gian lâu như vậy, cô không lấy chồng ?”

Cô trả lời, “Họ sợ vị thần bảo vệ của anh, và không ai dám đi hỏi tôi. Mà nếu có ai đề nghị, tôi cũng từ chối. Việc anh đi tu là đáng ngạc nhiên. Anh sẽ làm gì đối với nhà cửa và ruộng đất ?”

Thầy hiểu ý cô và trầm nghĩ, “Minh không cưới nàng chỉ là do ân sủng của ngài Marpa Dịch Giả. Từ quan điểm đời thường, ta phải nói với Zessay rằng không hy vọng gì có đám cưới giữa ta và nàng, còn từ quan điểm tôn giáo ta sẽ nói những lời cầu nguyện nhiệt thành nhất cho nàng.”

Và thầy nói với cô, “Nếu tôi gặp lại em gái tôi, tôi sẽ cho nó ngôi nhà và ruộng đất của tôi. Trong thời gian đó, cô cứ sử

dụng. Nếu có tin chắc chắn em tôi đã chết, thì cô giữ luôn nhà và đất.”

“Nhưng anh không muốn chúng cho chính anh ư ?”

“Theo sự thực hành khổ hạnh của tôi, tôi sẽ kiếm thức ăn như loài chim và chuột, thế nên tôi đâu cần gì đất đai. Chỗ ở của tôi sẽ là một hang động trống không, bởi thế tôi đâu cần gì nhà cửa. Dù cho ai đó là Chúa Tể của Vũ Trụ, vào lúc chết người ấy cũng bỏ hết tất cả. Nếu người ta từ bỏ mọi thứ ngay bây giờ, người ta sẽ hạnh phúc bây giờ và sau nữa. Đó là tại sao, hoàn toàn ngược với những người khác, bây giờ tôi buông bỏ mọi thứ và mọi người. Cô chớ hy vọng ở tôi như một người theo nghĩa thế gian.”

Cô trả lời, “Vậy thì sự thực hành của anh ngược với những người khác có tôn giáo ư ?”

“Trước hết, những người chỉ nghĩ đến những mục đích thế gian thì bằng lòng với việc nghiên cứu một số sách tôn giáo. Họ vui thích với thành công của họ và với thất bại của những người khác. Nhân danh tôn giáo, họ thu thập giàu có và danh tiếng càng nhiều càng tốt. Họ mang những tên thánh và khoác những chiếc áo tu. Tôi xa lánh họ và sẽ luôn luôn làm như vậy.

“Nhưng những người sùng đạo khác, nếu tâm thức họ và sự thực hành không bị hư hỏng, thì đồng lòng với tôi, bất kể họ mặc áo gì, và tôi không thể quay lưng với họ. Tôi chỉ tránh những người không theo tinh túy của Pháp.”

“Em chưa bao giờ thấy một người sùng đạo như anh. Trông anh còn tệ hơn một người ăn xin. Đây là loại Đại thừa nào thế ?”

“Đây là cái tốt hơn hết tất cả. Nó ném Tám Phản Ứng Thế Gian vào trong gió để thực hiện Giác Ngộ trong đời này. Bề ngoài của tôi phù hợp với truyền thống ấy.”

Zessay trả lời, “Như anh nói, đường lối của anh và của họ hoàn toàn nghịch nhau ; một trong hai cái phải là sai lầm. Nếu cả hai đều đúng, em sẽ thích chọn lối họ hơn là lối của anh.”

“Tôi không thích cái mà những người thế gian thích. Ngay cả những nhà sư áo vàng họ theo một con đường như tôi, cũng hình như không hoàn toàn thoát khỏi Tám Phản Ứng Thế Gian. Mà dầu họ có thoát khỏi, thì vẫn có một sự khác biệt vô cùng trong thời gian phải dùng để đạt đến Giác Ngộ. Cô không hiểu điều này đâu. Nếu có thể, cô hãy thực hành Pháp. Nếu không thể, bấy giờ hãy về sống như cô đang sống và sở hữu nhà đất của tôi.”

Zessay trả lời, “Em không muốn nhà cửa hay đất đai của anh. Hãy cho cô em gái của anh. Về phần em, em sẽ thực hành Pháp, nhưng em không thể theo một con đường như của anh.” Nói xong cô ra đi.

Thím thầy nghe thầy không dùng gì nữa ruộng đất và nhà cửa của thầy. Vài ngày trôi qua và bà nghĩ, “Bởi vì nó nói rằng nó sẽ theo những chỉ dạy của Đạo sư của nó, ta thử đến xem ta có thể có miếng đất ấy không.”

Bà đến tìm thầy, mang theo bột mì, bia và thịt khô. “Hôm trước thím đã hành động xuẩn ngốc”, thím nói. “Nhưng bởi vì anh là một người thánh thiện, anh sẽ tha thứ cho thím. Bấy giờ thím muốn trồng trọt trên đất của anh và sẽ cung cấp lương thực cho anh.”

Thầy trả lời, “Tốt lắm, thưa thím, hãy đem cho tôi một bao bột mì mỗi tháng, và giữ phần còn lại cho thím.”

“Thím sẽ làm như vậy.”

Trong vòng hai tháng, bà đem bột mì cho thầy như đã hứa. Sau đó, bà lại đến và nói, “Người ta nói rằng nếu thím canh tác miếng ruộng, những thần bảo vệ của cháu sẽ ném chú thuật lên đầu bọn thím. Nhưng có phải cháu không để điều đó xảy ra, phải thế không?”

Thầy trả lời, “Sao họ lại nói thế, bởi vì chính có lợi cho cả hai chúng ta mà thím canh tác miếng ruộng và đem cho tôi thực phẩm chứ.”

“Tốt lắm, cháu à, nếu không gây phiền hà cho cháu, thì thím thấy dễ chịu hơn khi cháu có một lời thề.” Thầy không biết bà sẽ cảm thấy mọi sự này trong tương lai như thế nào, nhưng thầy thề bởi vì làm cho những người khác hạnh phúc chính là Pháp. Rồi bà vui sướng trở về nhà.

Thầy đã cố gắng rất nhiều để thiền định, nhưng thầy hoàn toàn không thể thậm chí đạt được kinh nghiệm phúc lạc của nội nhiệt và khi thầy tự hỏi phải làm sao, thì thầy có một giấc mộng như vậy : Thầy đang cày một luống trên miếng ruộng của thầy. Đất rất cứng và thầy tự hỏi có nên bỏ nó không. Bấy giờ Marpa Tôn Quý xuất hiện trên bầu trời và nói với thầy, “Con ta, hãy mạnh thêm ý chí, có can đảm và làm việc đi ; con sẽ cày được đất cứng và khô.”

Nói vậy rồi chính Marpa hướng dẫn thầy và thầy cày miếng ruộng của thầy. Túc thời một vụ mùa trùn lớn mọc lên. Thầy thức dậy thật vui, và thầy nghĩ, “Những giấc mộng không

gì hơn là những phóng chiếu của những tư tưởng ẩn kín, ngay cả những người ngu cũng không tin chúng là thật. Ta mà chấp vào chúng thì ta còn ngu đần hơn họ.” Dầu như vậy, thầy xem giấc mộng này có nghĩa là nếu thầy kiên trì cố gắng thiền định, thầy sẽ đạt một phẩm tính mới trong kinh nghiệm nội tâm, và thầy hát lên bài ca này để soi sáng ý nghĩa của giấc mộng ấy :

“Con xin Thầy, Đạo sư Bi Mẫn,
Ban phước cho kẻ ăn mày này để nó có thể sống trong
cô tịch.
Con canh tác miếng đất của tâm không phân biệt nền tảng
Với nước và phân của niềm tin,
Và gieo xuống hạt giống của tâm thanh tịnh.
Sấm sét mãnh liệt của những cầu nguyện của con vang
dội,
Và cơn mưa của những ban phước của Thầy rơi xuống
không dùng công sức.

Trên con trâu của một tâm thức thoát khỏi nghi ngờ
Con tra vào ách và lưỡi cày của phương tiện thiện xảo
và trí huệ.
Con nắm vững chắc dây cương không phóng dật.
Quất đen đét ngọn roi nỗ lực, con phá vỡ đất cứng năm
độc vô minh.
Con ném xa những hòn đá của một tâm ô nhiễm,
Và nhổ sạch tất cả sự tự dối lừa.
Rồi với lưỡi liềm của Nhân và Quả
Gặt hái thành quả của sự thực hành
Là Phật Tánh của hàng sa giải thoát.

Con chắt vào kho quả của những giáo huấn tuyệt luân,
Những chân lý vượt ngoài tâm, ý, ý thức,
Hạt tuyệt hảo này, rang và xay bởi những dakini,
Là thực phẩm cho người ẩn sĩ trên con đường Chân Tánh.
Đây là ý nghĩa giấc mộng của con.

Chúng ngộ không khởi từ những lời nói.
Thấu hiểu không đến từ gợi ý diễn suy.
Con nài nỉ tất cả những ai làm việc vì Giác Ngộ
Hãy thiền định với tất cả kiên trì và nỗ lực.
Sự chịu đựng và cố gắng sẽ đánh bại những khó khăn
lớn nhất.
Nguyện cho những ai tìm cầu Phật tánh được không
chướng ngại.”

Hát xong những lời này, thầy quyết định ra đi và thiền
định ở Núi Răng Ngựa Trắng.

Cùng ngày hôm đó, thím thầy mang đến cho thầy ba bao
bột mì, một áo khoác bằng da đã sờn, một bị quần áo vải tốt,
một số thịt khô và một số bơ và mỡ. Và bà nói : “Đây là cái giá
cho miếng ruộng của cháu. Hãy lấy nó và đi đến một nơi nào
thím không bao giờ thấy hay nghe nói về cháu nữa. Người ta bắt
đầu nói, ‘Sau mọi thảm cảnh mà Tin Lành đã gây ra, giờ đây
bà lại giao thiệp với nó. Còn hơn là để cho nó giết hết bọn còn
lại chúng tôi với huyền thuật của nó, chúng tôi sẽ thanh toán cả
hai người cho rồi.’ Thế nên tốt hơn hết là cháu đi đến một ngôi
làng khác. Dù sao, nếu cháu ở lại, họ không có lý do thực sự
nào để giết thím, nhưng về phần cháu, họ sẽ không ngần ngại
đâu.”

Thầy biết rất rõ dân làng không nói như vậy. Thầy thâm nghĩ, “Cái gì xảy ra nếu ta chẳng hành động thuận theo Pháp ? Trên nguyên tắc ta chưa thể không tung ra chú thuật với người nào lấy mất miếng ruộng của ta. Hơn nữa, đặc biệt với một thiên giả, một lời thề chỉ là một giấc mộng không thực tại. Không có gì ngăn ta gởi mưa đá đến ngay sau phút thím quay lưng đi. Nhưng ta không làm những điều như vậy. Vì người ta có thể thực hành nhẫn nhục sao được nếu không có ai để làm mình tức giận ? Nếu đêm nay ta chết, miếng ruộng và mọi thứ khác của ta có để làm gì ?

“Có nói rằng nhẫn nhục là phương tiện tốt nhất để đạt được Bồ đề. Bà thím của ta là chỗ nương dựa cho thiên định của ta. Chính là phải cảm ơn chú thím vì nhờ hai người ta mới đi vào con đường giải thoát. Như một chứng cứ cho lòng biết ơn của ta, ta sẽ cầu nguyện không ngừng cho sự Giác Ngộ của họ. Trong đời này, ta không chỉ cho họ miếng đất mà cả nhà của ta nữa.”

Và giải thích ý nghĩ của thầy cho thím, thầy nói với bà, “Vì tôi không có phương tiện gì khác đạt đến Giác Ngộ trong đời này trừ phi tôi theo lời chỉ dạy của lama của tôi, xin hãy lấy không chỉ miếng đất mà cả nhà của tôi nữa.” Và thầy hát lên bài ca này :

“Lama Tôn Quý, trong tay Người là những niềm vui và
nỗi buồn
Của kẻ ăn mày này mà Người đã hướng dẫn vào núi non
cô tịch.

Đối với người bị hành hạ bởi nghiệp của sanh tử phổ khắp,
Nhiễm ô làm nổ tung mạch sống còn của giải thoát.

Cái chúng sanh trau dồi là ác hạnh.
Nếu cứ buông lung, họ sẽ chịu những thống khổ của ba
cõi thấp.

Tình họ hàng là thành thị của quỷ ma
Tôi xây dựng nó, tôi sẽ bị hút vào lò nấu chảy.

Nếu ai tích tập lương thực và giàu sang,
Đó là làm để cho những người khác sở hữu.

Mọi thứ người ta tích lũy
Đều trở thành tài sản của những kẻ thù của mình.

Trà và bia nếu khao khát thì biến thành thuốc độc.
Nếu uống vào, tôi sẽ nổ tung động mạch sống còn của
giải thoát.

Cái giá thím tôi trả cho miếng ruộng của tôi là sự keo kiệt
của bà
Lấy phần nào trong đó sẽ gây cho tôi tái sanh vào nạ quý.

Những lời lẽ của thím tôi là những lời tức giận.
Nếu tôi nói cùng thứ ngôn ngữ, chúng ta sẽ hủy diệt lẫn
nhau.

Thím ơi, hãy lấy nhà cửa và ruộng vườn của tôi.
Hãy lấy chúng và cầu mong thím hạnh phúc.

Qua sự hiến thân của tôi cho Pháp, thím sẽ thoát khỏi
phê phán trách cứ,
Và tôi sẽ đi con đường của tôi đến ngôi chùa của Thật Tánh
tối hậu.

Chính qua lòng Bi mà tôi hàng phục quý ma.
Thị phi vất tung trong gió, tôi xoay mình hướng về Bản
Lai Diện Mục tối cao.

Hỡi Lama Tử Tế, bất động muôn đời trong bản tánh,
Xin ban phước cho kẻ ăn mày này có thể thành tựu đời
nó trong cô tịch núi non.”

Nghe bài ca này, thím thầy nói, “Cháu ơi, cháu quả là một người cầu đạo chân thật và thành tâm. Thật là kỳ diệu !”
Và bà ra đi, lòng đầy vui vẻ.

Bị khuấy nhiễu bởi biến cố này, thầy khổ tâm dữ dội. Nhưng đồng thời, thầy hạnh phúc và nhẹ nhõm đã thu xếp xong nhà cửa ruộng vườn. Một lần nữa thầy nghĩ đến chuyện đi để thiền định theo những mệnh lệnh của lòng thầy ở hang Núi Răng Ngựa Trắng. Bởi vì thầy đã củng cố sự thực hành tham thiền của thầy ở đây trong hang động này khi thím thầy đến viếng thăm thầy, thầy gọi nó là Hang của Nền Tảng.

Sáng hôm sau, lấy phần trả cho miếng ruộng và vài đồ nhỏ nhặt khác còn lại, thầy đến Núi Răng Ngựa Trắng không để cho ai biết, và ở đó trong một cái hang để chịu. Thầy đặt một tấm đệm ngồi cứng để thiền định và dọn dẹp chỗ ở. Rồi thầy phát một lời nguyện không đi xuống chỗ có người ở như sau :

“Bao giờ tôi chưa đạt đến trạng thái Sáng Tỏ tâm linh,
Tôi sẽ không đi xuống để khát thực, dù tôi có chết vì đói
trên ngọn núi hoang vu này.
Tôi sẽ không đi xuống tìm quần áo dù tôi có chết vì lạnh.
Tôi sẽ không buông lung vào lạc thú và phóng dật thế
gian, dù tôi có chết vì buồn khổ.

Tôi sẽ không đi xuống kiếm thuốc men, dù tôi có chết vì bệnh.

Không cho phép thân, ngữ, tâm hỏ sót, tôi làm việc để thành Phật.

Ôi lama và yidam, xin ban phước cho con, để con hoàn thành mọi lời nguyện này.

Nguyện chư dakini và những thần hộ pháp nâng đỡ tôi với thần lực hoạt động của họ.

Chẳng thà chết tốt hơn là sống như một người phá vỡ những lời nguyện khi không nỗ lực với Tự Tánh mình.

Ôi biểu những thần hộ pháp, xin hãy hủy diệt cuộc đời tôi tức thời với bất kỳ cái nào vi phạm.

Ôi lama và yidam, xin ban phước cho con để con gặp đạo trong đời tới và tái sinh trong một thân người có khả năng vươn tới Phật tánh.”

Nguyện xong, thầy hát Bài Ca Xin Hứa và Cầu Nguyện này :

“Ôi, Con của đức Naropa, xin ban phước cho kẻ ăn mày này.

Có thể thành tựu trong cô đơn con đường giải thoát.

Xin che chở con khỏi những lực lượng làm phóng dật của Ma

Và làm tăng thêm chiều sâu của thiền định.

Không bám luyến vào mặt hồ an định nội tâm,
Nguyện đóa hoa quán chiếu siêu việt bùng nổ trong tôi.

Không khởi những tư tưởng phân biệt thoáng qua,
Nguyện những lá của trạng thái vô niệm lan rộng.

Không để cho nghi ngờ trú chân trong thất,
Nguyện quả của sự Thức Tĩnh chín vàng.

Không để cho quân Ma dám tạo nên những chướng ngại
Nguyện sự xác tín tuyệt đối như mặt trời mọc lên trong
tâm thức tôi.

Không ngần ngại trên con đường của phương tiện thiện xảo
Nguyện con trai theo được bước chân Cha.

Ôi lama Bi Mẫn, bất động muôn đời trong bản tánh,
Xin ban phước cho kẻ ăn mày để nó đạt đến Toàn Thiện
trong cô tịch núi non.”

Cầu nguyện như thế xong, thầy tự nuôi sống mình chỉ bằng một muỗng xúp nhỏ bột mì nướng sơ, và bắt đầu thiền định.

Dù cho một tỉnh giác xác thực về Đại Ấn (Mahamudra) khởi lên trong tâm thầy, thầy không thể kiểm soát hơi thở bởi vì thân thể quá yếu ; không có lửa Tummo sưởi ấm thầy và thầy thấy lạnh ghê gớm. Rồi thầy kêu cầu lama với tập trung mạnh mẽ, và một đêm thầy tri giác, trong một trạng thái sáng tỏ bên trong, nhiều phụ nữ làm một buổi lễ cúng, họ bao quanh thầy và nói, “Marpa gửi chúng tôi đến để nói với thầy rằng nếu thầy không cảm thấy Lửa Tummo, thầy nên dùng những phương pháp này về thân, ngữ, tâm cho đến khi sức nóng phúc lạc khởi lên bên trong thầy.”

Họ chỉ bày những tư thế yoga. Thầy tìm kiếm cái lạc của thân qua tư thế ngồi được biết như là sáu lò sưởi nối kết. Thầy tìm kiếm sự kiểm soát năng lực thuộc ngữ qua sức mạnh của nguyên tố sinh khí trong không khí. Thầy tìm kiếm và thiên định về sự hài hòa của tâm thức qua những thần lực sinh khí của con rắn cuộn tròn tự khai phóng, và Lửa Tummo sớm bắt đầu lan tỏa suốt thân thầy.

Một năm trôi qua.

Bấy giờ thầy có một ý muốn ra ngoài và làm mình tươi khỏe trở lại. Thầy chuẩn bị đi. Nhưng thầy chợt nhớ lời nguyện trước kia và tự nhắc nhở mình với bài ca này :

“Ôi Marpa, Biểu Lộ của Kim Cương Trì, bậc Năm Giữ
Chân Lý Tối Hậu,
Xin ban phước cho kẻ ăn mày để nó hoàn thành cuộc
ẩn tu trong cô tịch.

Milarepa, ôi con người tự trọng,
Mong bài ca này là sự nhắc nhở và sự giúp đỡ cho người.
Người đã cắt đứt với những bạn ở chung và những cuộc
chuyện trò thú vị.

Trống không là những cái nhìn thấy nơi thung lũng người
muốn thấy.
Không có gì ở bên ngoài có thể làm nâng cấp lòng người.

Chớ buông lung trong những tư tưởng lang thang, mà
hãy để tâm bình an tự là chính nó.
Nếu buông lung, người sẽ chết vì những tư tưởng xấu.

Chớ bị phóng dật, chớ bị phóng dật, mà chú ý chánh niệm.
Nếu người không chú ý, sự sùng mộ hiển mình của
người sẽ theo gió bay xa.

Chớ bỏ đi, chớ bỏ đi, mà trụ lại nơi người đang trụ.
Nếu bỏ đi, chân người sẽ vấp nhâm đá.

Chớ tìm kiếm lạc thú, mà hãy điều ngự chính người.
Tìm lạc thú là điều vô ích.

Chớ có ngủ, chớ có ngủ, mà hãy thiền định.
Nếu người ngủ, năm độc làm hư hoại sẽ tràn ngập người.”

Đã tự cảnh tỉnh mình như thế, thầy thiền định không kể
ngày hay đêm. Phẩm tính của sự thực hành của thầy tiến triển
và ba năm nữa trôi qua.

Mỗi năm thầy dùng một bao thức ăn. Và nếu thầy không
có gì khác để duy trì mạng sống, đấy sẽ là sự chấm dứt đời
thầy. Khi người đời họ tìm ra một phần mười lượng vàng, họ vui
mừng rồi khi mất nó, họ đau khổ. Nhưng điều đó không thể so
sánh với việc chết mà không đạt được Giác Ngộ. Vì một cuộc
đời dẫn đến Giác Ngộ thì quý hơn một tỷ thế giới chứa đầy
vàng. Thầy nghĩ, “Ta sẽ làm gì ? Chẳng thà chết còn tốt hơn
phá vỡ lời nguyện. Ta sẽ không xuống làng. Ta sẽ không phá
vỡ lời nguyện của ta. Nhưng chính vì mục tiêu cầu đạo, ta phải
tìm cho đủ thực phẩm để duy trì cuộc sống.”

Thầy đi ra phía trước cửa hang Đá Trắng nơi có mặt trời
ấm áp và nước trong. Ở đấy có nhiều cây tầm ma – một chỗ
khoáng đạt có thể nhìn xa xa. Vui mừng, thầy ở lại đó.

Sống bằng cây tầm ma, thầy tiếp tục thiền định. Bởi vì thầy không có áo quần trên thân thể và không có chất bổ dưỡng nào, thân thể thầy phủ đầy lông màu xám xám, ốm như một bộ xương và da thầy chuyển ra màu cây tầm ma. Lúc cùng cực như vậy, thầy lấy cuộn giấy lama đã đưa cho thầy và đặt nó lên trên đầu. Từ lúc đó, đầu thầy không ăn gì, bụng thầy vẫn cảm thấy đầy và có vị thức ăn trong miệng. Thầy đã định mở dấu niêm cuộn giấy để nhìn vào trong đó. Nhưng một điếm triệu báo cho thầy chưa nên mở. Thế nên thầy cứ để vậy.

Khoảng một năm trôi qua. Một vài người thợ săn từ chợ Kirong trong một buổi săn thất bại tình linh đến trước hang của thầy. Vừa thấy thầy, họ kêu lên “Ma !” và bỏ chạy. Thầy gọi lớn cho họ rằng thầy là một con người và là một ẩn sĩ.

“Khó mà tin được, nhưng chúng ta hãy đến xem”, họ nói.

Trở lại, họ đi vào hang và hỏi, “Thực phẩm của ông ở đâu ? Hãy đưa cho chúng tôi một số, sau này chúng tôi sẽ trả lại tử tế. Nếu ông từ chối, chúng tôi sẽ giết ông.”

“Tôi không có gì cả ngoài cây tầm ma”, thầy nói với họ.

“Hãy nhắc tôi lên và nhìn xem. Tôi không có gì để sợ bị cướp mất.”

“Chúng tôi không cướp của ông.”

“Điều gì xảy ra khi chúng ta nhắc bổng một hành giả ẩn sĩ?”, một người nói.

“Điều ấy có thể ban phước cho chúng ta !”, người khác nói.

Rồi người này đến người khác nhắc bổng thầy lên và thả xuống lại. Thân thể thầy đã quắt queo vì khổ hạnh đầy đau đớn, nhưng thầy vẫn cảm thấy một sự thương xót kinh khủng và không chịu đựng nổi cho họ. Thầy khóc.

Một người trong đám thợ săn đứng yên không làm thầy bị tổn thương, nói với những người khác, “Dừng lại đi ! Người này có vẻ là một hành giả thật sự. Mà dầu ông ta không phải như thế, các anh cũng không thể chứng tỏ nhân tính của mình bằng cách hành hạ một cái bị xương da như vậy. Chúng ta đói thì có phải lỗi của ông ấy đâu. Hãy dừng cái việc các anh đang làm lại đi.” Và anh ta nói với thầy, “Ngài là một thiên giả tuyệt diệu. Bởi vì tôi không hành hạ ngài, xin hãy đặt tôi dưới sự che chở của thiên định của ngài.”

Những người khác nói, “Và chúng tôi, những người nhắc ngài, xin cũng che chở chúng tôi nữa.”

Một người trong bọn nói, “Vâng, nhưng có nhiều loại che chở khác nhau, hãy tin tôi đi.” Anh ta phá lên cười rồi bỏ đi.

Dù thầy không hề nghĩ đến việc dùng pháp thuật, sau đó họ cũng bị trả quả bởi bàn tay những thần bảo vệ của thầy. Quan của vùng trừng phạt họ. Người đầu đảng bị tử hình, và mọi người khác bị móc mắt, chỉ trừ người đã nói, “Chớ có làm hại người ẩn tu !”

Một năm qua đi. Khi mọi áo quần của thầy đã bị rách hết và cái áo choàng bằng da cũ kỹ của thím cho thầy để trả tiền mượn miếng ruộng cũng tả tơi, thầy định may bốn cái bao bột không và những mảnh áo quần cũ để làm thành một cái đệm ngồi thiền. Nhưng thầy tự nhủ, “Nếu ta có chết đêm nay, thì khôn ngoan là thiên định hơn là làm cái trò may vá vô nghĩa

này.” Bỏ ý nghĩ may vá, thầy trải vải rách trên đệm thiền và cột tấm áo choàng da để che phần dưới thân. Phần trên thầy phủ bằng mấy cái bao ở nơi nào cần thiết. Khi bộ quần áo này rơi rụng, thầy nghĩ sự từ bỏ của mình đã đi quá xa và mình phải may chúng lại với nhau. Nhưng không có kim lẫn chỉ, thầy thắt nút ba cái bị để che phần trên, phần giữa và phần dưới và cột lại với dây thùng. Ban ngày thầy mặc nó, ban đêm thầy đặt nó lên trên đệm thiền, kéo dài thời gian chùng nào hay chùng đó. Và theo cách ấy thầy trải qua một năm thiền định nữa.

Một hôm có tiếng nói của nhiều người. Vài người thợ săn vác theo nhiều đồ săn được, đến trước cửa hang. Thấy thầy, họ kêu lên, “Một con ma !” và người gần nhất bỏ chạy. Những người ở xa thì nói, “Làm gì có ma ban ngày mà sợ. Xem kỹ lại coi. Nó có còn đó không ?”

Vài người thợ săn già tiến lên và họ cũng sợ. Thầy giải thích cho họ dài dòng thầy không phải là một hồn ma mà là một ẩn sĩ thiền định trong núi, và việc thiếu thực phẩm làm thầy ra như thế này.

“Chúng tôi sẽ thấy điều đó đúng hay không”, họ nói và đi vào hang.

Ở đó không có gì ngoài cây tầm ma. Xúc động sâu xa, họ cho thầy một lượng lớn thịt cùng với những lương thực khác, và nói, “Điều ngài đang làm thật là kỳ diệu. Xin hãy cứu giúp những sinh linh chúng tôi đã giết, cho chúng sanh vào những cõi cao. Về phần chúng tôi, xin rửa sạch tội lỗi của chúng tôi.”

Nói xong, họ lễ bái và bỏ đi.

“May mắn thay”, thầy tự nói với mình một cách vui vẻ. “Giờ đây ta có thể ăn như một con người.”

Sau khi thầy đã ăn thịt nấu chín, thân thể thầy bắt đầu cảm thấy phúc lạc thanh tịnh. Sức khỏe thầy tiến triển, cảm nhận thầy sắc sảo, và sự thực hành mạnh mẽ thêm. Thầy kinh nghiệm một trạng thái lạc phúc về tánh Không chưa từng có trước đó. Thầy thấy rằng một ít đồ cúng dường nhận được ở chốn ẩn tu núi non còn lợi lạc cho thầy gấp trăm lần những cúng dường trong thành phố hay thôn làng.

Thầy dùng số thịt ấy một cách tiết kiệm, nhưng phần thầy để dành cuối cùng cũng hư thối bởi những con giòi. Thầy định gấp giòi ra rồi ăn, nhưng thầy nghĩ, “Việc này không phải là số phận của mình mà cũng không phải là quyền của mình. Chẳng tốt tí nào khi cướp của những con giòi thức ăn của chúng. Ta chẳng muốn nó nữa.” Thầy để thịt cho chúng, và trở lại khẩu phần khổ hạnh là tầm ma.

Một đêm một người đến tìm thức ăn. Anh ta lục lọi hết cả hang. Thầy bật cười và nói, “Hãy gắng tìm cho ra vào lúc nửa đêm này một cái gì khi mà giữa ban ngày ban mặt tôi cũng chẳng thể tìm thấy cái gì cả.”

Rồi cũng cười, người ấy ra đi.

Một năm nữa qua đi. Một hôm có vài người thợ săn từ Tsa, không săn được gì cả, đến trước hang của thầy. Thầy mặc ba mảnh bao ở ba chỗ và đang nhập định. Thấy thầy một người thợ săn cầm mũi tên chỉ vào thầy và nói, “Đây là người hay ma ? Là một người bù nhìn chăng ? Xem áo quần, có vẻ là một con ma.”

Thầy mỉm cười và nói, “Tôi đấy, tôi là một người.”

Họ nhận ra thầy do lỗ hở nơi hàm răng thầy.

“Ông là Tin Lành phải không ?”

“Tôi chính là ông ấy.”

“Lúc này hãy cho chúng tôi ăn đã. Chúng tôi sẽ trả lại cho ông sau này. Đã nhiều năm qua từ khi ông về làng. Ông đã ở đây suốt thời gian đó ?”

“Tôi ở đây từ đó đến giờ. Nhưng tôi không có gì tốt để cho các bạn ăn.”

“Hãy cho chúng tôi cái gì ông đang ăn. Như vậy là đủ cho chúng tôi rồi.”

“Được lắm, hãy chụm củi và nấu một ít hầm ma.”

Khi đun lên, họ hỏi thịt để bỏ vào nồi hầm ma.

Thầy trả lời, “Nếu tôi có thịt, thức ăn của tôi sẽ bổ dưỡng rồi. Tôi không có gì nhiều năm nay rồi. Thôi hãy cho thêm hầm ma vào.”

“Thế thì xương vậy.”

“Nếu tôi có xương, thức ăn của tôi đâu có vô vị như vậy. Tôi đã không có chúng từ nhiều năm nay. Thôi cứ dùng thêm hầm ma đi.”

“Nhưng chúng tôi không thể không có muối.”

“Hãy dùng hầm ma thay muối.”

“Chắc vì cách ăn uống và áo quần như vậy làm cho ông không giống bình thường. Ông không phải là một con người.”

Thậm chí một người đầy tớ cũng ăn đầy đủ mặc ấm áp kia mà. Trên đời này không có ai khốn khổ đáng thương bằng ông.”

“Xin lỗi, chớ nói như vậy. Tôi đã sinh làm người may mắn nhất. Tôi đã gặp Lama Marpa vùng Vách Đá Phía Nam. Từ ngài tôi đã có được những giáo huấn cho phép tôi đạt đến Phật tánh trong đời này và trong thân này. Bằng cách từ bỏ thế gian và thiền định trong núi non cô tịch này, tôi đang cố gắng đạt một mục tiêu vĩnh cửu. Tôi đã hy sinh thức ăn, áo mặc và địa vị, nhờ đó mà hủy diệt những kẻ thù là tham mê và thành kiến, ngay trong đời này. Không có ai trong đời can đảm hơn, nguyện vọng cao hơn tôi. Dù các bạn có sanh ra trong một xứ sở mà Phật pháp đã truyền bá, thế mà thậm chí các bạn không có một thôi thúc nào nghe Pháp, một ý định nào đi vào thiền định. Không có lối sống nào nguy hiểm hơn cú chất chồng lỗi lầm từng chút một, từng nắm tay một – nó đào thêm chiều sâu và kéo dài thêm thời gian của địa ngục. Bình an từ giờ cho đến mãi mãi, tôi sẽ có an lạc tối thượng, và từ giờ trở đi tôi bảo đảm ở trong hạnh phúc. Bởi thế hãy nghe Bài Ca Năm Hạnh Phúc :

“Con kính lạy dưới chân Marpa Bi Mẫn
Xin ban phước cho sự từ bỏ thế gian của con.
Núi Răng Ngựa Trắng là thành trì của Trung Đạo.
Trên chót đỉnh của Thành Trì Trung Đạo.
Tôi, ẩn sĩ áo vải của Tây Tạng,
Đã từ bỏ thực phẩm và y phục trong cuộc đời này
Để trở thành một vị Phật toàn hảo.

Tôi hạnh phúc với đệm thiên cưng ngắt dưới thân,
Tôi hạnh phúc với áo vải che người,

Tôi hạnh phúc với sợi dây thiên định cột đầu gối⁽²⁾
Tôi hạnh phúc với thân thể bóng ma này, không no
không đói.
Tôi hạnh phúc với tâm thức này đã nhìn thấy Tánh.
Tôi hạnh phúc với tất cả mọi sự, các bạn ơi.

Nếu các bạn thấy tôi có vẻ hạnh phúc, hãy làm như tôi
đã làm.

Nếu các bạn không có may mắn tuyệt vời làm người tu,
Xin hãy chiêm ngưỡng hạnh phúc chân thật miên trường
Của tất cả chúng sanh, của các bạn và của tôi.
Chớ lầm lẫn thương hại cho tôi,
Người hành giả của con đường vô biên An Lạc.

Giờ ánh tà dương đã chìm sau núi,
Hãy trở về nhà cũ của các anh.
Vi cuộc đời ngắn ngủi và cái chết giáng xuống không lời
báo trước,
Tôi, kẻ cố gắng tiến về Phật tánh
Không có thì giờ cho những lời vô ích rồi nhàn.
Xin để tôi với cuộc tham thiền.”

Những người thợ săn trả lời, “Ngài đã nói nhiều điều đẹp
đẽ. Chắc hẳn ngài có năng khiếu trời cho về ngôn ngữ. Nhưng
mặc dù tấm gương của ngài rất thuyết phục, chúng tôi cũng
không thể theo.” Và họ ra đi.

Mỗi năm có một lễ hội lớn ở Kya Ngatsa quê thầy để
đúc những tượng nhỏ, vào dịp ấy những người thợ săn hát lên

Bài Ca Năm Hạnh Phúc. Em Peta của thầy đi xin ăn ở tiệc hội nghe được bài ca này. Cô kêu lên, “Ai nói lên những lời này là một vị Phật !”

Một người thợ săn cười, nói rằng : “Hà hà ! Cô đang tán tụng anh cô đấy.”

Người khác nói thêm, “Dù anh cô có là vị Phật hay là một người bình thường, thì đây là bài ca của ông ấy, và ông ta đang sắp chết đói trên núi.”

Peta trả lời, “Cha mẹ tôi đã mất từ lâu. Bà con tôi lại trở thành kẻ thù. Anh tôi lang thang cùng trời cuối đất. Bản thân tôi là người xin ăn và sẽ không bao giờ gặp anh ấy nữa, thế nên tôi không muốn ca hát tiệc tùng gì.” Nói xong cô khóc.

Zessay đến với cô và nói, “Chớ khóc làm chi. Anh của cô còn sống. Tôi đã gặp anh ấy một thời gian trước đây. Hãy đi đến Núi Răng Ngựa Trắng và xem anh ấy còn ở đó không. Nếu anh còn ở đó, ba chúng ta sẽ lại đoàn tụ.”

Tin như vậy, Peta mang một vại bia đầy, vốn đã xin ở từng nhà một, và với một bình đầy bột và gia vị trộn, cô đến Núi Răng Ngựa Trắng. Cô thấy thầy từ ngưỡng cửa. Thân thầy tiều tụy vì khổ hạnh. Hai mắt thụt vào hố mắt. Tất cả xương thầy lòi trơ ra. Thịt thầy khô teo lại và có màu xanh lá cây. Lòng trên người khô và xám, chảy dài xuống trông rất dễ sợ. Tay chân như sắp rụng.

Thấy thế em thầy kinh hãi, nghĩ rằng đấy phải là một con ma, nhưng lời nói cô đã từng nghe, “Anh cô đang chết đói”, làm cô ngần ngại.

“Ông là người hay ma ?” Cô hỏi.

“Tôi là Mila Tin Lành.”

Cô nhận ra giọng nói thầy. Cô tiến đến ôm chầm lấy thầy. “Anh ơi, anh cả ơi!” Cô kêu lên, rồi xúc động quá, cô ngất xỉu.

Thầy nhận ra Peta. Thầy vừa vui vừa buồn. Thầy cố hết sức làm cô tỉnh lại. Sau vài phút cô hồi tỉnh. Cô đặt đầu trên đầu gối thầy và úp mặt trong tay, nức nở nói, “Mẹ chúng ta đã chết vì buồn nhớ con trai bà, và thậm chí không có ai đến để chôn cất bà. Em hết mọi hy vọng và bỏ nhà ra đi. Em đến những tỉnh khác để xin ăn. Em nghĩ rằng anh đã chết, mà nếu còn sống thì chắc cũng đã tìm được ít nhiều hạnh phúc. Nhưng trời ơi, hãy xem anh đây này ! Số phận của anh trai của em như thế này ! Và sự khổ đau của người em gái là thế đó ! Không có ai trên cõi đời này tàn mạt như chúng ta, cả hai anh em mình.”

Cô kêu tên mẹ tên cha và khóc mãi. Mọi cố gắng dỗ dành an ủi cô đều vô hiệu. Rồi thầy, cũng đầy râu rĩ, hát bài ca này cho em gái thầy :

“Quy mệnh chư vị lama tôn kính.
Xin ban phước cho người ăn mày để nó hoàn thành
công việc của nó trong đơn côi.

Ơi em gái, chúng sanh của thế gian,
Mọi niềm vui và nỗi khổ đều phù du hư ảo.
Nhưng bởi vì hiện giờ em sầu khổ theo thói đời,
Anh đoán chắc với em rằng hạnh phúc vĩnh cửu là
hiện hữu.
Thế nên, hãy nghe bài ca của anh cả của em.

THIÊN NÒNH

Để trả ơn và cảm tạ tất cả chúng sanh,
Họ là cha mẹ của anh vô biên kiếp trước
Anh tu hành trong chốn ẩn cư này.
Nơi đây như một hang thú hoang dã ;
Thấy nó, người khác phải khởi ý bất bình.

Thức ăn của anh như đồ ăn của chó và heo ;
Thấy nó, người khác phải lợm giọng buồn nôn.

Thân thể anh như một bộ xương ;
Thấy nó, một kẻ thù dã man cũng phải khóc.

Thái độ của anh có vẻ là một người điên,
Và em gái của anh đỏ mặt vì hổ thẹn.
Nhưng sự tỉnh giác của anh thực sự là Phật ;
Thấy tâm anh, các bậc Chiến Thắng đều vui.

Dù xương muốn lòi khỏi thịt trên sàn đá cứng lạnh,
Anh kiên trì bất kể ngày đêm.
Thân thể anh, trong ngoài, thành như một cây tầm ma
ngoài đó.
Sẽ không bao giờ mất màu xanh lục.

Trong hang động cô liêu, trong núi non hoang vắng,
Người nhập thất biết nhiều về sự cô đơn.
Nhưng lòng thành tín của anh không bao giờ lìa cách
Với Lama Phật của Ba Đời.

Bằng sức mạnh thiên định khởi từ nhiều nỗ lực,
Không nghi ngờ gì anh sẽ hoàn thành tự chứng.
Và khi người ta đạt đến kinh nghiệm sâu xa và Sáng Tổ,

An lạc tự đến trong cuộc đời này
Và Giác Ngộ trong đời tiếp đó.
Đấy là tại sao anh đòi hỏi Peta,
Thay vì để cho thất vọng và buồn đau phủ ngập,
Em hãy cố gắng kiên trì đắm mình trong Pháp.”

Peta trả lời thầy, “Nếu như thế, những lời của anh thật diệu kỳ và cũng khó tin chúng là sự thật. Nếu chúng là thật, thì những người theo Pháp khác cũng đã thực hành, dầu một phần dầu toàn bộ, em thấy có ai khốn khổ như anh đâu?”

Nói thế, cô đưa thầy thực phẩm và bia. Thầy ăn và uống, và lúc đó tâm thức thầy trong sáng như pha lê. Tối hôm đó sự thực hành của thầy nâng cấp rất mạnh mẽ.

Ngày hôm sau, sau khi Peta đi, thân thể thầy vì không quen với thức ăn như vậy, vừa cảm thấy thoải mái vừa khó chịu. Và tâm thức thầy bắt đầu lang thang giữa những tư tưởng tốt và xấu, thầy thiên định với tất cả sức mạnh của mình, nhưng không có kết quả gì.

Vài ngày sau, Zessay đến cùng Peta để gặp thầy, mang theo thịt, bơ, bánh bột và một lượng lớn bia. Thầy đang đi tìm nước và gặp họ. Vì thầy đang trần truồng, họ hổ thẹn khi thấy thầy, và họ chảy nước mắt vì sự khốn khổ của thầy. Họ cúng dường thầy thịt, bơ và bột, họ rót bia ra, và khi thầy đang uống thì Peta nói, “Từ bất cứ cái nhìn nào người ta thấy anh cả tôi, người ta cũng không thể gọi đó là một con người. Anh phải đi khát thực và ăn từng chút thực phẩm mà con người ăn. Em sẽ cho anh vài vốc anh cần để may quần áo.”

Zessay nói, “Anh cứ đi khát thực, còn em cũng sẽ đưa cho anh đồ mặc.”

Thầy trả lời họ, “Anh không biết khi nào anh sẽ chết, và anh không có thì giờ cũng như mong muốn đi khát thực để có thực phẩm. Nếu anh có chết vì lạnh, anh cũng không có gì tiếc nuối bởi vì việc đó là để cầu giải thoát. Anh không muốn tìm kiếm thỏa mãn bằng cách thành thạo với thực phẩm, thức uống, cười đùa với thân thuộc bạn bè bao quanh, hay mặc quần áo tốt và có thực phẩm dồi dào bằng cái giá sự thiên định của anh. Bởi thế, anh không muốn áo quần hay thực phẩm của hai em. Anh sẽ không nghe theo hai em cũng không đi khát thực.”

Peta trả lời, “Vậy thì, anh ơi, anh nghĩ cái gì sẽ làm thỏa mãn anh ? Chẳng lẽ không có cái gì tốt hơn là sự khốn cùng của anh sao ?”

Thầy trả lời, “Ba cõi thấp thì vô cùng khủng khiếp hơn sự khốn khổ của anh. Vậy mà có rất nhiều chúng sanh đang đi tìm cho mình sự khổ đau đó. Bởi thế, anh quyết tâm đạt đến An Lạc bằng sự hoàn thành mục tiêu của mình.” Và thầy hát lên Bài Ca Hoàn Thành Mục Tiêu Của Tôi này :

“Con kêu cầu lama của con trong biểu lộ Hóa thân của ngài.

Ban phước cho người ăn mày để nó làm trọn việc ẩn tu trong hoang vắng.

Hạnh phúc của tôi người thân không hay biết,

Khốn khổ của tôi kẻ thù đâu có hay,

Nếu tôi chết giữa cô đơn hoang vắng,

Cái chết ấy cũng nằm trong sự hoàn thành mục tiêu của thiên giả tôi thôi.

Tôi già đi bạn bè không ai rõ,
Tôi ốm đau mà em gái nào hay,
Nếu tôi chết giữa cô đơn hoang vắng,
Cái chết ấy cũng nằm trong sự hoàn thành mục tiêu của
thiền giả tôi thôi.

Cái chết của tôi không người nào biết,
Thân thối rữa của tôi điều quạ không hay,
Nếu tôi chết giữa cô đơn hoang vắng,
Cái chết ấy cũng nằm trong sự hoàn thành mục tiêu của
thiền giả tôi thôi.

Không một người canh thức bên cạnh xác tôi,
Không một tiếng kêu khóc trên cái chết của tôi,
Nếu tôi chết giữa cô đơn hoang vắng,
Cái chết ấy cũng nằm trong sự hoàn thành mục tiêu của
thiền giả tôi thôi.

Không ai hỏi từ đâu tôi tới,
Không ai chỉ xứ sở tôi đi,
Nếu tôi chết giữa cô đơn hoang vắng,
Cái chết ấy cũng nằm trong sự hoàn thành mục tiêu của
thiền giả tôi thôi.

Trong hang cô tịch này giữa chốn núi non cao,
Nguyện ước muốn này về cái chết của người hành khát,
Được hoàn thành cho lợi lạc của tất cả chúng sanh,
Như thế mục tiêu của tôi đã là trọn vẹn.”

Zessay nói với thầy, “Hành động hiện giờ của anh phù hợp với những lời nói trước kia của anh. Và em thán phục điều đó.”

Peta lại nói, “Dù anh có nói gì đi nữa, em cũng không thể nào chịu nổi sự thiếu thốn hoàn toàn thực phẩm và y phục của anh. Thực phẩm và đồ mặc tốt đâu có làm anh mất thiền định, thế nên em sẽ đem cho anh cái gì để làm một cái áo choàng. Bởi vì anh không muốn đi khát thực, thì theo nguyện vọng của anh, anh có thể chết vì đói không có ai chăm lo trong chốn vắng vẻ. Nhưng nếu anh không chết, em sẽ mang vải đến cho anh.”

Họ bỏ đi, và thầy ăn thức ăn tốt mà họ đã đem đến. Cảm thức lạc và khổ và những cảm giác đói tăng mạnh đến độ thầy không thể thiền định được nữa. Thầy nghĩ rằng không có chướng ngại nào lớn lao cho thầy bằng việc không thể thiền định. Thầy mở dấu niêm cuộn giấy mà lama đã đưa cho thầy. Nó chứa đựng những giáo huấn thiết yếu để vượt qua những chướng ngại và làm tiến triển sự thực hành, những giáo huấn để chuyển hóa cái xấu xa thành đức hạnh và đặc biệt hơn là lời khuyên dùng thực phẩm tốt vào thời gian này.

Thầy hiểu rằng qua sức mạnh kiên trì trong thiền định của thầy trước kia, những kinh mạch đã hấp thụ năng lực sáng tạo. Do thức ăn quá kém nên năng lực nằm yên không hoạt động được. Món bia và thức ăn của Peta đã kích hoạt tiến trình. Theo những chỉ dẫn trong cuộn giấy, thầy làm việc mãnh liệt về những bài tập thiết yếu được đòi hỏi cho thân thể, hơi thở và thiền định. Một kết quả là những che chướng trong kinh mạch nhỏ cũng như những che chướng trong kinh mạch trung ương được tẩy sạch. Thầy đạt được một kinh nghiệm hỷ lạc,

sáng tỏ và tánh giác thuần khiết tương tự với điều thầy biết trong lý thuyết. Thật ra đó là một kinh nghiệm phi thường của Sáng Tỏ rất mãnh liệt và rất vững chắc, nền tảng. Vượt thắng những chướng ngại, thầy chứng ngộ rằng những bất toàn chính là toàn thiện ; và thầy thấy biết trực tiếp rằng những tư tưởng phân biệt tạo thành đối tượng muôn sắc chính là tính đơn nhất bản nhiên của Pháp thân.

Thầy thấu hiểu rằng mọi sự của sanh tử và của niết bàn đều là duyên sanh như huyễn, lưu xuất từ tâm thức cội nguồn nền tảng,⁽³⁾ và nền tảng tâm thức này tự bản chất là trung tính, không nhiễm ô. Sanh tử là kết quả của cái thấy sai lầm. Niết bàn được chứng ngộ qua tỉnh giác toàn hảo. Thầy thấy biết rằng bản tánh của cả sanh tử và niết bàn nằm trong tánh giác trống không và sáng rõ. Đặc biệt hơn nữa, kinh nghiệm kỳ diệu này của sự triệt ngộ là kết quả của những thiền định trước kia của thầy và là hậu quả trực tiếp của thực phẩm và những giáo huấn sâu xa của lama. Thầy cũng có một thấu hiểu rất đặc biệt rằng những phương tiện của Con Đường Mật Thừa (Vajrayana) là để chuyển hóa mọi kinh nghiệm giác quan thành chứng đắc tâm linh.

Vì thầy có mọi sự này là nhờ Peta và Zessay, thầy biểu hiện sự cảm kích trong thiền định để cho công đức của họ được góp vào sự Giác Ngộ của họ mai sau. Và thầy hát Bài Ca Bản Tánh của Trùng Trùng Duyên Khởi :

“Con lể lạy dưới chân Marpa của vùng Vách Đá Phía Nam.
 Nguyện ngài ban phước cho kẻ ăn xin để nó hoàn thành
 việc ẩn tu trong đơn độc.

THIỆN NÒNH

Những phục vụ của những thí chủ kia
Đã gieo hạt cho sự giác ngộ của họ và của con.
Thân thể này khó có được mà dễ hủy diệt,
Đã lấy lại sức khỏe, nhờ ơn sự dưỡng nuôi.

Sự màu mỡ của đất đai khô khan này,
Và mưa của bao la xanh thẳm kia,
Hai cái ấy tương tác cho lợi lạc của tất cả chúng sanh,
Và bản tánh của sự tương tác này nằm trong luật tắc
thiên nhiên.

Thân huyễn hóa của con được nuôi từ cha mẹ,
Và giáo pháp của lama linh thánh,
Sự tương tác của hai cái ấy đưa con vào Chân Pháp.
Và bản tánh của sự tương tác này nằm trong luật tắc
thiên nhiên.

Hang đá này trong miền hoang sơ cô quạnh,
Và lòng sùng mộ hiến mình của con cho con đường cao
cả.
Hai cái ấy tương tác cho sự hoàn thành mục tiêu tối thượng,
Bản tánh của sự tương tác này nằm trong Chân Tánh
hiện tiền.

Sự kiên trì của Milarepa trong thiền định,
Và niềm tin của chúng sanh trong ba cõi luân hồi,
Sự tương tác của hai cái ấy báo trước thành công trong
việc phụng sự tất cả chúng sanh của con.
Và bản tánh của sự tương tác này nằm trong Đại Bi.

Đại thiện giả tham thiền trong hang đá

Và những thí chủ đem lương thực đến cho người,
Sự tương tác của hai cái ấy đưa họ về Giác Ngộ.
Và bản tánh của sự tương tác này nằm trong sự xẻ chia
công đức.

Lòng bi ân đức của lama từ phụ,
Và sự kiên trì trong thiền định của đệ tử,
Sự tương tác của hai cái ấy bảo đảm cho sự nắm vững Pháp.
Và bản tánh của sự tương tác này nằm trong sự kết ước
long trọng giữa hai người.

Quán đảnh truyền pháp dẫn đến một chuyển hóa nhanh
chóng,
Và sự cầu nguyện với niềm tin và sùng mộ bao la,
Sự tương tác của hai cái ấy sẽ sớm hợp nhất chúng ta.
Và bản tánh của sự tương tác này nằm trong những ban
phước.

Ôi Lama Vajradhara, bất động trong bản tánh,
Ngài biết hạnh phúc và những khó khăn của người ăn
mày này.”

Thầy hát như thế, và tăng gấp đôi nỗ lực, thầy tiếp tục
thiền định.

Ban ngày thầy có cảm giác là có thể biến đổi thân thể
mình theo ý muốn và bay qua không trung và thực hiện những
phép mầu. Ban đêm trong những giấc mộng thầy có thể tự do
và không chướng ngại khám phá toàn bộ vũ trụ từ một chỗ
chấm dứt này đến một chỗ khác. Và tự biến thành hàng trăm
thân thể thân tâm khác nhau. Thầy viếng thăm tất cả cõi Phật và

nghe Pháp ở những nơi đó. Thầy cũng có thể thuyết pháp cho vô số chúng sanh. Thân thể thầy có thể vừa thành một ngọn lửa vừa chảy thành dòng nước.

Đạt đến những thân thông không thể nghĩ bàn như thế, thầy thiên định vui vẻ và hưng phấn cao.

Thầy có thể thực sự bay qua không trung, thế nên thầy đã bay đến Động Bóng Chim Ưng để thiên định. Rồi một Lửa Tummo mãnh liệt chiếu ra sự ấm áp và phúc lạc khởi lên trong thầy, vô cùng cao hơn bất kỳ kinh nghiệm nào thầy đã có trước đó. Khi thầy trở về Núi Răng Ngựa Trắng, thầy bay qua một làng nhỏ tên là Langda, ở đó một người đang cày ruộng với đứa con. Người này là anh của một người đã bị giết chết khi ngôi nhà của chú thầy bị sụp đổ. Người con đang dẫn trâu trong khi người cha cầm cày xới đất. Người con thấy thầy và kêu lên, “Kìa cha, hãy nhìn sự việc kỳ lạ này ! Có một người đang bay qua không khí !”

Người cha dừng cày và nhìn lên, “Có gì lạ lùng đâu. Đó là con của một người đàn bà xấu xa Bạch Ngọc họ Nyang ; chính là cái thằng Mila quý quyết, cứng đầu, ốm đói. Chớ để bóng của nó che lên người. Hãy tiếp tục cày đi.” Người cha đi vòng vòng, sợ bóng thầy chạm phải.

Người con nói với ông, “Nếu một người có thể bay, thì dầu cúng dầu hay không, đó là cảnh tượng vĩ đại không gì bằng ! Thế nên hãy xem, cha ạ !” Và người con tiếp tục nhìn thầy.

Thầy nghĩ rằng bây giờ thầy có thể làm việc cho lợi lạc của chúng sanh. Khi nghĩ như thế, một lời tiên báo của yidam đến với thầy : “Hãy hiến mình trọn vẹn cho thiên định trong đời

này, theo những chỉ dạy của lama. Không có gì vĩ đại hơn việc phụng sự Phật pháp bằng thiền định và nhờ đó cứu độ chúng sanh.” Thầy lại nghĩ, “Nếu ta thiền định cho đến chừng nào còn sống, ta sẽ để lại một gương mẫu tốt nhất cho những đệ tử đời vị lai để họ từ bỏ thế gian và thiền định.” Và thầy chắc chắn rằng cả truyền thống Phật pháp và chúng sanh sẽ được nhiều lợi lạc từ việc đó.

Rồi thầy nghĩ, “Mình đã ở chỗ này quá lâu và đã nói chuyện về Phật pháp quá nhiều với những người đến thăm. Người ta đã thấy mình bay sau kinh nghiệm triệt ngộ. Nếu mình ở đây thêm nữa mình sẽ rơi vào ảnh hưởng của thế gian. Có nguy hiểm là sẽ gặp những chướng ngại của Ma và Tám Phản Ứng Thế Gian sẽ quấy rối sự thiền định của mình. Ta phải đi và thiền định ở Chuwar theo lời dặn của lama.”

Thế rồi mang theo cái nồi để nấu rau tầm ma, thầy rời khỏi Núi Răng Ngựa Trắng. Nhưng thầy quá yếu do thiếu thốn suốt những năm thiền định lâu dài, và chân thầy cứng và run, vấp phải nền đá lởm chởm trước hang, thầy ngã xuống. Tay cầm của cái nồi sút ra, cái nồi lăn xuống dốc. Thầy đến chặn nó lại. Trong cái nồi bể là những lớp cặn đọng lại của tầm ma tạo thành hình một cái nồi màu xanh lá cây.⁽⁴⁾ Chuyện không may này cho thầy ý tưởng rằng tất cả mọi sự hợp thành đều vô thường. Hiểu rằng đây cũng là một sự cố vũ cho thiền định, thầy thán phục bài học đó và thầy hát :

“Ngay vào lúc tôi có một cái nồi, tôi đã không có nó.
Thí dụ này hiển thị toàn bộ định luật vô thường của vạn
pháp.
Nhất là nó tỏ bày thân phận con người.

Mọi sự là thế đó, nên tôi, ẩn sĩ Mila
Quyết tâm thiên định không chút hờ sốt phóng dật.
Nồi đất quý giá tài sản độc nhất của tôi
Thành vị thầy của tôi ngay lúc nó vỡ tan.
Bài học này về tính vô thường nội tại của vạn pháp là
một kỳ diệu lớn lao.”

Khi thầy đang hát, vài người thợ săn đến nghỉ trưa. Họ nói với thầy, “Này người ẩn tu, bài ca của ông du dương lắm. Bây giờ ông đã làm vỡ cái nồi đất, ông sẽ làm gì với cái nồi tầm ma ? Sao mà thân thể ông quá ốm và quá xanh như vậy ?”

Thầy trả lời, “Do không có gì nuôi dưỡng nó.”

“Kỳ lạ thay ! Nào, mời ông đến đây.” Và họ cho thầy tham dự bữa ăn của họ.

Trong bữa ăn một người thợ săn trẻ nói, “Ông là một người có năng lực. Nếu thay vì khốn khổ như thế này, ông sống một đời sống bình thường, ông có thể cõi một con ngựa tốt chẳng khác gì một con sư tử nhỏ. Cầm vũ khí ông đánh bại những kẻ thù. Giàu có và sang trọng, ông có cơ hội tốt để bảo vệ cho bà con họ hàng tốt bụng của mình. Không như thế thì ông hãy vào chuyện buôn bán, ông cũng có cái thích thú được làm ông chủ của chính mình. Tệ nhất thì làm muốn cho ai đó, với thực phẩm và y phục tốt ông sẽ khỏe mạnh trong thể xác và tâm hồn. Trước thì ông chưa biết điều này, nhưng bây giờ thì hãy làm đi thì vừa.”

Một thợ săn lớn tuổi nói, “Thật ra, ông ta có vẻ là một người ẩn tu tốt đẹp. Nếu nghe theo lời khuyên sặc mùi thể tục của chúng ta thì nguy hiểm đấy. Thế nên hãy giữ mồm giữ

miệng.” Quay sang thầy, ông nói, “Ồi, ông có giọng rất hay, xin hãy hát cho chúng tôi một bài để chúng tôi được lợi lạc tâm linh.”

Thầy trả lời, “Trong con mắt của các ông, tôi có vẻ khổ khổ cùng cực. Các ông không biết trên đời này có ai hạnh phúc và thực tế hơn tôi đâu. Bởi vì tôi sống trong hạnh phúc tối thượng, hãy lắng nghe Bài Ca Ngựa Phóng Nước Đại của Thiên Giả này để các ông hình dung :

“Con lể lạy dưới chân Marpa Bi Mãn.
 Trong chốn ẩn cư núi non là thân thể tôi,
 Trong ngôi chùa của lồng ngực tôi,
 Trên chót đỉnh tam giác trái tim tôi,
 Con ngựa tâm thức tôi phóng bay như gió.

Nếu tôi bắt nó, thì với thòng lọng nào tôi bắt được ?
 Nếu tôi cột nó, cây trụ nào tôi cột được ?
 Nếu nó đói, cỏ khô nào tôi cho nó ăn ?
 Nếu nó khát, thứ gì tôi sẽ trộn với nước ?⁽⁵⁾
 Nếu nó lạnh, trong những bức tường nào tôi sẽ cho nó trú ?

Nếu bắt nó, tôi sẽ bắt nó với thòng lọng của cái không do duyên.

Nếu cột nó, đấy sẽ là cây trụ của thiên định sâu thẳm.

Nếu nó đói, tôi sẽ nuôi nó bằng lời dạy của lama.

Nếu nó khát, tôi sẽ cho nó uống ở dòng thường hằng chánh niệm.

Nếu nó lạnh, tôi sẽ cho nó trú trong những bức tường của tánh Không.

Thắng hàm, yên, tôi sẽ dùng phương tiện thiện xảo và trí huệ.

Tôi trang bị nó với dây ràng bất động.
Tôi sẽ cầm dây cương năng lực khí trong thân.

Đứa con của tỉnh giác sẽ cưỡi con ngựa đó.
Nó sẽ mang Bồ đề tâm làm nón sắt che đầu.
Áo giáp là nghe, tư duy và thiền định.
Lại mang khiên nhẫn nhục trên lưng.
Cầm cây thương cái thấy rất ráo.
Và bên hông gươm trí huệ sẵn đeo.

Mũi tên nhọn của thức của cội nguồn nền tảng,
Được chuốt thẳng bằng không hận không sân.
Lại gắn thêm lông vũ của bốn tâm vô lượng.
Nó bịt đầu mũi tên với đầu nhọn nội quán.
Nó tra vào khấc của phương tiện thiện xảo đại bi
Của cây cung của tánh Không toàn khắp.

Ngắm nhìn sự vô biên của bất nhị,
Nó bắn những mũi tên suốt khắp thế gian.
Những ai bị bắn trúng là những người thành tín.
Cái nó giết chính là sự chấp ngã của họ.

Và như thế, nó sẽ hàng phục tham ái và si mê như
những kẻ thù.
Nó sẽ bảo bọc chúng sanh sáu nẻo như những bạn hữu.
Nếu phóng nước đại, nó sẽ phóng trên những đồng bằng
của Đại Lạc.
Nếu kiên trì, nó sẽ đi vào hàng ngũ chư Phật Chiến Thắng.
Xoay lui, nó cắt tiệt gốc rễ sanh tử luân hồi.

Xoay tới, nó đạt đến cao nguyên của Phật tánh.
Cỡi một con ngựa như thế, người ta đạt được sự Sáng Tổ
cao nhất.

Các ông có thể so sánh hạnh phúc các ông với cái ấy ?
Trong đây tôi không muốn chút nào hạnh phúc đời thường.”

Thầy nói như thế và những người thợ săn biểu lộ sự tôn
kính rồi ra đi.

Khi thầy đến Dingri bằng con đường Chuwar qua Peykhu,
thầy ngồi xuống bên vệ đường và trông xem điều đang xảy ra.
Vài thiếu nữ đẹp trang sức ngọc ngà đi ngang qua trên đường
đến Nokme. Thấy thân thể ốm o của thầy, một người trong bọn
họ nói, “Hãy nhìn kia ! Đáng thương chưa ! Mong rằng tôi sẽ
không bao giờ tái sinh làm một tạo vật khốn khổ như vậy.”

Một cô khác nói, “Tôi nghiệp thay ! Một cảnh tượng làm tôi
nảo lòng.”

Thầy trầm nghĩ, “Ta bi mẫn cho những người vô minh
này.” Và cảm thấy thương xót, thầy đứng dậy nói với họ, “Này
các con gái, chớ nói như vậy. Các cô không có lý do gì để khổ
sở như vậy cả. Các cô không thể sinh ra như tôi đâu, dù các
cô có muốn. Đáng tán thán khi các cô có lòng bi, nhưng lòng
bi của các cô đến từ kiêu ngạo và từ một cái hiểu sai lầm. Hãy
nghe bài ca của tôi.” Rồi thầy hát cho họ :

“Con cầu nguyện Marpa Bi Mẫn,
Xin ban cho con sự ban phước của Ngài.

Chúng sanh bị vây bọc trong nghiệp xấu của họ

Không biểu lộ sự kính trọng cho những người khác, mà chỉ cho chính mình.

Này những cô gái kém phước, các cô chỉ có niềm tin vào cuộc đời thường.

Sự tự quý trọng và thấy biết sai lầm nơi các cô như lửa cháy.

Tôi xót thương cho những chúng sanh chưa đủ trưởng thành.

Trong những ngày đen tối này của thời mạt pháp⁽⁶⁾

Người mê lầm được trọng vọng như trời, thần.

Sự giả dối được đánh giá cao hơn vàng

Và niềm tin bị chối bỏ như đá trên đường lộ.

Tôi xót thương cho những chúng sanh lầm lộn.

Những thiếu nữ kiêu ngạo các cô, này các em gái và tôi,

Hành giả Milarepa xứ Gungthang,

Chúng ta đều thương xót cho nhau.

Hãy so sánh mũi lao lòng bi của chúng ta với nhau

Để thấy đâu là lòng bi giải thoát và đâu là lòng bi trói

buộc.

Với những người vô minh buông mình trong bàn tán vu vơ

Milarepa trả lời bằng thuyết pháp.

Nó đổi rượu ngon để lấy nước lã,

Nó cho cái tốt để lấy cái xấu.”

Thầy nói như thế. Cô gái trẻ đã xúc động vì thương xót thầy trả lời, “Đây chính là Milarepa. Chúng ta đã đầy tự phụ. Chúng ta đã nói nhiều điều ngu ngốc. Bây giờ chúng ta hãy xin sự tha thứ.”

Thầy cho cô gái ấy lời khuyên đặc biệt. Rồi cô cúng dường thầy bảy đồng tiền và tất cả các thiếu nữ lạy thầy và xin thứ lỗi. Để trả lời cho sự thỉnh cầu chỉ dạy của họ, thầy hát bài ca này :

“Con cầu nguyện Lama Bi Mãn,
Con xin ban Pháp thiêng liêng bằng một bài ca ngắn.

Ở trên, trong cung trời của chư Thiên
Giáo Pháp quy ước được yêu chuộng ; Giáo Pháp chân thực
không được biết đến,

Ở dưới, trong cung điện của loài Rồng
Tinh thể gian được ưa chuộng ; giáo lý sâu xa không được
biết đến.

Ở giữa, trên mặt đất của con người,
Những vị thầy giả mạo được yêu chuộng ; những vị thầy
đích thực không được biết đến.

Trong bốn vùng của xứ Ủ và Tsang
Giáo lý được yêu chuộng ; thiền định không được biết đến.

Trong con mắt của những thiếu nữ đẹp này
Đàn ông bánh bao được yêu chuộng ; người ẩn tu không
được biết đến.

Trong đôi tai của những cô gái trẻ trung này
Bài ca ngắn này nghe thích thú ; Pháp sâu xa nghe ra
khó chịu.

Đây là những chỉ dạy của ta trong bài ca.

Đây là sự đền đáp cho sự cúng dường bảy đồng tiền.
Đây là sự hoan hỷ tha thứ cho các người.”

Nghe thầy hát xong, những cô gái phát khởi tín tâm và lên đường. Thầy cũng đi đến Drin. Thầy đã nghe nói đến những đồng Chuwar và Kyipühk, và thầy ở lại động Lâu Đài Mặt Trời, ở Kyipühk để thiền định.

Vài tháng trôi qua và thiền định của thầy sâu mầu hơn. Vài người đến một hai lần đem cho thầy đồ ăn uống. Thầy thấy điều này là một phóng dật và thầy nghĩ, “Bây giờ kinh nghiệm nội tâm của ta tăng trưởng, nếu ta hấp dẫn quá nhiều người, nó sẽ tạo ra chướng ngại cho đời sống thiền định của ta. Ta phải đi đến một nơi hoang vu cô quạnh. Theo lời chỉ dạy của Lama, ta phải đi Lachi.”

Khi thầy suy nghĩ như vậy, thì Peta đến Núi Răng Ngựa Trắng đem theo vải mà cô đã dệt từ len và lông dê mà cô đã gom góp. Không thấy thầy ở đó, cô đi tìm thầy, hỏi bất kỳ ai.

Cô nghe nói ở Gungthang Thượng rằng có một ẩn sĩ giống như một con sâu tằm ma đã bỏ Peykhu đến Nam Latö. Peta liền định đến vùng này. Ở Dingri cô gặp Lama Bari Lotsawa ăn mặc áo lụa giàu sang, ngồi trên một cái ngai cao, che dưới trướng. Khi những nhà sư của vị này thổi kèn lên, một đám đông khổng lồ bao quanh ông và cúng dường tràn ngập trà và bia.

Peta thâm nghĩ, “Đây là cách người ta cư xử với lama của họ. Đạo của anh mình là đạo khốn khổ mà người khác chỉ có thể coi thường. Ngay cả họ hàng của anh cũng hổ thẹn cho

anh. Nếu mình gặp anh, mình phải yêu cầu và thuyết phục anh phục vụ cho lama này.”

Nghĩ thế, cô hỏi vài người về chỗ ở của thầy. Cô biết thầy ở Drin và quyết định đến đó. Đến Kyipühk, nơi thầy đang ở, cô nói với thầy :

“Đạo của anh không cung cấp cho anh cái gì cả để ăn mặc. Việc ấy đáng xấu hổ và em không ủng hộ nữa. Anh hãy làm một cái áo dài từ tấm vải này em đã dệt. Những nhà sư khác có một lama tên là Bari Lotsawa. Họ dựng cho ngài một cái ngai để ngài ngồi dưới trướng. Họ ăn mặc cho ngài lụa tốt và cúng dường trà và bia. Rồi những nhà sư đệ tử của ngài đưa kèn lên thổi để tập hợp một đám đông họ cúng dường nhiều không thể tưởng. Ngài ích lợi cho cả những người tin theo lẫn bà con họ hàng và làm thỏa mãn những ước muốn của họ. Đạo như lối này là tuyệt hảo. Anh hãy cố gắng xem thử vị lama ấy có nhận anh vào hầu hạ hay không. Dù anh có là nhà sư thấp nhất của ngài thì anh cũng sung sướng từ nay trở đi. Nếu khác, thì cái đạo này và điều kiện nghèo khó của em sẽ không duy trì nổi đời sống của anh được.”

Khi nói, cô khóc nức nở. Thầy trả lời, “Chớ nói như vậy. Sự trần truồng và cách sống không theo quy ước của anh làm em bối rối. Nhưng anh bằng lòng với thân thể này của anh nó cho phép anh gặp đạo. Thế nên anh không có gì để xấu hổ cả. Anh sinh ra vốn trần truồng, anh có gì để phải xấu hổ đâu.

“Những người biết mà vẫn không kềm hãm để phạm vào tội lỗi mới làm đau lòng cha mẹ họ. Những người sống bằng sự giàu có của lama và đồ cúng dường cho chùa, và những người làm thương tổn chúng sanh bằng những phương tiện xảo quyết

để hoàn thành những mục tiêu riêng của họ – tất cả những người ấy chỉ làm thương tổn chính họ và những người khác và làm mất lòng chư thiên và những thánh nhân. Họ là nguyên nhân của xấu hổ trong đời này lẫn đời sau. Nếu em xấu hổ vì sự trần truồng của anh thì em cũng nên xấu hổ hơn nữa vì bộ ngực lớn của em, em đâu có nó khi mẹ mới sanh em ra. Em nghĩ rằng anh thiên định không có thức ăn hay áo quần vì không có đồ bố thí ư ? Không phải thế đâu. Trong thâm tâm, anh sợ những khổ đau của sanh tử và những cõi thấp như một người sợ bị ném vào đồng lửa khổng lồ. Khi anh thấy người ta buông lung trong lạc thú và trong Tám Phản Ứng Thế Gian, anh ghê tởm, như một người phải nuốt vào những gì mà nó đã nôn ra. Anh kinh hãi với chúng như khi nhìn những bàn tay vấy máu đã giết cha mình. Đây là lý do sự buông bỏ của anh.

“Theo những giáo huấn sau đây của Lama Marpa xứ Vách Đá Phía Nam, anh được khuyên nên từ bỏ sự dung túng cho Tám Phản Ứng Thế Gian : “Con phải từ bỏ thức ăn, y phục và danh tiếng. Con phải rút vào một nơi cô tịch và rồi ở một nơi cô tịch khác. Và con phải, trên tất cả mọi thứ khác, thiên định với sự hiến mình và quyết tâm nồng nhiệt, buông bỏ mọi mục tiêu của cuộc đời này.” Đó là những giáo huấn mà anh thi hành. Và làm như thế anh không chỉ bảo đảm cho hạnh phúc của những người theo anh mà con đặt tất cả chúng sanh vào hạnh phúc vĩnh cửu. Giờ chết thì không biết chắc, anh đã từ bỏ những công việc của cuộc đời này và con đường theo đuổi Tám Phản Ứng Thế Gian. Nếu anh thử làm, anh không chỉ được vào hàng thấp nhất của Lama Bari Lotsawa mà còn có thể thậm chí trở thành như ông. Nhưng anh chỉ có một ước muốn đạt Giác Ngộ trong đời này, anh nhiệt thành tự hồi

hướng mình theo thiên định. Peta, em cũng nên từ bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian và theo anh đến những vùng tuyết của Lachi để thiên định. Mặt trời An Lạc sẽ soi chiếu trên em trong đời này và đời tới nếu em có thể từ bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian để thiên định. Hãy nghe bài kệ của người anh này :

“Lama, bậc Che Chở của chúng sanh và Hiện Thân của
Chư Phật Ba Đời,
Không nhiễm ô tỳ vết bởi Tám Phản Ứng Thế Gian,
Ngài ban phước cho hàng đệ tử,
Marpa Dịch Giả, con xin đánh lễ dưới chân ngài.

Hãy nghe anh, em Peta, thiếu nữ trẻ trung,
Bị thiêu đốt bởi những tham muốn của cuộc đời thế tục.

Một, lọng với đỉnh nhọn óng ánh vàng ;
Hai, diềm tua bằng lụa Trung Hoa ;
Ba, thân thể trang hoàng đẹp đẽ như một con công ;
Bốn, tay dựa bằng gỗ trầm màu đỏ ;
Bốn thứ ấy nếu người anh của em muốn, nó đều có cả.
Nhưng những vật ấy có từ Tám Phản Ứng Thế Gian
Và anh của em đã bỏ chúng bởi vì mặt trời An Lạc đã
mọc lên với nó.

Hãy buông bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian, hỡi em Peta.
Buông bỏ chúng và theo anh đến vùng tuyết Lachi.
Chúng ta hãy cùng nhau đến Lachi tuyết vắng.

Một, những nghi lễ và nghi thức, bói toán và chiêm tinh ;
Hai, vị thầy trưởng, tu sĩ cao cấp khéo léo giả hình ;

Ba, những người tổ chức những tiệc cúng lễ vì dục lạc
giác quan ;

Bốn, tán ca ngọc ngà đánh lừa phụ nữ ;

Bốn thứ ấy nếu người anh của em muốn, nó đều có cả.

Nhưng những vật ấy có từ Tám Phản Ứng Thế Gian.

Và anh của em đã bỏ chúng vì mặt trời An Lạc đã mọc
lên với nó.

Hãy buông bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian, hỡi em Peta.

Buông bỏ chúng và theo anh đến vùng tuyết Lachi.

Chúng ta hãy cùng nhau đến Lachi tuyết vắng.

Một, lâu đài tráng lệ với tháp cao vút ;

Hai, sự canh tác thêm nhiều đất đai màu mỡ ;

Ba, lương thực và kho tàng do tham lận tích chứa ;

Bốn, đám đông người hầu hạ làm dẫn sâu vào sanh tử ;

Bốn thứ ấy nếu người anh của em muốn, nó đều có cả.

Nhưng những vật ấy có từ Tám Phản Ứng Thế Gian.

Và anh của em đã bỏ chúng vì mặt trời An Lạc đã mọc
lên với nó.

Hãy buông bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian, hỡi em Peta.

Buông bỏ chúng và theo anh đến vùng tuyết Lachi.

Chúng ta hãy cùng nhau đến Lachi tuyết vắng.

Một, cái cổ mạnh mẽ của một con ngựa oai phong ;

Hai, bộ yên cương trang hoàng nạm ngọc ;

Ba, người chiến sĩ sáng chói trong áo giáp ;

Bốn, sự ham mê đánh bại kẻ thù và bảo vệ người thân ;

Bốn thứ ấy nếu người anh của em muốn, nó đều có cả.

Nhưng những vật ấy có từ Tám Phản Ứng Thế Gian,

Và anh của em đã bỏ chúng vì mặt trời An Lạc đã mọc
lên với nó.

Hãy buông bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian, hỡi em Peta.
Buông bỏ chúng và theo anh đến vùng tuyết Lachi.
Chúng ta hãy cùng nhau đến Lachi tuyết vắng.

Không buông bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian,
Không đi đến vùng Lachi tuyết trắng,
Tình thương mến của em chỉ làm anh xao lãng.
Cuộc nói chuyện thế gian quấy nhiễu thực hành của anh.
Từ lúc sinh ra, người ta không biết khi nào mình chết.
Anh không có thì giờ để trì hoãn sự thực hành.
Anh sẽ nỗ lực thiền định không chút gì xao lãng.
Những giáo huấn của vị Cha Lama làm lợi lạc tâm mình.
Do thiền định theo những giáo huấn này,
Anh sẽ thành tựu cái thanh tịnh bao la của giải thoát.
Đó là tại sao anh đi đến vùng tuyết Lachi.

Này em, hãy chọn lựa nếu em muốn Tám Phản Ứng
Thế Gian,
Hãy tích tập tội lỗi tinh vi và lớn rộng.
Hãy tự cột mình vào toàn bộ vòng sanh tử vĩnh hằng,
Và thậm chí cố gắng để đạt đến ba cõi thấp.
Nhưng nếu em kính sợ vòng tròn khốc liệt của sanh và tử,
Hãy bỏ đi Tám Phản Ứng Thế Gian.
Chúng ta hãy đến vùng Lachi tuyết vắng.
Anh và em, chúng ta hãy cùng đi đến vùng tuyết trắng
Lachi.”

Thầy hát như thế, và Peta trả lời, “Cái mà anh của em gọi là Tám Phản Ứng Thế Gian, thì người ta gọi là hạnh phúc đời thường. Nhưng chúng ta có hạnh phúc nào đâu mà bỏ chú. Những lời nói có vẻ cao cả của anh là một lý do để che đậy sự nhận ra rằng anh không bao giờ được như Lama Bari Lotsawa. Em sẽ không đi Lachi để mua lấy khố cùng và tự làm cho mình cạn kiệt về ăn mặc. Thậm chí em cũng không biết Lachi ở đâu. Thay vì chạy lang thang và ẩn mình trong núi như một con nai bị chó săn rượt đuổi, anh hãy ở một nơi chốn cố định, và sự thực hành của anh sẽ tăng cường và cũng dễ cho em tìm gặp anh. Người trong vùng này có vẻ tôn kính anh. Thế nên, hãy ở lại vài ngày, dù anh không sống luôn ở đây. Hãy làm một cái áo dài từ vải này. Em sẽ sớm trở lại.”

Thầy hứa sẽ ở lại vài ngày. Khi em thấy đi Dingri, thầy làm một cái mũ trùm đầu và may miếng che các ngón tay và chân. Rồi thầy may một cái khố để che bộ phận sinh dục.

Sau vài ngày, em thầy trở lại và hỏi, “Anh đã may xong áo chưa ?”

“Xong rồi.”

Thầy mặc vào và cho cô xem những miếng che thân của thầy.

Cô kêu lên, “Trời ơi, trông anh kìa ! Anh không còn cái gì là con người ở nơi anh cả ! Anh không chỉ không biết xấu hổ, mà còn phá hỏng tấm vải mà em đã đan với bao nhiêu công sức. Có phải vì anh không có thời giờ để làm chuyện gì khác ngoài việc thiền định, hay vì anh có quá nhiều thì giờ rỗi rảnh ?”

Thầy trả lời, “Anh là một con người thánh thiện tìm kiếm cái Chân, Thiện, Mỹ thiết yếu nền tảng của đời người quý giá này. Biết sự hổ thẹn thật sự là gì cho nên anh vẫn kiên trì tin tưởng vào những lời nguyện và những điều luật của anh. Em ạ, chỉ có em là hổ thẹn vì sự trần trướng của anh. Nhưng cho dù anh có muốn cắt bỏ bộ phận sinh dục của anh, anh cũng không thể làm. Anh đã mặc một cái tấm che đơn sơ đúng như em yêu cầu, dầu cho vì chuyện ấy mà anh có gián đoạn thiền định. Bởi vì anh đã xem mọi phần thân thể đều có giá trị như nhau, anh đã làm những tấm che này. Tấm vải của em có bị phá hư đâu. Nhưng bây giờ anh thấy em hổ thẹn hơn anh. Nếu em hổ thẹn vì bộ phận của anh, thì em cũng hãy hổ thẹn vì bộ phận của em. Nếu đối với em tốt hơn cả là rũ sạch được cái đối tượng mà em cho là đáng hổ thẹn, thì hãy nên rũ sạch cái đối tượng của chính em trước đã.”

Khi thầy nói những lời này, mặt cô tối lại. Thầy nói tiếp, “Hơn nữa người đời không biết hổ thẹn như thế nào. Họ cảm thấy hổ thẹn vì những sự vật vốn tự nhiên trong khi không chịu hổ thẹn vì buông thả trong những hành vi xấu và thói giả đạo đức, những cái ấy mới thật sự đáng hổ thẹn. Hãy nghe anh của em hát về sự hổ thẹn :

“Kính lễ những lama tôn quý,
Xin ban phước cho kẻ ăn mày này để nó hiểu được sự
hổ thẹn.

Thiếu nữ Peta, bị trói buộc vào sự khiêm tốn giả dối,
Hãy nghe trong giây lát bài ca của anh cô.

Em cảm thấy xấu hổ là vì vô minh

Hổ thẹn với những vật không có gì để hổ thẹn.
Nhưng anh một hành giả ẩn tu
Anh biết hổ thẹn thật sự là như thế nào.
Sống bình thường trong thân, khẩu, ý,
Làm sao cái hổ thẹn biết phân biệt sanh khởi được ?

Biết rằng chúng ta sanh ra làm giống cái giống đực là do
nghiệp,
Thì mỗi người có giống khác nhau là hẳn nhiên.
Quan tâm đích thực về sự khiêm tốn và lịch sự
Không tìm đâu thấy giữa con người thế tục.
Đáng hổ thẹn là cô dâu, được mua bằng vàng bạc,
Cũng đáng hổ thẹn là đứa con nàng ẵm trên tay.

Tham lam, giận ghét và những hành vi xấu,
Cướp bóc, lừa gạt và dối trá, phản bội bạn bè,
Mọi thứ ấy là những kết quả của tri giác méo mó
Thực sự đáng hổ thẹn, nhưng ít ai tránh khỏi.

Mọi ẩn sĩ vĩ đại đã từ bỏ cuộc đời này
Dâng hiến toàn bộ đời mình cho Pháp.
Qua sự thực hành bí mật của Kim Cương thừa thậm thâm,
Nó là tinh túy của mọi thực hành căn cốt,
Thật không có lý do nào để cảm thấy hổ thẹn giả dối.
Bởi thế, Peta, chớ có tạo ra sự khốn khổ cho riêng em.
Hãy đem tâm em trở lại tánh thanh tịnh tự nhiên của nó.”

Thầy hát như thế. Peta với vẻ mặt râu rĩ, cúng dường
thầy bánh bột và thịt mà cô đã ăn xin được. Rồi cô nói, “Bất kể

nói gì, anh cũng không nghe. Nhưng em bỏ qua cho anh. Hãy ăn những thức này và em sẽ cố gắng có thêm.”

Cô sửa soạn rời đi. Thầy tự hỏi làm sao thầy có thể đem cô đến với Pháp. Thầy nói với cô, “Cho dù em không làm công việc tu hành thì em cứ sống ở đây mà không mắc tội nào cả cho đến chừng nào còn lương thực.” Trong thời gian cô ở lại với thầy, thầy hết sức giải nghĩa cho cô về luật nhân quả.

Em thầy có được một hiểu biết xác thực về Pháp và sự tham muốn những sự vật thế gian bắt đầu giảm sút.

Trong thời gian ấy, chú của thầy chết, và sau đó thím bắt đầu cảm thấy hối hận thực lòng. Tìm kiếm thầy khắp nơi, bà đến Drin, dẫn theo một con trâu chất đầy lương thực. Bà để con trâu ở dưới và mang theo nhiều nhất có thể được, bà tìm đường đến hang thầy ở.

Peta đứng trên một đỉnh đồi, nhận ra bà từ xa, cô kêu lên, “Bà thím của chúng ta đã gây cho mẹ và chúng ta đủ mọi loại khổ đau, tốt hơn là đừng gặp bà ấy.”

Rồi Peta rút khúc cây bắc cầu qua chỗ vào hang động của hai anh em thầy. Vào lúc đó thím đến bên bờ bên kia.

“Cháu ôi, đừng rút cây cầu. Thím của cháu đây.”

Peta trả lời, “Đó chính là lý do tại sao tôi rút cầu.”

“Rất đúng, cháu ơi. Nhưng bây giờ một cảm giác hối hận khủng khiếp đang đè lên thím. Hai anh em này, thím đến đây để gặp hai cháu, thế nên chớ rút cầu. Nếu cháu không đặt cầu lại, thì ít ra cũng hãy nói cho anh cháu biết rằng thím ở đây.”

Thầy lúc ấy trèo lên đỉnh một tảng đá và ngồi ở đấy. Thím lạy thầy và van xin được gặp thầy. Thầy nghĩ, “Nếu rút cuộc mình không gặp bà, thì mình đã không hành động hợp với Pháp ; nhưng trước hết mình phải khiển trách bà.”

Thầy nói, “Nói chung, tôi đã từ bỏ mọi ràng buộc với bà con họ hàng, và nhất là với chú thím. Trước hết, thím đã đẩy gia đình chúng tôi vào thảm cảnh. Thậm chí sau khi tôi xuất gia và đi khất thực, thím còn hung bạo tấn công tôi. Đó là lý do tại sao tôi không quan tâm đến thím. Bài ca tôi sắp tán tụng đây sẽ nói cho thím nghe tại sao. Hãy lắng nghe !” Và thầy hát Bài Ca của sự Hổ Thẹn này cho thím thầy :

“Bạc Bi Mẫn, xót thương tất cả chúng sanh,
Marpa Dịch Giả, con xin lễ lạy dưới chân Ngài.
Xin làm nơi nương tựa cho kẻ ăn mày này không có sự
bảo bọc nào khác.

Hỡi thím, thím nhớ chẳng những chuyện thím đã làm ?
Nếu thím quên, tôi sẽ nhắc cho thím với bài ca này.
Trong miền đất bất hạnh Kya Ngatsa,
Chúng tôi, mẹ và hai con, đã mất người cha cao quý.
Rồi tất cả tài sản của chúng tôi bị lấy mất và chúng tôi
được đền trả bằng khốn khổ.
Chúng tôi tan tác như đậu dưới một cây gậy
Do thím và cũng do cả chú.
Từ ngày ấy, tôi đã từ bỏ mọi bám luyến với họ hàng.
Nhưng khi tôi lang thang chân trời góc biển
Mong ngóng mẹ già em dại, tôi trở về làng.
Mẹ tôi đã chết và em tôi lưu lạc.

Dưới sức nặng của đau buồn và tuyệt vọng,
 Tôi hiến mình trọn vẹn tham thiền.

Vì đói khát, tôi bỏ hang đi khát thực
 Và đến đứng trước căn lều của thím.
 Nhận ra ngay ẩn sĩ nghèo nàn,
 Bà vội vàng nổi giận và hung hăng.
 Bà xịt chó chạy ra cắn sủa.
 Dùng một cọc lều làm gậy,
 Bà đánh tôi như người ta đập lúa.
 Tôi ngã mặt vào trong vũng nước.
 Khi tôi sắp mất cuộc đời quý báu,
 Bà gào lên, “Quái vật xấu xa”,
 Và sỉ vả tôi là sự nhục nhã của gia đình.
 Lòng tôi co thắt trước những lời khủng khiếp,
 Bị xé rách toang bởi đau đớn, tổn thương.
 Nghẹn thở và choáng váng, tôi không nói được.
 Với vô số lọc lừa, bà lấy nhà cửa ruộng vườn tôi có,
 Dù cho tôi không còn muốn chúng nữa bao giờ.
 Một tâm thức quý ma sống trong thân thể thím tôi.
 Từ ngày đó, tôi đã bỏ đi mọi tình cảm với bà.

Rồi tình cờ tôi đến trước nhà ông chú,
 Với sự xấu xa trong lòng, ông hét vào tôi những lời
 khủng khiếp :
 “Con quỷ hủy diệt đã tới !”
 Và ông gọi lối xóm đến giúp giết tôi,
 Ông nguyện rửa tôi với mọi lời dè tiện.
 Đá liệng tới tấp vào tôi, tên bắn tôi bời trút lên tôi.
 Lòng tôi bị khổ đau không chịu nổi quát đánh.

Vào lúc ấy tôi quá gần cái chết.
Một trái tim đồ tể trong thân thể chú tôi.
Từ ngày đó, tôi đã bỏ đi mọi tình cảm với ông.

Với ẩn sĩ nghèo hèn này, họ hàng còn tàn ác hơn kẻ thù,
Về sau, khi tôi thiền định trong núi sâu,
Zessay thành tín, không thể bỏ mặc tôi,
Đến với tôi từ tình thương xưa cũ.
Với lời nói mền thương, làm dịu tâm hồn,
Nàng an ủi tôi, trái tim thương tật.
Với thức ăn đồ uống bổ dưỡng
Nàng làm dịu cơn đói khát của tôi.
Tôi biết ơn sâu xa đối với nàng.

Cho dù thế, ngoại trừ những người thành tâm với Pháp,
Tôi không có lý do gì để gặp một ai, thậm chí cả Zessay,
Và còn ít lý do hơn để gặp thím.
Thế nên hãy rời khỏi nơi đây khi vẫn còn ngày.”

Thầy nói như thế. Thím thầy khóc lóc và không ngớt lạy, van xin thầy, “Cháu ơi, tất cả điều cháu nói đều đúng. Thím xin cháu tha thứ và thím thành thật sám hối mọi tội lỗi của thím. Sự hối hận của thím là kinh khủng. Thím không bao giờ hoàn toàn mất cảm tình với các cháu, bởi thế thím đến đây tìm các cháu. Xin để cho thím gặp cháu. Nếu cháu không chấp thuận cho ước nguyện của thím, thím sẽ tự tử.”

Thầy không thể từ chối bà. Nhưng khi thầy vừa định đặt câu qua thì Peta nói nhỏ với thầy nhiều lý do thầy không nên gặp thím. Không nghe theo, thầy trả lời, “Người ta thường nói không nên uống cùng một nguồn nước với kẻ phản bội sự tín

nhệm thuộc nhân gian vì tâm thức sẽ bị nhiễm ô. Nhưng thím không phản bội sự tín nhiệm thiêng liêng nào và bởi vì anh là một người sùng mộ Pháp, nên anh sẽ tiếp thím.”

Nói thế, thầy đặt cây gỗ cầu vào chỗ. Thầy tiếp đón thím thầy theo ý muốn của bà. Thầy nói với thím nhiều về luật nhân quả nghiệp báo. Bà chú tâm hoàn toàn vào sự thực hành Pháp. Sau đó, bà trở thành một nữ thiền giả thành tựu giải thoát qua thiền định.

Vào lúc này, Shiwa Ö Repa (Repa Ánh Sáng Bình An) hỏi Đạo sư, “Bạch Đạo sư, khi Thầy nhận giáo huấn, có phải Thầy biểu lộ sự sùng mộ vĩ đại đối với Lama ? Sự kiên trì trong thiền định của Thầy không thể tưởng tượng đến nổi khi so sánh thì sự thực hành của chúng con chỉ như đồ giả mạo. Điều này sẽ không dẫn chúng con đến giải thoát. Chúng con phải làm gì ?” Nói thế xong, ông khóc nức nở.

Đạo sư trả lời : “Nếu xem xét tất cả khổ đau của sanh tử và ba cõi thấp, thì sự tha thiết hiến mình và kiên trì của thầy có vẻ không lớn lắm. Người có suy nghĩ chấp nhận định luật nhân quả có thể có một sự kiên trì như vậy. Nhưng những người không tin vào Pháp thì chỉ có một hiểu biết sơ sài và không thể từ bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian. Thế nên điều quan trọng là tin vào luật nhân quả. Khi người ta liên tục tỏ ra những dấu hiệu không tin, thậm chí vào những phương diện rõ ràng của nhân quả nghiệp báo, thì rất đổi khó khăn để thấu hiểu và tin vào tánh Không của mọi sự, bất kể những giải thích rộng rãi căn cứ trên lời Phật dạy và những nhận định lý trí. Nếu người ta tin vào tánh Không của sự vật người ta nhận biết tính duyên sanh tương thuộc của nhân và quả như là bao hàm trong chính tánh Không.

Hơn nữa, người ta sẽ thành tựu sự sùng mộ hiển mình lớn lao hơn cho sự áp dụng những nguyên lý cao cả. Nền tảng của tất cả thực hành Pháp nằm trong tin tưởng vào luật nhân quả nghiệp báo, và bởi thế rất quan trọng cho các con là hiển mình toàn tâm cho việc loại trừ những hành vi tai hại và thực hành đức hạnh.

“Dù ban đầu thầy không thể hiểu ý nghĩa của tánh Không, nhưng thầy thâm tín nhân quả nghiệp báo. Thế nên sau khi tích tập nhiều tội lỗi, ác nghiệp, thầy nghĩ thầy không thể nào không sa vào những cõi thấp. Sự sợ hãi của thầy lớn lao đến nỗi thầy không thể nào làm khác hơn là tôn kính lama của thầy và hiển mình cho thiền định.

“Các con cũng phải sống một mình trong núi vắng và thực hành giáo pháp bí truyền theo những giáo huấn của thầy. Và thầy, một ông lão đã già, thầy bảo đảm rằng con sẽ hoàn thành giải thoát.”

Bấy giờ Bodhi Raja xứ Ngandzong thưa hỏi :

“Lama Rinpoche, với con có vẻ rằng Thầy là hiện thân của Phật Vajradhara dẫn thân vào mọi hoạt động cho lợi lạc của chúng sanh hay Thầy là một Đại Bồ tát đã đạt đến trạng thái “Không thối chuyển” và đã tích tập vô biên công đức trong nhiều kiếp. Trong Thầy, con thấy mọi tính cách của một thiền giả chân thực hy sinh đời mình cho sự thực hành Pháp. Những con người chúng con thậm chí không thể hình dung ra được tầm mức sự khổ hạnh và sự sùng mộ với lama của Thầy, nói gì đến việc chúng con thực hành được. Nếu chúng con dám thực hành theo cách ấy, thân thể chúng con cũng không thể chịu đựng nổi những thử thách như vậy. Đó là tại sao chắc

chấn Thầy là một vị Phật hay một Bồ tát từ xa xưa. Và như thế, đầu con bắt lức với đạo, con tin rằng những chúng sanh chúng con sẽ được đưa đến giải thoát khỏi sanh tử nhờ thấy tôn nhan và nghe được pháp âm của Thầy. Bạch Đạo sư tôn kính, con xin Thầy nói cho chúng con Thầy có phải là Hóa thân của một vị Phật, một vị Bồ tát hay không.”

Đạo sư trả lời, “Thầy cũng chưa từng nghe thầy là hóa thân của ai. Có thể thầy là hóa thân của một chúng sanh từ ba cõi thấp, nhưng nếu các con thấy thầy như Phật, các con sẽ nhận được sự ban phước của Ngài nhờ lòng tin của các con. Dù niềm tin thầy là một hóa thân phát sanh từ sự sùng mộ của các con đối với thầy, thì thực ra không có chướng ngại nào lớn lao hơn như vậy cho sự thực hành của các con. Đó là một méo mó của Pháp chân thật. Lỗi lầm nằm trong chỗ không nhận biết bản tánh chân thật của sự thành tựu của những thiền giả vĩ đại. Pháp thì hiệu quả đến nỗi ngay một người đại tội lỗi như thầy cũng đã đạt đến một mức độ không xa với Giác Ngộ nhờ vào lòng tin của thầy vào nhân quả nghiệp báo, vào sự buông bỏ có từ đó mọi mục tiêu của đời sống thế gian, và đặc biệt vào sự hiến mình nhất tâm trong thiền định.

“Đặc biệt hơn nữa, nếu các con nhận được sự truyền pháp và giáo huấn bí mật nó đưa vào cái thức tỉnh tự nhiên không bị vọng tưởng ý niệm che mờ, và nếu rồi các con thiền định dưới sự hướng dẫn của một lama giác ngộ, các con chắc chắn sẽ đạt được Giác Ngộ.

“Nếu các con phạm mười điều ác và năm trọng tội ngũ nghịch, thì không nghi ngờ gì các con sẽ tái sanh vào những

THIỀN NÒNH

hành hạ của những cõi thấp nhất. Đấy bởi vì không có niềm tin vào nhân quả nghiệp báo và ít sùng mộ Pháp.

“Bất kỳ ai toàn tâm tin vào nhân quả nghiệp báo và sợ hãi sự khổ đau của những cõi thấp, thì một thiết tha mong mỏi Giác Ngộ sẽ khởi lên trong nó. Điều này sẽ khiến nó sùng mộ hiến mình cho lama, cho thiền định, và cho sự duy trì một quán chiếu sâu xa. Bất kỳ người bình thường nào cũng có thể kiên trì dũng mãnh như thầy đã làm. Nếu mà xem một người kiên trì như vậy như là một tái sanh của một vị Phật hay một Bồ tát nghĩa là không tin vào con đường đốn chúng. Hãy đặt niềm tin của các con vào luật nhân quả. Hãy tham thiền về những cuộc đời của những bậc thầy giác ngộ ; hãy suy nghĩ về nghiệp, sự thống khổ của vòng sanh tử triền miên không dứt, giá trị đích thực của đời người, cái chết không thể tránh khỏi và không biết lúc nào. Hãy hiến mình cho sự thực hành Kim Cương thừa.

“Thầy đã bị tước đoạt của mình thực phẩm, y phục và sự được người biết đến. Thầy đã làm mạnh mẽ tâm thức mình. Và không kể gì đến những gian khổ của thân thể, thầy đi thiền định trong núi non hoang vắng. Rồi công đức của trạng thái Chân Tâm Tự Nhiên tự nó hiển lộ. Hãy theo gương của thầy với toàn bộ lòng mình.”

Đạo sư nói như thế. Đây là chương thứ bảy, trong đó ngài nói ngài đã tuân thủ những giáo huấn của lama ngài như thế nào, ngài đã từ bỏ cuộc đời này, thực hành những khổ hạnh kinh khủng và rút về thiền định trong núi non như thế nào.



CHƯƠNG TÁM

NHỮNG CHỖ ẨN TU

Bấy giờ Retchung hỏi, “Bạch Đạo sư, không có cái gì kỳ diệu hơn tình túy cuộc đời Thầy, nó thật là một chất liệu cho hoan hỷ và an vui. Nhưng hình thức bên ngoài của nó lại gây ra đau thương và nước mắt. Xin Thầy nói cho chúng con về những mặt của cuộc đời Thầy đem lại nụ cười hoan hỷ.”

Đạo sư trả lời, “Hình thức của đời thầy gây ra nụ cười hoan hỷ là nỗ lực kiên trì của thầy trong thiền định đưa đến sự phụng sự của thầy cho Pháp bằng cách hướng dẫn những chúng sanh người và chẳng-phải-người đến giải thoát.”

Retchung hỏi, “Bạch Đạo sư, ai là những đệ tử người và chẳng-phải-người đầu tiên ấy ?”

Đạo sư trả lời, “Trước hết, là những chúng sanh chẳng-phải-người đến quấy phá thầy và sau họ là những đệ tử người đầu tiên. Rồi thì thiên nữ Tseringma⁽¹⁾ đến gặp thầy trong hình thức con người. Cuối cùng những đệ tử người khác xuất hiện. Bây giờ thầy thấy trước rằng thiên nữ Tseringma và đệ tử Upa Tonpa (Gampopa) từ vùng Ủ sẽ truyền rộng giáo pháp của thầy.” Đạo sư nói như vậy.

Repa xứ Seban bấy giờ thưa hỏi, “Bạch Đạo sư, những chỗ ẩn tu chính yếu là Lachi và Chuwar. Ngoài những hang

núi Thầy đã nói ở trước, Thầy còn thiên định ở những chỗ nào khác ?”

Milarepa trả lời, “Núi Yolmo Gangra ở Nepal ; sáu ngoại động nổi tiếng ; sáu nội động vô danh, sáu động bí mật, và hai cái khác, tất cả là hai mươi hang động. Ngoài ra có bốn động lớn nổi danh và bốn động lớn vô danh. Đó là tất cả chỗ thiên định của thầy, trừ một số nhỏ hơn nhưng điều kiện thì tiện lợi. Một kết quả của thiên định là thầy đã hoàn thành sự thức tỉnh toàn triệt, trong đó đối tượng để thiên định, hành động thiên định và chủ thể người thiên định tan hòa thành một, đến độ bây giờ thầy không biết làm sao thiên định nữa.”

Bấy giờ Retchung nói, “Bạch Đạo sư, bởi vì Thầy đã hoàn toàn xóa sạch những nhiễm ô của phân biệt, những đệ tử tầm thường này của Thầy biết ơn Thầy sâu xa vì niềm vui do đã thành tựu cái hiểu chân thật và kinh nghiệm đích thực. Vì lợi lạc tâm linh của những đệ tử đời tương lai, xin Thầy kể cho từng hang động thuộc loại nổi danh, ít nổi danh, và vô danh cũng như những động lớn.”

Đạo sư trả lời :

“Sáu ngoại động nổi danh là : động loại trung Dakar Taso Umadzong (Núi Răng Ngựa Trắng), Minkyud Dibma (Bóng Thất Tinh), Lingpa Dakmor Dzong (Núi Đỏ), Ragma Jangchub Dzong (Động Ragma của Giác Ngộ), Kyangphen Namkha Dzong (Cờ của Bầu Trời), Dagkya Dorje Dzong (Kim Cương Núi Xám).

“Sáu nội động vô danh là : Chonglung Kyung (Kên Kên xứ Chonglung), Kyipuh Nyima Dzong (Lâu Đài Trên của Niềm Vui), Khujuk Enpa Dzong (Chim Cu Cô Đơn), Shelpunhk

Chushing Dzong (Cây Tre Pha Lê), Betse Doyon (Lạc Thú Giác Quan xứ Betse), Tsikpa Kangthil Dzong (Nền Tường).

“Sáu động bí mật là : Gyadak Namkha Dzong (Núi và Trời), Takpuhk Senge Dzong (Sư Tử và Cọp), Beypuhk Mama Dzong (Động Bí Mật của Thiên Nữ), Lapuhk Pema Dzong (Hoa Sen của Động), Lango Ludu Dzong (Cửa Voi của chư Long), Trogyel Dorje Dzong (Vua Kim Cương Hung Nộ).

“Hai động khác là : Kyipühk Nyima Dzong (Lâu Đài Mặt Trời của Niềm Vui), và Potho Namkha Dzong (Bầu Trời của những Chót Đỉnh).

“Bốn động lớn nổi danh là : Nyanang Dopa Puhk (Động Nyanang như cái Bao Tử), Lachi Dudal Puhk (Người Chinh Phục Ma xứ Lachi), Dringi Diche Puhk (Lưỡi Dri vùng Drin). Tisi Dzutrul Puhk (Động Phép Lạ của Núi Kailas). Bốn động vô danh là : Tsai Kangtsuk Puhk (Động Gốc Rễ Kiên Cố), Rongi Osey Puhk (Tịnh Quang của Ron), Ralai Zaok Puhk (Động Lạ của Núi Dê), Kuthangi Puhkron Puhk (Động Bồ Câu xứ Kuthang).

“Nếu các con thiền định trong những hang động này các con sẽ có được hoàn cảnh hoang vắng và thuận lợi. Hãy đến đây và thiền định, các con sẽ có những ban phước của dòng phái.”

Khi Đạo sư nói vậy, mọi đệ tử và tín đồ cảm thấy một ghê sợ đối với sanh tử và một sự khẩn thiết cần giải thoát, và xúc động sâu xa bởi niềm tin và lòng bi không bờ bến.

Vì một sự chán ghét sâu xa đối với những phù phiếm của Tám Phản Ứng Thế Gian, họ hồi hướng toàn thể thân, ngữ,

tâm mình cho Phật pháp và sự lợi lạc của chúng sanh. Họ thệ nguyện dùng những chuyến đi đây đó và thiền định trong núi hoang vu với quyết tâm, kiên trì và khổ hạnh mãnh liệt. Những vị thần hộ pháp hứa bảo vệ giáo pháp.

Những người thiện căn nhất trong hàng tại gia từ bỏ cuộc đời thế gian, và nhiều người nam nữ theo Đạo sư thiền định và tính ngộ bản tánh chân thật của thực tại. Những tín đồ kém hơn thì nguyện thiền định vài tháng hay vài năm. Ngay cả những người mới tu cũng phát nguyện từ bỏ ít nhất một tật xấu và thực hành ít nhất một đức hạnh trong quãng đời còn lại của họ. Mọi người đều hoàn thành những lời nguyện của mình.

Tôi đã ghi chép lại đúng những lời Đạo sư đã nói, tỏ bày Ngài đã làm lợi lạc lớn lao cho tất cả những người theo con đường thiền định như thế nào.

Bây giờ tôi sắp mở rộng ra một ít về cuộc đời của Đạo sư.

Có ba nhóm lớn những tín đồ : những chúng sanh chẳng phải người hung ác mà Đạo sư đã hàng phục ; những đệ tử hành giả mà Đạo sư đã dẫn dắt đến giải thoát và những tín đồ tại gia ở mọi cấp độ từ những vùng khác nhau mà vì họ Đạo sư đã chuyển Bánh Xe Pháp.

Thứ nhất, về sự thu phục những chúng sanh chẳng phải người : Đạo sư đã ban cho Quỷ Vương Binakaya ở Núi Đỏ miền Chonglung giáo pháp Sáu Cách Thức Giác Lama Của Mình.⁽²⁾ Theo những chỉ dạy của Lama Marpa, Đạo sư đã đi Lachi để thiền định. Khi đại Thần Ganesha (Vua của những Lực Lượng Ngăn Ngại) chấp nhận những điều luật, Đạo sư hát về Lachi Chuzang. Năm sau, khi Ngài đi đến Neti ở Lachi, Ngài hát Bài Ca Tuyết nổi tiếng. Thuận theo những chỉ dạy của Lama, và

muốn đến núi Peybar ở Mangyul và đến Yolmo Gangra ở Nepal, Ngài đi qua Gungthang. Thấy Động Lingpa hấp dẫn, Ngài ở lại đó một thời gian và hát một bài ca cho Nữ Quý của Động Lingpa. Ở Ragma, Động của Giác Ngộ, sát núi Peybar, Ngài hát bài ca làm bình lạng Nữ Thần Trái Đất và một thần linh địa phương ở tại Động Ragma.

Khi sống ở Kyangphen Namkha Dzong (Cờ của Bầu Trời), Đạo sư đã làm việc cho lợi lạc của nhiều chúng sanh người và chẳng-phải-người. Từ đây, Ngài đi đến Núi Yolmo Gangra và sống trong Động Takpuhk Senge Dzong (Động của Sư Tử và Cọp) trong rừng của Singala, làm lợi lạc cho nhiều chúng sanh người và chẳng-phải-người. Thời gian đó Ngài nhận được một dấu hiệu bảo Ngài trở lại Tây Tạng, để thiền định trong núi vắng và làm việc cho lợi lạc của chúng sanh. Trở lại Tây Tạng, Ngài ở trong một cái Động ở Gungthang và hát Bài Ca của những Chim Bồ Câu.

Thứ hai, về việc Ngài gặp những đứa con tâm linh : Khi Đạo sư đang sống ở Động Dagkya Dorje Dzong (Kim Cương Núi Xám) và thiền định vì lợi lạc của chúng sanh, yidam báo trước cho Ngài biết tất cả những đệ tử sẽ đến, đặc biệt là Retchung Dorje Drakpa, người có sứ mạng đem về giáo pháp truyền khẩu của những dakini từ những địa điểm đặc biệt. Và khi Đạo sư ở Ralai Zaok Puhk (Động Lụa của Núi Dê) ở Gungthang, Ngài gặp đứa con tâm linh Retchung. Về sau Retchung đi Ấn Độ để chữa một bệnh và khi trở về, Đạo sư và đệ tử đã gặp lại nhau.

Trong Động Ronpuhi Osey Puhk (Động Tĩnh Quang) Ngài gặp Tsakuph Repa, và khi đi đến Ragma Jangchub Dzong (Động Giác Ngộ), Ngài gặp Sangye Kyab Repa (Người Che Chở Giác Ngộ). Rồi ngài đến Động Nyanang, nơi đó Ngài gặp

Shakyaguna xứ Kyo, người trước kia đã là một tín đồ, và đưa ông vào con đường giải thoát bằng cách ban cho quán đảnh và giáo huấn.

Trên đường đến Tago phía bắc, Ngài gặp một phụ nữ là Pey Dar Bum (Trăm Ngàn Ngọn Cờ Vinh Quang) ở Losum phía dưới Chung.

Trên đường trở về Ngài gặp Repa xứ Seban ở Yeru trong vùng bắc.

Khi đến Gyalgyi Sri xứ Latö, Ngài gặp Repa xứ Digom.

Khất thực trong mùa thu, Ngài gặp Shiwa Ö Repa (Ánh Sáng Bình An) ở Chumig Ngulchu Bum (Một Trăm Ngàn Chuối Hạt Thủy Ngân).

Rồi, ở Bachak Gora xứ Chenlung, Ngài gặp Repa xứ Nganzong (Động Ác).

Khi sống ở Lachi, những dakini yêu cầu Ngài thực hiện một lời tiên tri của lama. Trên đường đến Núi Kailas, Ngài gặp Dampa Kyakpuhwa. Khi đến Núi Lowokere, Ngài gặp Repa xứ Karchung. Khi trải qua mùa đông trên những sườn tuyết của Ditse (Đỉnh Di) ở Purang, Ngài gặp Darma Ouangchuk Repa. Trong mùa xuân, đi đến Núi Kailas, Ngài hát về Kailas, nơi Ngài hàng phục tu sĩ đạo Bön Naro Bönchung trong một cuộc so tài về thần thông.

Rồi Ngài trở về Dagkya Dorje Dzong (Kim Cương Núi Xám) nơi Ngài Gặp Repa xứ Rongchung. Trên đường đi được những dakini hướng dẫn, Ngài đến Beypuhk Mamo Dzong (Động Bí Mật của các Thiên Nữ). Ở đó vài ngày, một người chăn cừu tên là Lukdzi Repa tìm ra Ngài, người này về sau trở

thành một nhà hiền triết. Rồi Ngài gặp Repa Ẩn Giả xứ Shen ở Lapuhk Pema Dzong (Hoa Sen của Động). Hai người này về sau phục vụ Ngài, khi Ngài sống ở Động Lango Ludu (Cửa Voi của chư Long) và ở Động Bí Mật của các Thiên Nữ.

Khi du hành đến Chorodig, Ngài gặp một phụ nữ tên là Retchungma. Và ở Nyishang Gurta xứ Mon, Ngài gặp Repa Người Thợ Săn. Chính ông là người đã làm cho Đạo sư nổi danh ở Nepal. Do một thông điệp của thiên nữ Tara,⁽³⁾ Vua xứ Khokhom tôn vinh Ngài.

Khi đi đến Chuwar, Ngài dạy những đệ tử về ba nghi thức làm lành để triệu thỉnh thiên nữ Tseringma. Đi xuống Drinding, Ngài gặp Dorje Ouangchuk Repa. Khi Đạo sư và những đệ tử ở trong Động Beypo ở Nyanang, Ngài gặp vị thánh Ấn Độ Dharma Bodhi, vị này tôn kính Ngài. Bởi vì danh tiếng của Milarepa tăng trưởng, Darlo, một pháp sư về giáo nghĩa ganh tỵ và thách Ngài tranh luận. Đạo sư đã trả lời trong chiến thắng với trí huệ cao cả và với sự thực hiện những việc thần thông. Sau đó Ngài hát những bài ca về Retchung và Tibu. Trong thời gian này Ngài gặp Repa xứ Megom ở Động Như Cái Bao Tử. Ở Naktra (Những Dãi Đen), một động của xứ Nyanang, Ngài gặp một thiếu nữ trẻ tên là Sallay Ö Rema (Ánh Sáng Chiếu Soi).

Rồi Đạo sư rút về Động Núi Đỏ trên một gờ núi cao. Ngài đã biết trước Retchung đang về từ Ấn Độ và đi gặp ông. Đây là một dịp đặc biệt cho Bài Ca Sừng Trâu Yak và Bài Ca Con Lừa Hoang Dã.

Rồi khi đến Chuwar, Ngài gặp Repa Ẩn Sĩ xứ Len đến từ Dagpo. Trên ngọn đồi Trode Tashigang (Hạnh Phúc Được Ban Phước), Ngài gặp Gampopa Dao Shonnu, nhà sư không

gi sánh làm y sĩ ở Dagpo, vị này là một Đạo sư của Kim Cương thừa. Là một Đại Bồ tát, ngài tái sanh trong hình thức con người cho lợi lạc của chúng sanh, như đã được đức Phật huyền ký. Gampopa trở thành đệ tử vĩ đại nhất của Đạo sư.

Đạo sư đang ở Omchung (Cây Thánh Liễu Nhỏ) vùng Chuwar, Ngài gặp nhà sư Lotön, vị này ban đầu chống đối Ngài và sau trở thành đệ tử của Ngài. Rồi khi sống ở Động Kyipühk Nyima Dzong (Lâu Đài Mặt Trời của Niềm Vui), Ngài gặp Dreton Trashibar. Trong thời gian Đạo sư đi vào thực tập những thần lực yoga vĩ đại, một nhà sư tên là Charuwa xứ Likor theo hầu hạ Ngài.

Như đã được những dakini tiên tri, Đạo sư đã có trong hàng đệ tử tám đứa con tâm linh, mười ba đệ tử thân thiết và bốn nữ đệ tử. Tất cả hai mươi lăm vị này trở thành những Đạo sư Giác Ngộ. Có một bản liệt kê nói rộng về những cuộc gặp gỡ của Ngài với mỗi người trong số này, rất phong phú về trao đổi và kinh nghiệm (Một Trăm Ngàn Bài Ca của Milarepa).

Thứ ba, về những đệ tử và những tín đồ tại gia từ nhiều vùng, Đạo sư nói Ngài đã gặp những đại đệ tử ở những động vô danh và bí mật như thế nào. Ngài kể lại những cuộc gặp gỡ này, nhưng không chỉ rõ thứ tự xảy ra. Trong đó gồm những câu trả lời của Đạo sư cho các câu hỏi của những nhà sư và cư sĩ. Khi Ngài ở với Gampopa, Ngài kể câu chuyện Ngài đã gặp gỡ một thầy tu đạo Bön⁽⁴⁾ như thế nào. Rồi đi đến Nyanang, Ngài đã ban cho những quán đảnh và hướng dẫn buổi lễ truyền pháp và thụ phong. Ở Tsarma, Ngài gặp hai đệ tử phụ nữ, Shen Dormo và Legse Büm. Ở đây Ngài ban cho giáo huấn Chidrö Thigtsakma⁽⁵⁾ để tự sửa soạn cho cái chết.

Rồi Ngài đi với Retchung đến Lachi, dừng lại ở Động Dudul Puhk (Người Chinh Phục Quỷ Ma), và lang thang ở vùng lân cận.

Ngài tiếp tục cuộc du hành và thăm Động Nampuhkma xứ Ramdig (Đâm Thủng Bầu Trời).

Cuối cùng, khi ở Động Như Cái Bao Tử miền Nyanang, theo sự thỉnh cầu của hàng cư sĩ, Đạo sư kể lại vài giai đoạn trong đời Ngài và bài ca về chuyến đi Tỉnh Ủ của Retchung. Do dakini Sengdhongma (Mặt Sư Tử), Ngài gặp Dampa, một vị thánh Ấn Độ, ở Thongla.

Ở Leshing Ngài cử hành cho mẹ mình một lễ đặc biệt có tên là Hướng Dẫn Một Cách Bi Mẫn Người Chết Qua Trạng Thái Trung Ấm. Ở Tsarma Ngài ban những giáo huấn cuối cùng của Ngài cho những đệ tử cư sĩ và những người dân khác của xứ Nyanang. Trong chuyến du hành đến Chuwar, Ngài gặp Lhaje Yangde, một người dân Dingri. Khi đến Chuwar, Ngài hát về chuyến đi thứ hai của Retchung đến Tỉnh Ủ. Ngài gặp thí chủ Tashi Tsek ở Lharo vùng Drin. Ở Dakkhar vùng Drin, Ngài gặp Zessay Büm (người trước kia ngài đã đính hôn), Khujuk và những tín đồ cư sĩ khác.

Trên đỉnh Núi Đỏ, Ngài hàng phục bốn Ma. Ở đó Ngài trả lời những câu hỏi của một người sùng mộ Kim Cương thừa. Ngài đem lại niềm vui bao la cho tất cả những đệ tử và thực hiện những sự biến thân.

Vô số người đã nhận những giáo lý, công khai và bí truyền, trong thời gian Đạo sư chuyển Bánh Xe Pháp. Được Đạo sư hướng dẫn, những đệ tử phát triển cao nhất đã đạt Giác Ngộ. Những đệ tử kém phát triển hơn được đưa đến giai đoạn

đầu của sự thức tỉnh và được chỉ cho con đường giải thoát. Người kém phát triển nhất thì Ngài cũng đưa vào con đường Bồ đề tâm. Qua một sự áp dụng chuyên cần những điều luật Bồ tát, họ đưa được đến một cấp độ trí huệ vững chắc. Thậm chí với người rất kém phát triển nhất, Ngài cũng gieo hạt giống thiện căn và bảo đảm cho họ đạt được bình an của những cảnh giới cao hơn trong đời của họ.

Với lòng bi vô biên như bầu trời, Đạo sư che chở cho vô số chúng sanh khỏi khổ cảnh của sanh tử và những cõi thấp bằng cách đem đến cho họ ánh sáng của Phật pháp.

Tất cả những mặt này của cuộc đời Đạo sư được trình bày rộng rãi trong Gur Büm (Trăm Ngàn Bài Ca).

Đây là chương thứ tám, trong đó Đạo sư phụng sự cho Phật pháp và cho tất cả chúng sanh qua quả của thiên định của Ngài.



CHƯƠNG CHÍN

NIẾT BÀN

Trong thời gian khi những lời này được hoàn thành, có một lama rất giàu và rất có ảnh hưởng là Geshe⁽¹⁾ Tsakpuhwa sống ở Drin. Ban đầu, ông tỏ ra tôn kính Đạo sư. Nhưng về sau, gục ngã bởi ganh tỵ và muốn làm bối rối Đạo sư trước đám đông thí chủ của Ngài, ông giả vờ có những nghi vấn về Pháp và hỏi Ngài nhiều câu hỏi.

Trong tháng đầu tiên của mùa thu năm con Cọp Mọc, Đạo sư được mời đến chủ tọa ở một tiệc cưới ở Drin. Geshe Tsakpuhwa cũng đến dự. Ông lễ lạy, hy vọng Đạo sư đáp lễ lạy lại trước đám đông tề tựu. Đạo sư không hề lễ lạy trước người nào, cũng không lạy đáp lễ chỉ trừ với lama của Ngài. Và theo thói quen Ngài không lạy trả.

Vị Geshe nghĩ, “Chà ! Một vị Thầy học thức như ta đã thi lễ với một kẻ dốt nát ngu đần vậy mà không được đáp lễ ! Ta bắt ông ta phải trả giá cho sự mất mặt này.” Và cầm một bản văn về luận lý học Phật giáo, ông nói, “Đạo sư, mong Ngài tốt lòng xóa sạch sự mù mờ của tôi và giải thích điều này cho tôi theo từng chữ.”

Đạo sư trả lời, “Ông biết rất rõ ý nghĩa theo ý niệm của bản văn này. Nhưng ý nghĩa tâm linh thật sự chỉ tìm ra được

khi buông bỏ Tám Phản Ứng Thế Gian và bản ngã, qua sự hủy diệt những tri giác sai lầm về thực tại bằng cách chứng ngộ một vị nhất như của sanh tử và niết bàn, và qua thiền định trong đơn độc núi non. Ngoài việc ấy ra, biện luận trên ngôn từ, suy đoán văn mạch là hoàn toàn vô ích nếu người ta không thực hành Pháp. Tôi không bao giờ học lý luận. Tôi không biết gì về nó và nếu tôi đã học, thì bây giờ tôi cũng đã quên mất rồi. Tôi sẽ nói với ông tại sao. Hãy nghe bài ca này :

“Con lễ lạy trước Marpa Dịch Giả,
Xin Ngài ban phước và giữ cho con ở ngoài tranh luận.

Ân sủng của lama thấm nhuần tâm tôi,
Tôi không bao giờ bị những phóng dật hàng phược.

Đã thiền định về tử và bi,
Tôi đã quên mất sự khác biệt giữa mình và người khác.

Đã thiền định về lama tôn quý của tôi,
Tôi đã quên mất ai là người thanh danh quyền lực.

Đã thiền định thường trực về yidam bốn tôn,
Tôi đã quên mất thế giới thô trước của những giác quan.

Đã thiền định về giáo huấn của truyền thống bí mật,
Tôi đã quên mất những sách vở biện chứng.

Đã an trú trong tánh Giác trình nguyên,
Tôi đã quên mất những ảo tưởng của vô minh sanh tử.

Đã thiền định về bản tánh của tâm thức là Ba Thân,
Tôi đã quên mất tất cả mọi mong cầu và sợ hãi.

Đã thiền định về bản tánh của đời này và đời sau,
Tôi đã quên mất nỗi sợ về sanh và tử.

Đã nếm những niềm vui của đơn độc,
Tôi đã quên mất nhu cầu làm vừa lòng bè bạn họ hàng.

Đã hội nhập giáo pháp vào dòng tâm thức,
Tôi đã quên mất việc dẫn mình vào những cuộc luận chiến
giáo điều.

Đã thiền định về cái không sanh, không diệt và không
trụ,
Tôi chẳng còn quan tâm gì đến mọi tướng hình quy ước.

Đã thiền định về những hiện tượng như là Pháp thân,
Tôi đã quên mất tất cả mọi hình thức thiền định.

Đã an trụ trong trạng thái tự nhiên không thoái hóa,
Tôi đã quên mất những kiểu cách đạo đức giả vờ.

Đã sống trong khiêm hạ đơn sơ của thân và tâm,
Tôi đã quên mất sự kiêu mạn và khinh thường của người
vĩ đại.

Đã xây dựng một ngôi chùa không hình tướng trong thân,
Tôi đã quên mất ngôi chùa bằng gạch đá ở bên ngoài.

Đã dung nhiếp tinh túy nội dung hơn là câu, chữ
Tôi đã quên mất làm thế nào để giỡn cợt bằng ngôn từ.

Vì ông là một Đạo sư, hãy tự mình giải thích văn bản.”

Ngài nói như thế.

Vị Geshe tiếp tục, “Điều này có thể là cách của nhà ẩn tu, nhưng nếu tôi phải thách thức nó bằng những luận cứ giáo nghĩa của tôi, thì những lời thuyết giảng của ngài chẳng đi đến đâu. Tôi đã hy vọng ngài là một người cao cả. Đây là vì sao tôi đã lễ lạy ngài.”

Những lời này không làm vừa lòng những thí chủ có mặt. Họ đồng thanh lên tiếng, “Đạo sư Geshe, đầu ngài học bao nhiêu thì cũng có nhiều người như ngài trên thế gian này. Nhưng ngài không bằng Đạo sư, thậm chí chưa bằng một lỗ chân lông trên thân Đạo sư. Ngài hãy chủ tọa và im lặng. Hãy làm giàu thêm càng nhiều càng tốt, vì ngài chẳng có thậm chí hương thơm nào của Đạo.”

Mặc dù càng giận thêm, vị Geshe không thể phản kháng vì mọi người đều ủng hộ Milarepa. Bộ mặt của ông tối sẫm lại và ông nghĩ, “Milarepa hành động và nói năng bõn cọt như một gã điên chẳng biết cái gì. Với những lời nói dối và sự mạo danh của ông ta, ông ta đã hạ thấp, làm biến chất Phật pháp, và sống trên những đồ cúng dường có được do lừa bịp. Ta, người sở đắc nhiều kiến thức và giàu có, thế lực nhất vùng, bây giờ lại bị xem còn kém hơn một con chó trong những vấn đề đạo lý. Ta phải làm một cái gì đối với chuyện này.”

Rồi ông trộn một ít thuốc độc với sữa đông. Hứa với cô hầu thiếp của mình là sẽ cho một viên ngọc bích lớn, ông bảo đem món thuốc độc đến Động Drin, nơi Đạo sư đang trú ngụ.

Đạo sư biết rằng những đệ tử cao cấp nhất của Ngài đã giác ngộ và dù Ngài không dùng thuốc độc, thời chết của Ngài cũng đã đến. Ngài cũng biết rằng, trừ phi người đàn bà được cho viên ngọc trước khi Ngài uống thuốc độc, còn không thì cô

sẽ không bao giờ có được nó. Thế nên Ngài nói với cô, “Ta sẽ không uống cái này ngay bây giờ. Sau này hãy đem nó đến, lúc đó ta sẽ uống.”

Tự nhủ Đạo sư đã nghi ngờ cô, người đàn bà lo lắng, và hổ thẹn, trở về Geshe Tsakpuhwa.

Cô nói, “Nhờ sự thấu thị của ông ta, Đạo sư nghi ngờ tôi và từ chối món sữa.”

Vị Geshe trả lời, “Nếu thực sự ông ta có thấu thị, ông ta đã không nói cô mang nó trở lại. Ông ta đã có thể bắt cô uống thử trước. Rõ ràng ông ta không có thấu thị gì đâu. Hãy nhận lấy viên ngọc bích này. Hãy đến kiếm Đạo sư và bảo đảm ông ta sẽ uống thuốc độc.”

Ông đưa cô viên ngọc bích và cô trả lời, “Ai cũng tin ông ấy có thấu thị, điều này chắc chắn phải có thật. Thế nên ông ta không uống ngay, và em tin chắc ông ta sẽ không dùng nó bây giờ đâu. Hơn nữa, em cũng sợ phải làm việc đó. Em sẽ không đi đâu ! Em không muốn viên ngọc của anh nữa !”

Vị Geshe nói, “Đám dân thường tin ông ta có thần thông là bởi vì họ không đọc kinh điển và vì họ bị lạc đường vì những lời nói dối của ông ta. Trong các sách của ta, những người có thấu thị không phải như vậy. Ta bảo đảm với cô rằng ông ta không có thấu thị. Một khi ta đã thấy bằng chứng rằng cô đã đưa cho ông ta món uống, chúng ta sẽ cưới nhau. Chúng ta đã sống chung một thời gian lâu, và như người ta vẫn thường nói, không có chọn lựa gì nhiều giữa ăn ít tội và nhiều tội, vì vẫn có mùi tội. Ngoài việc có được viên ngọc bích này, cô sẽ được tin tưởng để giao cho chăm sóc tất cả tài sản của ta, cả ở trong nhà

và ngoài nhà, và chúng ta sẽ chia sẻ với nhau tất cả niềm vui nỗi buồn và là một gia đình. Thế nên hãy cố gắng hết sức.”

Hy vọng vào những lời hứa hẹn này, cô lại trộn ít thuốc độc vào sữa đông và đem nó đến cho đạo sư, Ngài hiện đang ở Trode Tashigang. Đạo sư mỉm cười và cầm lấy cái bình trong tay. Cô nghĩ, “Vị Geshe quả là đúng, ông ta có vẻ không có thối bại.” Ngay khi cô nghĩ như vậy, Đạo sư nói với cô, “Như vậy con đã được cho viên ngọc bích để trả công con mang đến rồi chứ ?”

Quá xúc động, cô sụp lạy và nói với một giọng thổn thức và run rẩy, “Con đã có viên ngọc, nhưng con xin Ngài, chớ dùng món uống này. Xin hãy đưa lại con. Con là một người xấu ác không biết suy nghĩ.”

“Con sẽ làm gì với nó ?”

“Chính con sẽ uống nó vì con là một kẻ tội lỗi.”

Đạo sư tiếp tục :

“Trước hết, ta quá nhiều từ bi để cho con uống thứ sữa này. Việc ấy xảy ra sẽ xâm phạm tinh túy của giới luật Bồ tát và sẽ đem lại những hậu quả tâm linh nặng nề. Sứ mạng của ta đã hoàn thành và cuộc đời ta sắp kết thúc. Đã đến thời ta đi đến một cõi khác. Bản thân món đồ uống chẳng làm hại ta chút nào đâu, bởi thế ta có uống hay không đều không thành vấn đề. Nhưng nếu lần đầu mà ta uống, con sẽ không nhận được viên ngọc bích như cái giá trả cho tội lỗi của con. Bây giờ, viên ngọc đã nằm trong tay con, ta sẽ uống, vừa để thỏa mãn cho mong muốn của Geshe vừa bảo đảm cho con sẽ giữ được viên ngọc.

“Còn về những lời hứa khác của Geshe, chúng sẽ không được đáp ứng đâu. Ông ấy nói nhiều điều về hành trạng của ta. Không có gì thật trong điều ông ấy nói, thế nên cả hai người sẽ kinh nghiệm sự hối hận khủng khiếp. Khi điều đó xảy ra, để con tự tịnh hóa chính mình, hãy cố gắng tự chứng ngộ trong đời này. Thậm chí để cứu vớt cuộc đời con, con chớ phạm vào những lỗi lầm tương tự nữa. Hãy kêu cầu ta và các đấng con tâm linh của ta với một tấm lòng thành thật. Cả con và vị Geshe đã luôn luôn tự cắt lìa mình với hạnh phúc và đi tìm sâu não. Bây giờ ta sẽ liệu có thể tịnh hóa cho con khỏi nghiệp xấu chẳng. Hãy chớ nói với ai về việc này khi ta còn sống. Sau đó, mọi người sẽ nghe chuyện này. Dù cho con không thấy bằng mắt cũng không nghe bằng tai mình chân lý trong những lời nói trước kia của ta, hãy nhớ kỹ trong tâm những lời ta nói bây giờ. Sẽ đến lúc con thấy chúng là đúng.”

Nói xong, Ngài uống món thuốc độc.

Khi người đàn bà kể lại tất cả mọi sự cho Geshe Tsakpuhwa, ông ta trả lời, “Không phải mọi lời ông ta nói đều đúng đâu, cũng như không phải mọi thực phẩm đều ăn được. Việc ông ta uống món thuốc độc với ta là đủ rồi. Bây giờ hãy nhớ, giữ miệng cho kín.”

Trong thời gian đó, Đạo sư nói, “Những người vùng Nyanang và Dingri, và mọi thí chủ và tín đồ, hãy sửa soạn một lễ cúng và tề tựu quanh ta. Hãy để cho mọi người khác trong vùng chưa từng thấy ta nhưng muốn gặp ta cũng được đến.”

Tất cả những đệ tử loan báo lời này đi. Nhiều người nghe những lời nói ấy mà không tin Đạo sư đã nói như vậy. Nhưng những cư sĩ và đệ tử học Pháp cũng như những người khác

muốn gặp Đạo sư đều tề tựu ở Chuwar. Rồi trong nhiều ngày Đạo sư nói cho họ về giáo lý nhân quả nghiệp báo trên cấp độ bình thường và về bản tính nền tảng của thực tại trên một cấp độ cao hơn.

Suốt thời gian ấy, vài đệ tử chính thấy rõ ràng bầu trời đông đầy chư thiên đến nghe lời dạy của Đạo sư. Nhiều người khác cảm nhận một cách trực giác bầu trời và mặt đất có đầy chư thiên và người nghe giáo pháp, họ kinh nghiệm một trạng thái đại hoan hỷ. Trước cái nhìn của mỗi người, một mống cầu vồng treo lơ lửng trong bầu trời trong trẻo. Những đồ cúng, lọng che và vô số cờ phướn hiện hình trong những đám mây ngũ sắc, đầy cả không trung. Có một trận mưa hoa năm màu. Nhạc trời du dương và mùi hương lạ lan tỏa.

Những đệ tử thấp hơn thấy những hiện tượng kỳ diệu này thưa hỏi Đạo sư, “Chúng con có cảm tưởng trời đất đầy cả trời người đến nghe Pháp, và chúng con ngập trong niềm vui. Đây là nguyên nhân của những kỳ diệu này?”

Đạo sư trả lời, “Những đệ tử loài người tốt đẹp như các con, những thiền giả giác ngộ và những cư sĩ sùng tín thì ít, nhưng có nhiều chư thiên nghe Pháp đầy khắp không gian và họ cúng dường ta năm loại vật phẩm của niềm vui giác quan,⁽²⁾ và chính điều này làm các con thấy hoan hỷ. Đây là lý do có những dấu hiệu xung quanh các con, mà một số trong các con thì cảm nhận và số khác thì thấy biết trực tiếp.”

Họ hỏi, “Vậy thì tại sao tất cả chúng con lại không thấy được những dấu hiệu?”

“Trong hàng chư thiên có nhiều vị đã đạt đến những trạng thái Thúc Tĩnh của “không trở lại” (Bất Lai : A na hàm) và

những người khác đã đạt đến cái thấy thấu suốt thức tỉnh. Người ta cần cái nhìn thấy vi tế để có thể thấy được chư thiên, hay người ta cần sự ngưỡng vọng cao độ đối với đức hạnh và tỉnh giác, và một tâm thức không nhiễm ô bởi mê lầm và cấu uế. Nếu các con có thể thấy những thiên chủ, các con sẽ thấy thiên chúng của họ. Nếu các con nỗ lực theo cách ấy, các con sẽ thấy bản tánh của chính tâm thức các con, nó chính là vị thiên tối hậu và tối thượng.” Và Ngài hát Bài Ca Làm Thế Nào Thấy Chư Thiên này :

“Tôn kính Marpa, Bạc Đại Bi.
Xin ban phước cho dòng của Ngài, mãi mãi cao quý.

Những thánh chúng cõi trời
Đến từ cõi hân hoan của chư thiên
Để nghe ẩn sĩ Milarepa,
Đầy khắp cả bầu trời vô hạn.

Trừ những ai có ngũ nhãn,⁽³⁾
Còn người thường không thể thấy chư thiên.
Thầy thấy tất cả họ thật rõ ràng.
Nhưng người thường chỉ thấy những đồ cúng dường của họ.

Bầu trời đầy những cầu vồng và ánh sáng ;
Một cơn mưa hoa trời rơi rơi ;
Hương thơm phủ ngát không khí và nhạc du dương trỗi.

“Niềm vui và hạnh phúc ngập đầy trong tất cả những người có mặt ở đây là nhờ lòng bi của những lama dòng Kagyupa. Những người nào trong các con, dưới sự bảo bọc của các ngài,

muốn thấy chư thiên và dakini đang nghe thầy thuyết pháp,
trước hết hãy lắng nghe bài ca của thầy :

“Do nghiệp tích tập trong nhiều đời trước
Các con đã thích cái xấu từ ngày mới sanh ra.
Các con không khát khao đức hạnh,
Đến nỗi tuổi già tâm thức thành bất tịnh.
Chắc chắn các con sẽ gặt quả của những hành động
của các con.

Nếu các con tự hỏi những tội lỗi của các con có thể tịnh
hóa không,
Thì chính sự khát khao đức hạnh xóa sạch những nhiễm
ô.

Nhưng ai biết mà vẫn phạm vào việc xấu ác
Chỉ có được một miếng thức ăn với cái giá của khổ đau.

Người nào làm người dẫn đường cho những người khác
Trong khi tự mình không biết phải đi đâu,
Chỉ tự hại mình và những người khác.

Nếu các con thành thật muốn không có khổ đau,
Hãy không có tất cả ý định xấu với những chúng sanh khác.

Trong sự sùng mộ lama và yidam của các con,
Hãy ăn năn sám hối những tội lỗi đã làm.
Hãy thệ nguyện không bao giờ tái phạm.
Đây là giáo huấn để tịnh hóa chính mình.

Hầu hết những người tội lỗi đều khôn ngoan,
Họ không có mục tiêu cao cả và buông lung cho họ.

Nếu họ không có sự thúc đẩy tâm linh,
Điều đó chứng tỏ họ vẫn trĩu nặng bởi nhiệm ò triển phược.

Hãy cố gắng không ngừng cho sự tịnh hóa,
Xóa tan vô minh và tích tập công đức.
Nếu các con làm như thế, các con không chỉ thấy
Chư thiên mộ Pháp đến đây nghe,
Mà các con còn thấy biết trong chính mình
Pháp thân, vị trời linh thánh nhất và cao tột nhất trong tất
cả chư thiên.
Nếu các con thấy Cái Ấy, các con cũng thấy Tất Cả.
Thấu suốt toàn bộ sanh tử và niết bàn vốn là Tự Do Tối
Hậu.
Và các con sẽ vĩnh viễn thoát khỏi vòng vận hành của
nghiệp.”

Trong những vị thánh pháp trời và người tụ hội ở nơi đó,
những vị phát triển cao nhất chúng ngộ được thực nghĩa của
Pháp thân. Hàng kém phát triển cao thì kinh nghiệm được tánh
giác bất nhị trong một trạng thái sáng tỏ và hoan hỷ, và như
vậy được đặt vào con đường giải thoát. Trong những người
kém phát triển nhất, không có ai không phát nguyện thực
hành Bồ đề tâm.

Đạo sư lại nói với đại chúng, “Hỡi các con, nhà sư và đệ
tử, trời và người, và tất cả những ai tụ hội ở đây, sự cùng nhau
đến đây của chúng ta để cầu Pháp là do những nguyện vọng
tâm linh trong những đời trước của chúng ta. Giờ đây thầy đã
già, thầy không biết thầy sẽ thấy được các con trong bao lâu
nữa. Các con hãy làm hết sức mình để thực hành giáo pháp
thầy đã trao cho các con. Chớ có hao phí thời gian. Nếu các

con theo những giáo huấn của thầy, các con sẽ là những người đầu tiên trong những đệ tử của thầy được sanh vào cõi Tịnh Độ của Phật quả của thầy. Thế nên hãy vui mừng!” Ngài nói như thế.

Những người sùng mộ cư sĩ đến từ Nyanang tự hỏi có phải những lời nói này của Đạo sư đã chỉ ra ý định của Ngài là bỏ thế giới để làm lợi lạc cho chúng sanh ở những cõi khác. Họ nhiệt thành cầu xin Ngài, nếu như vậy, sẽ rời bỏ để đi vào Cõi Giới của Thực Tại Tối Hậu ở Nyanang. Nếu không phải như vậy, họ thiết tha thỉnh cầu Ngài trở lại Nyanang một lần nữa. Khóc lóc thỉnh cầu Ngài và tràn ngập lòng tôn kính nồng nhiệt, họ nắm chặt bàn chân ngài, thốt lên những tiếng kêu than nức nở. Những fin đồ của vùng Dingri cũng tận tình cầu xin Đạo sư đến xứ họ.

Đạo sư nói, “Ta đã già, và ta sẽ không đi Nyanang hay Dingri. Ta sẽ chờ cái chết của ta gần Drin và Chuwar. Hãy tăng cường sự khát khao giải thoát của các con. Chúng ta sẽ gặp lại trong Cõi Giới của Thực Tại Tối Hậu.”

“Nếu Đạo sư không đến, xin ngài hãy ban phước mỗi nơi Ngài đã thăm viếng để cho chúng được hòa bình và thịnh vượng. Mong Ngài ban phước cho xứ sở để cho nó có được sự hài hòa tâm linh. Mong Ngài ban phước cho tất cả chúng sanh và những ai đã được gặp Ngài và đã nghe được danh hiệu Ngài và giáo lý của Ngài.”

Đạo sư trả lời, “Ta mang ơn các con về những đồ cúng cấp các con đã cho ta từ lòng tôn kính, và ta đã trả ơn cho các con bằng cách từ bi cho các con giáo lý. Là một thiền giả đã thành tựu thần lực đặc biệt để ban phước, ta sẽ ban phước cho

tất cả để các con có hòa bình và hạnh phúc suốt đời này lẫn
viễn kiếp.” Và Ngài hát bài ca này :

“Con lễ lạy dưới chân Marpa Dịch Giả,
Bậc cha lành bảo bọc tất cả chúng sanh, Người đã thành
tựu mục đích của mình.

Hỡi các đệ tử tụ hội nơi đây, hãy lắng nghe ta.
Các con đã tốt lòng với ta,
Và ta đầy lòng bi mẫn cho các con.

Nguyện cho Đạo sư và đệ tử, biết ơn lẫn nhau,
Sẽ gặp lại nhau trong Tịnh Độ của Phật.

Nguyện tất cả những tín đồ và thí chủ có mặt ở đây
Có hạnh phúc và cuộc đời trường thọ.

Nguyện những nguyện vọng tâm linh của họ được thành
tựu,
Không có tư tưởng tác hại khởi lên.

Nguyện cho vùng này được ban phước,
Nguyện nó thoát khỏi bệnh tật và chiến tranh,
Có được những vụ mùa sung túc và đầy đủ phước lành.
Nguyện những tín đồ luôn luôn tận tình với Pháp.

Nguyện ta sẽ gặp lại trong Cõi Phật Thanh Tịnh
Những ai đã thấy hay đã nghe ta,
Những ai nhớ đến câu chuyện đời ta,
Những ai chỉ nghe kể chuyện hay nghe đến tên ta.
Nguyện những ai thi đua với cuộc đời ta và thiên định,

Những ai hỏi, kể lại hay nghe chuyện đời ta,
Những ai đọc và tôn sùng nó,
Những ai theo gương mẫu của ta trong cuộc đời họ,
Nguyện họ tìm thấy ta trong Cõi Phật Thanh Tịnh vô
biên.

Nguyện những người của đời tương lai viễn kiếp,
Nếu họ có thể thiền định
Với khổ hạnh như ta đã thực hành,
Được miễn khỏi mọi chướng ngại và lỗi lầm.

Nguyện những ai thực hành Pháp qua khổ hạnh
Được thu hoạch vô vàn công đức.
Với người khuyến khích những người khác theo con
đường này,
Sẽ được vô lượng lòng biết ơn công đức.
Nguyện cho những ai nghe đến câu chuyện ta nhận được
những ban phước vô cùng.
Qua ba sự ban phước vô lượng này,
Nguyện những ai chỉ nghe cuộc đời ta được viên thành
giải thoát,
Nguyện những ai thiền định về nó sẽ hoàn thành mục
đích của họ.

Nguyện những ai thiền định trong những hang động của
ta,
Nguyện những ai thờ vài vật dụng ta có,
Nguyện tất cả chúng đem lại hạnh phúc cho bất cứ nơi
nào chúng ở.

Nguyện ta ôm trọn tất cả không gian
Như không gian ôm lấy đất, nước, lửa, gió.
Nguyện tám bộ Thiên Long, và những chủ thần địa phương
Không gây chướng ngại và hộ trì Phật pháp.

Nguyện những mong muốn của những tín đồ
Được thành tựu hài hòa với Pháp.
Nguyện tất cả chúng sanh, dù là chúng sanh thấp nhất,
Trong đời đời được giải thoát qua ta.”

Nhận được những ban phước này, những đệ tử tại gia rất hoan hỷ. Những người ở Nyanang và Dingri còn sợ rằng Đạo sư sắp tịch, đến cầu xin ngài ban phước và hiến mình vào Pháp như chưa từng có trước đây. Rồi mỗi người trở về quê cũ và tức thời cầu vông và các linh kiến khác biến mất. Dân chúng vùng Drin được Repa Ánh Sáng Bình An và những đại đệ tử khác ủng hộ, cầu khẩn Đạo sư đừng bỏ họ. Đạo sư bèn đến sống ở Drin trong một cái thất được dựng cho Ngài trên đỉnh một tảng đá lớn, có hình thể giống như đầu một con rắn, gọi là Repa Dukchen (Độc Khi Chạm Vào), để hàng phục thiên long Dolpa Nakpo (Đạo Phủ Đen). Tại đó, Ngài dạy cho dân chúng vùng Drin. Chấm dứt thời thuyết pháp Đạo sư nói, “Các nhà sư, nếu có thầy nào có những nghi ngờ thắc mắc trong những giáo huấn của ta, thì hãy hỏi ngay đi, bởi vì không chắc ta sẽ còn sống lâu đâu.”

Những nhà sư trước hết cử hành một lễ cúng và rồi nhận những giáo huấn trọn vẹn. Trong đám đông các nhà sư bao quanh Đạo sư, có Repa vùng Digom và Repa vùng Seban bạch hỏi rằng, “Qua những lời dạy của Thầy, chúng con không

tin Thầy sẽ sớm vào niết bàn. Có lẽ cuộc đời Thầy chưa chấm dứt.”

“Đời thầy đã hết và sứ mạng thầy đã hoàn thành. Những dấu hiệu của cái chết của thầy sẽ sớm trở nên rõ ràng.”

Vài ngày sau, Đạo sư biểu lộ những dấu hiệu bệnh. Repa vùng Ngandzong nói với Ngài, “Thưa Đạo sư, chúng con, những đệ tử của Thầy sẽ làm lễ cúng cho những lama, yidam, dakini và những thần hộ pháp. Chúng con cũng sẽ cử hành lễ trường thọ và đồng thời dâng thuốc thang trị liệu cho Thầy.”

Repa vùng Ngandzong gọi các đệ tử khác giúp ông sửa soạn lễ cúng. Bấy giờ Đạo sư nói với ông :

“Đối với một hành giả ẩn sĩ, bệnh tật thường là một sách tấn cho thực hành tâm linh. Không cử hành lễ nào cả, người hành giả phải chuyển hóa mọi kinh nghiệm của những điều kiện đối nghịch thành sự chứng đắc cao cả và phải có thể đối mặt với bệnh tật và thậm chí cả cái chết. Riêng về phần thầy, Milarepa, theo những giáo huấn của lama bi mẫn Marpa, thầy đã thực hiện mọi nghi thức, nên thầy không cần lễ cúng thứ nhất hay thứ hai. Bởi vì thầy đã chuyển hóa những điều kiện đối nghịch thành những yếu tố thuận lợi, thầy không cần lễ, nghi thức làm hòa hay kêu cầu bằng trống. Những thần linh xấu ác xuất hiện với thầy đã bị hàng phục và chuyển hóa thành những lực lượng bảo vệ để giúp đỡ chúng ta trong việc thực hiện Thần Lực của Hoạt Động Bốn Phần.⁽⁴⁾ Thầy không muốn thuốc thang bằng sáu loại cây thuốc, bởi vì bệnh tật của năm độc trong thầy đã trở thành Năm Phương Diện của Tánh Giác Siêu Việt (Năm Trí). Và như thế, thầy không cần thuốc.

“Bây giờ đã tới thời, thân thể tứ đại của thầy được chuyển hóa vào một hình thức vi tế hơn, và tan biến vào một trạng thái hoàn toàn thức tỉnh của tánh Không. Người đời kinh nghiệm những hậu quả của những nhiễm ô cấu uế của họ hiện thành chu kỳ sanh, già, bệnh, chết. Họ không thể tránh khỏi chu kỳ đó bằng thuốc men hay nghi thức. Họ phải đối diện với nó không cách gì thay đổi được. Không có gì có thể làm ngưng dứt chu kỳ đó, quyền lực của vua chúa, những công trạng của các anh hùng, sắc đẹp và phụ nữ, sự thịnh vượng của người giàu có, sự mau mắn của kẻ hèn nhát, sự van nài của người thông thái. Nếu các con biết sợ cái khổ đau này và ước muốn hạnh phúc, thì thầy biết một phương tiện hiệu quả để dẹp bỏ khốn khổ và thành tựu an bình vĩnh phúc.”

“Xin Thầy ban nó cho chúng con.”

“Tốt lắm. Bản chất của sanh tử là như vậy, giàu có đã tích tập phải được phân tán, nhà cửa được xây phải bị hủy hoại, kết hợp phải bị chia lìa, và tất cả cái gì có sanh ra đều phải chết mất. Bởi vì người ta phải chịu đựng hành động của mình không cách gì tránh khỏi, người ta phải buông bỏ những mục đích thế gian, từ bỏ tích tập, xây dựng và kết hợp. Phương thuốc tốt nhất là chứng ngộ chân lý tối hậu của thực tại dưới mệnh lệnh của một Đạo sư giác ngộ. Hơn nữa rồi thầy sẽ có những giáo huấn rất quan trọng cho các con như là chúc thư cuối cùng của thầy. Các con hãy ghi nhớ.”

Repa Ánh Sáng Bình An và Repa vùng Ngandzong tiếp tục cầu xin, “Bạch Đạo sư, nếu Thầy có sức khỏe, Thầy sẽ đáp ứng những mục tiêu của nhiều chúng sanh hơn nữa. Dù Thầy không chấp nhận cho mong muốn của chúng con, chúng con xin cầu khẩn Thầy được thực hiện một lễ cúng theo

truyền thống bí mật, và Thầy dùng một ít thuốc, và cũng cho chúng con cầu nguyện cho sự trường thọ của Thầy, để ít nhất chúng con không ân hận.”

Đạo sư trả lời :

“Nếu thời viên tịch của thầy chưa tới, thầy sẽ làm cả hai điều các con yêu cầu. Nhưng cử hành một nghi lễ để Cầu gọi một yidam hầu kéo dài tuổi thọ mà không quan tâm tới lợi lạc của chúng sanh thì cũng giống như mời một ông vua bước xuống ngai để chùi sàn nhà.

“Chớ bao giờ sử dụng phương tiện bí mật của Kim Cương thừa cho những mục tiêu thế gian của các con. Trong hoang vắng núi non, thầy đã không ngừng cử hành những lễ nghi cao tột nhất cho những chúng sanh chưa giác ngộ, thế nên không cần lễ nghi nào khác nữa.

“Bởi vì tâm thức thầy không cách hờ chút nào với Pháp Giới Tánh Không Bao Trùm Khắp, thế nên không cần những lời cầu nguyện để sống thọ. Những phương thuốc của Tổ Marpa đã nhỏ sạch năm độc ở tận gốc của chúng. Những phương thuốc ấy đã đủ rồi.

“Nhưng nếu các con không có khả năng chuyển những điều kiện đối nghịch thành thuận lợi cho việc thành tựu những mục tiêu của các con, và nếu thời ra đi của các con chưa đến, bây giờ dùng thuốc men trị bệnh và áp dụng những cách chữa lành tâm linh để vượt qua những chướng ngại thì không có gì sai lầm cả, bởi vì một khả năng làm như vậy vẫn còn hiện hữu. Như ngày xưa đức Phật đã đưa tay cho y sĩ Shonnu⁽⁵⁾ và dùng thuốc của ông vì nghĩ đến những chúng sanh khổ đau. Nhưng

khi thời của Ngài đến, thì dù Ngài là một vị Phật, Ngài cũng ra đi. Thời của thầy cũng đã đến. Đó là lý do tại sao thầy sẽ không dùng thuốc.”

Bấy giờ hai đệ tử Repa thưa hỏi, “Nếu Thầy phải ra đi vì lợi lạc cho những chúng sanh khác, thì chúng con sẽ cử hành những lễ cầu nguyện, lễ an táng và trà tỳ như thế nào ? Chúng con có làm những tượng nhỏ từ tro xương và xây dựng một cái tháp hay không ? Vị nào sẽ dẫn dắt dòng phái truyền thống của chúng con ? Chúng con sẽ làm lễ cúng Thầy hàng năm như thế nào ? Mỗi lễ giỗ chúng con sẽ cúng vật gì ? Chúng con sẽ theo đuổi việc cầu đạo qua nghe, hỏi và thiền định như thế nào ?”

Đạo sư trả lời :

“Nhờ sự dẫn dắt của Marpa Bi Mẫn, thầy đã hoàn thành công cuộc giải thoát. Hoàn toàn không chắc chắn rằng một người ẩn tu đã thức tỉnh, thân ngữ tâm của người đó đã đạt đến trạng thái cao nhất là Pháp thân, sẽ để lại cho đời một xác chết. Vậy thì cần gì làm tượng nhỏ hay xây một cái tháp. Thầy không có chùa chiền hay tu viện, bởi thế không có một trung tâm được xây dựng nào cho Dòng Phái. Hãy nhận lấy núi non cần cối phủ tuyết làm chỗ ở của các con. Hãy xem chúng sanh sáu nẻo là đệ tử của các con và cho họ sự bảo bọc và lòng bi. Thay vì nặn những tượng nhỏ, hãy thiền định bốn thời một ngày. Thay vì xây dựng một cái tháp, hãy khai triển những thấy biết cao hơn về pháp giới và gương cao ngọn cờ thiền định. Cách cúng giỗ hay nhất là có lòng tôn kính đối với lama của mình.

“Về con đường tu hành, hãy từ bỏ tất cả những cái gì làm tăng thêm chấp ngã và những độc bên trong, dầu cho bề ngoài chúng có vẻ tốt đẹp. Ngược lại, hãy thực hành tất cả những cái gì diệt trừ năm độc và giúp đỡ những chúng sanh khác, dù cho bề ngoài những việc ấy có vẻ xấu xa. Điều này thiết yếu tương ứng với Pháp. Dù cho các con có thể học rộng bao nhiêu chăng nữa, nếu các con thiếu kinh nghiệm sâu xa về thực tại và nếu các con biết mà vẫn cố tình dung túng cho những hành vi tai hại, thì các con chỉ ném mình sâu vào những cõi thấp bởi sự tự làm cho mình mê lầm. Bởi vì cuộc đời thì ngắn ngủi và giờ chết không thể biết, hãy hiến mình trọn vẹn cho thiện định. Hãy hành động một cách khôn ngoan và can đảm theo lương tri phân biệt bẩm sanh của các con, dù với cái giá của đời mình. Tóm lại, hãy hành động làm sao để các con sẽ không hổ thẹn.

“Nếu các con theo những chỉ thị này một cách cẩn trọng chăm chú, thì dù các con có đi trái với câu chữ của kinh điển, các con sẽ không đi trái với những ý định của chư Phật trong ba đời và cũng sẽ đáp ứng được ước muốn của lão già này. Đó là tinh túy của mọi cái nghe, hỏi và thiện định. Nếu ước nguyện của thầy được thành, thì các con sẽ hoàn thành công việc giải thoát của các con. Ngược lại, mọi cố gắng để thỏa mãn những tham muốn thế gian là vô ích.”

Sau khi nói thế, Ngài hát Bài Ca Chứng Đắc :

“Con lễ lạy dưới chân Marpa Dịch Giả.

Những đệ tử quy tụ nơi đây,
Hãy nghe đây bài ca giáo huấn cuối cùng.

Nhờ lòng bi của Marpa Vách Núi Phía Nam,
Ẩn sĩ già nua Milarepa
Đã hoàn thành toàn bộ công việc của nó.

Tất cả các con, đệ tử và nhà sư,
Nếu các con chú ý đến lời ta,
Các con sẽ hoàn thành trong chính đời này
Công việc vĩ đại cho chính các con và cho những người
khác,
Và như thế thành tựu những ý định của chư Phật ba đời
và của chính ta.
Ngoài ra tất cả những công việc khác
Đều đi ngược lại với nhu cầu của bản thân và của nhiều
người khác,
Và không thỏa ước nguyện của thầy.

Nếu không có sự hướng dẫn của một đạo sư truyền thừa
Có ích gì tìm kiếm thọ pháp nhập môn ?
Nếu không được Pháp và tự tâm hòa lẫn
Có dùng gì sự nhớ thuộc những Tantra ?
Nếu không buông bỏ những mục tiêu thế tục
Có ích gì thiền định theo những giáo huấn chỉ bày ?
Nếu thân, ngữ, tâm không tương ứng với pháp tánh
Tốt đẹp gì những buổi lễ thức nghi ?

Nếu như nhục mạ không như gió thổi trong không
Tốt đẹp gì khi thiền định về nhãn nhục ?
Nếu không vượt qua tham luyến và ghét bỏ
Có ích gì những dâng cúng, hy sinh ?
Nếu không nhổ tận gốc chấp ngã

Tốt đẹp gì bố thí nọ kia ?
Nếu không nhìn tất cả chúng sanh như cha mẹ
Tốt đẹp gì cai quản một tu viện thênh thang ?

Nếu đức tin không lớn lên trong tâm thức
Có ích gì xây những tháp bên ngoài ?
Nếu không thể một ngày bốn thời thiền định
Có ích gì nặn những tượng nhỏ cúng thờ ?
Nếu không kêu cầu ta với lòng ngưỡng vọng sâu xa
Tốt đẹp gì khi mỗi năm cúng giỗ ?
Nếu không chú ý những giáo huấn của thầy
Tốt đẹp gì khóc than khi thầy chết ?
Nếu không sùng kính thầy khi còn sống
Tốt đẹp gì chiêm ngưỡng xác chết của ta ?

Nếu không ghê sợ sanh tử và cấp bách giải thoát
Tốt đẹp gì đức hạnh xuất gia ?
Nếu không học cách thương yêu những người khác hơn
bản thân

Tốt đẹp gì những lời ngọt ngào thương xót ?
Nếu không nhỏ sạch gốc mê lầm và tham muốn
Lợi lạc gì khi phụng sự lama ?
Nếu không nghe những lời ta nói
Tốt đẹp gì khi đệ tử đông đầy.

Hãy vất bỏ mọi hành động vô ích,
Chẳng lợi lạc gì mà chỉ hại các con.
Một ẩn sĩ đã hoàn thành mục đích,
Ta không cần một việc gì thêm.”

Những đệ tử xúc động sâu xa vì những lời dạy này.

Sau đó Đạo sư tỏ ra những triệu chứng bệnh nặng, vì thế Geshe Tsakpuhwa mang một số thịt và bia, và lấy có đó để hỏi về sức khỏe của Ngài. Ông nói với Đạo sư, “Thực là đau xót khi một cơn bệnh như thế giáng xuống một vị thánh như Đạo sư. Nếu có thể chia xẻ được, xin Ngài chia bớt nó cho những đệ tử của Ngài. Nếu có cách chuyển nó đi, thì hãy chuyển nó cho một người như tôi chẳng hạn. Nhưng điều đó không thể được, vậy thì nên làm gì?”

Đạo sư mỉm cười và nói, “Ông biết rất rõ bệnh tôi không phải từ lý do tự nhiên gây ra. Dầu sao đi nữa, bệnh tật nơi một con người bình thường cũng không thể giống như trong một người tu hành. Ta chấp nhận nó như một cơ hội đặc biệt cho sự chuyển hóa bên trong. Ta mang bệnh này như một đồ trang sức.” Nói thế xong, Đạo sư hát :

“Trong Tánh Giác Tối Hậu rỗng nhiên
Sanh tử và niết bàn được thấy biết là một.
Để thấy biết Thực Tại Chân Tánh rất ráo,
Ta đóng lên mọi sự Đại Ấn của tánh Không.⁽⁶⁾
Đây là tinh túy của cái bất nhị,
Như hư không thản nhiên với chướng ngại.

Bệnh tật, ác ma, tội nghiệp và vô minh
Là những đồ trang sức của ta, ẩn sĩ hiện tiền.
Trong ta, chúng là hệ thống kinh mạch, khí và hạt.
Với ta, bố thí trì giới và những đức hạnh khác
Là một trăm mười hai dấu hiệu của Phật tánh.
Bệnh tật này quá chừng thích hợp với ta ;

Ta có thể chuyển nó, nhưng không có lý do gì để làm thế.”

Vị Geshe nghĩ, “Ông ta nghi ngờ mình cho ông ta thuốc độc, nhưng ông ta không chắc. Dù ông ta có lý do để chuyển bệnh tật đi, ông ta cũng không có thể làm được.”

Thế nên ông nói, “Nếu tôi biết gốc bệnh của Đạo sư, và nếu đó là một hồn ma xấu ác, tôi sẽ trục trừ nó. Nếu là một rối loạn về thể xác, tôi sẽ chữa cho ngài. Nhưng tôi không biết ngài có bệnh gì. Thế nên nếu ngài có thể chuyển cơn bệnh của ngài, xin hãy chuyển qua tôi.”

Và Đạo sư nói, “Chúng sanh bị ám chướng bởi con quỷ chấp ngã, đó là con quỷ xấu xa nhất trong tất cả. Chính con quỷ đó gây ra bệnh tật của ta. Ông không thể trừ tà hay chữa thuốc cho ta. Nếu ta chia xẻ cơn bệnh này với ông, ông không thể chịu đựng nó nổi trong chốc lát. Ta sẽ không chuyển nó.”

Vị Geshe nghĩ, “Ông ta không thể chuyển nó. Ông ta đang giả bộ.” Thế nên ông năn nỉ, “Xin hãy chuyển nó cách nào cũng được.”

“Thôi được, ta sẽ không chuyển nó cho ông, mà sẽ chuyển nó vào cánh cửa kia. Hãy cẩn thận chờ xem.”

Và Ngài chuyển nó sang cánh cửa thiên phòng. Lập tức có tiếng rầm rắc lớn phát ra, và lay chuyển dữ dội, cánh cửa bắt đầu vỡ ra từng mảnh. Vào lúc đó, Đạo sư có vẻ đã hết bệnh.

Vị Geshe nghi ngờ đây là một trò lừa bịp ảo thuật và nói, “Lạ lùng thật ! Bây giờ xin hãy chuyển cho tôi.”

“Tốt lắm ! Ta sẽ cho Geshe nếm một ít cơn bệnh đó.”

Đạo sư rút cơn bệnh khỏi cánh cửa và chuyển nó cho Tsakpuhwa, ông ta sụp đổ vì đau đớn. Tê liệt và choáng váng, ông sắp chết đến nơi. Rồi Đạo sư lấy lại một phần lớn cơn bệnh và nói, “Ta chỉ cho ông một nửa của cơn bệnh của ta mà ông đã thấy không thể chịu nổi nó.”

Đầy ăn năn vì đã chịu một cơn đau như thế, vị Geshe ném mình khóc lóc dưới chân Đạo sư.

“Ôi Đạo sư Tôn Quý, ôi Thánh nhân, đúng như Ngài dạy, chính cái người bị quỷ ám đã làm điều xấu xa này cho Ngài. Con xin cúng dường nhà cửa, tài sản, mọi thứ con có cho Ngài. Xin Ngài cứu con khỏi những hậu quả của những hành động của con. Con thành tâm cầu xin sự tha thứ của Ngài.”

Milarepa rất bằng lòng và thu hồi phần bệnh còn lại và nói, “Suốt đời ta không hề có ý muốn có nhà cửa, giàu có và tài sản. Giờ ta đang đến gần lúc chấm dứt cuộc đời. Quả là ta không cần chúng, thế nên hãy lấy lại những tặng vật của ông. Chớ bao giờ làm trái với Pháp một lần nữa, dẫu với cái giá của cuộc đời mình. Ta sẽ cầu nguyện lama của ta để giữ cho ông khỏi chịu những hậu quả của hành động của ông.” Và Đạo sư hát :

“Con lạy dưới chân Marpa, bậc Giác Ngộ.

Nguyện năm tội vô gián
Được xóa sạch nhờ sám hối ăn năn.

Nguyện những tội lỗi của tất cả chúng sanh được xóa sạch
Nhờ những công đức của ta
Và công đức của chư Phật ba đời.

Nguyện tất cả những đau khổ của ông
Được ta đảm đương và chuyển hóa.
Ta xót thương cho người xúc phạm tổn thương
Với Thầy Tổ và cha mẹ mình.

Nguyện những hậu quả của nghiệp của người ấy
Được ta đảm đương và chuyển hóa.
Trong mọi thời gian và mọi hoàn cảnh
Nguyện người ấy tránh được sự đồng hành với kẻ tội lỗi.

Mà trong những đời tới
Nguyện người ấy gặp những đồng bạn đức hạnh.
Nguyện người ấy không có những tư tưởng xấu phá hoại
công đức.
Nguyện anh ta nhẫn nhục không làm hại chúng sanh.

Nguyện tất cả muôn loài đạt đến Bồ đề tâm.”

Vị Geshe tràn ngập niềm vui với những lời ấy và nói,
“Trong tương lai con sẽ không làm điều gì trái với Pháp, mà sẽ
thiền định cho đến hết đời mình, như Đạo sư chỉ dạy. Trước kia,
con đã phạm tội vì tham giàu có. Bởi thế con không muốn tài
sản thế gian của con nữa. Nếu Đạo sư từ chối chúng, xin hãy
để những đệ tử của Ngài nhận những tài sản đó để cung cấp
cho nhu cầu của họ khi thiền định.”

Những đệ tử chấp nhận những cúng dường, về sau chúng
được dùng để mỗi năm làm lễ cúng giỗ Đạo sư tại Chuwar. Bảy
giờ Geshe Tsapuhwa từ bỏ thế gian và thành một người mộ đạo.

Đạo sư nói, “Thầy đến sống ở chốn này là để chấp nhận
cho sự hối hận của người tội lỗi này và giúp nó thoát khỏi

những hậu quả của tội lỗi của nó. Đối với một ẩn sĩ, chết trong một ngôi làng thì cũng giống như ông vua băng hà ở một căn lều tồi tàn. Bây giờ thầy sắp đi Chuwar.”

Repa vùng Seban nói, “Đạo sư đã kiệt sức vì bệnh, chúng ta sẽ vờng Ngài đi.”

Đạo sư trả lời, “Không có thực tại nào trong bệnh tình của thầy cả. Không có thực tại nào trong cái chết của thầy cả. Thầy biểu lộ ở đây hình tướng của bệnh. Ở Chuwar thầy sắp biểu lộ hình tướng của cái chết. Không cần vờng gì cả. Một số các con hãy đến Chuwar trước đi.”

Rồi một số đệ tử trẻ đi trước, nhưng Đạo sư là người đầu tiên đến Động Driche. Đồng thời có một Milarepa khác ở lại, đi cùng với những nhà sư lớn tuổi. Một Milarepa khác xuất hiện ở Núi Xúc Chạm Thì Độc và biểu lộ những triệu chứng của bệnh. Một vị khác được những đệ tử đến gặp Ngài ở Chuwar hầu hạ. Một vị khác thuyết giảng cho những thí chủ trên một chỗ lộ thiên ở Động Đá. Trong nhiều nhà khác nhau có một Milarepa xuất hiện với mỗi gia đình, họ cúng dường Ngài những phẩm vật.

Rồi thì những người đã đi trước đến Chuwar nói, “Đạo sư đã đến Chuwar trước chúng ta !”

Những nhà sư lớn tuổi nói, “Ngài đi với chúng tôi trên suốt cuộc hành trình.”

Khi những người khác đến, mỗi người đều nói, “Đạo sư thì ở đây. Chúng tôi cùng ở với Ngài.”

Một số nói, “Ngài đang ở trong nhà tôi.”

Những đệ tử khác nói, “Ngài đang giảng dạy ở Động Đá.”

Mỗi thí chủ nói, “Tôi đã mời Ngài vào nhà để cúng dường.”

Mỗi người nói một câu chuyện khác nhau. Rồi họ hỏi Đạo sư và Ngài trả lời, “Tất cả các con đều đúng. Đó là thầy đang đánh lừa các con.”

Rồi Ngài ở lại Động Driche, biểu lộ bệnh tật.

Vào thời gian này, cầu vồng và những dấu hiệu khác lại xuất hiện như khi Đạo sư thuyết pháp lần trước. Những điềm lành ấy có thể thấy trên bầu trời Chuwar và trên những đỉnh núi. Bây giờ mọi người đều chắc chắn Đạo sư sắp đi qua cõi khác.

Repa Ánh Sáng An Bình, Đạo sư xứ Ngandzong, và Repa vùng Seban thưa hỏi, “Bạch Đạo sư, Thầy sẽ đi đến cõi Phật nào ? Chúng con sẽ hướng sự cầu nguyện của chúng con đến nơi đâu ? Đạo sư ban cho chúng con những giáo huấn cuối cùng như thế nào ? Chúng con cần theo cách thực hành nào ?”

Đạo sư trả lời :

“Hãy kêu cầu ta bất cứ lúc nào các con muốn. Bất cứ lúc nào các con cầu nguyện đến ta với lòng tin, ta sẽ ở với các con. Bất cứ mục tiêu nào của các con sẽ được đáp ứng. Trong một khoảnh khắc, thầy sẽ ở trong Tịnh Độ của Phật Bất Động. Đây là những dạy bảo thầy nói với các con : Sau khi thầy ra đi, hãy trao cho Retchung những vật mà các con biết thầy thường dùng, cây gậy và cái áo dài của thầy. Chúng sẽ giúp một cách tốt lành cho sự thiện định của Retchung về kiểm soát hơi thở. Retchung sẽ về đến đây sớm. Chớ có chạm đến thân xác thầy cho đến khi anh ấy về đến. Cái mũ này của Đạo sư Maitrepa và cây gậy bằng gỗ đen này là dấu hiệu giáo lý của đức Phật sẽ được giữ gìn qua thiện định thâm sâu và cái thấy

hoàn hảo. Bởi thế, hãy trao những vật thanh tịnh này cho Tonpa xứ Ü (Gampopa). Ánh Sáng Bình An, hãy lấy cái bát gỗ này. Ngan-dzong Tonpa, hãy lấy cái chén bằng sọ người này. Repa vùng Seban, hãy lấy cái hộp mỗi lửa này. Ân sĩ Repa vùng Di, hãy lấy cái muỗng bằng xương người này. Với những đệ tử được truyền pháp khác, mỗi người hãy lấy một mảnh vải của cái áo vải của thầy. Những vật ấy chẳng giàu có gì, nhưng tất cả đều là những vật chúng tín được ban phước.

“Bây giờ, đây là những dạy bảo rất quan trọng về điều mà các đệ tử chưa được biết. Dưới nền lò sưởi là tất cả số vàng mà thầy đã gom góp suốt đời thầy, và một di chúc để chia nó như thế nào trong các con. Sau khi thầy ra đi, hãy đọc di chúc và làm theo những chỉ thị đó.

“Về cách thức thực hành Pháp, có những người giàu họ tự xem họ là những người mộ đạo tốt. Họ có thể cho một trăm thứ ích dụng hay vô dụng như đồ bố thí, nhưng chỉ với động cơ là lấy lại một ngàn cái. Đây chỉ là cách thức để họ tôn vinh đời sống thế gian. Con người buông lung trong những hành vi tai hại một cách lén lút mà không ngó ngàng gì đến sự không bằng lòng của những thần hộ pháp thấy biết tất cả. Sợ rằng họ sẽ không thành tựu được những mục tiêu thế gian của họ, họ cố gắng làm điều tốt ; nhưng bởi vì không thể từ bỏ tham muốn được công nhận, họ thực sự đang ăn thuốc độc với thức ăn của họ. Chớ nên uống thuốc độc của lòng tham muốn được công nhận. Hãy từ bỏ mọi thứ mà các con gọi là thực hành Pháp nhưng thực ra nó chỉ hướng đến việc tôn vinh đời sống thế gian. Hãy hiển mình cho sự thực hành tâm linh chân thật.”

Các đệ tử Repa hỏi rằng, “Chúng con có thể dẫn thân vào một đời sống hoạt động nếu nó tỏ ra có lợi lạc cho những người khác không ?”

Đạo sư trả lời :

“Nếu không có sự bám luyến vào những mục tiêu ích kỷ, các con có thể làm thế. Nhưng điều đó quả là khó khăn. Những người đầy tham muốn thế gian không thể làm điều gì để giúp đỡ những người khác. Thậm chí họ cũng không thể tự làm lợi lạc cho mình. Đó cũng như một người bị cuốn trôi trong một dòng thác mà tự cho là có thể cứu được những người khác. Không ai có thể làm điều gì cho chúng sanh nếu trước hết không đạt được cái quán thấy siêu việt về thực tánh. Như kẻ mù dắt kẻ mù, người ta chỉ có thể bị cuốn trôi bởi những dục vọng mà thôi. Không gian thì vô biên và chúng sanh thì vô lượng, các con sẽ luôn luôn có cơ hội để cứu giúp những người khác khi nào các con có khả năng làm điều đó. Cho đến lúc ấy, hãy trau dồi nguyện vọng đạt đến Phật tánh bằng cách thương yêu những người khác hơn chính các con trong khi thực hành Pháp. Hãy mặc vải rách và tự bằng lòng với thực phẩm ít oi, áo quần ít oi và được công nhận ít oi. Hãy điều phục thân thể các con và chánh niệm vào chân tánh. Điều này cần phải làm vì lợi lạc của tất cả chúng sanh. Để hướng dẫn các con trên con đường này, hãy ghi nhớ những lời sau đây.” Và Ngài hát bài ca này :

“Con kính lạy dưới chân Marpa Dịch Giả

Người nào chỉ tôn kính lama của mình
Mà không hoàn toàn giao phó thân tâm mình cho Ngài,
Sẽ chỉ được lợi lạc nhỏ nhoi.

Không nhận được quán đảnh thật sự,
Chỉ những lời của Tantra sẽ cột trói các con.
Không được hướng dẫn bởi thật nghĩa của những Tantra,
Tất cả những thực hành của các con chỉ đưa các con đi
lạc đường.

Không có thiền định theo giáo huấn thâm sâu,
Người thực hành khổ hạnh chỉ hành hạ chính mình.

Người không hàng phục được tham muốn và mê vọng
Chỉ nói ra những lời chết khô và trống rỗng.
Người không biết phương tiện thiện xảo sâu xa
Sẽ thất bại, dù rất nhiều nỗ lực.
Người không có chìa khóa cho ý nghĩa thâm sâu của Pháp
Sẽ đi chậm trên Con Đường, dù dững mảnh lớn lao.
Người chẳng tích tập công đức mà chỉ tìm cầu giải thoát
phần riêng,
Chỉ làm chín thêm sự tái sanh, sanh tử còn hoài.

Người chẳng vì Pháp mà buông bỏ cái mình đã tích tập
Sẽ không hoàn thành sự hoàn thiện, dù có thiền định
bao nhiêu.

Người không bằng lòng sâu xa với cái nó đang có
Sẽ thấy sự giàu có nó tích tập bị những người khác lấy đi.
Người không có trong chính nó cội nguồn của hạnh phúc
Chỉ tìm thấy khổ đau trong những lạc thú bên ngoài.
Người không diệt trừ được con quỷ tham vọng của mình
Chỉ tìm thấy sự tàn phá và xung đột trong tham muốn
vang danh của nó.

Những tham muốn ích kỷ khuấy dậy năm độc.

Những tham muốn nhất thời làm chia rẽ bạn thân.
Sự tự suy tôn gây ra ác cảm nơi những người khác.
Giữ im lặng về chính mình sẽ tránh xảy ra xung đột.
Bằng cách duy trì tĩnh lặng và không phóng dật,
Trong cô đơn con sẽ tìm thấy bạn đồng hành.
Người làm việc với thận trọng sẽ nhanh chóng thành tựu
những kết quả.
Buông bỏ hết đem lại sự hoàn thành vĩ đại.

Sự thực hành con đường bí mật là lối đi ngắn nhất.
Chúng ngộ tánh Không làm sanh sản Đại Bi.
Lòng bi phá hủy sự khác biệt giữa ta và người.
Nếu không có nhị nguyên giữa mình và những người khác,
Người ta hoàn thành mục tiêu của tất cả chúng sanh.
Những ai nhận ra nhu cầu của những người khác sẽ
khám phá ra ta.
Những ai tìm thấy ta sẽ thành tựu Giác Ngộ.

Với ta, với Phật và với các đệ tử
Các con cần cầu nguyện như là một, xem các vị là một.”

Hát xong Ngài lại nói thêm : “Ta không biết ta còn sống
bao lâu nữa. Các con đã nghe ta nói, bây giờ hãy làm như ta
đã làm.”

Nói xong Ngài đi vào một trạng thái thiền định sâu xa.

Và như thế, ở tuổi tám mươi bốn, vào lúc mặt trời mọc
ngày thứ mười bốn tháng mười hai năm Con Thỏ Mộc, dưới
chòm sao thứ chín âm lịch,⁽⁷⁾ Đạo sư nhập niết bàn.

Lúc ấy trên vùng ấy hiện ra những dấu hiệu rộng khắp và kỳ diệu tỏ ra rằng những daka và dakini đang tụ họp lại. Bầu trời trong vắt được trang hoàng bằng những hình vuông đan nhau đủ màu sắc cầu vồng. Ở trung tâm của mỗi hình vuông là một hoa sen tám cánh muôn màu mà bốn cánh có màu sắc thiêng liêng chỉ ra bốn hướng chánh. Trên mỗi hoa sen là những mạn đà la mà hình thể và cấu trúc của chúng kỳ diệu hơn nhiều so với công trình của các nghệ nhân và nhà xây dựng khéo léo nhất.

Xuất hiện trong bầu trời ở trên chúng là vô số cúng dường không thể tưởng của chư thiên, như những cầu vồng và mây ngũ sắc, tạo thành những lọng, cờ, phướn, tán, dải lụa...

Một cơn mưa hoa vĩ đại nhiều hình dáng và màu sắc. Trên những đỉnh núi mây ngũ sắc tạo thành những hình tháp với đỉnh nhọn hướng về Chuwar. Nhạc trời du dương được hòa ca để tán thán Jetsun,* trong khi hương thơm lừng thắm toàn thể quang cảnh. Mọi người đều chứng kiến những dấu hiệu này, và nhiều đệ tử loài người thấy những daka và dakini đón mừng Jetsun với nhiều đồ cúng dường. Những chúng sanh loài người không thấy những thân thể trần trụi của chư thiên là khiếm nhã, và chư thiên cũng không cảm thấy mùi khó chịu của những chúng sanh loài người. Hơn nữa, chư thiên và loài người tương thông với nhau, trò chuyện và chơi đùa với nhau như thời Chánh Pháp (Phật còn tại thế). Những dấu hiệu kỳ diệu này kéo dài cho đến khi hoàn tất lễ táng của Đạo sư.

Thời gian đó những thí chủ vùng Nyanang vừa biết về sự viên tịch của Đạo sư. Họ đi đến Chuwar và nói với đệ tử chính

* Teân toân giaùo danh ðối ñĩõĩc ðuong cho caù ñaøn oâng laãn ñaøn baø.

và những thí chủ vùng Drin cho họ đem thân xác Đạo sư về Nyanang. Người dân Drin từ chối và sửa soạn để làm lễ trà tỳ. Những người từ vùng Nyanang nói rằng nên hoãn lễ trà tỳ cho đến khi tất cả thí chủ Nyanang đến Chuwar để chiêm ngưỡng thi hài Đạo sư. Rồi họ ra đi và trở lại với một số đồng người đòi thân xác Đạo sư.

Thấy vậy, những đại đệ tử cố gắng can thiệp cuộc tranh giành, nói như vậy : “Những tín đồ Nyanang và Drin đều là những đệ tử tín tâm của Đạo sư. Bởi vì Jetsun ra đi ở Chuwar thì không thích hợp đem thân xác Ngài về Nyanang, nhưng dân vùng Nyanang nên ở lại đây để tham dự lễ trà tỳ. Xá lợi sẽ được chia đều cho tất cả.”

Dù sau khi có sự can thiệp của những đệ tử, những người Nyanang ỷ vào sức mạnh của họ sửa soạn chiến đấu bằng võ lực. Vào lúc ấy, một chàng trai trẻ cõi trời xuất hiện giữa không trung ở trung tâm ánh sáng và cầu vồng và hát bài ca này với một giọng giống như giọng của Đạo sư :

“Hỡi những đại đệ tử và tín đồ cư sĩ tụ hội ở đây,
 Đang giành nhau một cái xác !
 Hãy nghe lời phân định này :
 Ta, một đệ tử cõi trời của Jetsun, sẽ dàn xếp cuộc tranh
 cãi này.
 Tâm của Milarepa, tối thượng giữa loài người, đã hòa lẫn
 vào Pháp thân vô sanh.
 Ngoài tâm, không có sắc tướng nào thật có,
 Thân xác của Đạo sư sẽ sớm tan vào Pháp thân.
 Nếu không có được Xá Lợi Chân Thật
 Mà tranh giành một cái xác thì thật là ngu dại.

Tất cả các người làm việc đó đều hành động điên đảo.
Bởi vì các người sẽ không có nó bằng cách tranh đấu,
Hãy cầu nguyện Jetsun với lòng sùng mộ sâu xa.
Nếu các người kêu cầu Ngài từ tận đáy lòng mình,
Thì dù Pháp thân Ngài là tánh Không vô sanh,
Bi nguyện Ngài sẽ biểu lộ không chướng ngại.
Bấy giờ các người sẽ nhận những xá lợi từ Hóa Thân Ngài.”

Nói xong chàng trai trẻ biến mất như một cầu vồng.

Những tín đồ cư sĩ rất vui mừng khi nghĩ rằng sẽ thấy được Jetsun. Quên chuyện tranh cãi, họ cầu nguyện Đạo sư. Những đại đệ tử và tín đồ cư sĩ vùng Drin không còn sợ thân xác Đạo sư bị lấy đem đi bằng võ lực.

Cùng một thời gian, người Nyanang thấy rằng họ có một thân xác của Jetsun và đem đi Lachi hỏa táng ở Trứng Chim Ưng trong Đại Động Quý Bị Hàng Phục. Mọi dấu hiệu, như mống cầu vồng và ánh sáng, mưa hoa, hương thơm và nhạc trời xuất hiện cũng như ở Chuwar.

Trong khi đó ở Chuwar, những đệ tử chính và tín đồ cư sĩ thờ lạy thân xác Đạo sư. Sau sáu ngày họ thấy nó chuyển hóa thành một thân thể tỏa hào quang rực rỡ, nhỏ lại và trẻ trung như một đứa bé tám tuổi.

Những đại đệ tử bàn luận về vấn đề này và đi đến kết luận Tôn giả Retchung sẽ không đến kịp. Họ đồng ý nếu thân xác được để lâu hơn, e rằng không còn lại gì để có xá lợi mà tôn thờ và sùng mộ nữa. Giải pháp tốt nhất là làm lễ hỏa táng ngay.

Khuôn mặt của thân xác được mở ra cho tất cả chiêm ngưỡng. Rồi thân xác được chuyển vào một khám hỏa táng

được dựng trên tảng đá đã từng là pháp tòa cho Jetsun thuyết pháp. Dưới chân tảng đá một mạn đà la được tạo bằng bột màu. Chung quanh nó đặt những đồ cúng dường tinh tế nhất mà con người có thể làm ra, tuy nhiên không thể nào sánh nổi với những phẩm vật cúng dường của chư thiên xuất hiện trên những cõi trời. Vào bình minh, lễ trà tỳ bắt đầu và giàn thiêu được đốt. Nhưng thân xác không chịu bắt lửa.

Vào lúc đó có năm dakini, mỗi vị từ mỗi bộ trong năm bộ,⁽⁸⁾ xuất hiện trước đại chúng và hát bài ca này :

“**Ram**,⁽⁹⁾ Tummo tri-giác-tất-cả là Lửa Tối Thượng.
Vi bậc Đại Trí đã thiền định suốt đời Ngài,
Lửa do người làm ra có dùng gì được ?

Với Người đã không ngừng tri giác xác thân trong hình
tướng yidam,
Có là gì một xác chết bây giờ ?

Với thiền giả này Mạn đà la Tối thượng tuyệt vời đã tìm
thấy vốn sẵn trong thân,
Có cần gì một mạn đà la vẽ trên mặt đất ?

Với Người ngọn đèn tâm-khí bất nhị hằng hằng tỏa sáng
Có cần gì một ngọn đèn nhỏ mọn bằng bơ ?

Với Người đã không ngừng dùng năm món thuốc trường
sinh Bất Tử,
Có nghĩa gì bánh cúng thể gian ?

Với Người đã tự trang hoàng bằng Thanh Tịnh của Chân
giới,
Đã sạch hết hai thứ nhiễm ô,
Bình tẩy tịnh có dùng cho ai đó ?

Bầu trời tràn ngập những mây hương
Và mạn đà la toàn thể của những cúng dường.
Hôm nay có cần gì thấp hương của các vị.

Bốn bộ dakini đang hát lời tán thán
Khi những dakini chủ cúng dường.
Hôm nay các vị cử hành nghi lễ ra sao ?

Bởi vì chư vị Đạo sư giác ngộ bao quanh Ngài
Và vô số đại thiên giả lễ kính,
Hôm nay có cần gì sờ chạm xác thân đây ?

Với Đạo sư đã chứng ngộ thực tại Chân Như,
Có cần gì làm đẹp cho cái xác của Ngài ?

Cái được trời người vĩnh viễn tôn sùng
Có cần gì một ai sở hữu !
Thay vì thế, hãy hòa nhập vào sự tôn thờ của toàn pháp
giới.

Tuân thủ những giới điều của lama và yidam
Không cần gì thêm những giáo huấn khác,
Hãy tiếp tục đi theo những giới điều.

Bởi vì thân thể Đạo sư là một đồng ngọc vô giá,

Hãy bỏ đi những tranh cãi chủ quyền và hãy bình an tịch
lặng.

Bởi vì những giáo huấn của lama giác ngộ là bí mật sâu xa,
Hãy từ bỏ ý muốn luận bàn về chúng mà yên lặng tịch
nhiên.

Những giáo huấn bí mật là hơi thở sống của những dakini,
Hãy thực hành chúng trong ẩn tu toàn diện, kéo nhiệm ô
vào những hình thức vô vàn.

Trong nỗ lực tập trung tiến về giải thoát,
Nhiều chướng ngại khởi lên, thế nên hãy thiền định trong
ẩn mật hoàn toàn.

Qua sự trách mắng của guru kỳ diệu
Ban phước và chúng ngộ sẽ đến,
Thế nên hãy vất bỏ hết mọi tâm nghi ngờ.

Đã có câu chuyện cuộc đời giải thoát của Đạo sư,
Không cần gì phải tuyên dương danh tiếng.

Những ban phước tuôn chảy từ bài ca của những dakini
tối thượng,
Thế nên hãy tăng trưởng lòng tin.

Hỡi những đệ tử phước đức, có nhiều vị thánh chúng đặc
Trong những hậu duệ tâm linh của Milarepa.

Hỡi chư thiên và loài người,

Sẽ không có dịch bệnh nào tàn phá người và thú vật của
vùng đất này.

Tất cả các người tụ hội nơi đây tối nay
Sẽ không có ai sinh trong ba cõi thấp.

Trong mạn đà la tánh Như của Không tánh⁽¹⁰⁾
Tướng và Tánh, tri giác các sự vật bên ngoài và tánh Giác
là một
Thế nên hãy phá tan sự bám chấp những phân biệt nhị
nguyên.

Không có ý nghĩa đặc biệt nào trong giáo huấn cuối cùng
của Đạo sư đã tịch,
Thế nên hãy hoàn thành những lời dạy của Ngài.

Nguyện tất cả các vị sống mãi mãi trong Pháp tối thượng,
Nguồn bao la của hòa bình và niềm vui !”

Khi bài ca chấm dứt, Đạo sư vùng Ngandzong nói, “Dù
lời dặn của Đạo sư hoãn lại lễ trà tỳ cho đến khi Retchung về
hợp với ý tứ của bài ca của những dakini, thì chúng ta cũng
không biết khi nào huynh Retchung trở về. Thân xác sẽ sớm
tan biến hoàn toàn vào hư không.” Repa Ánh Sáng Bình An
nói ông chắc rằng Retchung sẽ đến sớm, như Đạo sư và những
dakini đã nói, và cũng vì thân thể Đạo sư không chịu bắt lửa.
“Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy dành cho sự tôn thờ và kính
ngưỡng Đạo sư.”

Vào thời gian đó Retchung đang ở tu viện Loro Döl miền
Nam Tây Tạng. Một buổi sáng, lúc sắp bình minh, khi ông còn
trong một trạng thái trộn lẫn giữa tham thiền và giấc ngủ, ông

thấy một nhóm dakini sắp mang đi xa đến một cõi khác một tháp bằng pha lê chiếu sáng khắp các cõi trời. Ông thấy tháp pha lê được ca hát tán thán và tôn thờ bằng những phẩm vật cúng dường quá sức tưởng tượng bởi một chúng hội theo truyền thống Kim Cương thừa và những thí chủ cư sĩ đầy khắp mặt đất, và bởi chư thiên và chư dakini đầy cả bầu trời.

Retchung lễ lạy khi thấy Jetsun nghiêng người ra khỏi bảo tháp và Đạo sư nói, “Retchung, con ta, dù con không về đến đúng như ta yêu cầu con, thì tâm ta cũng tràn đầy niềm vui khi cha con chúng ta ít ra cũng đã trùng phùng. Không chắc khi nào chúng ta sẽ gặp lại gặp nhau, thế nên chúng ta hãy trân trọng cơ hội hiếm hoi này.” Rạng rỡ một nụ cười hoan hỷ, Đạo sư sờ nhiều lần lên đầu Retchung. Retchung nhận biết tính độc nhất của lần gặp gỡ này và một niềm tin chưa từng có khởi lên trong ông.

Retchung tỉnh dậy. Ông nhớ lại những lời nói trước kia của Đạo sư. Hy vọng lama của mình chưa chết, ông cảm thấy phải đi nhanh để gặp Ngài dù cho có thể không đến Chuwar kịp lúc. Khi ông cầu nguyện Jetsun với một niềm tin nồng nhiệt cực độ, hai người đàn bà xuất hiện trên trời trước mặt ông và nói, “Retchung, lama của ngài đã đi qua cõi Tịnh Độ của những dakini. Nếu ngài không đi nhanh ngài có thể không bao giờ thấy lại lama trong đời này nữa. Hãy đi ngay bây giờ không chậm trễ.” Điềm báo trong giấc mộng và việc thấy trên trời đầy những cầu vồng và ánh sáng làm khởi lên một nỗi niềm nhớ đến lama và mong mỏi đến với Ngài.

Ông rời bỏ Loro Döl vào lúc sáng sớm khi gà gáy. Duy trì nhất tâm hòa hợp với tỉnh giác thanh tịnh nhất về lama,

Retchung trong một hành động sùng mộ, đã hít không khí vào thân và giữ hơi ấy, với sức mạnh của một mũi tên bắn giỏi đã trải qua chỉ trong một buổi sáng khoảng cách mà người du hành thường phải mất hai tháng. Rạng sáng hôm sau, đến đèo trên mồm Núi Podri giữa Dingri và Drin, ông nghỉ một lúc. Ông thấy những dấu hiệu kỳ diệu không tưởng tượng nổi tràn ngập toàn thể không gian của các cõi trời, núi non và trên mặt đất. Ông rất hoan hỷ. Trên đỉnh núi Jowo Razang ông thấy vô số chư thiên trẻ cả nam và nữ trong những vòm ánh sáng và cầu vồng, mang vô số phẩm vật cúng dường của năm xuất thần giác quan, nhiệt thành tôn thờ và lễ lạy hướng về Chuwar.

Thấy những dấu hiệu này, Retchung đầy lo âu. Ông hỏi các vị trời ý nghĩa của những dấu hiệu kỳ lạ này, và đặc biệt ai là người họ đang lễ bái. Một số thiên nữ nói, “Ngài đã cắt đứt hoàn toàn với thế giới này, cho nên không thấy gì, không nghe gì cả sao ? Những cúng dường này do chư thiên ở những cõi cao hướng đến Đạo sư linh thánh nhất của trái đất, Mila Kim Cương Cười. Ngài được cả trời và người thờ phụng ở Chuwar khi Ngài đi vào Tịnh Độ của những dakini.”

Nghe vậy, Retchung cảm thấy trái tim mình tan vỡ. Ông vội vàng đi nhanh hơn. Khi ông đến rất gần Chuwar ông thấy Jetsun đang ngồi trên một tảng đá lớn có hình nền vuông của một cái tháp. Đúng như trong giấc mộng, Đạo sư tỏ ra vui mừng, chào đón ông, nói rằng, “Con ta, bây giờ con đã ở đây.”

Nghĩ rằng Đạo sư chưa viên tịch, Retchung cảm thấy một niềm vui vô bờ. Ông lễ lạy dưới chân Đạo sư và nói với lòng tôn kính. Đạo sư trả lời mọi câu hỏi của ông.

“Retchung, con ta, ta sẽ dẫn đường, hãy theo ta.” Nói thế rồi, Đạo sư tiến lên trước và tức thời biến mất.

Retchung tiếp tục cuộc hành trình và đến Chuwar. Ở động của Đạo sư ông thấy những đại đệ tử, nhà sư, cư sĩ đang than khóc lễ bái thân xác Đạo sư. Không biết ông là ai, một số nhà sư mới vào tu chặn Retchung lại không ông đến gần nhục thân. Đau buồn vì điều đó, Retchung hát bằng một giọng buồn rầu Bài Ca Sùng Mộ Bảy Đoạn này :

“Ôi Đạo sư, bậc bảo vệ của chúng sanh,
Ôi Đạo sư, Phật của Ba Đời,
Trong Pháp thân bi trí sáng soi,
Xin hãy nghe bài ca kêu thương này
Từ đệ tử bất hạnh Retchung của Ngài.

Ôi Lama Tôn Quý ! Khốn khổ và đau thương, con kêu
lên bài ca.

Mong muốn cháy bỏng được gần thân xác Thầy con bước đến
Nhưng đũa con bất hạnh này không thể thấy được mặt Thầy,
Xin nhìn xuống con với lòng bi mẫn, ôi Người Cha Tử Tế
Nhân Từ.

Hướng đến Thầy, Phật của Ba Đời
Bạc sở đắc Trí huệ, Đại bi và Thần lực,
Con, một kẻ hành khát, con xin lễ lạy qua ba cửa thân,
ngũ, tâm,
Và cúng dường sự thiên định theo lời Thầy dạy.
Con tịnh hóa những hành vi xấu ác khởi từ những tri giác
bất toàn và méo mó.

Và vui sướng bao la (tùy hỷ) trong mọi hoạt động toàn
thiện của Thầy.

Nguyện Thầy tiếp tục chuyển Bánh Xe Pháp thiêng liêng,
Nguyện Thầy trụ thế và không vào niết bàn.

Con nguyện hồi hướng những công đức của thiền định và
chúng ngộ của con

Đến sự hoàn thành ý định của Thầy.

Nguyện con thành tựu kết quả của sự hồi hướng này

Và nguyện con thấy được tôn nhan Thầy.

Con, trước kia thầy đã đối xử với bao bi khổ,

Giờ con bị ngăn không cho thấy được xác thân Thầy.

Bất hạnh thay, con không thấy được Đạo sư đang sống ;

Nhưng con mong thấy khuôn mặt Thầy khi chết,

Và sau khi thấy tôn nhan

Nguyện con trực tiếp nhận được hay là qua những linh
kiến

Giáo huấn giá trị nhất của Thầy

Để hàng phục những chướng ngại trong hai giai đoạn
cao hơn của thiền định.

Đây là nội dung lời kêu cầu của con.

Ôi Đạo sư, nếu Thầy không làm gì từ lòng bi cho đứa con
của Thầy,

Thì có ai khác sẽ được Thầy che chở với trí huệ và tình
thương tử phụ ?

Ôi Cha Lành, xin đừng lấy khỏi con cái móc của lòng bi
của Người.

Xin nhìn con từ cõi giới vô biên không hình tướng.

Mong Đạo sư, bậc Thầy Khấp ba thời, nhìn đến Retchung,
kẻ tôi tớ ngu mê với trí huệ.

Đứa con của Thầy, Retchung, bị hành hạ bởi năm độc.
Xin nhìn xuống con, hồi Cha Lành, người sở đắc Năm Trí
Tối Thượng.

Xin hãy nhìn với lòng bi xuống tất cả chúng sanh.
Xin hãy nhìn Retchung từ tình thương bi mẫn của Người.”

Retchung hát như thế với nỗi buồn rầu. Khi âm thanh
giọng nói Retchung cất lên, ánh tỏa sáng trên mặt Đạo sư nhạt đi
và đồng thời lửa bốc lên từ thân xác.

Nghe giọng của Retchung, Repa Ánh Sáng Bình An, Đạo
sư Repa vùng Ngandzong, Seban Repa và những huynh đệ Kim
Cương khác với những cư sĩ đến đón Retchung. Khó chịu vì
hành động ngăn chặn của những đệ tử trẻ không cho ông đến
thấy thân thể Jetsun, Retchung đứng yên cho đến khi bài ca
chấm dứt.

Vào lúc đó, dù Đại Đạo sư đã đi vào Pháp thân trong
suốt như pha lê, Ngài trở lại và nói với những đệ tử mới vào,
“Chớ đối xử như vậy với Retchung, “Một con sư tử sống thì tốt
hơn một trăm bộ da thuộc !” Hãy để anh ta đến với ta.”

Rồi Ngài nói với Retchung, “Con ta, chớ có thất vọng. Chớ
có để cho khó chịu tác động. Hãy đến trước cha của con đây !”

Mọi người đều kinh ngạc và hoan hỷ vô song. Retchung
ôm lấy thân thể Jetsun, khóc và mừng đến nỗi ngất đi. Khi tỉnh
lại, ông thấy những đại đệ tử, nhà sư và cư sĩ tất cả đều ngồi
trước hỏa khám đài táng. Đạo sư hoàn toàn không có chút bệnh
tật nào. Xuất hiện như một biểu lộ bất khả hoại của sắc và

không hợp nhất, và ngồi ngự trên một hoa sen tám cánh, Đạo sư chói ngời như một nhụy hoa. Ngồi trong tư thế thoải mái vương giả, tay phải Ngài đưa ra trong ấn thuyết pháp, đờ ngọn lửa xuống, tay trái trong một ấn nâng đỡ má trái, một đầu gối hơi dõ lên, Ngài nói với mọi đệ tử và cư sĩ, “Hãy lắng nghe sự trả lời này cho bài ca của Retchung và những lời cuối cùng của lão già này.”

Đạo sư hát bài ca bất hoại này, gọi là Sáu Nguyên Lý Chánh Yếu, từ đài hỏa táng :

“Hãy nghe đây, Retchung, yêu quý nhất của lòng ta,
Bài ca Chúc Thư Cuối Cùng về Giáo Huấn.

Trong đại dương của ba cõi sanh tử
Thân huyễn hóa là kẻ đại thủ phạm,
Cố gắng mãi hoài thỏa mãn những mục tiêu vô thường,
Quá ít thời gian để buông bỏ những truy cầu trần thế.
Hỡi Retchung, hãy buông bỏ những nỗ lực phát triển
chẳng tới đâu.

Trong thành phố của thân như huyễn,
Tâm huyễn hóa là kẻ đại thủ phạm,
Làm nô lệ mãi hoài cho máu thịt xác thân,
Quá ít thời gian để chứng biết Thực Tại Tối Hậu.
Hỡi Retchung, hãy nhận rõ bản tánh chân thật của tâm.

Trên ranh giới giữa tâm và vật, cái thức bên trong là đại
thủ phạm,
Bị hút vào lãnh vực của những tri giác do duyên,

Quá ít thời gian để chúng ngộ bản tánh không sanh của thực tại.

Hỡi Retchung, hãy đánh chiếm thành trì của tánh Không vô sanh bất diệt.

Trên ranh giới giữa đời này và đời kế tiếp,
Thức trong trạng thái trung ấm Bardo⁽¹¹⁾ là đại thủ phạm,
Cứ lo tìm một cái thân dù đã mất thân,
Quá ít thời gian để chúng ngộ Thực Tại Tối Hậu.
Hỡi Retchung, hãy tìm đường đến chúng ngộ này.

Trong thành phố hư vọng của sáu loại chúng sanh,
Có một sự tích tập vĩ đại những nhiễm ô và nghiệp xấu
theo thúc đẩy của ghét và thương,
Quá ít thời gian để tri giác Tánh Không Toàn Khắp.
Hỡi Retchung, hãy buông bỏ ghét thương, lấy bỏ.

Trong cõi trời không thể thấy, có một vị Phật,
Ngài khéo léo dùng những giả huyễn,
Dẫn dắt chúng sanh đến chân lý tương đối,
Họ có ít thời gian để chúng ngộ chân lý tuyệt đối,
Hỡi Retchung, hãy buông bỏ những ý niệm, danh từ.

Lama, yidam và chư dakini, cả ba hợp nhất trong một.
Hãy cầu nguyện các Ngài !
Cái thấy, tham thiền và thực hành, cả ba hợp nhất trong
một –

Hãy thông thạo chúng !
Đời này, đời kế và trung ấm, cả ba hợp nhất trong một –
Hãy thống nhất chúng !

Đây là giáo huấn cuối cùng và di chúc chót hết của ta.
Hỡi Retchung, không có gì để nói nữa.
Con ta ơi, hãy hiến mình tận tụy cho giáo huấn này.”

Nói như thế xong, Jetsun tan biến vào Tánh Không Toàn Khấp. Đài hỏa táng tức thì biến thành một lâu đài cõi trời, hình vuông, có bốn cổng vào với mái cổng trang hoàng xảo diệu. Trên vòm cổng một cầu vồng và một trường ánh sáng, những lọng, phướn và những đồ cúng khác.

Ngọn lửa ở phần đáy có hình hoa sen tám cánh và đầu những ngọn lửa uốn cong hiện thành tám biểu tượng tốt lành⁽¹²⁾ và bảy biểu hiện vương giả.⁽¹³⁾ Thậm chí những tia lửa đều có hình thiên nữ bung nhiều phẩm vật cúng dường. Những bài thánh ca và tiếng lách tách của ngọn lửa chói sáng nghe du dương như một bản đại hòa tấu an vui. Khói tỏa thấm mọi sự vật với mùi hương và trong bầu trời trên đài hỏa táng, chư thiên nam nữ trẻ rót xuống một dòng cam lồ từ những chiếc bình họ đang cầm và dâng cúng những vui thích đầy dẫy cho năm giác quan.

Những lama và những cư sĩ trong sạch đầy tràn niềm vui. Tất cả đệ tử, nhà sư và tín đồ cư sĩ đều thấy đài hỏa táng là một lâu đài cõi trời rực rỡ, trong khi chính thân xác được thấy khác nhau là Hevajra, Chakrasamvara, Guhyasamaja hay Vajravarahi. Bây giờ chư dakini hát cùng một giọng :

“Sau khi Đạo sư – Viên Ngọc Như Ý – ra đi
Một số người khóc lóc và những người khác thở than.
Trong khi họ buồn rầu và than khóc
Một ngọn lửa chói ngời chột tự bùng lên,

Ngọn lửa có hình hoa sen tám cánh,
 Tám biểu tượng tốt lành, bảy biểu hiệu vương giả và
 nhiều đồ cúng dường vui thích.
 Tiếng reo của lửa hòa âm thành nhạc điệu du dương
 Như âm nhạc của tù và, nã bạt, đàn sáo và trống
 Từ những tia lửa lấp lánh xuất hiện những dakini
 Của ba cấp độ – ngoài, trong và thậm thâm,
 Lễ bái và cúng dường vô số phẩm vật đủ loại,
 Giữa mây khói, những cầu vòng, ánh sáng có những
 đám mây cúng dường,
 Như lọng, phướn, nút thắt vinh quang và chữ Vạn⁽¹⁴⁾
 Vô số dakini đẹp đẽ tuyệt vời mang xá lợi đi từ đài hỏa
 táng,
 Lạ lùng là thân xác Đạo sư được hỏa táng dù nó đã
 được trả về vô tướng, không để lại tàn dư.
 Trong cõi giới Pháp thân của Lama, tụ hội đám mây Báo
 thân do đại nguyện và lòng bi của Ngài,
 Lưu xuất những hoạt động của Hóa thân như một cơn
 mưa hoa không dứt.
 Nhờ đó Ngài đem những người cầu đạo đến quả của họ.
 Pháp giới, bản tánh tối hậu của tất cả mọi sự, thì trống
 không, không bị điều kiện hóa, không tăng không
 giảm.
 Tánh Chơn Không thì không đến cũng không đi, không
 còn không mất.
 Dù sanh tử do duyên có khởi có diệt cũng vốn trống
 không trong bản tánh của chúng.
 Thế nên hãy vất bỏ những nghi ngờ mê hoặc của các
 người.”

Sau bài ca này, trời cũng vừa sẫm tối. Ngọn lửa chói sáng cũng biến mất. Mọi người nhìn thấy khám hỏa táng hoàn toàn trong suốt. Những đệ tử và cư sĩ nhìn vào những xá lợi. Một số người thấy một tháp lớn bằng ánh sáng trong khi những người khác thấy những hình tượng Hevajra, Chakrasamvara, Guhyasamaaja hay Vajravarahi. Một số khác thấy những đồ vật thiêng liêng, như chày kim cương, chuông, bình và những chủng tử tự⁽¹⁵⁾ của những thần chú tượng trưng cho thân, ngữ, tâm giác ngộ. Những người khác thấy trong khám hỏa táng một ánh sáng trắng với những tia sáng sắc vàng, một ao nước phẳng lặng, một ngọn lửa cháy, một ngọn gió xoáy và những đồ cúng dường không thể thấy được làm những giác quan vui thích và vượt ngoài tưởng tượng. Tuy nhiên có những người khác thấy cảnh giới không gian trống không.

Những đệ tử mở cửa khám hỏa táng và rời tất cả ngũ cạnh đó với mong mỏi rằng sẽ có một số lượng lớn di vật thiêng liêng và ngọc xá lợi đủ mọi hình thể kỳ diệu.

Rạng sáng hôm sau Retchung mộng thấy năm dakini màu xanh, vàng, lục, đỏ và trắng, khoác áo dài lụa và trang sức rực rỡ bằng nữ trang, một số làm bằng xương và số khác bằng ngọc. Những tùy tùng phái nữ trong những màu sắc tương tự vây quanh họ. Tất cả đều mang theo vô số đồ cúng dường thuộc năm xuất thần giác quan và lễ bái khám hỏa táng. Những dakini chủ mang đi một quả cầu ánh sáng trắng từ khám hỏa táng, phủ trong một tấm màn lụa trắng.

Retchung sững sờ trước cảnh tượng này. Rồi ông tiến đến khám hỏa táng xem thử hay là những dakini lấy đi tro và ngọc xá lợi. Những dakini bay lên trời. Ông vội vàng thức tất cả

những huynh đệ Kim Cương. Khi họ bắt đầu xem xét khám, họ thấy rằng những dakini đã mang đi tất cả những di vật thiêng liêng, chẳng để lại cái gì, thậm chí là tro. Buồn rầu, Retchung cầu xin từ những dakini một phần xá lợi như là phần chia cho loài người. Những dakini trả lời, nói rằng, “Nếu ngài, đại đệ tử của Jetsun, mà còn không bằng lòng với sự thức tỉnh trực tiếp về tâm thức của ngài trong trạng thái Pháp thân của nó, đây là cái thiêng liêng quý báu nhất của tất cả các xá lợi, thì ngài nên cầu nguyện Đạo sư ngũ hủ từ lòng bi của Ngài, Ngài có thể chấp thuận cho ước nguyện của ngài chẳng ! Về phần loài người, họ không có sự tôn kính đối với Đạo sư – vị chiếu sáng như mặt trời mặt trăng – họ sẽ không được phần nào cả, tro lẫn xá lợi. Họ chưa bao giờ quý trọng Ngài, xem Ngài như một con đom đóm. Bởi thế những di vật này thuộc về chúng tôi.”

Nói xong những dakini này vẫn ở yên trong bầu trời. Bấy giờ Retchung, nhận biết sự thật về điều những dakini đã nói, hát lên lời cầu nguyện này :

“Ôi Đạo sư, khi Thầy ở với Bốn sư Marpa,
 Thầy đã tha thiết tin tưởng cố gắng hoàn thành mọi chỉ
 thị của Ngài.
 Nhờ đó Thầy đã được trao cho những giáo pháp mang
 chân lý sâu xa,
 Rồi Thầy đã thức tỉnh và giải thoát cho mọi người cầu
 đạo phước đức.
 Xin hãy ôm chúng con và tất cả chúng sanh với lòng bi
 của Thầy,
 Và ban cho chúng con xá lợi của Thầy để cho lòng quy
 ngưỡng của chúng con.

Ôi Đạo sư, khi Thầy sống trong núi non hoang vắng,
Qua sự thiên định kiên trì của Thầy
Thầy đã thành tựu thần lực để phát khởi những biểu hiện
điệu kỳ
Như là dấu hiệu sự chứng ngộ,
Danh tiếng Thầy trải ra khắp xứ.
Xin hãy ôm chúng con, những người đã thấy và đã nghe
Thầy,
Và ban cho chúng con xá lợi của Thầy để cho lòng quy
ngưỡng của chúng con.

Ôi Đạo sư, khi Thầy ở giữa các đệ tử chúng con
Thầy bi mẫn cho tất cả, tràn đầy bình đẳng.
Trong Thầy chúng con thấy được sự nở hoa trọn vẹn
của cái thấy thấu suốt và sự biết trước.
Thầy tràn đầy từ tâm cho chúng sanh.
Xin hãy ôm chúng con, những hành giả may mắn, với
lòng bi của Thầy,
Và ban cho chúng con xá lợi của Thầy để cho lòng quy
ngưỡng của chúng con.

Ôi Đạo sư, khi Thầy ở giữa đám đông, Thầy từ bi khởi
dậy nơi họ Bồ đề tâm rộng mở.
Thầy dẫn đưa tất cả những ai tìm đến Thầy vào con đường
giải thoát.
Với những ai khốn khổ Thầy đặc biệt xót thương.
Xin hãy ôm chúng con, những hành giả may mắn, với
lòng bi của Thầy,
Và ban cho chúng con xá lợi của Thầy để cho lòng quy
ngưỡng của chúng con

Ôi Đạo sư, khi Thầy xả bỏ thân thể huyễn hóa, Thầy đã
hoàn toàn thức tỉnh với chân lý bốn tâm.
Thầy thấy biết tất cả mọi hiện tượng là Pháp thân và trở
thành tối thượng giữa tất cả dakini.
Xin hãy ôm chúng con, những hành giả may mắn, với
lòng bi của Thầy,
Và ban cho chúng con xá lợi của Thầy để cho lòng quy
ngưỡng của chúng con.
Xin chấp nhận cho chúng con, những con cái của Thầy
đang tụ hội nơi đây.”

Retchung cầu nguyện Đạo sư bằng bài ca buồn thảm
như thế. Lúc đó vị dakini chủ thả xuống từ tay bà một vật
thiên liêng, lớn bằng quả trứng, nó phóng ra một dòng ánh sáng
năm màu và xuống đến khám hỏa táng. Mọi đệ tử chánh đều
đưa tay ra nhận lấy phần mình. Thế rồi vật ấy bay lên trở lại và
nhập vào trong ánh sáng vị dakini chủ đang cầm. Ánh sáng
bây giờ phân làm hai, một phần biến thành tòa sư tử với một
tọa cụ bằng sen trên có mặt trời mặt trăng. Phần ánh sáng kia
biến thành một cái tháp pha lê và đến ngự trên ngai. Những ánh
sáng năm màu tỏa chiếu từ tháp. Tháp cao khoảng nửa thước
và có Một Ngàn Lẻ Hai đức Phật⁽¹⁶⁾ bao quanh. Bốn tầng tháp
có những hóa thân yidam rực rỡ của bốn loại Tantra trong thứ tự
tự nhiên của các vị. Ngồi ở trong phòng hình cầu của tháp là
hình tướng của Milarepa, cao khoảng tấc rưỡi.

Những dakini lễ lạy và tôn sùng Ngài với bài ca sau đây,
có hai dakini đang bảo vệ tháp phụ họa :

“Hỡi các con ! Dewa Kyong (Người Giữ Gìn An Lạc), Shiwa
Ö (Ánh Sáng Bình An), Đạo sư vùng Ngandzong,
và những đệ tử áo vải được ban phước khác.
Với sự nhiệt thành sùng mộ và thiết tha các con kêu cầu
danh hiệu người cha tâm linh của mình
Xin Ngài ban cho các con và tất cả loài người, di vật và
xá lợi
Làm bảo vật cho lòng quy ngưỡng của các con.

Do sức mạnh cầu nguyện đến từ sâu thẳm của lòng các
con,
Và do thần lực của lòng bi của Milarepa,
Các con đã thấy sự xuất lộ của Ba Thân của Ngài
Và như vậy các con không trở lại vào vòng sanh tử luân
hồi nữa.
Nếu các con nhất tâm tận nguyện các con sẽ đạt Giác Ngộ
viên mãn.

Từ Nhất Chân Pháp Giới của Pháp thân khởi ra một di
vật thiêng liêng lớn bằng quả trứng.
Nó là một vật để quy ngưỡng cho tất cả loài người.
Nhưng các con không thể có nó bằng cách nắm lấy nó.
Làm sao nó thường trụ giữa thế phàm lấy bỏ ?
Nhưng nếu các con lại nhiệt thành cầu nguyện Jetsun,
lòng bi của Ngài cho các con không bao giờ giảm sút,
Vì có một cam kết long trọng của tất cả chư Phật vì lợi
lạc của các con.
Qua những hoạt động mở khắp khởi từ Pháp thân, những
biểu lộ hình tướng khởi lên trong vô vàn hình thức.

Yidam Chakrasamvara của các con xuất hiện cùng với
phối ngẫu của Ngài trong tư thế hợp nhất,
Trang sức tráng lệ với đồ trang sức bằng xương.
Một mạn đà la những hóa thân⁽¹⁷⁾ lấp kín bầu trời.
Đồ cúng dường của những daka và dakini tỏa ra như mây.
Báo thân biểu lộ ban quán đảnh cho các con nhanh chóng
thành tựu chứng ngộ.
Nếu các con có thể cầu nguyện các vị, những ảnh
hưởng tâm linh của các ngài sẽ không bao giờ
giảm sút,
Bởi vì có một cam kết long trọng của tất cả chư dakini vì
lợi lạc cho các con.

Bằng những hoạt động mở khắp của chư Phật trong
Pháp thân những hiện thân của các ngài khoác
nhiều hình thức.
Bởi thế, xuất hiện một tháp pha lê gần nửa thước chiều
cao,
Bao quanh là Một Ngàn Lê Hai đức Phật, như diễm tả
trong kinh,
Và trang hoàng với yidam trong bốn loại Tantra.
Thật là một thị kiến diệu kỳ trước mắt các con !
Nếu các con có thể cầu nguyện các vị không xao lãng,
Những hoạt động mở khắp của các ngài sẽ không bao
giờ giảm sút,
Bởi vì có một cam kết long trọng của tất cả các bậc đạo
sư đã thức tỉnh vì lợi lạc cho các con.

Nếu các con thành thật an trụ bởi những thệ nguyện của
mình, tất cả hộ pháp sẽ ủng hộ các con.

Nếu các con có thể sống trong núi non hoang vắng, những thiện trí thức, daka và dakini, sẽ tự nhiên tụ tập quanh các con.

Thành thật nhất tâm vào Pháp là dấu hiệu đi trước của sự chứng ngộ nhanh chóng của các con.

Nếu các con thoát khỏi tham muốn lạc thú, các con nhỏ được gốc của những nhiễm ô tâm thức.

Nếu các con không bám vào chấp ngã và chấp pháp cho là thật có, những chướng ngại và những lực lượng phá hoại sẽ bị loại trừ.

Nếu các con không còn bám chấp nhị nguyên, cái thấy của các con đã đạt đến hoàn thiện.

Nếu các con có thể thấy biết sanh tử và niết bàn là trống không, sự thiên định của các con đã đạt đến hoàn thiện.

Nếu sự buông bỏ khỏi sanh tử sâu thẳm của tâm thức, sự thực hành của các con đã đạt đến hoàn thiện.

Nếu lama nói cho biết trước công việc định mệnh của các con, sự cam kết của các con đã đạt đến hoàn thiện.

Nếu các con tìm cách phụng sự tất cả chúng sanh, mục tiêu của các con đã đạt đến hoàn thiện.

Nếu Đạo sư và những đệ tử thành tựu một hòa hợp tâm linh, mối liên hệ của họ đã đạt đến hoàn thiện.

Nếu các con nhận biết những dấu hiệu và trạng thái của sự chứng ngộ của các con, những thị kiến tri giác của các con đã đạt đến hoàn thiện.

Sự hòa hợp trong chúng, kinh nghiệm thức tỉnh cùng với sự ấm áp bên trong và mọi dấu hiệu của nó,

Hãy để cho chúng là phần chia xá lợi giữa các con.”

Sau bài ca này, những dakini để lộ cái tháp cho tất cả đệ tử nhìn thấy. Khi những dakini sắp đi đến những cõi khác, họ đặt cái tháp trên một cái ngai bằng châu báu. Muốn cầu xin những dakini đang cầm cái tháp để lại tháp như một vật thiêng liêng cho loài người quy ngưỡng, Shiwa Ö (Ánh Sáng Bình An) Repa thỉnh cầu họ bằng bài ca này :

“Ôi Cha, Ngài đảm đương Hóa thân để phụng sự những người khác.

Ngài là bậc thầy Tánh đã thức tỉnh như là Báo thân.
Như là Pháp thân vô tướng, Ngài ôm trùm pháp giới,
Con cầu nguyện Ngài, trạng thái tối hậu của thực tại.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi gặp gỡ những vị thánh giác ngộ khác,
Thầy như một cái tráp đầy châu ngọc quý,
Thầy là bậc thầy Tánh vô giá, hỡi Thế Tôn.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc thành tựu trí huệ toàn thiện.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy phụng sự lama của Thầy,
Thầy giống như len của con trù trắng,

Thầy, bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, ban lợi lạc cho tất cả chúng sanh.

Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Đại Bi toàn khắp,

Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy từ bỏ những theo đuổi thế gian,
Thầy như vua của những nhà hiền minh thời cổ,
Một thiền giả thấy Tánh không động lay.

Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Không Gì Có Thể Chế Ngự.

Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy thiền định về những giáo huấn của
lama của Thầy,

Thầy như một con cọp cái ăn thịt một xác chết,
Một bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, Thầy thoát khỏi mọi
nghĩ nan.

Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Kiên Trì chuyên nhất.

Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy biểu hiện những dấu hiệu của thần
lực bên trong,

Bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, Thầy như con voi và sư tử
tuyệt,
Thoát khỏi tất cả mọi yếu đuối thế gian.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Vô Úy.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy đạt Sáng Tỏ với ấm áp hoan hỷ,
Thầy, bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, như mặt trăng tròn
Thấm khắp toàn thể trái đất bằng quang minh và hơi ấm.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc trong ngần Vô Ngã.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy dẫn dắt các đệ tử cao cấp nhất
của Thầy,
Sự gặp gỡ như một tấm-gương-lấy-lửa dưới ánh mặt trời,
Thầy, bậc thầy Tánh vĩ đại, đưa họ vào trạng thái thức
tỉnh.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Nhân Từ Tử Tế,
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy tiếp xúc của cải thế trần,

Thầy, bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, giống như thủy ngân
rơi trên mặt đất,
Không bao giờ nhiễm ô vì huyễn tướng thế phàm.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Toàn Hảo muôn bề.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy hướng dẫn những chúng hội đồng
người,
Thầy, bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, giống như mặt trời
mọc trên đại địa,
Xua tan bóng tối, làm sáng bùng cho tất cả,
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Trí-Bi toàn khắp.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy gặp gỡ mọi người,
Thầy, bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, giống như một người
mẹ gặp đứa con độc nhất,
Tìm cách làm tất cả cho sự tốt đẹp của họ.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Thương Yêu Từ Ái.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy đi đến cõi những dakini,
Thầy, bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, giống như một cái
bình như ý,
Thỏa mãn ước ao của tất cả trời-người.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Kỳ Diệu vô song.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi ban cho những chỉ thị tiên tri,
Thầy, bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, giống như một ngón tay
Chỉ thẳng sự việc không chút gì lằm lẩn.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Thấu Rõ Ba Đời.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.

Ôi Thế Tôn, khi Thầy ban những giáo huấn để thúc đẩy
nhanh sự chúng ngộ của chúng con,
Thầy, bậc thầy Tánh đã thức tỉnh, như một người cha
truyền tất cả gia sản cho con,
Không bám luyến, lẩn tiếc, không chút gì giữ lại.
Con dâng cúng lòng sùng mộ của con lên Thầy,
bậc Đại Bi toàn vẹn.
Bảo tháp những dakini đang cầm trong tay,
Xin hãy ban cho chúng con, những đứa con còn lại của
Thầy.”

Với lời cầu khẩn này của Repa Ánh Sáng Bình An, có sự trả lời bằng một bài ca từ hình tượng của Jetsun trong tháp, xua tan những sai lầm của phán đoán về những sự việc có vẻ như giống nhau.

“Hỡi đệ tử tín tâm và thiện căn lợi trí,
Kêu cầu ta âm vang giọng đau buồn,
Hãy nghe đây những đệ tử áo vải tuyệt vời,
Ta là Milarepa,

Trong tánh Không của Pháp thân ta suốt khắp,
Có gì đâu được-mất bao giờ,
Khi xác thân ta tan vào Tánh Không Trùm Khấp
Tất cả tro tàn và xá lợi hóa thành một tháp tỏa hào quang,
Với hết thảy chúng sanh tìm cầu công đức, đấy là một
vật thiêng liêng.

Chỗ an vị của nó sẽ là những cõi Phật và những người
bảo vệ nó là năm loại dakini.

Chư thiên và chư dakini sẽ tôn kính thờ phụng nó.
Nó sẽ biến mất nếu để lại trong cõi người.

Về phần chia của các con, những đệ tử của ta,
Ta đã thức tỉnh tánh giác bản nguyên sâu thẳm của các
con, vốn đồng nhất với Pháp thân.

Vì đây là cái linh thánh nhất của mọi ngọc xá lợi.
Trong cố gắng đi đến giác ngộ về Cái Ấy, các con sẽ đối
mặt với

Những sai lầm của phán đoán về những cái tương tự và
những cái khác biệt.

Hãy hấp thụ chúng chớ quên, và phân biệt theo đó.

Nối kết với một người cha tâm linh ngài là một lama toàn
hảo, và

Nối kết với một người phẩm chất tốt do nghiệp quá khứ,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Thấy biết Tánh Không bản nhiên của tâm con, và
Ở trong một trạng thái vô niệm do tâm thức dẫn khởi,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Đạt đến một trạng thái bản nguyên tự nhiên trong thiên
định, và
Bám vào một cái vỏ bọc tĩnh lặng do tâm thức gò ép,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Sự xuất hiện bên trong của một sự tự-giải thoát tự nhiên,
và
Ý thức về những ý niệm chúng có vẻ đúng,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Thấy biết bản tánh không nhiễm ô của tâm trong nguyên
thể trần trỗng của nó, và
Do lòng tốt phụng sự những người khác vì lợi lạc của họ,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Những dấu hiệu chứng đắc khởi từ những nỗ lực trong
chúng ngộ, và

Có được sự thành công vật chất nhờ nghiệp đời quá khứ,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Những hướng dẫn và tiên tri của những dakini, của những
vị nắm giữ trí huệ tối thượng (thiện tri thức) và
Sự mời mọc kêu gọi của những lực lượng siêu nhiên,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Sự ủng hộ có thể tin cậy của những dakini bảo vệ, và
Những chướng ngại thử thách do những năng lực của
Ma đặt ra,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Cảnh giới không dấu vết nhiễm ô của Pháp thân, và
Xả lợi bằng chất liệu của trái đất,
Dù cả hai có vẻ xứng đáng tôn thờ như nhau, hãy cẩn
thận chú ý không phán đoán lầm lẫn.

Sự nở hoa của Hóa thân khởi từ tánh Không Toàn Khắp,
và
Hoa trời từ cõi chư thiên của xuất thân giác quan.
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không
phán đoán lầm lẫn.

Một cái tháp giả tạo do những lực lượng ngăn chướng
của Ma, và
Một cái khác được tạo ra qua hành động kỳ diệu của
yidam,

Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không phán đoán lầm lẫn.

Ánh sáng và cầu vồng biểu trưng của năng lực vũ trụ, và
Ánh sáng và cầu vồng của hiện tượng tự nhiên,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không phán đoán lầm lẫn.

Niềm tin khởi từ những nối kết nghiệp quá khứ, và
Niềm tin dẫn khởi do những hoàn cảnh,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không phán đoán lầm lẫn.

Tôn kính khởi từ những chiều sâu của lòng, và
Tôn kính phát sinh từ hổ thẹn và phong tục bắt buộc,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không phán đoán lầm lẫn.

Thành thực tha thiết đối với Giác ngộ, và
Giả bộ làm hài lòng lama của mình vì những mục tiêu thế gian,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không phán đoán lầm lẫn.

Tìm kiếm để thực hiện mục đích qua sự kiên trì, và
Gieo rắc những quyết tâm nói suông chỗ này chỗ nọ,
Dù cả hai có vẻ giống nhau, hãy cẩn thận chú ý không phán đoán lầm lẫn.

Tháp này thuộc về sự trông coi của những dakini, những thiện tri thức,

Ở trong cõi của những bậc Giác Ngộ, quá khứ, hiện tại,
vị lai,
Là cung điện cõi trời cho những daka và dakini đã thức
tỉnh,
Và là thất thiên định của lama Jetsun của các con.

Ở phương Đông có một cõi Phật nơi đó một mạn đà la
của những dakini được gom tụ.
Trong cõi hoan hỷ tối thượng này Chakrasamvara vinh
quang, Avaloketsvara⁽¹⁸⁾ và Tara trú ngụ.
Trong cõi tuyệt đối bình an này vô số dakini chờ đợi đón
tiếp bảo tháp.

Nếu các con cầu nguyện từ đáy lòng mình,
Với nước mắt tự nhiên của niềm vui, với thành tâm sùng
mộ,
Bảo vật để tôn kính này thật kỳ diệu, hãy dội nó với
trí huệ,
Hãy rắc nó với nước Bồ đề tâm.
Hãy để cho tín tâm toàn thiện và không lay động làm sự
che chở cho các con.
Nếu các con muốn nhận sự nhập môn vào giác ngộ
bất nhị,
Hãy đặt đầu mình dưới bảo tháp vinh quang.”

Khi bài ca chấm dứt, những dakini chuyển cái tháp đến
khoảng không phía trên đầu của các đại đệ tử. Phóng xuống
một dòng ánh sáng đến đầu mỗi người, ban thần lực cho họ.
Phần đông đại chúng thấy một hình tướng của Milarepa từ
tháp và xuất hiện ở khoảng không phía trên. Mỗi nhóm người
thấy Ngài khác nhau. Một số thấy Ngài là Hevajra, những người

khác thấy là Chakrasamvara, Guhyasamaja hay Vajravarahi. Mỗi Yidam bao quanh bởi một mạn đà la những xuất hóa, nam lẫn nữ, rồi họ lại rút vào trong ngực của yidam chính. Mạn đà la tự chuyển thành một khối ánh sáng trong bầu trời và chuyển về phương đông. Mỗi người hiện diện thấy những dakini trang hoàng tháp bằng lụa đủ kiểu, đặt nó vào trong cái tráp nạm ngọc và rồi mang đi về phương đông.

Một số đệ tử thấy Milarepa trong hình thức một Báo thân Phật trang sức bằng ngọc và ngồi trên một con sư tử, bốn chân sư tử được bốn dakini đỡ trong khi Vajravarahi dẫn sư tử bằng cương. Các vị tiến về phương đông, có vô số daka và dakini mang những đồ cúng dường cõi trời như lọng phướn đi theo trong tiếng nhạc trời trỗi lớn. Những người khác thấy bảo tháp do một vị dakini màu trắng mang đi trong một cái kiệu lụa trắng. Và có những cái nhìn thấy kỳ diệu đủ loại khác.

Những đệ tử, tăng, ni và cư sĩ rất đau buồn vì không có phần xá lợi nào. Họ kêu than bằng những lời cầu nguyện động lòng. Dù hình tướng không thể thấy, từ không gian phát ra một giọng giống như của Jetsun, nói rằng, “Hỡi các con, chớ để cho mình bị đau buồn và thất vọng hàng phục. Về phần xá lợi của các con, có một phiến đá cẩm thạch trên đó có xuất hiện bốn chữ linh thiêng khắc nổi. Hãy đi tìm nó dưới tảng đá nền khám hỏa táng.”

Những đệ tử tìm tảng đá và thấy đúng như lời nói. Mọi người đều vui nhẹ nỗi buồn. Phiến đá kỳ diệu này được tôn thờ ở ngôi chùa đơn độc ở Chuwar.

Những đệ tử chính tin chắc rằng họ sẽ được sanh làm những đệ tử cao nhất của Jetsun trong tương lai bao giờ họ đạt

Giác Ngộ Tối Thượng, dù cho bây giờ họ có buồn bã vì sự ra đi của Ngài qua một cõi khác. Họ cũng chắc chắn rằng mọi phương diện của cuộc đời Jetsun sẽ đáp ứng được mục tiêu vĩ đại của Pháp và thỏa mãn nhu cầu của chúng sanh. Những đệ tử cao cấp nhất còn tin rằng họ sẽ hoàn thành những mục tiêu của họ cho chính họ và cho những người khác qua sự dâng hiến đời mình cho con đường giải thoát.

Những đệ tử đều đồng ý họ phải tìm kiếm số vàng dưới lò sưởi của Jetsun đã chỉ thị trong di chúc, dù cho xét theo cách Ngài sống, số vàng ấy chưa chắc đã có. Khi đào nền lò sưởi lên, họ thấy một mảnh vải trắng vuông vức. Gói trong đó là một cây dao với một cái lưỡi để cắt, một cái để làm dùi, và cán dùng để đánh lửa. Cũng có một tảng đường thô, cùng một lời ghi chú, “Khi cắt bằng cao dao này, vải và đường sẽ không bao giờ hết. Hãy cắt vải và đường thành bao nhiêu miếng nhỏ cũng được để phân phát cho mọi người. Người nào ném đường và sò vào miếng vải sẽ thoát khỏi những cõi thấp, bởi vì những vật này là đồ ăn và đồ mặc của Milarepa qua suốt thiên định thức tỉnh của Ngài, chúng đã được chư Phật quá khứ ban phước. Bất cứ chúng sanh nào nghe tên Milarepa dù chỉ một lần và có lòng tôn kính với Ngài sẽ không rơi vào vòng tái sanh trong những cõi thấp trong bảy đời. Những điều này đã được chư Phật đời quá khứ huyền ký. Người nào nói rằng Milarepa có vàng, “hãy tọng phân vào miệng nó”. Câu tục ngữ đặc biệt này của Milarepa khiến những đệ tử cao cấp đều cười, dù họ đang buồn vì sự ra đi của Ngài. Cuối tờ ghi chú có thông điệp như sau :

“Đây là lương thực thiên giả của ta qua suốt cuộc thiên định,

Nó giúp ta sống suốt cuộc đời.
Đó là lương thực của lòng bi tạo nên thân lực yoga và
Giác Ngộ.
Những chúng sanh ăn thực phẩm này sẽ đóng cánh cửa
tái sanh
Trong cõi của những quý đỏi.

Mảnh vải trắng là y phục của Tummo-Trí Huệ.
Tất cả ai mặc nó lên thân hay choàng quanh cổ
Sẽ đóng cánh cửa tái sanh
Vào những địa ngục cháy đỏ và địa ngục đóng băng.

Những ai nhận được sự ban phước của ta qua những di vật
Sẽ được giải thoát khỏi ba cõi thấp.
Tất cả những ai đã có một mối liên kết tâm linh với ta
Nhờ đó sẽ không bao giờ tái sanh vào những cõi thấp,
Và sẽ dần dần đạt Giác Ngộ Hoàn Toàn.

Những ai có thể đáp trả với niềm tin
Dù khi họ chỉ nghe đến tên Milarepa
Sẽ nhớ lại tên mình và dòng dõi gia đình trong bảy đời
quá khứ.

Với Milarepa, người cha kiên cường của các con, toàn thể
vũ trụ là vàng ròng.
Ta có cần gì một gói vàng bụi bặm ?
Các con ơi, hãy nỗ lực phấn đấu theo những lời ta dặn
Thì các con sẽ hoàn toàn thành tựu những mục tiêu nhất
thời và tối hậu.”

Bấy giờ tảng đường thô được cắt với cây dao thành vô số miếng nhỏ. Mỗi phần cũng lớn bằng tảng đường gốc. Tương tự, khi miếng vải trắng được cắt thành nhiều mảnh, mỗi góc vải trở thành cùn kích cỡ như nguyên bản. Rồi đường và vải được phân phát cho tất cả những người trong đại chúng. Họ nắm đường và sờ vào vải, bệnh tật và khốn khổ mất hẳn. Những người đầy ác ý, tham mê và thành kiến thấy mình có những phẩm tính lòng tin, tinh tấn, trí huệ và lòng bi, và cuối cùng thậm chí còn hoàn thành sự giải thoát khỏi những cõi khổ. Đường và vải mọi người nhận được vẫn tồn tại suốt đời họ và không hư mất.

Trong ngày lễ tang, khi những đệ tử phụng thờ thân xác của Milarepa, một cơn mưa hoa bốn màu và năm màu rơi xuống. Những bông hoa khi rơi xuống gần tầm tay con người lại bay trở lên trời và biến mất. Một số hoa rơi xuống đất tan biến ngay khi bàn tay người vừa chạm đến, còn những hoa còn nằm đó thì đẹp tuyệt vời. Những bông hoa ba màu mịn màng mỏng manh như cánh con ong, ngập đầy mắt cá ở thung lũng Chuwar, và trong những nơi khác chúng phủ đầy mặt đất, tạo một sắc thái khác cho đất. Sau lễ trà tỳ những dấu hiệu kỳ diệu như những ánh sáng và cầu vồng, từ từ nhạt dần cho đến khi biến mất hẳn.

Vào mỗi kỳ giỗ hàng năm mọi dấu hiệu hiện tượng như những cầu vồng và ánh sáng, hương thơm và nhạc trời xuất hiện trong bầu trời trong sáng giống như ngày Jetsun ra đi. Những dấu hiệu kỳ diệu xuất hiện vào mỗi dịp ấy lạ lùng đến nỗi chúng không thể được xác định bằng quan niệm của chúng ta hay diễn tả qua ngôn ngữ của chúng ta. Chẳng hạn ngay trong mùa đông giá lạnh, hoa bùng nở, toàn vùng được hưởng

những mùa trúng lớn và thịnh vượng, và không có bạo lực hay bệnh dịch tàn phá.

Tóm lại, sau chuyến ra đi cuối cùng về cõi Phật của Milarepa, con người vĩ đại nhất trong các vị thánh, câu chuyện đời Ngài trở thành một gương mẫu rõ ràng của giải thoát tối thượng, và kết quả của lòng bi vô cùng và sự quan tâm khắp cả có thể thấy được trong những vị nổi dõi tâm linh của Ngài. Những đệ tử đã thành tựu Giác Ngộ Trọn Vẹn nhiều như sao trên trời ; những người thành tựu sự không trở lại sanh tử cũng nhiều như bụi trên mặt đất. Những đàn ông và đàn bà đi vào con đường giải thoát nhiều không thể đếm xiết. Ngài đã làm cho những giáo lý của Phật chày bùng như mặt trời rực rỡ và dẫn dắt chúng sanh thoát khỏi những thống khổ nhất thời và thường trực để đến hạnh phúc và nguồn gốc của hạnh phúc.

Đây là chương thứ chín của cuộc đời đại thánh Milarepa, nói về sự tan biến của thân thể tứ đại của ngài vào Tánh Không Trùm Khấp khi đã hoàn thành những công việc giác ngộ, để làm khởi dậy một thôi thúc tâm linh và một sự thức tỉnh nơi chúng sanh. Hơn nữa, nó cũng đề cập như thế nào, qua những hành động không ngừng và bao giờ cũng mở khắp, ngài sẽ phụng sự chúng sanh cho đến sự chấm dứt của sanh tử suốt khắp cả không gian vũ trụ !

PHỤ CHÚ

Trong những đệ tử mà yidam và những dakini đã báo trước cho Jetsun và cũng từ giấc mộng ngài có trong thời gian ngài gặp Repa Ánh Sáng Bình An, có tám đệ tử thượng thủ. Trong số đó, đệ tử như mặt trời là Dakpo Rinpoche không gì sánh (thường được biết rộng rãi là Gampopa) ; vị như mặt trăng là Retchung Dorje Drakpa (Kim Cương Nổi Tiếng) ; và những vị như hành tinh là Đạo sư Jangchup Gyalpo xứ Ngandzong, Repa Ánh Sáng Bình An xứ Gyetrommey, Repa Seban xứ Dotra, Khira (Thợ Săn) Repa xứ Nyishang, Digom Repa xứ Mu, và Sangye Kyab Repa. Mười ba đệ tử thân cận nhất là Shengom Repa, Lengom Repa, Meygom Repa, Tsapuh Repa, Kharchung Repa, Rongchung Repa, Dorje Ouangchuk Repa xứ Takgom, Jogon Repa Darma Ouangchuk, Dampa Gyakpuhwa, Charuwa xứ Likor, Đạo sư Gedun xứ Lo, Kyoton Shakyaguna, và Đạo sư Tashibar xứ Drey. Đệ tử thượng thủ Gampopa, và năm trong mười ba đệ tử là những vị tăng cụ túc giới.

Bốn nữ đệ tử cao cấp là Retchungma xứ Tsonga, Sallay Ö xứ Nyanang, Paldar Bum xứ Chung và Peta Gonkyi, em gái của Jetsun. Kế đến có hai mươi lăm vị thấy Tánh đã thức tỉnh và đã đạt đến những giai đoạn chót của con đường và một trăm vị

khác được diễn tả là giống như những ngôi sao, họ đã thấy biết bản tánh tối hậu của thực tại và không rơi trở lại vào sanh tử.

Ngoài ra, có một trăm lẻ tám đại thiên giả đã có một kinh nghiệm cao siêu trong thiên định và đã thành tựu trạng thái ấm áp hoan hỷ trên đường Đạo. Rồi có một ngàn lẻ một đại thiên giả, đàn ông và đàn bà, đã từ bỏ những theo đuổi thế gian và đã đạt đến giai đoạn ban đầu của sự chứng ngộ. Vô số người bình thường đã trở thành đệ tử của Jetsun, có thiện căn, đã cắt đứt vĩnh viễn dòng chuyển động hướng về những cõi dưới nhờ sự ràng buộc tâm linh của họ với Milarepa. Ngoài tất cả những đệ tử nhân loại này, có những đệ tử khác thuộc loài Trời như năm dakini.⁽¹⁾ Trong những chúng sanh hàng dưới loài Trời, có Thần Động Lingpa.

Sau lễ trà tỳ, tất cả đệ tử thuộc hàng loài người có mặt trong thời gian ngài thị tịch đã ra đi về chốn cô quạnh núi non của họ, nơi họ để trọn đời sống trong thiên định theo những giáo huấn của Jetsun. Nhưng Retchung lại đi đến tỉnh Ủ gặp Gampopa để đưa cho vị đại đệ tử này phần những di vật thiêng liêng. Theo sự hướng dẫn tiên tri của Jetsun, mặc dầu chậm trễ, Gampopa đi về Chuwar và gặp Retchung ở Yarlung Pühshar. Sau khi trao cho ngài những kho tàng thiêng liêng, như cái mũ của Acharya Maitrepa⁽²⁾ và cây trượng bằng gỗ lô hội, Retchung báo cho ngài những tin tức về sự nhập diệt của Milarepa. Nghe xong Gampopa ngất xỉu. Khi tỉnh lại, Gampopa, lòng buồn rầu, đã phát những lời nguyện nhiệt thành. Những lời nguyện ấy có ghi lại trong tiểu sử của ngài.

Gampopa mời Retchung về chỗ ở của mình và nhận từ Retchung toàn bộ những giáo huấn cho sự thiền định cao cấp mật truyền về Chakrasamvara. Retchung đưa cho ngài những giáo pháp và phần chia cho Gampopa cái áo thiêng liêng và rồi đi đến tu viện Loro Döl. Về sau, chuyển hóa thân tứ đại thành Báo thân, cuối cùng Retchung hòa tan vào Tánh Không Trùm Khấp.

Repa Ánh Sáng Bình An, Khira Repa, Retchungma Paldar Büm và Sallay Ö cũng ra đi theo một cách tương tự bằng cách làm tan biến thân thể họ vào tánh Không của Pháp thân. Những vị khác khi chết để lại thân cũng đã đạt đến Pháp thân. Những đệ tử thượng thủ hoàn thành Giác Ngộ trong đời này và tất cả những vị ra đi để lại thân xác, đã phụng sự cho sự nghiệp tốt đẹp của Pháp và ban lợi lạc cho chúng sanh khắp pháp giới qua những phẩm tính, những chứng đắc tuyệt vời và những gương mẫu tốt lành của cuộc đời các ngài, cũng như đã để lại những xá lợi quý báu cho đời.

Cuộc đời của Đạo sư Mila Zhapa Dorje (Tiếng Cười Kim Cương), vị vĩ đại nhất trong các vị thánh, tối thượng giữa loài người, gồm mười hai biến cố chánh, mà ba trong số đó là sự theo đuổi cuộc đời thế gian của ngài và chín cái kia thể hiện sự nỗ lực của ngài đối với sự thành tựu an lạc tối thượng của niết bàn.

Như thế, Milarepa đã đạt được trong một đời và trong một thân sự Giác Ngộ được biết như Phật Vajradhara (Kim Cương Trì) với những đặc tính độc nhất của nó như Bốn Biểu Lộ Tối Thượng⁽³⁾ (Bốn Thân) và Năm Phương Diện của Trí Huệ⁽⁴⁾ (Năm Trì). Suốt đời ngài, Đạo sư đã gieo những hạt giống thức tỉnh trong tâm thức chúng sanh và đưa những hạt giống này

PHỦ CHUỒ

đến sự nở hoa trọn vẹn. Trong sự giác ngộ và thanh tịnh của mình, Đạo sư đã du hành đến tất cả các cõi Phật.

Câu chuyện này của sự giải thoát, cuộc đời của Milarepa, dẫn đến con đường giải phóng và hiểu biết tối thượng. Quả tặng vĩ đại này, đem lại niềm vui và tuyệt diệu bên trong, ban cho sự sung túc vinh quang trong một dòng không dứt, trên tất cả chúng sanh khắp cả pháp giới. Nguyện rằng tất cả chúng sanh được ban phước với đức hạnh, thịnh vượng, hạnh phúc và giác ngộ bao giờ cũng phơi mở !



KẾT TỪ

Câu chuyện này về sự giải thoát của Milarepa,
Như viên ngọc như ý, tỏa chiếu ánh sáng của hành động,
Soi sáng giáo lý của tất cả chư Phật
Và đáp ứng những hy vọng và nguyện ước của chúng sanh.
Nguyện sự cúng dường cao cả này làm hài lòng chư Phật
thời quá khứ.

Thi ca trang hoàng từ đầu đến cuối câu chuyện này.
Nguyện đây là một bữa tiệc đẹp lòng cho những người
có học say mê ngôn từ ẩn dụ,

Những lời nói của câu chuyện này làm khởi phát lòng tin,
thậm chí làm rung động chân tóc.
Nguyện đây là một bữa tiệc đẹp lòng cho những nhà sư
cao cả mong mỗi thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Thật nghĩa của câu chuyện này phát hiện sự hợp nhất
vốn sẵn của hai thực tại hình tướng (sắc) và tối
hậu (Không).
Nguyện đây là một bữa tiệc đẹp lòng cho những người bi
mẫn và thức tỉnh.

Do đọc câu chuyện này, những ràng buộc của Tám
Phản Ứng Thế Gian sẽ bị cắt đứt.
Nguyện đây là bữa tiệc đẹp lòng cho những nhà khổ tu
đã từ chối sự bám níu của tâm.

Do nghe câu chuyện này, niềm tin sẽ tự nhiên khởi lên
nơi người đọc.
Nguyện đây là một bữa tiệc đẹp lòng cho những ai quyết
định thực hành Phật pháp.

Bằng chánh niệm về câu chuyện này, người ta sẽ tức khắc
ngừng tâm bám níu.
Nguyện đây là bữa tiệc đẹp lòng cho những ai tìm cầu
Giác Ngộ trong đời này.

Bằng cách liên kết mình với câu chuyện này,
Người ta sẽ làm tròn những mục tiêu cao cả cho mình và
cho những người khác.
Nguyện đây là một bữa tiệc đẹp lòng cho những vị thầy
của Pháp làm việc vì lợi lạc của chúng sanh.

Bằng cách thực hiện những hành động của giải thoát,
người ta sẽ đáp ứng ý định của dòng phái.
Nguyện đây là một bữa tiệc đẹp lòng cho những người
sùng mộ tìm cách hoàn thành những lời dạy của
Đạo sư.

Lòng bi của Jetsun qua câu chuyện giải thoát này sẽ
che chở chúng sanh khỏi khổ.
Nguyện đây là một bữa tiệc đẹp lòng cho tất cả chúng
sanh ba cõi luân hồi !

Nguồn của bữa tiệc đẹp lòng này là câu chuyện giải thoát
của Mila Kim Cương Cười.

Nó là viên ngọc như ý trong tất cả sự rực rỡ vinh quang,
đầy đủ Bốn Tâm Vô Lượng,

Gắn trên đỉnh Ngọn Cờ của Phật Pháp.

Viên ngọc da trời của cõi thiên này rót xuống những ban
bố diệu kỳ cho những ai ở trong sanh tử và niết bàn,

Đáp ứng những ước muốn của chúng sanh khổn cùng
thiếu thốn sự thịnh vượng của tánh giác chân thật.

Nhờ tôn sùng câu chuyện này, với phẩm vật cúng dường,
Và bằng cách khẩn cầu nó ban cho những món quà ước
nguyện

Nơi đó mưa xuống dược liệu của Năm Trí,

Chữa lành những bệnh tật của năm độc

Bên trong những người nằm trên giường bệnh của sanh tử.

Tôi bày tỏ ước muốn long trọng chia sẻ

Món quà phẩm chất cao cả của Bảy Viên Ngọc của những
Bậc Giác Ngộ⁽¹⁾

Với tất cả chúng sanh bị dẫn vào trong đau khổ không ngừng,

Nhờ đó thỏa mãn nhu cầu của những ai trong sanh tử và
niết bàn.

Tôi bày tỏ ước muốn của tôi rằng tất cả những ai nghe
tên của Milarepa

Được thành tựu Giác Ngộ trong bốn phương diện của nó
trong đời này.

Nguyện cho họ thành tựu quyền năng và năng lực để
hướng dẫn chúng sanh khắp pháp giới qua vô số
hiện thân.

Nguyện những ước muốn này được thành tựu trọn vẹn qua sự hồi hướng những công đức này cho tất cả chúng sanh.

Bản văn này về cuộc đời của Milarepa, vị vĩ đại nhất trong các thiền giả, với những bài ca hiển bày con đường giải thoát và Giác Ngộ Viên Mãn, được viết ra đầy đủ và chính xác bởi Durto Rolpai Naljorpa (Thiền giả du phương của Vùng Hoang Dã và Nghĩa Trang). Nó được lama của tôi truyền cho tôi theo truyền thống khẩu truyền bí mật, dù tôi đã từng thấy nhiều bản khác về câu chuyện của Milarepa. Nó được hoàn thành vào ngày tám tháng mười hai âm lịch, năm con Khỉ Thổ (1484) ở Dhok Lachi Gangra (Miền Tuyết của Núi Everest), chỗ ở rất thiêng liêng của những dakini. Nguyện nó phụng sự cho sự nghiệp của Pháp và đem lại thanh bình và hạnh phúc cho tất cả chúng sanh cho đến khi tất cả những chu kỳ của cuộc đời sanh tử thời hiện hữu.

Nguyện tất cả được những ban phước.

CHÚ THÍCH CỦA DỊCH GIẢ

LỜI MỞ ĐẦU

1. *Pháp thân*. Xem trang 30 của Giới Thiệu Mở Đầu.
2. *Rahu* là hành tinh thứ tám với vương miện của nó là “Ketu”, được xem là hành tinh thứ chín, theo chiêm tinh học truyền thống. Thần thoại học Ấn diễn tả Rahu là một sức mạnh ma quỷ thuộc về cõi trời, hình dáng khủng khiếp, với chín đầu. Đi qua không gian, Rahu nuốt mặt trời và mặt trăng theo định kỳ, tạo ra nhật thực nguyệt thực. Rồi mặt trăng mặt trời tiếp tục di chuyển qua một chỗ mở trong cổ họng Rahu.
3. *Năm Uẩn* là năm hợp chất bị điều kiện hóa theo nhân quả của tất cả hiện hữu, nhất là con người. Thực thể cái ngã bề ngoài thực ra không gì hơn một tiến trình những hiện tượng, một dòng những biến cố tâm lý thường trực lưu chuyển. Những tiến trình cấu thành này được sắp xếp thành năm cái : (1) hình dạng (sắc), (2) cảm nhận (thọ), (3) tri giác (tưởng), (4) những hiện tượng tâm thức (hành) và (5) ý thức (thức).

4. *Tám thuộc tính hoàn thiện.* Trong Phật giáo Tám Thuộc Tính Hoàn Thiện kể ra ở sau được cho là đặc biệt thuộc về cõi Phật Báo thân :

1. Thuộc tính biểu lộ hình tướng sai khác vô biên.
2. Thuộc tính truyền thông theo chủ ý với những người khác.
3. Thuộc tính trí huệ toàn thể.
4. Thuộc tính năng lực chuyển hóa thành hình tướng nào bất kỳ.
5. Thuộc tính tâm trùm khắp bao bọc tất cả các vũ trụ.
6. Thuộc tính tri giác và tham dự vào những cảm giác của thân thể do bởi giác ngộ.
7. Thuộc tính đem lại sự thành tựu những mong muốn và nguyện vọng của tất cả chúng sanh.
8. Thuộc tính năng lực duy trì bất cứ sắc tướng nào trong thời gian dài.

5. *Mười năng lực siêu việt* (thập lực) :

1. Năng lực của tâm Phật, bao trùm toàn bộ lãnh vực hiểu biết và trực tiếp tri giác bản tánh nội tại của những quy luật vũ trụ, đặc biệt khi chúng áp dụng vào đời sống của chúng sanh. Tâm Phật thấy với sự xác quyết tuyệt đối rằng hạnh phúc chỉ sanh ra từ những tư tưởng và hành vi thiện không bao giờ bởi những cái xấu ác, trong khi khổ đau chỉ sanh ra từ những tư tưởng và hành vi xấu ác và không bao giờ bởi những cái thiện.
2. Năng lực tri nhận một cách rạch ròi mọi kết quả tương lai của những loại nghiệp khác nhau. Cũng thế, năng lực

thấy hậu quả của những lực tương tác ở mức độ vũ trụ.

3. Năng lực tri nhận tiềm năng cho giải thoát trong mỗi chúng sanh, chúng tạo thành bản chất nội tại của mười tám yếu tố tâm lý (sáu căn, sáu trần, sáu thức). Xem *Con Mắt Trí Huệ* của Dalai Lama XIV.
4. Năng lực tri nhận bản chất và cấp độ của nguyện vọng bên trong mỗi cá nhân.
5. Năng lực tri nhận sự nhạy cảm về trí năng của mỗi cá nhân.
6. Năng lực biết và tri giác mọi con đường khác nhau dẫn đến những cõi cao của đời sống, sự giải thoát và giác ngộ hoàn toàn.
7. Năng lực hiểu vô số hình thức của sự tham thiền trên nhiều giai đoạn của giác ngộ.
8. Năng lực tri nhận tất cả nghiệp quá khứ của mỗi cá nhân.
9. Năng lực tri nhận giờ phút chính xác về cái chết của mỗi chúng sanh và năng lực chuyển di dòng tâm thức của chúng sanh đó đến những đời kế tiếp.
10. Năng lực tri giác thấy mọi phương pháp khác nhau để chấm dứt dòng sanh tử hay chuyển hóa những nhiễm ô của tâm thức và thấy nhiều loại kết quả mà những phương pháp ấy tạo ra.

6. *Dakini*. Xem trang 36 của Giới Thiệu Mở Đầu.
7. *Yidam*. Xem trang 35 của Giới Thiệu Mở Đầu.
8. “*Những người hỗ trợ đã thức tỉnh*” là những dakini.
9. *Kim Cương thừa*. Xem trang 32 của Giới Thiệu Mở Đầu.

10. *Bốn loại Tantra*. Toàn bộ những bản văn bao gồm những giáo lý của Kim Cương thừa, được chia làm bốn phạm trù theo bản chất của thực hành thiền định và sự tiếp cận thuộc tâm lý phù hợp với mức độ tiềm năng của cá nhân. Bốn cái là :
1. *Jagyu*, dòng hoạt động (Kriya Tantra).
 2. *Chogyu*, dòng hoạt động và thiền định (Charya Tantra).
 3. *Naljorgyu*, dòng thanh tịnh bên trong (Yoga Tantra).
 4. *Naljor Lamagkigyu*, dòng thanh tịnh bên trong tối thượng (Anuttrayoga Tantra).
11. *Tám Phản Ứng Thế Gian* là những phản ứng phiền não khởi từ tâm chấp ngã. Tám phản ứng được hợp thành hai nhóm, tích cực và tiêu cực. Bốn phản ứng tích cực là : thích thú với hài lòng, khen, được, và lời ngon ngọt ; bốn phản ứng tiêu cực : bị quấy nhiễu bởi không hài lòng, chê, mất và lời khó chịu.
12. *Bồ tát*. Âm chỉ Bồ đề tâm. Từ Bồ tát được dùng trong hai cách chính, theo hai cấp độ : con đường của Bồ tát và bản thân sự Chứng Ngộ Tối Hậu. Một Bồ tát là người nỗ lực làm phát sanh trong chính mình lòng đại bi cho chúng sanh và nỗ lực đạt đến trí huệ siêu việt để cho người ấy có thể vừa làm việc cho sự giải thoát của tất cả chúng sanh vừa hoàn thành giác ngộ trọn vẹn cho chính mình. Như thế một Bồ tát là một người đã hoàn thành giác ngộ thực sự nhưng đã chọn làm việc cho chúng sanh qua chuỗi tái sanh không dứt, hoặc là một cá nhân bình thường đã nhận Bồ tát giới và nhờ đó đã quyết định tìm kiếm sự giác ngộ cho chính mình vì lợi lạc cho chúng sanh.

13. *Những daka và dakini và hai mươi bốn trung tâm năng lực của thân như kim cương của ngài.* Có ba hạng dakini trong truyền thống Kim Cương thừa. Những dakini hạng thứ nhất, cũng được diễn tả là “dakini giác ngộ tự phát”, như là những yidam như Vajrayogini, Tara... sanh khởi từ năng lực của sự khai mở của Báo thân. Hạng thứ hai là những dakini vô hình được diễn tả là “những người sanh trong những cõi Trời”. Một số trong họ là những lưu xuất của những dakini hạng thứ nhất và những vị khác là người đã đạt đến mức độ này qua sự chứng đắc của họ. Theo nghĩa biểu hiện của truyền thống, họ tác động từ những cõi trời vô hình bao gồm hai mươi bốn nơi chốn thiêng liêng ở Ấn Độ và Tây Tạng. Tuy nhiên theo nghĩa hiện thực, những dakini tượng trưng bản tánh tối hậu của mọi lực lượng tâm sinh lý trong mỗi người và trong bản thân người đó có “hai mươi bốn cõi” tương đương.

Hạng thứ ba gồm những người sanh từ “sự chứng ngộ thân chú”. Họ ở giữa loài người, hoặc là những dakini tiềm thể hoặc là những người đã đạt đến những cấp độ của chứng ngộ bên trong qua sự hiểu biết bả́m sanh hay qua những giai đoạn của con đường Kim Cương thừa.

Nhân đây, những hình tướng khác nhau của những yidam trong cả hai phái giống được diễn tả trong hệ thống tranh tượng bí truyền chỉ là những biểu thị năng lực chuyển hóa của Báo thân. Sự khác biệt của những hình tướng và sự phân biệt giống phái (để làm bối rối) không thể và không phải được nhìn như những thực tại khách quan vì chúng chỉ là một phương cách tâm lý để truyền thông chân lý vĩ đại của

tính tương đối duyên sanh cùng với tính bất nhị nội tại và tánh không của nó.

Thân như kim cương ám chỉ giáo lý Kim Cương thừa rằng tiềm ẩn trong thân tâm con người là những tiềm năng vĩ đại của sự thanh tịnh và thực tại vốn sẵn đủ. Kim Cương thừa xem năm uẩn của con người là năm bộ Phật và xem năm đại – đất, nước, gió lửa, không khí-năng lực, và không gian – là năm Phật nữ tính. Năm nhiễm ô được chuyển hóa thành Năm Trí Huệ Siêu Việt qua tiến trình thiền định. Một thiền giả như Milarepa có thể và hoàn thành giác ngộ bằng cách khai thác những tiềm năng ẩn kín trong thân tâm con người.

14. *Heruka*. Theo ngữ nguyên học, *he* nghĩa là tánh không nội tại của mọi nguyên nhân, *ru* là tánh không nội tại của mọi kết quả, và *ka* nghĩa là tánh không nằm trong bản tánh sâu nhất của mọi sự. Như thế, Heruka đồng nhất với bản tánh tối hậu của thực tại. Heruka cũng được dùng như danh hiệu cho những yidam trong hình dạng khủng khiếp.

Tuy nhiên có định danh khác về yidam hung nộ – “người uống máu” – phát sanh từ danh từ Sanskrit “Rudhika”. Bởi thế, Heruka là người giết bốn loại ma bằng cách uống máu chúng.

Trong phương pháp mật truyền, vị lama của cá nhân mình được xem là hiện thân của Heruka.

15. *Tám bộ thiên long quỷ thần*. Ám chỉ tám bộ những lực lượng siêu nhiên. Nhất là nó ám chỉ tám thủ lĩnh thống lĩnh tám đạo quân thiên, thiên nữ, yama (dạ ma), yaksa (dạ xoa), raksa (la sát), tsan, rồng và gyalpo.

16. *Phương diện Ba Thân của tâm.* Âm chỉ đặc tính tâm thức con người là một hệ thống toàn bộ. Tánh không nội tại của tâm hay dòng thức là Pháp thân ; sự sáng tỏ nội tại của tánh giác là Báo thân ; và những tri giác và những tư tưởng mở bày không chướng ngại là Hóa thân.
17. *Phật Vajradhara.* Vajradhara là sự biểu lộ cao nhất của giác ngộ, sự đại diện thấy được của Pháp thân. Nghĩa đen của “Vajra” là kim cương, nhất là trong phương diện cứng chắc không thể bể nát của nó. Trong nghĩa cao hơn, Vajra để chỉ bản tánh nội tại của giác ngộ – sự hợp nhất bất khả hoại và bất khả phân của trí huệ siêu việt và lòng bi vô hạn, cũng như lạc tối thượng và tánh không tối hậu.

Là sức mạnh vũ trụ tối cao khởi từ cõi giới Pháp thân, Vajradhara tượng trưng sức mạnh hợp nhất tối thượng và nguồn bi mở khắp. Trong Vajradhara mọi hình tướng Báo thân, mọi phẩm tính và công năng của chúng được thống nhất. Từ đó Vajradhara được diễn tả là sự thống nhiếp toàn khắp của mọi thuộc tính của giác ngộ.

18. *Bốn Phương Diện của Giác Ngộ.* Từ này để chỉ Ba Phương diện của Giác ngộ (Ba Thân Trikaya) cộng với Phương diện Tinh Túy (Svabhavakaya). Phương diện Tinh Túy này là tính cách vốn có hay nền tảng của Pháp thân. Nó được định nghĩa đơn giản là cõi thanh tịnh của giác ngộ. Vốn không chất thể, nó cũng không dơ nhiễm và khiến cho sự loại trừ mọi nhiễm ô trí thức và tình cảm có thể được. Không gian thanh tịnh bên trong của giác ngộ và tánh giác tối hậu thường được gộp vào từ Pháp thân. Hai phương diện khác là sự biểu lộ cao nhất (Báo thân) và sự biểu lộ trần thế (Hóa thân).

19. *Năm Trí Huệ Siêu Việt*. Xem Chú thích 13 ở trên và Chú thích 2, Phần Một, Chương 3.

PHẦN MỘT, CHƯƠNG 1

1. *Yogin* trong tiếng Sanskrit và *yogi* trong tiếng Hindi (thiền giả).
2. *Tilopa, Naropa và Marpa*. Hai dòng chính của phái Kagyü là Ringyu, “dòng dài” những vị thầy và Nyegyü, “dòng ngắn” những vị thầy (còn được gọi là dòng trực tiếp). Dòng sau truyền xuống từ đại sư Tilopa, ngài đã nhận lãnh sự trao truyền bí mật bằng miệng về những giáo lý mật truyền, đặc biệt là những cái về sau được biết với tên là Sáu Giáo Pháp của Naropa. (Xem Chú thích 6, Phần Hai, Chương 4.)
3. *Ngonga và Ogmin* : những tên Tịnh độ của Phật. Ngonga : Hoan Hỷ Toàn Hảo, cõi Phật của Akshobhaya (A Súc Bệ, Bạc Bất Động). Khi một thiền giả nhập môn quán tưởng Năm Cõi Phật trong thiền định, Ngonga được định vị ở phương Đông. Từ Ogmin nghĩa đen là “không trên”, tức là cõi Phật cao nhất của Báo thân. Đôi khi Ogmin như là một tĩnh từ trợ nghĩa cho danh từ Ngonga thành Ogmin Ngonga, Cõi Hoan Hỷ Tối Cao.
4. *Nyingma*. “Cổ Phái”, cũng gọi là “Cựu Dịch”, phát sinh từ thế kỷ thứ tám bởi Guru Padmasambhava và Vimalamitra, cả hai vị đều đến từ Ấn Độ. Đây là một trong bốn phái chính của Phật giáo Tây Tạng còn hiện diện cho đến ngày nay ở trong và ngoài Tây Tạng.

5. *Mantra*. Một thần chú là một chữ đơn hay một số chữ thiêng liêng. Trong thiên định mật thừa Phật giáo, những thần chú được quán tưởng trong hình thức phát sáng hay được hát theo nhiều cấp độ giọng. Tuy nhiên đôi khi, sự thực hành mang hình thức một sự chuyển hóa im lặng âm thanh thần chú thành sự hợp nhất với năng lực năng động của hơi thở.

Những bản văn mật thừa cùng với những nguyên lý và những thực hành của sự tự chuyển hóa vốn được các đại đạo sư giác ngộ ban truyền. Những thần chú có nhiều cấp độ ý nghĩa, chúng chỉ có thể được học từ một vị thầy có kinh nghiệm, và chỉ bằng cách theo thủ tục đã định sẵn của ngài.

6. *"Papa Mila !"* "Cha ơi, quả là một người ! Cha ơi, quả là một người !" Trong tiếng Tây Tạng, "mi" nghĩa là người và "la" là một từ tán thán cần thiết nhấn mạnh. Như thế là sự biểu lộ, Cha ơi, quả là một người ! (JB)
7. *Hình thờ*. Sự sử dụng những hình thờ phát xuất từ phong tục xưa của tôn giáo bản địa Tây Tạng gọi là Bön, một hình thức thờ thiên nhiên. Những hình tạc đàn ông, đàn bà và thậm chí thú vật nuôi trong nhà được làm từ gỗ hay bột trắng bằng bơ màu để cúng trời, thần và những hồn linh để giải thoát những nạn nhân khỏi ảnh hưởng xấu của họ. Những nghi lễ được cử hành ở nhà hoặc bởi thầy cúng hay đôi khi bởi những vị tăng Phật giáo mật thừa. Xem Chú thích 4, Phần Hai, Chương 8.
8. *Tsa* : viết tắt của Kya Ngatsa.
9. *Năm con Rồng Thủy*. Năm 1052.

PHẦN MỘT, CHƯƠNG 2

1. *Dzo* : con vật lai giống giữa trâu yak và bò thường. (JB)
2. *Chuba* : Ống tay áo của áo chuba Tây Tạng, khi xếp vào lên quá khuỷu tay và có thể dùng như một cái roi quất.
3. *Chúng tôi sẽ chạy đến khi nghe tiếng trống và khi khói bốc lên.* Âm chỉ hoàn cảnh của những người nghèo khổ và ăn xin, nhất là khi những nhà có lễ tôn giáo với âm thanh của nhạc, như tiếng trống và khi khói bốc lên từ những ống khói lò bếp. Những dịp ấy chủ nhà sẽ phân phát thức ăn.
4. *Thờ cúng tám con rồng* : Tám Con Rồng là tám Thiên Long.

PHẦN MỘT, CHƯƠNG 3

1. *Dza mặt màu hạt dẻ*, một trong ba thần bảo vệ chánh của Phái Nyingma. Là Dza, ngài cũng được xem là một lực lượng cõi trời đồng hóa với hành tinh thứ tám, Rahu, và hành tinh thứ chín, Ketu. Dza là vua của những lực lượng ma quỷ trong tám đạo quân của các vị trời và quỷ thần. (Xem Chú thích 15, Lời Mở Đầu.)
2. *Hum*. Đây là một phần của loại thần chú đặc biệt gọi là *drak-ngak*, một thần chú làm kinh sợ. Chữ “Hum” thiêng liêng về tổng quát tượng trưng bản tánh, những thuộc tính và thần lực của Phật tâm. Chia thành năm phần, chữ này trong tiếng Sanskrit hay Tây Tạng tượng trưng Năm Trí Huệ Siêu việt của Phật tâm : (1) trí huệ về tánh không toàn khắp, (2) trí huệ như tấm gương (Đại viên cảnh trí), (3) trí huệ của lòng bi tự khởi, (4) trí huệ của sự phân biệt (Diệu quan sát trí) và (5) trí huệ của sự bình đẳng (Bình đẳng tánh trí).

3. *Paht* là chữ cuối của thần chú gây kinh hãi này. Một phù thủy thốt lên chữ này với những chữ khác khi ném một lời chú thuật lên kẻ thù. Ngược lại, một thiền giả, thốt lên thần chú này như một phần của tiến trình thiền định để giải tan những lực lượng đối nghịch bên trong ngăn chặn trên con đường giác ngộ. Trong thiền định mật truyền, chữ này được thốt lên hết cả sức mạnh để đem tâm trở lại sự chú ý.

PHẦN HAI, CHƯƠNG 1

1. *Giáo lý Đại Toàn Thiện*. Câu này ám chỉ giáo pháp Atiyoga, là hình thức cao nhất của giáo lý bí truyền trong truyền thống Tây Tạng.

Câu đầu *toàn thiện ở gốc rễ* nói đến tính cách thâm sâu nhất của con người, tánh giác bản nguyên của nó. Tánh giác này không bị ô nhiễm bởi năng lực của cái ngã và ngay cả chư Phật cũng không thể làm biến chất nó. Tinh túy tối hậu là một hợp nhất không thể phân ly của sự tri nhận siêu việt và tánh không vốn sẵn của nó đến mức sự hợp nhất đó vượt khỏi nhị nguyên của sanh tử và niết bàn, nhị nguyên này còn hiện hữu chừng nào con người còn bị sự mê lầm về cái ngã và về những hiện tượng cai trị.

Điều này dẫn đến câu *toàn thiện ở chót đỉnh*, nó bao hàm một quán chiếu cao hơn trong con đường nhờ một sự thức tỉnh tự nhiên. Trạng thái này được đem lại trước tiên nhờ sự quán đánh truyền pháp nhập môn và rồi được nhen nhúm lại nhờ thiền định trong mọi cách thức tự chuyển hóa. Câu *toàn thiện nơi quả của giác ngộ* ám chỉ giác ngộ không phải là một đối tượng lia khỏi tánh tỉnh giác nguyên sơ của con người.

Thiền định về nó ban ngày thì thành Phật trong một ngày...
Chỉ rằng cái giác ngộ này là vốn sẵn, bẩm sinh trong sự tỉnh giác vào mỗi khoảnh khắc của dòng hiện sinh của người ta và rằng người sơ học chỉ việc tự mở mình ra với chân lý này.

2. *Ngọc cờ chiến thắng*, là một trong tám biểu trưng tốt lành. Hình tượng truyền thống này được dương lên trên đỉnh các chùa Phật giáo, những tu viện và nhà riêng có trọn bộ Đại tạng.
3. *Rinpoche* là một từ tôn kính, nghĩa đen là “Bạc Quý Báu” dùng để chỉ những vị lama. Từ này cũng nối kết với biểu tượng truyền thống Viên Ngọc Như Ý. Khi cầu nguyện vị lama bổn sư của mình, một đệ tử có thể nói đến ngài như “vị lama của con, ngài là Viên Ngọc Như Ý.”

PHẦN HAI, CHƯƠNG 2

1. *Yidam Chakrasamvara*. Chakrasamvasra là một bốn tôn yidam đặc biệt thuộc về tantra Mẹ. Lý thuyết và thực hành của sự tự chuyển hóa nối kết với yidam này chủ yếu về sự phát triển của trí huệ siêu việt và về sự chứng ngộ tánh giác nguyên sơ, được diễn tả như tánh không của sự sáng tỏ quang minh. Tuy nhiên, nó không loại trừ phương pháp đạt đến hình tướng Báo thân, cái này là thực hành chính của Guhyasamaja. (Xem Chú thích 2, ở dưới.)
2. *Guhyasamaja*. Một yidam, của Anuttara Tantra. Guhyasamaja là sự biểu lộ của Pháp thân thống nhất trong nó những thuộc tính của tất cả chư Phật. Lý thuyết và thực hành của sự tự chuyển hóa nối kết với yidam này chủ yếu về sự phát triển

lòng bi vô biên như là một sức mạnh động lực và về những chuyển hóa thiện xảo khéo léo những hợp uẩn tâm sinh lý, và đặc biệt những năng lực dấu kín của chúng, thành hình tướng Báo thân. Yidam này thuộc về tantra Cha. Có những hình thức khác nhau của Guhyasamaja.

3. *Dorje Pahgmo*. Vajravarahi trong tiếng Sanskrit. Tên của một dakini và một hình thức thực hành thiền định.
4. *Hevajra*. Một yidam theo Anuttara Tantra. Giáo lý của dòng thực hành này thuộc về truyền thống Bất Nhị (nghĩa là không thuộc riêng tantra Cha hay tantra Mẹ). Nó phối hợp những yếu tố của cả hai tantra Cha và tantra Mẹ. Trong một nghĩa thực hành điều đó có nghĩa là phối hợp hai thực hành chính yếu, tức là sự chuyển hóa thân thể phàm trần thành cấp độ Báo thân và sự chứng ngộ tánh không bản sinh của tánh giác.
5. *Tám Ngàn Bài Kệ*. Astasahasrika Prajnaparamita.
6. *Taktugnu*. Một Bồ tát trải qua nhiều thử thách không thể nghĩ bàn để tìm cầu Pháp. Có một tiểu sử Taktugnu trong tiếng Tây Tạng.
7. *Hai Phần*. Ám chỉ những bộ phận chính của Hevajra Tantra.
8. *Mudra*. Ấn là những cử chỉ tượng trưng của bàn tay hay tư thế thân thể là một phần của thực hành mật truyền.
9. *Maitrepa*, là một vị thầy Phật giáo Ấn Độ. Marpa đã nhận giáo lý mật truyền về Đại Ấn từ ngài khi du hành qua Ấn Độ. Marpa trao truyền giáo lý này cho Milarepa, Mila lại trao truyền cho Gampopa, Retchungpa... cho đến những vị thầy của ngày nay.

PHẦN HAI, CHƯƠNG 3

1. *Chén rượu bằng sọ người.* Kapala trong tiếng Sanskrit. Chén rượu làm bằng chỏm của một cái sọ người.
2. *Mạn đà la Chakrasamvara.* Mạn đà la tượng trưng “cung điện-chùa” là chỗ nhóm hội của sáu mươi hai thần do Chakrasamvara và dakini phối ngẫu Vajravarahi làm chủ. Cung điện-chùa và những vị trú ngụ cũng tượng trưng cho thực tại tối cao, trong đó Pháp thân của Phật có thể phóng chiếu ra ngoài và Lama Marpa cũng phô bày thực tại đó qua hành động của Tâm Giác Ngộ khi quán đánh cho Milarepa.
3. *Ba mươi hai nơi chốn linh thánh và tám nơi hỏa thiêu vĩ đại.* Tám chỗ hỏa táng hay nghĩa địa lớn, được đề cập trong nhiều bản văn mật thừa quan trọng được tin là nằm trong nhiều miền của bán lục địa Ấn Độ. Chúng đã được nhiều hành giả và thiền giả chọn và sùng bái như những nơi để thực hành những chuyển hóa nhận thức về những hoàn cảnh ghê gớm. Trong truyền thống Tây Tạng “hai mươi bốn nơi linh thánh” và “tám nơi hỏa thiêu vĩ đại” đôi khi để ám chỉ “ba mươi hai nơi linh thánh”. Có nói rằng đó là những nơi được ban phước bởi đức Phật với những hóa hiện của Ngài trong hình tướng Chakrasamvara và hội những hóa thân bổn tôn. Ngày nay những nơi ấy được xem là những cõi vô hình của các daka và dakini, những vị nâng đỡ cho sự thực hành của những người đã nhập môn. Mật thừa Phật giáo xem những phần đặc biệt của thân thể con người là phần tiểu vũ trụ tương đương với ba mươi hai nơi linh thánh.
4. *Ta đã đi gặp con trong giả trang làm một người cày ruộng.* Marpa đã thực hiện một hành động kính trọng mà không

biểu lộ ra như thế. Mọi hành động kỳ lạ của Marpa như vậy có một ý nghĩa dấu kín nhưng rất giản dị. Người ta càng đi xa bao nhiêu để gặp một người khách, thì sự tôn trọng càng lớn lao.

5. *Lửa Tummo*. Danh từ “Tummo” nghĩa là “người (nữ) làm những lực lượng chấp ngã phải kinh hãi”. “Tum” là hành động anh hùng như là một phương tiện thiện xảo, trong khi “mo” để chỉ trí huệ tối thượng. Lửa ẩn kín Tummo khởi lên trong Tsa-u-ma (trung tâm thần kinh ở chính giữa) và trong những mạng lưới trong xương sống và làm cho những năng lực hoạt động của hai kinh mạch của hệ thống thần kinh trung ương được chuyển đúng trong kinh. Bấy giờ “lửa” này được dùng cho sự chế ngự và khai thác năng lực sáng tạo. Tiến trình này bảo đảm cho sự tịnh hóa những yếu tố vật lý và tâm lý được thành tựu đồng thời với cảm giác về lạc tối thượng được sản sanh. Dù tự thân lửa không phải là đối tượng thật sự cho nguồn cầu đạo, tuy nhiên nó được dùng như là một phương tiện để hoàn thành một sự tự chuyển hóa toàn triệt một cách hiệu quả nhất. Hành giả đem tri giác về thực tại trong khi thiền định đến việc trải qua kinh nghiệm phi thường này. Một tri giác sanh từ trí huệ như thế thấy trong cái lạc tối thượng này tánh không của bản ngã và của mọi hiện tượng và nhờ đó hiểu được sự hợp nhất của lạc và không.

PHẦN HAI, CHƯƠNG 4

1. *Sáu mươi giọng Phạm Thiên*. Sáu mươi phẩm tính, phương diện và âm điệu của giọng nói đức Phật. Trong đó có năng lực độc nhất của giọng nói hay ngôn ngữ của Phật có khả

năng truyền thông đến mỗi cá thể theo cách mà cá thể đó hiểu rõ nhất.

2. *Tám mươi bốn ngàn phương diện.* Kinh điển Phật giáo nói đến tám mươi bốn ngàn phương diện mê lầm và ô nhiễm của tâm thức và bởi thế có tám mươi bốn ngàn phương thuốc chữa của Pháp. Con số này nói lên tầm lớn rộng và sai khác của tâm thức con người. Tám vạn bốn ngàn phương diện chia ra làm bốn phạm trù. Mọi nhiễm ô của tâm thức gồm bốn nhóm : (1) mê lầm, (2) tham, (3) sân và (4) sự hỗn hợp của ba phiền não này. Tương tự, có bốn loại phương thuốc của Pháp là những giáo lý. Loại thứ nhất nói về cách tri giác thực tại được chỉ ra trong abi dharma (a tỳ đàm) và bát nhã ba la mật ; loại thứ hai, giới luật trong Luật tạng ; thứ ba, sự làm bình lặng tính nhị nguyên của tâm thức và đánh thức phần cao hơn của tâm thức trong Kinh. Và thứ tư là sự nhanh chóng đạt được sự tự chuyển hóa trong Tantra.
3. *Bồ đề tâm.* Nguyên lý trung tâm của Đại thừa. Đó là Tâm Giác Ngộ, một quan tâm toàn diện và vô điều kiện đối với sự giải thoát của chúng sanh khỏi sự trói buộc của vòng sanh tử. Mỗi người theo Pháp cần phát triển không chỉ lòng đại bi cho tất cả chúng sanh, mà cũng phải thành tựu một thức tỉnh trọn vẹn với cấp độ tối hậu của Bồ đề tâm. chỉ lúc bấy giờ người ta mới hoàn thành giác ngộ qua hành động vô ngã của lòng bi và trí huệ tối thượng.
4. *Bốn phương diện của quán đánh.* Bốn giai đoạn quán đánh truyền pháp theo Kim Cương thừa là như sau :
 1. Quán đánh “cái bình” là sự truyền pháp qua sự biểu lộ của một hóa thân bổn tôn, việc này chuẩn bị cho

người nhập môn sự chuyển hóa bên trong của những hình tướng tri giác.

2. Quán đánh “sự hợp nhất được che giấu” là sự truyền pháp qua ngữ của hóa thân bốn tôn, nó chuẩn bị cho người nhập môn sự chuyển hóa những năng lực của thân, ngữ và âm thanh.
3. Quán đánh “trí huệ tối thượng” là sự truyền pháp qua tâm giác ngộ của hóa thân bốn tôn, nó chuẩn bị cho người nhập môn sự chuyển hóa thức.
4. Quán đánh “đồng hóa không thể nghĩ bàn” là sự truyền pháp qua bản tánh tối hậu của hóa thân bốn tôn, nó chuẩn bị cho người nhập môn sự Giác Ngộ Viên Mãn.

Để rõ thêm về *nghĩa che giấu*, xem Chú thích 11 dưới đây.

5. *Đại Ấn* (Mahamudra). Âm chỉ một trạng thái thức tỉnh (được diễn tả như là “tánh giác nguyên sơ”) bao gồm cái nhất thể mở bày toàn khắp của lạc tối thượng và tánh không vô sanh của nó, nghĩa là kinh nghiệm giác ngộ và thành tựu. Thiền định Đại Ấn là một phương tiện để thực hiện cái ấy một cách trực tiếp. Đại Ấn được định danh như vậy bởi vì mỗi người nhập môn đã thoáng thấy một trạng thái “tánh giác” trong khi quán đánh, và họ tiếp tục “dán cái đại ấn” ấy của sự quán thấy thấu suốt của họ vào mọi tri giác của họ về thực tại. Phái Kagyü nói đến hai truyền thống Đại Ấn, một theo Kinh và một theo Tantra.

Những trường phái khác nhau của Phật giáo Tây Tạng đem lại những quan điểm khác nhau về giáo lý và đường lối thiền định liên hệ với Đại Ấn.

6. *Sáu Giáo Pháp Mật Truyền* : Âm chỉ đến những phương diện trọng yếu của Yoga mật thừa Phật giáo. Đôi khi được biết như là sáu giáo pháp của Naropa :
 1. Yoga xử lý với Lửa tối thượng Tummo
 2. Yoga của thân vi tế
 3. Yoga của giấc mộng
 4. Yoga của tánh giác quang minh
 5. Yoga của sự chuyển di dòng tâm thức
 6. Yoga của trạng thái trung ám Bardo
7. *Chuyển di Tâm thức vào Xác chết*. Sự thực hành này của sự chuyển di dòng tâm thức vào một người vừa mới chết hay con vật mới chết thì khác biệt với sự chuyển di vào một cõi đã chọn vào lúc chết. Marpa đã đem giáo lý trước vào Tây Tạng và truyền cho Milarepa và người con trai của mình, Darma Doday. Darma Doday đã chuyển di dòng tâm thức của mình vào thân một con chim vào lúc ông chết trong một tai nạn. Theo những dạy bảo của Marpa, con chim bay đến Ấn Độ, ở đó Doday chuyển vào xác chết của một người Bà la môn trẻ, người về sau trở thành một vị thầy được biết với tên là Bồ Câu Của Cây Huyền Bí.
8. *Garuda* (Kim Xí Điểu) Theo thần thoại cổ, Garuda là một chúng sanh cõi trời cư ngụ nơi cây như ý trong cõi trời thứ ba mươi ba. Nó là một lực lượng chống lại những rồng trời (long) ở dưới đáy biển. Trong truyền thống mật thừa Phật giáo có những yidam Garuda thuộc về năm bộ Phật.
9. *Quán đảnh Anatmata*. Âm chỉ Anatmata, dakini phối ngẫu của Chakrasamvara.

10. *Sự Thanh Tịnh của Tánh Giác* : Một trong sáu giáo pháp mật truyền, đồng nghĩa với Sự Sáng Tỏ Quang Minh của Tánh Giác. Xem Chú thích 6 ở trên.
11. *Sáu cách và bốn phương pháp*. Bốn phương pháp giải thoát và sáu cách soi sáng giáo pháp mật thừa Phật giáo. Bốn phương pháp là : (1) nghĩa đen, gồm nghĩa tượng trưng và mật chú ; (2) nghĩa tổng quát ; (3) nghĩa che giấu (những sự nói bóng gió đến một vài giải thích trọng yếu bị bỏ đi) ; (4) nghĩa tối hậu. Sáu cách là : (1) và (2) những giáo lý được ban với ý định che giấu hay không ; (3) và (4) những giáo lý có những nghĩa bề ngoài hay tối hậu ; (5) và (6) những giáo lý có những nghĩa đen theo ngũ nguyên và những giáo lý có một nghĩa khác với nghĩa đen.
12. *Những viên thuốc “tiên”*. Nguồn gốc của những viên thuốc này là những đạo sư giác ngộ Ấn và Tạng cổ thời có thần lực và cách luyện đan bí truyền khiến các ngài có thể chuyển hóa năm loại thịt và năm loại chất lỏng thành thuốc cho những người nhập môn. Thời nay, những viên thuốc được làm từ những loại cây cỏ khác nhau và những chiết xuất từ những viên thuốc cổ xưa còn lại. Rồi chúng được gia bị bằng sự thiền định của những lama. Một số người, thật hay làm giả, được dùng để chứa. Số người là biểu trưng của tánh giác cao nhất bao gồm lạc và tánh không của tánh giác. Một thiền giả thực hành sự chuyển hóa trọn vẹn những giác quan thành năm phương diện của tánh giác sáng tỏ, tức là giác ngộ, điều này là sự dung nhập trọn vẹn của quán thấy thấu suốt của trí huệ và cảm giác về lạc tối thượng.

13. *Năm Bộ Phật* : Năm biểu lộ của Báo thân : Vajrasattva (Kim Cương Tát Đỏa), Ratnasambhara (Bảo Sanh), Amitabha (A Di Đà), Amoghasiddhi (Bất Không Thành Tựu) và Vairocana (Tỳ Lô Giá Na). Mỗi vị Phật này hiện thân những phương diện đặc biệt của tánh giác đã giác ngộ (hay trí huệ giác ngộ) : trí huệ như tấm gương, trí huệ của sự bình đẳng, trí huệ phân biệt, trí huệ của sự thành tựu hành động một cách tự nhiên, và trí huệ tánh không toàn khắp.
14. *Damaru và kapala* : Damaru là một cái trống đôi làm bằng hai đỉnh sọ đầu vào nhau. Kapala là một cái sọ đựng rượu, đôi khi thiên nhiên, đôi khi làm bằng chất liệu quý.

PHẦN HAI, CHƯƠNG 5

1. *Lâu Đài Châu Ngọc*. Âm chỉ kinh Maharatnakuta, một kinh Đại thừa. Maharatnakuta gồm sáu trong 104 bộ kinh được sưu tập thành đại Tạng Kangyur.
2. *Ma*. Có bốn loại khác nhau : (1) như là mê lầm bên trong, (2) như là năm uẩn nhốt tù con người trong vòng quay của sanh tử, (3) như năng lực không thể đánh bại của cái chết, (4) như ma quỷ cả ở trong lẫn ở ngoài – như Vua Garab Ouangduk của cõi Trời Làm Mê Lầm, và như năng lực của chấp ngã, cả hai loại ma này tìm cách quyến rũ người ta vào những hành động tai hại và lôi kéo nó ra khỏi những theo đuổi thực sự lợi lạc.
3. *Om, Ah, Hum*. *Om* tượng trưng sự biểu lộ của giác ngộ. *Ah* tượng trưng ngữ của giác ngộ. *Hum* tượng trưng hiểu biết tối thượng.

4. *Núi Tisi*. Núi Kailas. Đối với người Tây Tạng đây là chỗ ở thiêng liêng của Yidam Chakrasvara và nhiều vị A La Hán bất tử, trong khi đối với người Ấn Độ đó là cõi của Shiva và phối ngẫu là Uma.
5. *Cõi của những Dakini*. Ngoài nghĩa bề ngoài, nghĩa thật là trạng thái tối thượng của Pháp thân.
6. *Những dakini của ba giai đoạn của con đường*. Những vị này ở trong ba cõi, tức là không gian, mặt đất và dưới mặt đất. Những daka và dakini, hoặc vô hình hay là người, đã hoàn thành sự chuyển hóa ban đầu, cao hơn hay đã giác ngộ.
7. *Mười hai thiên nữ*. Mười hai dakini vô hình đã được Guru Padmasambhava hàng phục ở Palmo Palthang xứ Porong, miền tây Tây Tạng, và được ngài chỉ định bảo vệ những người nhập môn tu học và những thiền giả của dòng Kim Cương thừa.
8. *Dusolma*. Một thiên nữ có hình dạng hung nộ mà Marpa xem là vị bảo hộ của truyền thống Kagyü.
9. *Thầy đến trong chỉ ba ngày*. Trong ba ngày, Milarepa đã làm một cuộc hành trình mà nếu bằng phương tiện tự nhiên người ta phải mất hàng tháng.

PHẦN HAI, CHƯƠNG 6

1. *Xương của mẹ thầy*. Xương được tán và trộn với đất sét để làm thành những tượng nhỏ hay tháp nhỏ.

PHẦN HAI, CHƯƠNG 7

1. *Tsayi Koron*. Một tên khác của nơi sanh Milarepa, Kya Ngatsa.
2. *Dây thiên định*. Là một sợi dây để ngồi thiền được làm từ vải hay len. Thiên giả mang nó từ vai bên trái vòng qua ngực và xuống một hay hai đầu gối.
3. *Nguồn thức*. Âm chỉ cái được xem là nguồn của tất cả thức (*Alaya-vijnana* tiếng Sanskrit). Phái Duy tâm thức của Phật giáo Ấn Độ đề nghị lý thuyết rằng mọi tiến trình tư tưởng phát sinh từ và tự tan vào trong nguồn thức. Toàn thể thế giới hiện tượng chỉ là một sản phẩm của tâm thức, “thực tại khách quan” là một ảo tưởng của tâm thức. Cũng chính tâm thức này tạo ra một cái ta “có thực” từ tưởng tượng thuần túy. Khi từ chối một sự nhị nguyên như vậy, phái này xác nhận thực tại chủ thể của nguồn thức – được định nghĩa như thuần chỉ trong suốt và tỉnh giác. Nó được xem là hoàn toàn trung tính, trong nghĩa là một nền tảng hay căn cứ. Trong truyền thống mật truyền, nguồn thức là trí huệ như tấm gương, nó được chứng ngộ khi những mê lầm của tâm thức đã được trừ sạch. Tâm thức bình thường bị những tư tưởng nhiễm ô khống chế, chúng có thể được so sánh với sự dơ bẩn làm dơ nhiễm nguồn thức. Qua tiến trình chuyển hóa, sự nhiễm ô của những tư tưởng bị xóa tan và bản tánh của tánh giác thanh tịnh bấy giờ được thấu hiểu như là giác ngộ.
4. *Cái nồi màu lục* : Vật thiêng liêng này hiện còn và được giữ gìn ở Tsahilhunpo.

5. *Con sẽ trộn cái gì với nước ?* Thêm bột lúa mì vào nước là một tục lệ của người Tây Tạng.
6. *Kali Yuga* (Thời đen tối). Âm chỉ chu kỳ thứ tư và cuối cùng của thời gian của vũ trụ của chúng ta. Ba chu kỳ đầu là Satya Yuga (hoàn thành hạnh phúc), Treta Yuga (hạnh phúc ba phần) và Dwapara Yuga (hạnh phúc hai phần). Thời đại Kali Yuga được đánh dấu bởi (1) nguy biến trí thức nơi lãnh vực của sự chứng đắc tâm linh, (2) sự suy đồi về phẩm chất của đời sống, (3) sự đe dọa tăng lên đối với một cuộc đời ngắn ngủi, (4) những quan niệm sai lầm và sự bất tịnh của tâm trí, và (5) sự lan tràn của bạo lực và xung đột.

PHẦN HAI, CHƯƠNG 8

1. *Thiên nữ Tseringma*. Một trong năm thiên nữ chị em, họ đã trở thành những đệ tử của Milarepa và sau này là những hộ pháp cho dòng phái của ngài.
2. *Sáu Cách Thức Giác về Lama của Minh*. Bài ca của Milarepa trong đó ngài kê ra sự tưởng nhớ sáu phần về lama của ngài. (Bài ca này có ghi lại trong “Một Trăm Ngàn Bài Ca” Xem bản dịch tiếng Anh của Garma Chang.)
3. *Thiên nữ Tara* là một trong những yidam. Có nhiều hình tướng, ngài được xem là hiện thân của lòng bi mẫn khắp của tất cả chư Phật.
4. *Bön* là tôn giáo cổ của Tây Tạng trước Phật giáo. Tôn giáo Bön nguyên thủy là một hình thức thờ phụng thiên nhiên. Nó dạy niềm tin vào những lực lượng siêu nhiên, gồm đấng sáng tạo tối thượng, bạn đạo giữa cộng đồng con người và

sống hòa điệu với thiên nhiên xung quanh. Tôn giáo Bön ngày nay là một hệ thống phát triển cao những lý thuyết siêu hình học và những kỹ thuật thiền định.

5. *Chidrö Thigtsakma*. Bài ca của Milarepa với tiêu đề này nói về sự thực hành Pháp để cho người ta có thể đối mặt với cái chết không thể tránh của mình với hoan hỷ lớn lao. Từ Chidrö nghĩa là niềm vui khi chết ; Thigtsakma, giống như sự sửa lại đúng thời một tấm trần hư dột.

PHẦN HAI, CHƯƠNG 9

1. *Geshe*. Một danh hiệu dành cho những lama hay nhà sư đã thành công trải qua những kỳ thi trong hình thức tranh luận công khai về những chủ đề trong kinh điển Phật giáo về siêu hình học và luận lý.
2. *Năm đối tượng của niềm vui giác quan* : Sắc, thanh, hương, vị, xúc.
3. *Năm cấp độ của cái nhìn thấy*. Nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.
4. *Năng lực Bốn phần của Hành động*. Một “thần bảo vệ quyền năng”, một bồ tát đã thành tựu năng lực phi thường, tự nhận công việc làm cho hoàn thành những mục tiêu khác nhau của chính ngài và của những người khác qua Bốn Hành Động :
 1. Hành Động Làm Bình Lặng : tịnh hóa tâm thức, loại trừ khổ đau và chữa lành những bệnh tật.

2. Hành Động Hoàn Thành Dần Dần : những thực hành để mở rộng những khả năng của trí năng, tăng trưởng hạnh phúc, kéo dài tuổi thọ và v.v...
3. Hành Động Cảm Ứng những người Cầu Đạo : ám chỉ sự thu hút tất cả những vũ trụ và chúng sanh đến với mình và đặt họ vào ảnh hưởng tâm linh của mình, hay để làm tăng sự phụng sự tâm linh của mình cho lợi lạc của họ.
4. Hành Động Hung Nộ : ám chỉ sự nắm lấy năng lực tiêu cực để loại trừ mọi ảnh hưởng đối nghịch và để bảo vệ nhân loại khỏi sự hoành hành, cai trị của những thế lực nghịch với đạo pháp.
5. *Shonnu* (Kumara) Điều này ám chỉ một sự ví von của Milarepa về giờ phút chết là không thể tránh và không thể đảo ngược. Dù đức Phật cũng đã bị bệnh nặng và cho phép y sĩ Shonnu bắt mạch xem bệnh ngài.
6. *Đại Ấn của tánh Không*. Tánh Không được xem là Đại Ấn, như là bản tánh tối hậu của thực tại, khiến một tâm thức đã thức tỉnh tri giác dấu in không thể tẩy xóa của tánh Không trên tất cả mọi sự vật, có điều kiện hay không bị điều kiện hóa, (hữu vi hay vô vi). (Cũng xem Chú thích 5, Phần Hai, Chương 4.)
7. *Chòm sao thứ chín âm lịch*. Một chòm sao mà tính chất là vững chắc và viên mãn. Như thế ngày đó đánh dấu sự đại viên mãn của Milarepa, sự đi vào tánh Không của Pháp thân.
8. *Năm bộ dakini*. Chúng hội những dakini đại diện năm tính chất tâm linh hay những thuộc tính tâm lý vừa cả trong bản tánh siêu việt vừa trong sự biểu lộ thân xác của họ. Năm hình

thức dakini giống như năm bộ Phật và năm phương diện của trí huệ siêu việt.

9. **Ram**. Chữ, âm thiêng liêng này tượng trưng Nguồn của Yếu tố Lửa trong bản tánh tối hậu của tánh Không bắđ sinh nội tại trong lửa.
10. *Sunyata*. Một từ có nghĩa tánh Không, phân biệt với không có gì. Những trường phái Phật giáo nhận thức Sunyata là tánh không nội tại của ngã hoặc của pháp, hay tánh không của cả ngã và pháp. Cái sau là quan niệm của Trung Đạo về thực tại như là tánh không toàn diện, không có bất kỳ thực thể nào dù xuống đến tận nguyên tử cực vi. Tuy nhiên một tánh không như thế cũng được hiểu là nguồn của mọi nhân và quả có thể được trong thế giới vật chất hay thế giới tâm thức. Sự tương thuộc duyên sanh của những nguyên nhân và kết quả thuộc hiện tượng là đồng nghĩa với tánh không nội tại của mọi sự.
11. *Bardo*. Trạng thái của chu kỳ đời sống giữa đời hiện tại và đời tương lai. Những biến cố của Bardo bắt đầu từ giai đoạn chót của cái chết khi sự tan rã của những nguyên tố và năng lượng trong các uẩn tâm sinh lý xảy ra. Truyền thống Tây Tạng xem sự thấu hiểu về cái chết và Bardo là một yếu tố cần thiết trong sự chuyển hóa những kinh nghiệm sống của con người.
12. *Tám biểu hiện tốt lành*. (1) Một cái lọng, (2) một cặp cá bằng vàng, (3) một vỏ tù và xoáy về bên phải, (4) một cái nút không có chỗ chấm dứt, (5) lá phướn của sự tuyệt hảo tối thượng, (6) Bánh Xe Pháp, (7) bình kho tàng vĩ đại, (8) hoa sen.

13. *Bảy biểu hiện vương giả.* Hoàng hậu quý báu, thừa tướng, chiến sĩ, ngọc như ý, bánh xe, voi và ngựa. Chúng tượng trưng Bảy Ngọc Báu của những Bạc Giác Ngộ. (Xem Chú thích 1, Kết Từ, ở dưới.)
14. *Chữ Vạn.* Là một biểu tượng Phật giáo của chân lý và vĩnh cửu. Danh từ này nghĩa đen là “cái vĩnh cửu”.
15. *Những chủng tử tự của thần chú.* Âm chỉ “thần chú gốc” (Tsa-ngak). Đó là thần chú căn bản nối kết với mỗi yidam. Thần chú gốc được gọi như vậy bởi vì một vài chữ đơn giản có thể phối bày một giáo lý bao la và đa dạng về sự chuyển hóa trọn vẹn những điều kiện bẩm sinh của con người.
16. *Một Ngàn Lễ Hai Vị Phật.* Âm chỉ đến một ngàn vị Phật của kiếp này.
17. *Một mạn đà la của những dakini.* Ở đây nghĩa là một chúng hội dakini.
18. *Avaloketsvara* (Quán Thế Âm), yidam hiện thân lòng bi vô cùng của chư Phật. Những hóa thân chính của Avaloketsvara ngày nay là đức Dalai Lama và đức Gyalwa Karmapa.

PHỤ CHÚ

1. *Năm dakini chị em.* Năm thiên nữ chị em : Dorje Tseringma, Dorje Yudonma, Miyolosangma, Chopen Drinzangma, và Tekar Drozangma.
2. *Acharya Maitrepa.* Thầy của Marpa, đã truyền cho ngài Đại Ấn. (Xem Chú thích 9, Phần Hai, Chương 2.)

3. *Bốn Biểu Lộ Tối Thượng* là chi tiết của ba phương diện của Phật, tức là Tự tánh thân (Svabhavakaya), Pháp thân (Dharmakaya), Báo thân (Shambhayakaya) và Hóa thân (Nirmanakaya).
4. *Năm Phương Diện của Trí Huệ* : Xem Chú thích 13, Lời Mở Đầu và Chú thích 2, Phần Một, Chương 3.

KẾT TỪ

1. *Bảy Ngọc Báu của các Bạc Giác Ngộ*. Bảy Ngọc Báu của các A La Hán được gọi như vậy vì chúng cần thiết cho sự hoàn thành giải thoát : (1) niềm tin đầy đủ vào Tam Bảo, (2) trong sạch về đạo đức, (3) rộng lượng, (4) sở đắc hiểu biết chơn chánh, (5) cần mẫn tích cực, (6) tự chế trong những cơn nhắc về xã hội và môi trường, và (7) hạnh kiểm tận tâm, chu đáo.





1998

NHỮNG KHAI THỊ TỪ ĐỨC LIÊN HOA SANH VỀ CON ĐƯỜNG ĐẠI TOÀN THIỆN – *Padmasambhava*

TRÍ HUỆ VÀ ĐẠI BI – *Dalai Lama Thứ 14*

MỘT TIA SẮM CHỚP SÁNG TRONG ĐÊM TỐI – *Dalai Lama Thứ 14*

1999

KHO TÀNG TÂM CỦA CÁC BẬC GIÁC NGỘ – *Dilgo Khyentse*

ĐẠI TOÀN THIỆN TỰ NHIÊN – *Khenpo Nyoshul*

CON ĐƯỜNG ĐẾN TỰ DO VÔ THƯỢNG – *Dalai Lama Thứ 14*

CON ĐƯỜNG KIM CƯƠNG THỪA VỀ SỰ TỊNH HÓA – *Lama Yeshe*

CUỘC ĐỜI SIÊU VIỆT CỦA 16 VỊ TỔ KARMAPA TÂY TẠNG – *Karma Thinley*

MẬT THỪA TÂY TẠNG – *Tsong Khapa và Dalai Lama Thứ 14*

2000

NHỮNG YOGA TÂY TẠNG VỀ GIÁC MỘNG VÀ GIÁC NGỦ – *Tenzin Wangyal Rinpoche*

NHỮNG GIÁO HUẤN CỦA GAMPOPA – *Lama Yeshe Gyamtso và Evans Wentz*

TU HÀNH TÂM LINH – *Tulku Pema Wangyal*

NĂNG LỰC CHỮA LÀNH CỦA TÂM – *Tulku Thondup*

PHẬT TÂM – *Longchen Rabjam*
MILAREPA – *Lobsang P. Lhalungpa*